

ISSN 1859-1337

Tạp chí

## Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

SỐ 2 (232) - 2025  
NĂM THỨ 54

### HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

#### Chủ tịch

Trung tướng, GS. TS. PHAN TÙNG SƠN

#### Phó Chủ tịch

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

#### Ủy viên

Thiếu tướng, PGS. TS. TRỊNH BÁ CHINH

Thiếu tướng, PGS. TS. LÊ THÀNH LONG

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

Đại tá, PGS. TS. VŨ HỒNG HÀ

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN THANH LAM

Đại tá, PGS. TS. ĐOÀN QUYẾT THẮNG

Đại tá, ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

#### Phụ trách Tạp chí

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

#### Địa chỉ tòa soạn

#### TẠP CHÍ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Ngọc Thúy - Long Biên - Hà Nội

Tel/Fax: 069.577585

QS: 069.577585 - 577791

Email: tapchi.hvhc@gmail.com

#### Giấy phép xuất bản

Số 272/GP-BTTTT ngày 12-5-2021

do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp

In tại: Nhà máy in BQP

# Trong số này

#### HƯỚNG DẪN - CHỈ ĐẠO

- 3 Xây dựng ngành Hậu cần - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thượng tướng VŨ HÀI SÂN

#### KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

- 9 Kinh nghiệm bảo đảm hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh - Hướng kế thừa, vận dụng vào bảo đảm hậu cần tiền công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

- 15 Đảng lãnh đạo xây dựng hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

- 20 Kết hợp chặt chẽ giữa hậu cần tại chỗ và hậu cần cơ động bảo đảm cho các chiến dịch trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

- 25 Công tác đảng, công tác chính trị trong bảo đảm hậu cần cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Thiếu tướng, PGS.TS. LÊ THÀNH LONG

- 30 Tạo lập vững chắc, chuyên hóa linh hoạt thể trạng hậu cần bảo đảm cho các chiến dịch tiền công trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ

- 35 Kinh nghiệm bảo đảm xăng dầu chiến dịch Tây Nguyên - Hướng kế thừa, phát triển bảo đảm xăng dầu chiến dịch tiền công trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS.TS. VŨ NGỌC ĐIỆP

- 39 Kinh nghiệm bảo đảm hậu cần chiến dịch Xuân Lộc trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

- 43 Bảo đảm hậu cần cho lực lượng pháo binh chiến dịch Tây Nguyên năm 1975 và một số vấn đề đặt ra trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

- 47 Chuẩn bị hậu cần bảo đảm cho các lực lượng vũ trang trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Đại tá, PGS.TS. VŨ QUỐC HUY

- 51 Kinh nghiệm tổ chức bảo đảm quân nhu chiến dịch trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Thượng tá, PGS.TS. NGUYỄN THÉ PHƯƠNG

- 55 Công tác tài chính bảo đảm cho quân đội chiến đấu, cùng toàn dân tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Trung tá, TS. NGUYỄN ANH TUẤN; Đại úy, CN. TRẦN TUẤN ANH

- 59 Nét đặc sắc trong bảo đảm quân y chiến dịch Hồ Chí Minh - Hướng kế thừa, phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN THANH LAM

- 65 Bảo đảm hậu cần cho lực lượng giải phóng quần đảo Trường Sa và những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm hậu cần hải quân tác chiến bảo vệ quần đảo Trường Sa.

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

- 70 Thực trạng quản lý doanh trại, đất quốc phòng từ sau ngày giải phóng miền Nam và biện pháp quản lý doanh trại, đất quốc phòng trong giai đoạn hiện nay.

Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH

- 74 Hoạt động của đoàn hậu cần trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM

#### KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

- 78 Tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật quân đội hiện nay.

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN

- 83 Bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật quân đội trong giai đoạn hiện nay.

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN HỮU HOẠT

- 87 Vận dụng phong cách dân vận Hồ Chí Minh trong rèn luyện đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật làm công tác dân vận trong tình hình mới.

Trung tá, TS. TRƯỜNG VĂN BẮC

- 91 Xây dựng bần lĩnh chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần theo bần lĩnh chính trị Hồ Chí Minh.

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

## NGHIÊN CỨU – TRAO ĐÓI

- 95 Tổ chức hệ thống chỉ huy hậu cần, kỹ thuật chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BẢN**
- 99 Một số biện pháp bảo đảm quân y hải quân trong tác chiến bảo vệ biển, đảo.  
**Đại tá, TS. TÔNG HỮU PHƯƠNG**
- 103 Giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh tiến công địch trong hành tiến ở địa hình trung du.  
**Thiếu tá, CN. TRẦN VĂN ĐỒNG**
- 107 Giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần chiến dịch phản công đánh địch đỗ bộ đường không trong tác chiến phòng thủ chiến lược.  
**Trung tá, TS. TRẦN QUỐC TUẤN**
- 111 Biện pháp quản lý vật chất hậu cần, kỹ thuật tại quần đảo Trường Sa.  
**Trung tá, ThS. NGUYỄN DUY KHƯƠNG**
- 114 Nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp quân đội trong điều kiện hiện nay.  
**Thiếu tá, ThS. NGUYỄN THỊ MINH THU**
- 117 Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.  
**Trung tá, TS. NHỮ CÔNG KHÁI**
- 121 Tạo nguồn vật chất hậu cần trung đoàn pháo phòng không bảo vệ mục tiêu yêu địa trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Đại úy, CN. PHẠM HỮU TRƯỜNG**
- 124 Biện pháp vận chuyển, bồi sung vật chất hậu cần lữ đoàn pháo binh đánh địch tiến công đường bộ trong tác chiến phòng thủ quân khu.  
**Đại tá, TS. NGUYỄN HỮU TOÁN**
- 127 Tổ chức xây dựng trận địa phòng ngự của tiểu đoàn bộ binh.  
**Trung tá, ThS. LÊ MINH THẮNG**
- 130 Một số vấn đề đặt ra trong bảo đảm xăng dầu sư đoàn bộ binh biên chế hoả lực mạnh tiến công vào khu vực địch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Trung tá, TS. LÊ NGỌC ANH**
- 134 Một số giải pháp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động.  
**Thượng tá, TS. NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
- 138 Trung đoàn bộ binh phòng ngự đô thị và những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm hậu cần - kỹ thuật.  
**Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
- 141 Biện pháp bảo đảm an toàn kho xăng dầu chiến lược.  
**Thiếu tá, ThS. TRẦN HỮU MẠNH**
- 144 Một số biện pháp nâng cao chất lượng huấn luyện đêm tại Lữ đoàn 971.  
**Trung tá, CN. TRẦN VĂN BẮC**
- 147 Nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên bộ môn Quân sự địa phương ở Học viện Hậu cần.  
**Trung tá, ThS. ĐINH HOÀNG OANH**
- 150 Nâng cao chất lượng bảo đảm ăn uống trong diễn tập cuối khóa đối tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học tại Học viện Hậu cần.  
**Thiếu tá, ThS. ĐÀO MẠNH HÙNG**

- 153 Nâng cao tính tự chủ trong học tập tiếng Anh của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần.  
**Thiếu tá, ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG**

- 156 Tăng cường sự kết hợp giữa môn học Chiến thuật với môn học Hậu cần chiến đấu cho đối tượng đào tạo theo chức vụ ở Học viện Hậu cần.  
**Đại tá, TS. NGÔ KHÁNH THIỆN**

- 159 Giải pháp nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành các môn học chuyên ngành Doanh trại - Xây dựng dân dụng và công nghiệp trong đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần.  
**Trung tá, TS. PHẠM VĂN HOÀN**

- 162 Bàn về thực hành mở cửa, đánh chiếm đầu cầu của sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự.  
**Đại tá, TS. PHẠM VĂN HÁI**

## QUÁN TRIẾT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

- 165 Đẩy mạnh chuyển đổi số - Bước đột phá trong đổi mới phương thức hoạt động của Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự.  
**Trung tá, ThS. PHÙNG VĂN HAY; Thiếu tá, CN. NGUYỄN MINH HOÀNG**

- 169 Nghiên cứu ứng dụng dịch chiết có hoạt tính sinh học từ gừng, riêng để bảo quản cá rô phi nhằm phục vụ bộ đội.  
**Trung tá, PGS. TS. NGUYỄN THỊ BÍCH HƯỜNG; Trung sĩ NGUYỄN QUANG HÃ**

- 173 Nghiên cứu phát triển, hoàn thiện suất ăn dã ngoại ứng dụng thực tiễn.  
**Trung tá, ThS. TẠ THỊ MINH HUYỀN; Thiếu tá, ThS. LÊ NGỌC BIÊN**

- 176 Ứng dụng công nghệ bản đồ số mã nguồn mở hỗ trợ hoạt động quản lý, quy hoạch kho xăng dầu quân sự.  
**Thiếu tá, ThS. NGUYỄN SÁCH THÀNH; Thượng tá, ThS. VŨ VĂN MINH**

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

- 180 Phát huy truyền thống kết hợp quân - dân y để bảo đảm cho tác chiến phòng thủ quân khu.  
**Thượng tá, PGS. TS. NGUYỄN VĂN PHONG**

- 184 Tạo nguồn, khai thác vật chất quân nhu của các đoàn hậu cần trên chiến trường B2 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Thượng tá, TS. ĐỖ DUY THÁNG**

- 187 Bảo đảm mạng đường vận tải chiến dịch Điện Biên Phủ - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Thượng tá, TS. LÊ QUANG VỊNH**

## LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

- 191 Văn phòng, Học viện Hậu cần - 70 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển.  
**Thượng tá NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

## CONTENTS:

**VU HAI SAN:** Building the logistic and technical branch to meet mission requirements in the new context. **PHAN TUNG SON:** Logistics support experience drawn from the Ho Chi Minh Campaign: inheritance and application to logistics support in strategic offensive operations in the Fatherland protection war. **DUONG DUC THIEN:** The leadership of the Party in developing the Northern rear during the resistance war against the U.S. for the national liberation and salvation. **NGUYEN QUANG DUNG:** The close coordination between on-the-spot and mobile logistics support for the campaigns during the 1975 Spring General Offensive and Uprising. **VU HONG HA:** The solid establishment and flexible adaptation of the logistics disposition in logistics support for offensive campaigns in the 1975 Spring General Offensive and Uprising. **NGUYEN QUOC HOAI:** Logistics support for the liberation forces of the Spratly Islands and the challenges posed for naval logistics support in operations to defend the archipelago. **PHAM NGOC NHAN:** The work 'Reforming working style' by President Ho Chi Minh and its significance in fostering and cultivating the working style of current military logistic and technical personnel. **VU VAN BAN:** Establishment of the logistics command system for defensive campaigns in the Fatherland protection war. **TONG HUU PHUONG:** Some solutions to naval medical support in maritime and island defense operations. **NGUYEN VAN CUONG:** Several solutions to logistic and technical support for combat operations of local armed forces in coordination with infantry divisions in offensive operations against mobile enemy forces.

## XÂY DỰNG NGÀNH HẬU CẦN - KỸ THUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thượng tướng VŨ HẢI SẢN

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng,  
Ủy viên Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

*Xây dựng ngành Hậu cần - Kỹ thuật (HC-KT) Quân đội vững mạnh là một nội dung quan trọng, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội. Để xây dựng ngành HC-KT Quân đội vững mạnh toàn diện, đòi hỏi phải tiến hành đồng thời, tổng thể các hoạt động về xây dựng tổ chức biên chế, trang bị, đào tạo, huấn luyện; nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; nền nếp, chế độ, chất lượng thực hiện các phong trào thi đua; xây dựng lực lượng HC-KT dự bị động viên; hoạt động đối ngoại phòng trong lĩnh vực HC-KT.*



Thượng tướng Vũ Hải Sản, kiểm tra chất lượng sản phẩm của Tổng công ty 28 (Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật). (Ảnh: Duy Hiển)

NHỮNG năm qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây

dựng ngành HC-KT Quân đội theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ từ cơ quan chiến lược đến cơ sở; coi trọng xây dựng

## HƯỚNG DẪN - CHỈ ĐẠO

các cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”. Duy trì thực hiện nghiêm các chế độ, quy định, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quy trong công tác HC-KT Quân đội. Đổi mới công tác huấn luyện, đào tạo, hội thi, hội thao theo hướng sát thực tiễn, sát đối tượng, coi trọng huấn luyện nâng cao trình độ chỉ huy, quản lý, tổ chức bảo đảm HC-KT; khả năng cơ động, sẵn sàng chiến đấu cho đội ngũ cán bộ, nhân viên HC-KT không ngừng được nâng lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, triển khai các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác HC-KT được đẩy mạnh, bảo đảm chất lượng tốt. Thực hiện tốt công tác đổi ngoại quân sự, tăng cường hợp tác về HC-KT với quân đội các nước, nhất là các nước trong khối ASEAN và những nước có quan hệ hữu nghị truyền thống, góp phần phát triển quan hệ quốc tế, học tập, trao đổi kinh nghiệm và thông tin cần thiết để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng. Kết hợp chặt chẽ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, thực hiện Cuộc vận động “Quản lý, khai thác, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông” đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực; bảo đảm tốt công tác HC-KT cho các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất, góp phần quan trọng xây dựng cơ quan, đơn vị HC-KT các cấp vững mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế trong xây dựng Ngành, như: Trang bị HC-KT có nội

dung chưa theo kịp sự phát triển của yêu cầu nhiệm vụ; văn kiện huấn luyện HC-KT có đơn vị chưa thống nhất, nhất là sau khi sáp nhập ngành Hậu cần với ngành Kỹ thuật; chất lượng huấn luyện thực hành ở một số cơ quan, đơn vị chưa đồng đều; thực hiện các phong trào thi đua có một số nội dung, ở một số đơn vị kết quả chưa cao.

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh, xung đột cục bộ có thể diễn ra gay gắt hơn. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á tiềm ẩn những nhân tố bất ổn định. Đất nước ta sau gần 40 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng với những thời cơ, thuận lợi cơ bản, nhưng cũng đứng trước những khó khăn, thách thức. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, làm xuất hiện các phương thức tiến hành chiến tranh, hình thái tác chiến mới. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” đòi hỏi những yêu cầu mới cao hơn, đặt ra cho ngành HC-KT Quân đội nhiệm vụ rất nặng nề.

Để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong thời gian tới, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị HC-KT toàn quân cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về xây dựng ngành HC-KT Quân đội đáp ứng yêu cầu,

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

nhiệm vụ trong tình hình mới. Đây là định hướng lớn, quyết định mục tiêu, phương hướng xây dựng ngành HC-KT Quân đội, làm cơ sở để nâng cao chất lượng bảo đảm về HC-KT cho Quân đội hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức về Nghị quyết, Chỉ thị, quy định của Đảng, Quân ủy Trung ương, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội; Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 98/CT-BQP, ngày 10/12/2016 của Bộ Quốc phòng về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”; Cuộc vận động “Quản lý, khai thác, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông”.

Quá trình tổ chức triển khai xây dựng ngành HC-KT Quân đội, nhất là nội dung xây dựng, kiện toàn tổ chức biên chế, trang bị HC-KT phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, mà thường xuyên, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và sự chỉ huy quản lý tập trung, thống nhất của Bộ Quốc phòng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp. Biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải toàn diện, đồng bộ, phù

hợp với thực tế tình hình nhiệm vụ đơn vị. Nội dung trọng tâm, trọng điểm, các khâu đột phá phải tập trung giải quyết nhanh, dứt điểm, đảm bảo tính hiệu quả. Thường xuyên coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức và công tác chính sách trong thực hiện các nội dung xây dựng ngành, tuyệt đối không được chủ quan, nóng vội hoặc đơn giản một chiều, không hành chính hóa.

Lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng thực hiện các khâu đột phá về xây dựng tổ chức biên chế ngành HC-KT vững mạnh, coi trọng sự phối hợp giữa các ngành, các cấp và các mặt công tác khác, nhất là công tác đảng, công tác chính trị, công tác quân sự và kinh tế. Tích cực nghiên cứu hoàn thiện điều lệ, quy chế, quy định về chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HC-KT; mối quan hệ công tác của cơ quan HC-KT đối với công tác lãnh đạo, chỉ huy và hiệp đồng; nghiên cứu cụ thể hóa các quy định trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, đơn vị, đặc biệt là cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác HC-KT đảm bảo tính thống nhất, chính quy, chặt chẽ, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng HC-KT trong thực hiện nhiệm vụ.

Đổi mới công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng HC-KT Quân đội; chú trọng tiến hành tốt công tác sơ, tổng kết, kịp thời rút kinh nghiệm để giải quyết có hiệu quả những vấn đề nảy sinh, vướng mắc. Đẩy mạnh xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến, có chính sách phù hợp để kịp thời biểu dương, khen thưởng những sáng kiến hay, cách làm sáng tạo, tích cực; đồng thời, phát hiện, đấu

## HƯỚNG DẪN - CHỈ ĐẠO

tranh với biểu hiện lệch lạc về nhận thức, tư tưởng và hành động trong thực hiện các nhiệm vụ công tác HC-KT.

*Thứ hai*, triển khai thực hiện có hiệu quả khâu đột phá về xây dựng tổ chức biên chế, đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa ngành HC-KT Quân đội. Đây là giải pháp rất quan trọng về tổ chức, trang bị HC-KT, quyết định khả năng tổ chức bảo đảm HC-KT, tạo nên sức mạnh sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi của Quân đội trong tình hình mới.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh tổ chức, biên chế ngành HC-KT “tinh, gọn, mạnh” sau sáp nhập đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ Quân đội trong tình hình mới. Xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức lực lượng HC-KT trong toàn quân, bảo đảm cân đối về số lượng, thành phần, cơ cấu cán bộ, nhân viên HC-KT nói chung và từng chuyên ngành HC-KT nói riêng; có lực lượng kế cận, kế tiếp vững chắc, khắc phục tình trạng thừa nhân lực ở cơ quan, thiếu ở đơn vị, nhất là đơn vị cơ sở, sắp xếp sử dụng không đúng chuyên ngành đào tạo hoặc mất cân đối cán bộ, nhân viên HC-KT giữa các vùng, miền trên cả nước, cần chú trọng thu hút, trọng dụng nhân tài vào công tác làm việc trong ngành HC-KT. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của chỉ huy, cơ quan, đơn vị HC-KT; hệ thống tiêu chuẩn, định mức, hạn mức HC-KT bảo đảm cho các nhiệm vụ, đối tượng và từng loại hình đơn vị.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp HC-KT Quân đội theo hướng độc lập, tự chủ, có tiềm lực ngày càng mạnh, phù hợp với khả năng bảo đảm của quân đội và nền kinh tế đất nước; đạt trình độ tiên

tiến, hiện đại, trở thành một trong những mũi nhọn của công nghiệp quốc phòng. Tích cực chuyển đổi số, nghiên cứu đón đầu công nghệ mới gắn với đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực HC-KT; coi trọng đầu tư công nghệ cho hoạt động nghiên cứu chế tạo, cải tiến trang bị, phương tiện HC-KT hiện đại và các loại vật chất HC-KT có tính lưỡng dụng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo đảm HC-KT cho Quân đội sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, đặc biệt là điều kiện chiến tranh hiện đại, vũ khí công nghệ cao.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, coi trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác HC-KT trong tình hình mới. Đây là giải pháp có tính đột phá chiến lược, có ý nghĩa quyết định chất lượng, hiệu quả xây dựng ngành HC-KT Quân đội, góp phần xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiên tiến hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thường xuyên quán triệt và thực hiện nghiêm đòn lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước và Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực quân đội nói chung, ngành HC-KT nói riêng; đặc biệt là Nghị quyết số 109-NQ/QUTW, ngày 11/02/2019 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Thực hiện tốt định hướng phát triển cả về số lượng và chất lượng, coi trọng phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên sâu về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, có phương pháp, tác phong công tác khoa học; đảm bảo sự đồng bộ ở các cấp theo tiến trình phát triển của khoa học, công nghệ, nghệ thuật quân sự và lộ trình xây dựng, hiện đại hóa vũ khí, trang bị, kỹ thuật của Quân đội, đặc biệt là các quân chủng, binh chủng, lực lượng tiền thảng lênh hiện đại.

Tập trung nghiên cứu hoạch định, xây dựng và triển khai chiến lược tổng thể phát triển nguồn nhân lực HC-KT, ưu tiên quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ giỏi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Quân đội cả trước mắt và lâu dài; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực HC-KT nhằm định hướng và tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất, đồng bộ trong hệ thống tổ chức HC-KT. Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ HC-KT phải bám sát đường lối, quan điểm của Đảng, có dự báo chính xác, khoa học, nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng, có tư duy đột phá và tầm nhìn chiến lược; xác định rõ phương hướng, mục tiêu, lộ trình triển khai, bao gồm: Quy mô tổ chức, số lượng, cơ cấu từng loại cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ đối với từng chuyên ngành.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nguồn nhân lực HC-KT ở tất cả các cấp; việc tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nguồn nhân lực HC-KT phải chặt chẽ, linh hoạt, đúng phương châm, quan điểm,

nguyên tắc, các mối kết hợp; đẩy mạnh diễn tập, hội thi, hội thao; chú trọng truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn, nâng cao sức mạnh cơ động, năng lực làm chủ vũ khí, phương tiện, trang bị HC-KT và năng lực tổ chức bảo đảm HC-KT cho Quân đội chiến đấu trong điều kiện mới của chiến tranh hiện đại. Đồng thời, gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học, coi trọng nâng cao năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để nghiên cứu phát triển lý luận mới, phát huy các sáng kiến cải tiến khoa học ứng dụng vào lĩnh vực chuyên ngành, tiếp tục nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị hiện đại, góp phần xây dựng phát triển ngành HC-KT ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

*Thứ tư*, đẩy mạnh hội nhập, đổi ngoại quốc phòng về lĩnh vực HC-KT trong Quân đội để hợp tác nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực, trang bị, thiết bị HC-KT hiện đại, trình độ tổ chức bảo đảm HC-KT trong điều kiện phát triển mới của khoa học, công nghệ trên thế giới; vận dụng, phát triển phù hợp với nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần bảo vệ Tổ quốc "tù sớm, từ xa" bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.

Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực ngành HC-KT với các nước trên thế giới, chú trọng quan hệ với các nước ASEAN, các nước có mối quan hệ truyền thống. Nêu cao trách nhiệm trong huấn luyện, tổ chức lực lượng HC-KT bảo đảm cho các Bệnh viện dã chiến, Đội Công binh của Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc theo đúng đường lối đổi ngoại của Đảng, quy định của pháp luật Việt Nam,

## HƯỚNG DẪN - CHỈ ĐẠO

phù hợp khả năng của Quân đội. Chủ động huấn luyện, chuẩn bị lực lượng, phương tiện HC-KT sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu trợ thảm họa ở nước ngoài, tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai theo hiệp định ASEAN và các hoạt động giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới với các nước láng giềng theo quy chế đối ngoại quân sự.

*Thứ năm*, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động của ngành HC-KT Quân đội. Đây là động lực quan trọng để xây dựng ngành HC-KT Quân đội vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới. Các cơ quan, đơn vị trong toàn quân tiếp tục quán triệt và nâng cao chất lượng thực hiện Phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, Cuộc vận động “Quản lý, khai thác, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông” gắn với phong trào Thi đua Quyết thắng, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”.

Tích cực đổi mới chủ đề, nội dung, hình thức tổ chức thi đua, đặc biệt là đổi mới tư duy, cách làm, lựa chọn, xây dựng đơn vị điểm, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; đảm bảo cho các phong trào, cuộc vận động luôn có tính mới, phát triển đúng hướng, sức sống bền lâu, phát triển đồng đều ở các loại hình cơ quan, đơn vị, cuốn hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ hưởng ứng tham gia. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, biện pháp thi đua trong từng giai đoạn, đảm bảo khả thi, phù hợp với tình hình nhiệm vụ; chú trọng đột phá giải quyết những vấn đề khó,

nhiệm vụ trọng tâm, khắc phục khâu yếu, mặt yếu trong công tác HC-KT và hướng mạnh phong trào thi đua, cuộc vận động về cơ sở, đến bộ đội.

Xây dựng ngành HC-KT Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Khi tiến hành nhiệm vụ xây dựng ngành HC-KT phải tập trung xây dựng toàn diện, đồng bộ trên tất cả mặt, thực hiện đầy đủ nội dung công tác HC-KT. Vận dụng hợp lý sáng tạo các giải pháp, các mối quan hệ giữa các yếu tố để xây dựng ngành HC-KT Quân đội phát triển toàn diện, vững chắc, phù hợp yêu cầu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

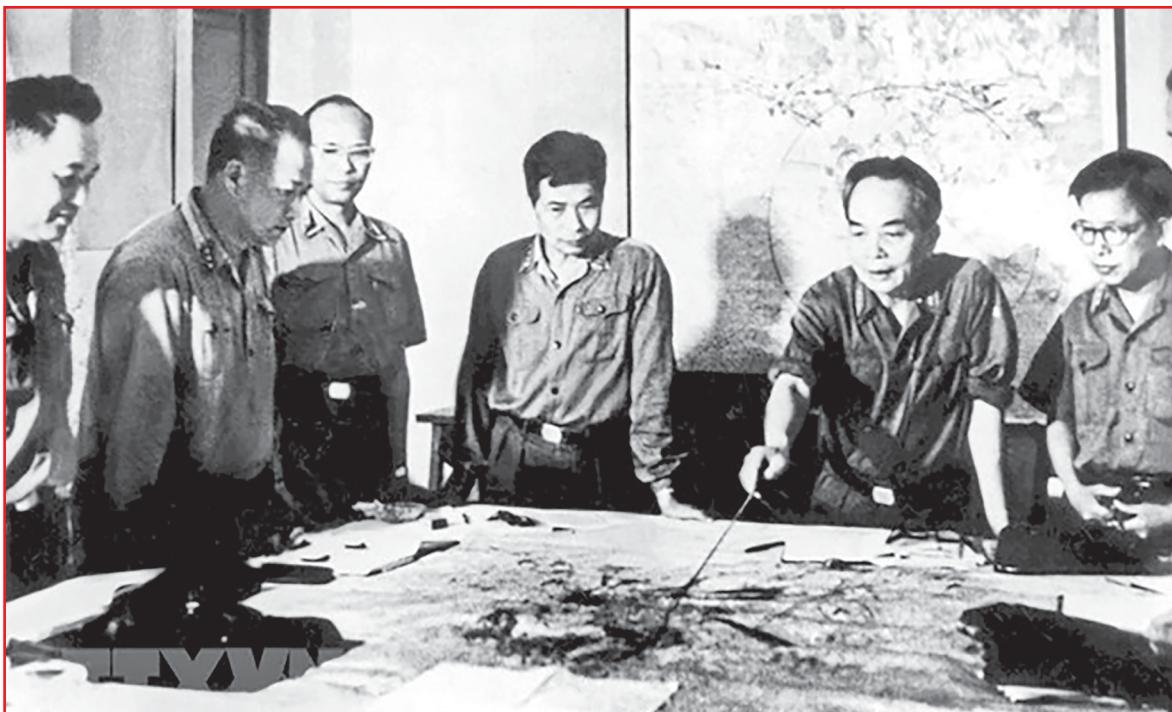
### Tài liệu tham khảo

1. Bộ chính trị (2022), *Nghị quyết số 05-NQ/TW về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc Phòng (2022), *Kế hoạch số 1228/KH-BQP về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW về công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 230-NQ/QUTW về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

# KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH, HƯỚNG KẾ THỪA, VẬN DỤNG VÀO BẢO ĐẢM HẬU CẦN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN  
Giám đốc Học viện Hậu cần

*Thắng lợi vang dội của Chiến dịch Hồ Chí Minh đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kỳ, gian khổ của dân tộc ta. Thắng lợi đó là sự kết tinh của nhiều yếu tố, trong đó, bảo đảm hậu cần (BĐHC) có vai trò quan trọng. Những kinh nghiệm BĐHC trong Chiến dịch Hồ Chí Minh có giá trị to lớn cả về lý luận và thực tiễn, cần được vận dụng và phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) tương lai (nếu xảy ra).*



Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí trong Quân ủy Trung ương duyệt phương án tác chiến Chiến dịch Hồ Chí Minh (Hà Nội, 4/1975). (Ảnh: TTXVN)

**C**HIẾN dịch Hồ Chí Minh diễn ra trong không gian rộng lớn, với quân số khoảng 300.000 người. Để BĐHC cho chiến dịch, hậu cần chiến trường Nam Bộ (B2) và hậu cần tiền phương của Tổng cục Hậu cần (TCHC)

đã sử dụng kết hợp nhiều tổ chức, lực lượng hậu cần (LLHC) các cấp, cả của lực lượng vũ trang và nhân dân; kết hợp các phương thức và hình thức BĐHC. Thực tiễn sinh động đó để lại nhiều kinh nghiệm quý, đó là:

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

*Thứ nhất*, chủ động, tích cực chuẩn bị trước, khẩn trương chuẩn bị trực tiếp theo quyết tâm tác chiến chiến dịch. Trong điều kiện chiến dịch diễn ra tại chiều sâu sào huyệt của địch, xa hậu phương lớn miền Bắc, thực hiện chủ trương của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, TCHC đã chủ động chuẩn bị trước chu đáo, toàn diện từ nhiều năm trước đó. Ngay từ khi có đường lối giải phóng miền Nam bằng đấu tranh vũ trang, để bảo đảm cho phát triển lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh, xây dựng chiến trường B2, Tổng cục Hậu cần đã triển khai xây dựng các cơ sở hậu cần thành các căn cứ hậu cần (CCHC) trên từng khu vực. Hậu cần B2 đã từng bước xây dựng các CCHC quanh Sài Gòn, gồm phía Tây Bắc, Đông Bắc, tiếp đến là phía Đông và Đông Nam, từng bước tiếp cận Sài Gòn.

Đối với cấp chiến lược, tuyến đường Trường Sơn từng bước tiến sâu vào chiến trường, đến năm 1968 đã vươn tới chiến trường B2; tuyến đường ống xăng dầu vươn đến Bù Gia Mập (Bình Phước). Hình thành các CCHC trên địa bàn chiến dịch; khả năng bảo đảm vật chất cho chiến trường lớn hơn, kết hợp cả khả năng tại chỗ và chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc. Tuy nhiên, lượng dự trữ vật chất còn hạn chế, ban đầu mới bảo đảm được cho tác chiến trong mùa khô. Sau hiệp định Pa-ri năm 1973, tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn được tăng cường, mở rộng, phát triển vận tải cơ giới để tăng khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam, trong 2 năm đã đưa vào chiến trường hơn 300.000 tấn vật chất, tạo lượng dự trữ cho B2 hàng vạn tấn. Đối với hậu cần Miền, trong 2 năm 1973 - 1974, đã mở đường chiến dịch, củng cố các CCHC; đường vận tải cơ giới được mở rộng, nối liền các CCHC. Chỉ đạo hậu cần Quân khu (QK) 7, QK 8 triển khai các cơ sở hậu cần

tiếp cận Sài Gòn trên hướng Đông Nam và Nam. Vật chất dự trữ trước khi chuẩn bị chiến dịch đạt trên 40.000 tấn.

Khi có quyết tâm chiến dịch Hồ Chí Minh, hậu cần chiến dịch (HCCD) chỉ có 22 ngày chuẩn bị; kế thừa kết quả chuẩn bị trước, HCCD đã điều chỉnh, tiến lên phía trước để phù hợp với quyết tâm tác chiến chiến dịch. Huy động mọi nguồn lực để có đủ 60.000 tấn vật chất theo nhu cầu; mở các tuyến đường về phía Tây và Tây Nam để tăng cường khả năng vận tải cơ giới, tăng khả năng vận chuyển vật chất ra phía trước tiếp cận đội hình chiến đấu để bảo đảm. Trong điều kiện nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, khả năng hậu cần tại chỗ hạn chế, nếu không có sự chuẩn bị từ trước thì không thể hoàn thành nhiệm vụ.

*Thứ hai*, dựa vào thế trận hậu cần (TTHC) chiến lược, xây dựng thế trận HCCD liên hoàn, vững chắc, có LLHC dự bị và cơ động mạnh. Trên cơ sở TTHC do hậu cần Miền xây dựng tại chiến trường B2, HCCD nhanh chóng tổ chức, cơ động lực lượng, điều chỉnh bố trí để hình thành thế trận HCCD liên hoàn, vững chắc, bao quanh Sài Gòn, phù hợp quyết tâm chiến dịch, có chiều sâu, từ hậu phương chiến trường, chiến dịch đến các hướng tác chiến, bám sát các quân đoàn, cơ động theo đơn vị thọc sâu và bố trí bí mật tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng chiến đấu trong lòng địch.

Hậu cần Miền tăng cường lực lượng cho các Đoàn hậu cần 814, 210 và 235 đứng chân trên các hướng Đông, Đông Bắc và Tây Bắc Sài Gòn; chỉ đạo các đoàn hậu cần tổ chức các cánh hậu cần tiến ra phía trước, tiếp cận đội hình các quân đoàn cơ động. Tổ chức thêm Đoàn hậu cần 240 ở phía Tây, cùng Đoàn hậu cần 230 trực tiếp bảo đảm cho các lực lượng tác chiến ở hướng Tây và Tây Nam Sài Gòn. Chỉ đạo

hậu cần QK 7 mở rộng các CCHC ở Đông Đường 15 - Bắc Bà Rịa để bảo đảm cho hướng Đông và Đông Nam Sài Gòn; hậu cần QK 8 mở rộng các CCHC ở Đông và Tây Quốc lộ 4 để bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu trên hướng Tây Nam và Nam Sài Gòn; hình thành TTHC bao quanh Sài Gòn, gồm các tuyến tại chiến trường: Tuyến hậu phương là Đoàn 770; tuyến cơ bản là các đoàn hậu cần đã triển khai quanh Sài Gòn - là tuyến sau của các quân đoàn cơ động; tuyến phía trước là các cánh của các đoàn HCCD và các cánh của hậu cần các QK để trực tiếp bảo đảm cho các quân đoàn. Hậu cần các quân đoàn triển khai CCHC phía trước, tiếp cận đội hình chiến đấu của các sư đoàn. Bên cạnh đó, còn tổ chức các mũi hậu cần của lực lượng vũ trang thành phố, các bộ phận hậu cần của các đoàn đặc công để trực tiếp bảo đảm ngay trong lòng địch.

Hậu cần chiến dịch tổ chức LLHC cơ động mạnh, gồm Đoàn hậu cần 220 ở Bắc Sài Gòn, cơ động theo Đường 13; tổ chức cụm hậu cần dự bị của chiến dịch có đủ các lực lượng bảo đảm để sẵn sàng chi viện bảo đảm trên hướng chủ yếu là Tây Bắc và Đông Bắc. Hậu cần các quân đoàn tổ chức LLHC cơ động trên các xe ô tô vận tải bám sát đội hình của các binh đoàn thọc sâu trên 5 hướng để kịp thời bảo đảm.

**Thứ ba**, kết hợp chặt chẽ giữa phương thức bảo đảm tại chỗ với bảo đảm cơ động từ nơi khác đến, giữa phương pháp bảo đảm theo phân cấp và vượt cấp. Trong điều kiện khả năng hậu cần tại chỗ hạn chế, phải bảo đảm xa hậu phương lớn miền Bắc, HCCD đã kết hợp chặt chẽ giữa BĐHC tại chỗ và bảo đảm cơ động từ nơi khác đến, giữa bảo đảm theo phân cấp và vượt cấp để phát huy cao nhất khả năng bảo đảm. Đối với các đơn vị chiến đấu cơ động bằng cơ giới, HCCD sử dụng lực lượng vận tải ô tô,

dựa vào TTHC tại chỗ cơ động theo đội hình phát triển tiến công; kết hợp giữa bảo đảm tại chỗ và cơ động, lấy tại chỗ là cơ bản, nên đã đáp ứng được yêu cầu tác chiến khẩn trương, đột phá và nhanh chóng thọc sâu vào sào huyệt của địch.

Với đặc điểm cách đánh bao vây, chia cắt chiến lược, chặn đánh chủ lực ở vòng ngoài, thọc sâu đột phá mạnh vào trung tâm Sài Gòn, tốc độ cơ động tiến công rất nhanh. Sau khi hậu cần chiến lược trực tiếp bảo đảm cho các quân đoàn trong quá trình hành quân cơ động vào chiến trường, HCCD tiếp nhận trách nhiệm bảo đảm; kết hợp giữa bảo đảm của HCCD và hậu cần chiến lược trực tiếp bảo đảm cho các quân đoàn, đặc biệt là các binh đoàn cơ động thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn. Hậu cần Miền, HCCD chỉ đạo tăng cường lực lượng và bảo đảm vật chất cho các mũi, bộ phận hậu cần của Thành đội Sài Gòn và các đơn vị đặc công. Tăng cường lực lượng, bảo đảm vượt cấp trên cơ sở phân cấp bảo đảm, HCCD kịp thời bảo đảm cho các nhu cầu chiến đấu khẩn trương của các đơn vị phía trước, quá trình thọc sâu.

Trong bảo đảm quân y, phương pháp bảo đảm rất linh hoạt để cứu chữa, nhanh chóng chuyển về tuyến sau. Tuyến quân y trung đoàn thu hẹp phạm vi cứu chữa, nhanh chóng cấp cứu và chuyển thương binh (TB) về tuyến sư đoàn. Ở tuyến sư đoàn, quân y chiến dịch tăng cường lực lượng để cứu chữa tại chỗ và cơ động theo đội hình chiến đấu; vẫn cứu chữa theo phân cấp nhưng không giữ lại điều trị mà nhanh chóng chuyển về tuyến sau, để lực lượng quân y nhanh chóng cơ động bám theo đội hình chiến đấu. Tuyến quân y chiến dịch cũng chỉ giữ lại điều trị TB nhẹ, TB nặng cũng chỉ giữ đến khi vết thương ổn định rồi chuyển về tuyến của chiến trường. Việc vận chuyển TB chủ yếu bằng cơ giới, chiếm tới

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

80% TB từ tuyến trung đoàn về sư đoàn, 95% TB từ tuyến sư đoàn về chiến dịch.

*Thứ tư*, kết hợp giữa tổ chức các cụm hậu cần để bảo đảm tại chỗ với tổ chức các tuyến vận tải chiến lược để chi viện bảo đảm cho chiến dịch. Hậu cần chiến dịch chủ động tổ chức đầu cầu tiếp nhận và tổ chức kho quy mô lớn thành các cụm hậu cần, tập trung để tiếp nhận, cấp phát khối lượng lớn vật chất trong thời gian ngắn. Điều chỉnh Đoàn hậu cần 770 từ Bù Gia Mập xuống lập khu tiếp nhận ở Đồng Xoài để thành lập tổng kho chiến dịch; điều chỉnh tổ chức các đoàn hậu cần tuyến sau (Đoàn 220, Đoàn 340) và các lực lượng trực thuộc Hậu cần Miền để thành lập các phân đội cơ động bổ sung cho các đoàn hậu cần tuyến trước. Tổ chức cụm hậu cần dự bị chiến dịch do Đoàn hậu cần 220 phụ trách để đồng bộ các thành phần bảo đảm trong khu vực An Lộc (trên trục Quốc lộ 13), sẵn sàng cơ động chi viện cho các hướng và hai cánh quân chủ yếu tiến công theo Quốc lộ 13.

Song song với chuẩn bị, tổ chức các cụm hậu cần, việc bảo đảm cơ động lực lượng, vật chất vào tập kết chiến dịch được chú trọng, do hậu cần chiến lược đảm nhiệm, gồm Bộ Tổng Tham mưu cùng TCHC, Tổng cục Kỹ thuật trực tiếp tổ chức và chỉ huy, Đoàn vận tải chiến lược 559 đảm nhiệm vận chuyển. Tận dụng các phương thức và phương tiện vận tải của Quân đội, Nhà nước và huy động vận tải Nhân dân trong vùng mới giải phóng; sử dụng hợp lý hệ thống giao thông chiến lược đã được chuẩn bị trên tuyến đường 559, kết hợp với các đường trong vùng mới giải phóng, đường ống xăng dầu, vận tải thuỷ của TCHC, Quân chủng Hải quân, Tổng cục vận tải đường biển để vận chuyển binh khí kỹ thuật vào Quy Nhơn, Cam Ranh và sử dụng 311 toa xe lửa dành riêng cho cơ động binh khí kỹ thuật ở tuyến hậu

phương, tạo nên mạng lưới giao thông, vận chuyển liên hoàn, tốc độ vận chuyển nhanh.

*Thứ năm*, tổ chức cơ quan HCCD với thành phần phù hợp, phân cấp, phân quyền cụ thể. Với đặc điểm chỉ huy hậu cần để bảo đảm cho chiến dịch quy mô lớn, có ý nghĩa chiến lược, nhiều thành phần LLHC cùng tham gia, trên phạm vi rộng; Trung ương Đảng, Chính phủ tổ chức Hội đồng chi viện tiền tuyến để phát huy sức mạnh của cả dân tộc, toàn miền Bắc chi viện cho chiến trường. Bộ máy HCCD được thành lập gồm cả hậu cần chiến lược, hậu cần chiến trường, có đủ quyền hạn để chỉ huy hậu cần chiến trường. Hậu cần chiến dịch dựa vào bộ máy hậu cần Miền đã được chuẩn bị chiến trường từ nhiều năm, xây dựng được TTHC tại chỗ vững mạnh, có đủ lực lượng và vật chất với các tổ chức hậu cần nhân dân từ Miền, tới khu, tỉnh, huyện. Thành phần chỉ huy HCCD có Chủ nhiệm TCHC, kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật làm Phó Tư lệnh chiến dịch trực tiếp phụ trách hậu cần, kỹ thuật; các cán bộ có năng lực của TCHC, Tổng cục Kỹ thuật làm phái viên của tổng cục và của mặt trận thường xuyên đi hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác hậu cần trên các hướng. Hậu cần chiến dịch liên hệ chặt chẽ Hội đồng chi viện tiền tuyến ở hậu phương lớn miền Bắc để chi viện cho chiến trường. Hậu cần nhân dân Miền được tổ chức từ cấp Miền, khu đến tỉnh, huyện, xã, có nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa hậu phương và huy động nhân, vật lực phục vụ chiến dịch.

Chiến tranh BVTQ trong tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tiến công chiến lược (TCCL) có ý nghĩa quyết định thắng lợi của tác chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, dân chủ và toàn vẹn lãnh thổ. Tác chiến TCCL do Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung

ương trực tiếp lãnh đạo, Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức công tác chuẩn bị và chỉ huy, điều hành tác chiến, Chính phủ chỉ đạo, tổ chức các hoạt động huy động nguồn lực bảo đảm tác chiến, sự tham gia triển khai thực hiện của các ban, bộ, ngành liên quan. Theo đó, BĐHC tác chiến TCCL đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Quân uỷ Trung ương, sự chỉ huy, điều hành của Bộ Quốc phòng; Chính phủ chỉ đạo; các bộ, ngành, địa phương xây dựng, huy động, khai thác các nguồn lực, phối hợp, hiệp đồng bảo đảm tác chiến. Ké thừa những kinh nghiệm rút ra từ BĐHC chiến dịch Hồ Chí Minh, vận dụng vào điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; BĐHC tác chiến TCCL cần quan tâm đến những vấn đề sau:

*Một là, về tổ chức, sử dụng LLHC.* Ngay từ thời bình, căn cứ phương án tác chiến phòng thủ, vị trí địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội địa bàn, thế bố trí các căn cứ, phân CCHC của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, thế bố trí các căn cứ hậu phương, căn cứ, phân CCHC chiến lược, các QK tổ chức LLHC thành các căn cứ, phân CCHC để hình thành TTBC trên từng khu vực, đặc biệt là các hướng, khu vực trọng điểm, nơi dự kiến tổ chức tác chiến TCCL. Mỗi CCHC tổ chức đồng bộ các thành phần bảo đảm, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp. Thời bình, căn cứ, phân CCHC chưa triển khai hoàn chỉnh, từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sẵn sàng triển khai khi chuyển sang thời chiến.

Đối với các quân đoàn chủ lực cơ động, khi tiến hành chiến dịch ở địa bàn nào mới triển khai căn cứ, phân CCHC. Căn cứ phương án tác chiến phòng thủ của Bộ Quốc phòng, các QK nơi quân đoàn đứng chân phải dự kiến kế hoạch tổ chức, triển khai các căn cứ, phân CCHC và tổ chức huấn luyện thường xuyên. Hậu cần quân đoàn kết hợp chặt chẽ với hậu cần tại chỗ,

hậu cần khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, QK để triển khai căn cứ, phân CCHC. Khi tác chiến, căn cứ tình hình thực tế để tổ chức HCCD, thường triển khai thành các cụm hậu cần cơ động ở phía trước để tiếp cận và sẵn sàng phát triển theo đội hình tiến công thọc sâu. Những khu vực có sẵn các kho, trạm thì không nhất thiết hậu cần quân đoàn phải triển khai hoàn chỉnh, mà kết hợp với kho, trạm tại chỗ để bảo đảm.

Sử dụng LLHC hợp lý, có trọng tâm, kết hợp chặt chẽ giữa hậu cần quân đội các cấp với các lực lượng, cơ quan chức năng của các bộ, ngành Trung ương, các địa phương, hội đồng cung cấp các cấp, các tổ chức đoàn thể, thành phần kinh tế,... có LLHC ở các căn cứ hậu phương chiến lược, căn cứ, phân CCHC các lực lượng trên chiến trường; có LLHC tăng cường cho các chiến dịch, đơn vị, đặc biệt là các đơn vị đánh trận quyết chiến chiến lược; tổ chức LLHC dự bị có khả năng cơ động mạnh sẵn sàng xử trí các tình huống tác chiến.

*Hai là, về xây dựng TTBC.* Để phát huy sức mạnh tổng hợp phải chủ động xây dựng TTBC, kịp thời điều chỉnh, chuyển hoá TTBC trong tác chiến TCCL. Tổ chức bố trí các căn cứ hậu phương, căn cứ, phân CCHC, kho, trạm các cấp phân tán về lực lượng nhưng tập trung trong công tác bảo đảm, tạo sự vững chắc, liên hoàn, có tính cơ động cao, chuyển hoá nhanh, đáp ứng yêu cầu tác chiến, nhiều phương thức bảo đảm cho tác chiến TCCL.

Ngay từ thời bình, phải bố trí các căn cứ hậu phương các cấp, CCHC chiến lược, chiến dịch thành hệ thống, hoạt động nhịp nhàng ở tất cả các cấp, sẵn sàng sử dụng để bảo đảm khi chiến tranh xảy ra. Quá trình nghiên cứu bố trí các căn cứ hậu phương, căn cứ, phân CCHC cần hình thành các cụm hậu cần trên từng chiến trường, hướng

KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

phòng thủ, địa bàn chiến lược, nơi dự kiến tổ chức tác chiến TCCL. Từng bước triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng trong các căn cứ hậu phương các cấp, căn cứ, phân CCHC, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược với nhiều phương thức: Đường không, đường bộ, đường biển, đường ống xăng dầu; kết hợp giữa tận dụng mạng đường săn có với mở mới các tuyến đường để kết nối hậu phương đất nước với căn cứ hậu phương các chiến trường; kết nối trong nội bộ các chiến trường. Tham mưu với Đảng, Nhà nước quy hoạch, xây dựng các sân bay, tuyến đường cao tốc có thể cải tạo thành đường cất, hạ cánh dã chiến của không quân để sẵn sàng tổ chức vận chuyển bằng đường không kết nối giữa hậu phương chiến lược với các căn cứ hậu phương, căn cứ, phân CCHC chiến trường.

Ba là, về tạo nguồn, phương thức bảo đảm hậu cần. Nguồn BĐHC cho tác chiến TCCL gồm: Nguồn bảo đảm của hậu phương đất nước (nguồn cơ bản), nguồn tự sản xuất của lực lượng vũ trang, nguồn khai thác từ nước ngoài, nguồn thu được của địch. Ngay từ thời bình, phải chuẩn bị, xây dựng toàn diện, đồng bộ nguồn BĐHC, được củng cố, phát triển trong tác chiến. Phải chủ động kết hợp kinh tế với quốc phòng, phát huy hậu cần nhân dân; tổ chức dự trữ vật chất, phương tiện hậu cần hàng năm, phân bổ số lượng, chủng loại hợp lý giữa các địa bàn, ưu tiên hướng, địa bàn trọng điểm, nơi dự kiến tổ chức các trận quyết chiến chiến lược. Xây dựng và quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên hậu cần theo từng khu vực, địa bàn để sẵn sàng động viên khi có chiến tranh. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương thức BĐHC cho các đơn vị chủ lực (quân đoàn) cơ động, đơn vị được trang bị hỏa lực mạnh.

Bốn là, về tổ chức bộ máy chỉ huy hậu cần. Để BĐHC cho tác chiến TCCL với nhiều

thành phần lực lượng tham gia, yêu cầu khôi phục chất hậu cần lớn, nhiều chủng loại, nhiều thành phần LLHC các cấp cùng bảo đảm. Các đơn vị tham gia tác chiến TCCL thường có tỷ lệ thương vong cao, tính chất vết thương phức tạp, vận chuyển TB trong điều kiện rất khó khăn, ác liệt. Vì vậy, để phối hợp hành động của các lực lượng tạo sức mạnh tổng hợp, phải tổ chức cơ quan chỉ huy hậu cần phù hợp, đủ mạnh, phân cấp, phân quyền hợp lý; trong đó, chú trọng khâu then chốt là tạo nguồn BĐHC, chỉ huy công tác vận tải, bảo đảm quân y. Thành phần cơ quan chỉ huy hậu cần phải có hậu cần chiến lược, hậu cần các quân chủng, binh chủng, ngành, đại diện các bộ, ban, ngành, hậu cần khu vực phòng thủ, cùng tham gia tác chiến TCCL. Chú trọng nâng cao năng lực tham mưu, chỉ huy của hậu cần các cấp; trang bị phương tiện thông tin chỉ huy hiện đại tiến tới tự động hóa chỉ huy hậu cần.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch quyết chiến chiến lược điển hình trong kháng chiến chống Mỹ, quá trình BĐHC để lại nhiều kinh nghiệm quý. Kế thừa, vận dụng, phát triển những kinh nghiệm đó để sẵn sàng tổ chức BĐHC tác chiến TCCL trong chiến tranh BVTQ là trách nhiệm của cả hậu cần chiến lược, chiến dịch, quân chủng, binh chủng, ngành; góp phần thắng lợi vào sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam◆

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần tác chiến TCCL trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
  2. Tổng cục Hậu cần (1998), *Công tác hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh (Xuân 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
  3. Vũ Hồng Hà và Ban đề tài (2024), *Phát triển lý luận BĐHC tác chiến TCCL trong chiến tranh BVTQ*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG MIỀN BẮC TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN  
Chính ủy Học viện Hậu cần

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc đã huy động, phát huy tối đa tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, giáo dục..., làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, góp phần làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Các nữ dân quân tỉnh Hà Bắc thi đua lao động sản xuất  
vì miền Nam ruột thịt. (Ảnh: Tư liệu).

NHẬN thức rõ vai trò của hậu phương trong chiến tranh; cho nên, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã lãnh đạo xây dựng hậu phương miền Bắc (HPMB) vững mạnh, là điểm tựa vững chắc cho miền Nam đánh giặc.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) kết thúc, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng; miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự

của Mỹ. Để hoàn thành mục tiêu thống nhất đất nước, Đảng quyết định đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, chỉ có tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc mới trở thành hậu phương vững chắc, đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị Trung ương 7 (3/1955), Đảng ta chỉ rõ: “Muốn củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc, chúng ta phải có lực lượng. Lực lượng của ta bao gồm toàn quốc, nhưng chủ yếu là ở miền Bắc. Muốn

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

có lực lượng phải ra sức củng cố miền Bắc". Tại Đại hội thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (9/1955), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ của lực lượng đấu tranh của nhân dân ta. Nền có vững, nhà mới chắc. Gốc có mạnh, cây mới tốt". Đến Đại hội III (9/1960), Đảng ta xác định đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Cách mạng ở mỗi miền tuy khác nhau nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau; trong đó, "tiến hành cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà". Như vậy, sớm xác định miền Bắc là nền tảng của cách mạng cả nước, sớm định hướng xây dựng miền Bắc theo con đường XHCN là quyết tâm đúng đắn, là cơ sở cho việc xây dựng hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng HPMB thể hiện trên những nội dung sau:

*Một là*, xây dựng HPMB vững mạnh toàn diện. Về chính trị, ngay sau khi hòa bình lập lại, Đảng chỉ đạo phải nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiên quyết chống lại âm mưu phá hoại và luận điệu xuyên tạc của địch, nhất là ở những vùng tạm chiếm; thiết lập và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân trên toàn miền Bắc; từng bước ổn định đời sống cho các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, công tác cải cách ruộng đất đã mang lại những chuyển biến to lớn đối với nông thôn và nông dân miền Bắc; làm cho dân tin Đảng, khôi phục đoàn kết được giữ vững và tăng cường.

Về kinh tế, đẩy mạnh công cuộc cải tạo nền kinh tế miền Bắc từ hình thức sở hữu

tư nhân sang sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất; từ nền sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, kỹ thuật lạc hậu tiến lên sản xuất lớn XHCN. Các ngành nghề sản xuất tiêu thủ công nghiệp được mở rộng; các cơ sở công nghiệp (nhất là sản xuất hàng tiêu dùng) được khôi phục và nâng dần quy mô sản xuất. Kinh tế quốc doanh đã nắm phần lớn các ngành then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Về văn hóa, giáo dục, y tế, phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao, sách báo diễn ra sôi nổi; nạn mù chữ cơ bản được thanh toán, hệ thống giáo dục phổ thông với chương trình 10 năm được xác lập, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp từng bước phát triển cả về số lượng, chất lượng; hầu hết các xã vùng đồng bằng và nhiều xã miền núi có trường phổ thông cấp 1 và cấp 2, huyện có trường cấp 3; các cơ sở khám chữa bệnh được củng cố và phát triển, phong trào vệ sinh dịch tễ được tăng cường, các bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội được đẩy lùi, hình thành hệ thống mạng lưới y tế từ thành thị đến nông thôn.

Về quân sự, Quân đội được đầu tư xây dựng theo hướng từng bước chính quy, hiện đại. Quân thường trực ở miền Bắc (các sư đoàn) được biên chế đầy đủ về quân số, trang bị, vũ khí, được huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật, có thể lực tốt... Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt bảo vệ HPMB, sẵn sàng chi viện miền Nam, Đảng triển khai nhiều biện pháp củng cố nền quốc phòng toàn dân.

Với sự nỗ lực cao độ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, miền Bắc đạt được những kết quả to lớn trong xây dựng hậu phương. Tại Hội nghị chính trị (3/1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: "Trong 10 năm qua, Miền Bắc nước ta đã tiến những bước

dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”.

*Hai là*, bảo vệ hậu phương miền Bắc XHCN. Trong 21 năm kháng chiến, miền Bắc luôn phải đối phó với âm mưu, thủ đoạn chống phá của đế quốc Mỹ. Ngay từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh, giới chức quân sự Mỹ tiến hành chiến tranh tâm lý, tung biệt kích, thám báo ra miền Bắc, móc nối với bọn phản động, dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào Công giáo di cư vào Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam. Trước tình hình đó, Đảng tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho nhân dân hiểu rõ tình hình, nhiệm vụ cách mạng, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; giữ vững lòng tin vào Đảng, vào thắng lợi của cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu. Đồng thời, động viên, tổ chức toàn dân tham gia giữ gìn, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong các thôn xã, công nông trường, xí nghiệp, hầm mỏ, cơ quan nhà nước, lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Với mục tiêu chiến lược hủy hoại tiềm lực của miền Bắc, đế quốc Mỹ tập trung sức mạnh không quân, hải quân tiến hành hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc trên quy mô lớn (năm 1965–1968 và năm 1972). Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965), Đảng quyết định chuyển toàn bộ hoạt động của miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, vừa chiến đấu, vừa sản xuất. Quyết sách này không chỉ giúp miền Bắc đủ sức chống chịu và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, mà còn bảo đảm tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện vững chắc vai trò hậu phương lớn. Trong đó, các cơ quan Đảng, Nhà nước gấp rút chấn chỉnh, sắp xếp, kiện toàn về tổ chức và lề lối làm việc. Tiếp tục duy trì và giữ vững sản xuất trong điều kiện địch đánh

phá, tập trung sức mạnh nông nghiệp với hai ngành sản xuất chính là trồng trọt, chăn nuôi. Hàng vạn lớp học với hàng chục vạn học sinh sơ tán khỏi vùng trọng điểm, tiếp tục học tập, chương trình giảng dạy được cải tiến phù hợp với tình hình mới... Nhờ có chủ trương, biện pháp đúng đắn nên mặc dù bị địch đánh phá ngày càng khốc liệt, nhưng miền Bắc vẫn vững vàng, ổn định; sản xuất được duy trì; nhu cầu thiết yếu trong đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được đảm bảo; nhịp độ và khối lượng vận chuyển không ngừng tăng lên, đáp ứng kịp thời yêu cầu của các chiến trường. Trong hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay tiêm kích, cường kích và pháo đài bay chiến lược B.52; bắn chìm, bắn cháy hàng trăm tàu chiến. Kết quả trên khẳng định sức mạnh phi thường, bản lĩnh chính trị kiên định của nhân dân miền Bắc.

*Ba là*, phát huy vai trò của hậu phương miền Bắc XHCN. Dựa trên nền tảng của chế độ xã hội mới, Đảng đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát huy cao nhất vai trò của HPMB đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trước hết, đã làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức rõ tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, nhiệm vụ của HPMB, sức mạnh to lớn của quân và dân ta... Trên cơ sở đó, củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân, biến đường lối của Đảng thành hành động cách mạng, phong trào thi đua sôi nổi. Để động viên sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, một trong những biện pháp được Đảng tiến hành xuyên suốt là chăm lo, bồi dưỡng sức dân. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, các cấp, các ngành, các địa phương không ngừng củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; nhờ đó, miền Bắc đã động viên được cao nhất sức người, sức

của chi viện cho miền Nam. Nhà nước ta đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách về kinh tế, phân phối thu nhập, chế độ tiền lương, chính sách thuế... đảm bảo duy trì và ổn định đời sống nhân dân. Bên cạnh đó, Đảng đã khơi dậy, phát huy mạnh mẽ truyền thống tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân; thực hiện các chế độ, chính sách ưu tiên đối với những vùng trọng điểm bị địch đánh phá, đồng bào các dân tộc thiểu số, con em cán bộ miền Nam. Như vậy, mặc dù chiến tranh gây ra nhiều tổn thất, nhu cầu của cuộc kháng chiến ngày càng lớn, cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn, nhưng miền Bắc vẫn không ngừng lớn mạnh đáp ứng mọi yêu cầu của cuộc kháng chiến.

Với tinh thần “Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “thúc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” miền Bắc đã “thắt lưng, buộc bụng”, dốc vào cuộc kháng chiến toàn bộ sức mạnh. Tại Đại hội lần thứ IV (1976), Đảng ta đánh giá: “Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước nếu không có miền Bắc XHCN... Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ XHCN và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ cẩn cứ địa vững chắc để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.”

Về sức người, hàng chục vạn thanh niên ưu tú ở miền Bắc đã lên đường nhập ngũ, trực tiếp tham gia chiến đấu tại các chiến trường miền Nam. Năm 1959, miền Bắc chi viện cho miền Nam 542 người; năm 1964 đã lên tới 17.475 người và đến năm 1975 tổng số người huy động cho quốc phòng chiếm 30% lực lượng lao động xã hội ở miền Bắc. Chỉ trong 4 tháng đầu năm 1975, số lượng cán bộ, chiến sĩ được lệnh hành quân thần tốc vào miền Nam đã lên tới 110.000 người.

Về vật lực, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hàng triệu tấn vũ khí, đạn dược, trang thiết bị quân sự, thuốc và dụng cụ y tế, lương thực, thực phẩm... thông qua các tuyến đường chiến lược: Trong 5 năm (1959 – 1964), đã chuyển vào Khu 5 được hơn 2.500 tấn vật chất; 7 tháng mùa khô 1967 – 1968, đã chuyển 63.024 tấn vật chất; mùa khô 1971 – 1972, vận chuyển cho các chiến trường 64.785 tấn hàng, đạt 145% chỉ tiêu kế hoạch. Trong hơn 2 năm chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, toàn tuyến 559 đã vận chuyển, bàn giao cho các chiến trường 413.450 tấn vũ khí, hàng hóa các loại. Đặc biệt, theo số liệu thống kê, trên 80% quân số, 81% vũ khí, 60% nhiên liệu, 65% thuốc và dụng cụ y tế, 85% phương tiện vận tải đáp ứng cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là huy động từ miền Bắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc đã trở thành hậu phương, căn cứ địa vững chắc để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chiến tranh công nghệ cao đã xóa nhòa ranh giới giữa tiền tuyến và hậu phương. Hậu phương không còn là vùng an toàn tuyệt đối, mà đã trở thành mục tiêu chiến lược của đối phương. Trước sự phát triển vượt bậc của vũ khí tầm xa và chiến tranh mạng, hậu phương ngày càng đối mặt với nhiều mối đe dọa trực tiếp, đòi hỏi phải có sự bảo vệ vững chắc. Kế thừa những bài học quý từ xây dựng HPMB trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, việc củng cố và xây dựng hậu phương hiện nay cần thực hiện tốt các nội dung:

*Thứ nhất, xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, chú trọng xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý*

của Nhà nước. Tăng cường khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ và sự đồng thuận trong xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm an ninh lương thực, năng lượng, tài chính. Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, đạo đức, pháp luật cho nhân dân. Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, nâng cao nhận thức của người dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chăm lo chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

*Thứ hai*, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, quốc phòng – an ninh với kinh tế - xã hội trong xây dựng hậu phương. Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh là yêu cầu tất yếu khách quan nhằm xây dựng hậu phương vững mạnh, tạo ra thế trận bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Xây dựng hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật không chỉ phục vụ phát triển kinh tế mà còn đảm bảo yêu cầu cơ động lực lượng, vận chuyển hậu cần khi cần thiết. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đặc biệt ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa để tạo nền tảng ổn định, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia. Phát triển công nghiệp quốc phòng song song với công nghiệp dân dụng để vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, vừa đảm bảo năng lực tự chủ trong sản xuất vũ khí, trang thiết bị quân sự. Xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng tại các vùng trọng

điểm, biên giới, hải đảo để vừa phát triển sản xuất, vừa giữ vững chủ quyền quốc gia.

*Thứ ba*, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, cả hệ thống chính trị, các nguồn lực trong và ngoài nước vào xây dựng hậu phương. Việc phát huy sức mạnh tổng hợp sẽ giúp huy động tối đa các nguồn lực để củng cố hậu phương vững chắc. Do đó, cần thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ công bằng cho mọi tầng lớp nhân dân. Xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện trong các quyết sách quan trọng liên quan đến hậu phương. Tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng hậu phương quân đội. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng - an ninh. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng hậu phương quân đội. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, huy động các nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc là điểm tựa vững chắc cho miền Nam. Đó là minh chứng cho tính ưu việt của chế độ XHCN và tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam, góp phần làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước◆

### Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- Viện Lịch sử Quân sự (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975, Toàn tập*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

# KẾT HỢP CHẶT CHẼ GIỮA HẬU CẦN TẠI CHỖ VÀ HẬU CẦN CƠ ĐỘNG

## BẢO ĐẢM CHO CÁC CHIẾN DỊCH TRONG TỔNG TIẾN CÔNG

### VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG  
Phó Giám đốc Học viện Hậu cần

Hậu cần tại chỗ (HCTC) bảo đảm cho tác chiến là lực lượng hậu cần (LLHC) (nhân lực, vật chất, trang bị, phương tiện hậu cần) có trên địa bàn và sẵn sàng huy động bảo đảm cho các lực lượng vũ trang tác chiến trên địa bàn đó. Hậu cần cơ động (HCCĐ), gọi chung là LLHC đi theo đội hình cơ động của bộ đội để bảo đảm cho đơn vị chiến đấu. Kết hợp HCTC và HCCĐ là sự gắn kết các hoạt động của hậu cần các đơn vị tác chiến với HCTC nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, mọi mặt về hậu cần cho đơn vị chiến đấu thắng lợi.

T RONG cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Quân đội ta đã tiến hành nhiều chiến dịch giành thắng lợi, như: Chiến dịch Tây Nguyên, đòn tiến công chiến lược giải phóng Huế - Đà Nẵng và đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Qua đó, để lại nhiều bài học quý về bảo đảm hậu cần (BĐHC), có thể kể thừa, vận dụng và phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm hậu cần cho các chiến dịch trên diễn ra trong điều kiện địch đánh phá ác liệt nhằm chia cắt chiến lược, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường miền Nam và giữa các chiến trường với nhau; địa bàn tác chiến từ Bắc vào Nam dài, hiểm trở, bị chia cắt; yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm lớn trong khi khả năng mang theo của hậu cần các đơn vị có hạn... Song, dưới sự chỉ đạo của hậu cần chiến lược, chiến dịch, ta đã kết hợp chặt chẽ HCTC và HCCĐ để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến; kết quả kết hợp



Đoàn xe ô tô quân sự chở vật chất hậu cần vượt Đèo Cả, thần tốc tiến vào miền Nam bảo đảm cho các chiến dịch trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. (Ảnh: Tư liệu)

đó được biểu hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

Một là, kết hợp chặt chẽ nguồn chuẩn bị trước của HCTC với sự chuẩn bị của các đơn vị tham gia tác chiến, tạo nguồn lực bảo đảm vững chắc. Quán triệt quyết tâm

chiến lược của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, trong hai năm 1973-1974, ngành hậu cần quân đội đã khẩn trương chuẩn bị mọi mặt hậu cần, tổ chức vận chuyển vật chất, kỹ thuật từ hậu phương lớn miền Bắc vào tiền tuyến trên chiến trường miền Nam; qua đó, nâng cao khả năng bảo đảm tại chỗ, xây dựng thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, từ cuối tháng 12/1974 ÷ 02/1975, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ, Tổng cục Hậu cần, Bộ tư lệnh Trường Sơn và hậu cần mặt trận Tây Nguyên đã khẩn trương chuẩn bị bảo đảm cho chiến dịch; kết hợp chặt chẽ giữ nguồn chuẩn bị trước của mặt trận với vật chất từ miền Bắc chuyển vào, lượng mang theo các đơn vị tham gia tác chiến và tích cực khai thác HCTC. Mặt trận Tây Nguyên có 3 binh trạm ở các khu vực Bắc, Trung, Nam; mỗi binh trạm có đội kho, tiểu đoàn sản xuất lương thực, thực phẩm (LTTP)... Trước khi nhận hàng chi viện từ miền Bắc, LLHC mặt trận Tây Nguyên đã chuẩn bị được 4.000 tấn vũ khí đạn dược, 3 tháng ăn, 200 tấn xăng dầu, 50 tấn thuốc quân y... dự trữ tại địa bàn trú quân các đơn vị. Về vật chất từ miền Bắc chi viện cho chiến dịch, đến tháng 3/1975 đã giao được 10.603 tấn vật chất các loại, trong đó có 2.824 tấn đạn, 1.421 tấn xăng dầu, 6.289 tấn hàng quân nhu. Các lực lượng của Bộ vào tác chiến đều mang theo 1 - 2 cơ số đạn, 10 ngày ăn và 1 cơ số xăng dầu. Trên địa bàn Tây Nguyên, kinh tế còn nghèo, dân cư thưa thớt nên việc huy động vật chất hậu cần của địa phương có hạn. Theo đó, trước khi bước vào chiến dịch, hậu cần chiến dịch (HCCD) đã tiếp nhận, vận chuyển vật chất dự trữ cho các đơn vị tham gia chiến dịch đạt 78% kế hoạch; trong đó, LTTP đạt 114%, vũ khí đạt 83%. Trong thực

hành tác chiến, khi chuyển sang cơ động truy kích địch rút chạy, HCCD đã tổ chức các LLHC cơ động theo đội hình chiến đấu để bảo đảm; chủ động tận thu pháo, đạn, xăng dầu và một phần LTTP, ô tô của địch, kết hợp với huy động phương tiện của nhân dân để cơ động, bảo đảm kịp thời cho các lực lượng chiến đấu.

Để chuẩn bị tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng, từ đầu tháng 3/1975, Quân khu Trị - Thiên, Quân khu 5 và Quân đoàn 2 đã tích cực đẩy mạnh hoạt động chuẩn bị hậu cần; tích cực khai thác HCTC kết hợp với tiếp nhận vật chất từ hậu phương chuyển vào đủ bảo đảm cho tác chiến lớn từ 3 ÷ 4 tháng. Do vậy, tính đến thời điểm mở chiến dịch, Quân khu 5 đã dự trữ được 9.894 tấn; trong đó, có 230 tấn xăng dầu, 7.164 tấn LTTP; Quân khu Trị Thiên dự trữ 8.145 tấn; trong đó, có 1.200 tấn xăng dầu, 4.200 tấn LTTP. Hậu cần Quân đoàn 2 dự trữ 9.004 tấn; nhân dân Quân khu Trị - Thiên dự trữ lương thực, bảo đảm cho nhiều tiểu đoàn, trung đoàn ăn từ 5 đến 10 ngày khi cấp trên chưa kịp bổ sung. Quá trình chiến đấu, khi đánh xuống đồng bằng Bình Trị Thiên, Quân đoàn 2 bị thiếu LTTP, hậu cần Quân đoàn đã kịp thời sử dụng nguồn chiến lợi phẩm thu được ở căn cứ Phú Bài, bổ sung kịp thời cho các đơn vị. Khi tiến công giải phóng Đà Nẵng, hậu cần Quân khu 5 và Sư đoàn 304 đã kết hợp chặt chẽ với hội đồng cung cấp tiền phương từ tỉnh đến xã để bảo đảm.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, với thời gian chuẩn bị gấp (22 ngày), khối lượng phải chuẩn bị lớn (khoảng 60.000 tấn); trong đó, hậu cần Miền chuẩn bị trước được khoảng 40.000 tấn (15.000 tấn đạn, 2.000 tấn xăng dầu và 22.000 tấn LTTP, 1.000 tấn thuốc và dụng cụ quân y), đáp ứng được 2/3 nhu cầu vật chất của chiến dịch. Tuy nhiên, theo kế hoạch cũ của chiến trường B2, lượng vật

chất chủ yếu dự trữ ở các kho phía sau và khu đầu cầu tiếp nhận, chỉ dự trữ ở tuyến trước khoảng 15.000 tấn vật chất. Trước tình hình đó, HCCD đã tích cực tận dụng, phát huy tối đa tiềm lực HCTC của chiến trường B2; tích cực thu thêm chiến lợi phẩm ở tuyến 559, Tây Nguyên và Quân khu 5 chuyển vào kết hợp với khai thác từ nhân dân trên địa bàn. Đặc biệt, HCCD đã huy động số xe hiện có của Miền, xe của dân và gần 200 xe của cơ quan dân chính đảng thuộc Miền tham gia vận chuyển. Trên tuyến vận tải xuống hướng Tây Nam, HCCD đã huy động hàng nghìn dân công, hàng trăm xe, ghe kết hợp với lực lượng vận tải thuỷ để tiếp chuyển vật chất qua khu vực Đồng Tháp Mười. Do vậy, khi bước vào giai đoạn thực hành tác chiến đã có đủ lượng vật chất dự trữ theo yêu cầu.

*Hai là*, dựa vào thế trận hậu cần tại chỗ, khẩn trương điều chỉnh, tạo lập thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc phù hợp với quy mô chiến dịch. Sau hiệp định Pari, các quân khu miền Nam khẩn trương tổ chức mạng lưới BĐHC. Đảng ta chủ trương xây dựng các vùng căn cứ, vùng giải phóng thành hậu phương tại chỗ cho chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Hội đồng cung cấp từ Miền tới khu, tỉnh, huyện, xã được thành lập. Hệ thống căn cứ địa, vùng giải phóng ở miền Nam nối liền từ miền Tây Trị Thiên qua Tây Nguyên vào miền Đông và xuống miền Tây Nam Bộ, tạo ra mạng lưới HCTC rộng khắp, trở thành hậu phương trực tiếp bảo đảm cho các quân đoàn chủ lực tác chiến.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, trên cơ sở thế trận của Mặt trận Tây Nguyên đã chuẩn bị từ trước, sự chi viện của hậu cần chiến lược và căn cứ vào tình hình nhiệm vụ tác chiến, chiến dịch đã hình thành bộ máy và điều chỉnh thế trận HCTC cho phù hợp. Hậu

cần chiến dịch dựa vào bộ máy hậu cần mặt trận Tây Nguyên, tách ra từ cơ quan hậu cần chiến trường và các căn cứ hậu cần (CCHC) khu vực (binh trạm hậu cần), một bộ phận lực lượng, gồm: Chỉ huy, cơ quan HCCD, 5 đại đội kho, 2 tiểu đoàn vận tải ô tô, 2 tiểu đoàn vận tải bộ, 2 bệnh viện, 4 đội điều trị, 4 trạm sửa chữa.... kết hợp với lực lượng do Tổng cục Hậu cần tăng cường, gồm: 1 tiểu đoàn vận tải ô tô, 1 đội điều trị... để thành lập 5 cụm hậu cần. Trong đó, trên hướng Bắc, tổ chức cụm hậu cần K10A ở phía sau, hai cụm hậu cần K10B, B38 ở phía trước (có đủ thành phần lực lượng như kho vật chất, vận tải, quân y, trạm sửa chữa...); trên hướng Nam, tổ chức cụm hậu cần K20A ở phía sau và K20B ở phía trước để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến.

Khi Bộ có quyết định tiến công giải phóng Huế - Đà Nẵng, Tổng cục Hậu cần và Tổng cục Kỹ thuật đã thành lập 1 bộ phận tiền phương của 2 tổng cục làm kiêm nhiệm hậu cần mặt trận để hiệp đồng bảo đảm cho các lực lượng tham gia chiến dịch. Do chiến dịch phát triển mau lẹ nên cơ quan HCCD không kịp triển khai. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của hậu cần chiến lược, HCCD, hậu cần Quân khu Trị Thiên, hậu cần Quân đoàn 2 và Quân khu 5 đã dựa vào các CCHC và cơ sở hậu cần được chuẩn bị sẵn để điều chỉnh, sắp xếp, bố trí lại bảo đảm cho các lực lượng tác chiến. Hậu cần Quân khu Trị Thiên triển khai các CCHC phía trước ở Củng Cáp và Nam Đông bảo đảm cho tác chiến vùng giáp ranh về đồng bằng; Hậu cần Quân đoàn 2 triển khai 2 CCHC phía trước, trong đó CCHC ở Nam Đông bảo đảm cho các lực lượng tiến công vào Huế, CCHC ở Thượng Đức bảo đảm cho Sư đoàn 304. Hậu cần Quân khu 5 dựa vào CCHC ở Tây

Bắc Bình Sơn để bảo đảm cho Lữ đoàn 52 và lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi, CCHC ở Bắc Đại Lộc để bảo đảm cho Sư đoàn 2, Lữ đoàn 52 và lực lượng vũ trang địa phương tiến công Đà Nẵng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra trên địa bàn thuộc chiến trường Nam Bộ (B2), ta đã xây dựng thế trận HCTC tương đối rộng khắp xung quanh Sài Gòn. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu bảo đảm cho trận quyết chiến chiến lược tiến công Sài Gòn, từ 25 ÷ 26/4/1975, HCCD đã gấp rút điều chỉnh về tổ chức và bố trí LLHC tại chỗ áp sát quanh Sài Gòn, tạo thành thế liên hoàn, vững chắc và cơ động, bảo đảm cho 5 hướng tiến công lớn từ ngoài vào và các lực lượng luôn sâu đánh chiếm bên trong. Trong đó, (1) Các đoàn hậu cần phía sau được điều chỉnh, sắp xếp, dồn lực lượng ra phía trước: Đoàn hậu cần 770 chuyển lực lượng về triển khai ở khu vực đầu cầu, tiếp nhận hàng của tuyến chiến lược và tổng kho dự trữ HCCD ở khu vực Đồng Xoài; Đoàn hậu cần 220 triển khai các cụm kho và LLHC dự bị của chiến dịch ở An Lộc, sẵn sàng bảo đảm cho hướng tiến công chủ yếu và cơ động bảo đảm cho lực lượng thọc sâu vào Sài Gòn...; (2) Các đoàn hậu cần phía trước được bổ sung lực lượng, phương tiện chuyển dịch đội hình sát về Sài Gòn: Đoàn hậu cần 814 chuyển dịch từ khu vực Nam Đồng Xoài xuống khu vực Nam Đồng Nai – Quốc lộ 20 – Quốc lộ 1 để tạo thế liên hoàn với hậu cần Quân khu 7 bảo đảm cho Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 và các lực lượng tiến công từ hướng Bắc vào Sài Gòn; Đoàn hậu cần 235 chuyển xuống phía Nam sông Sài Gòn, Bắc Đường 1, Chơn Thành, Dầu Tiếng bảo đảm cho Quân đoàn 4 và các lực lượng tiến công từ hướng Tây; tổ chức thêm Đoàn

hậu cần 240 đứng chân ở khu vực Bắc Đường 4 cùng với Đoàn hậu cần 230 triển khai ở Đồng Tháp Mười bảo đảm cho Đoàn 232 và các lực lượng tiến công từ hướng Tây, Tây Nam vào Sài Gòn... Ở tuyến các quân đoàn chủ lực, hậu cần các quân đoàn kết hợp với HCTC, triển khai các CCHC quân đoàn và LLHC cơ động để bảo đảm cho mũi tiến công thọc sâu của quân đoàn.

Như vậy, trong các chiến dịch trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, ta đã kết hợp chặt chẽ HCCD với HCTC để bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho các lực lượng tham gia tác chiến giành thắng lợi.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra) sẽ diễn ra trong điều kiện tác chiến mới, những yếu tố về đối tượng, môi trường tác chiến; quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, phương châm tiến hành chiến tranh, phương thức tác chiến chiến dịch (chiến lược); tổ chức, biên chế, khả năng trang bị kỹ thuật, hậu cần... có sự phát triển, tác động không nhỏ đến BĐHC cho các lực lượng tham gia tác chiến. Loại hình tác chiến chiến dịch – chiến lược tiếp tục giữ vai trò quyết định trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm hậu cần tác chiến chiến dịch – chiến lược trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, đánh phá ác liệt với nhiều thủ đoạn, tập trung trên nhiều hướng (không, bộ, biển), đánh từ ngoài kết hợp bạo loạn lật đổ từ bên trong; bảo đảm cho nhiều lực lượng, với nhiều quy mô và phương thức hoạt động, hình thức tác chiến khác nhau; các lực lượng tác chiến trên địa bàn rộng, tính biến động cao; hậu cần các cấp có điều kiện huy động, khai thác, kết hợp mọi nguồn lực, khả năng của nền kinh tế đất nước và HCTC trong bảo đảm.

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

Trên cơ sở kinh nghiệm kết hợp HCTC với HCCD cho các chiến dịch trong Tổng tiến công nỗi dậy mùa Xuân năm 1975, xu hướng phát triển mới và đặc điểm BĐHC tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, HCCD (chiến lược) cần thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, kết hợp tổ chức, sử dụng, bố trí CCHC kỹ thuật chiến lược, quân khu, hậu cần các binh đoàn chủ lực, các CCHC kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trên từng hướng (khu vực) tác chiến. Hậu cần chiến dịch (chiến lược) nắm chắc khả năng LLHC các cấp; tổ chức, sử dụng LLHC hợp lý; xác định vị trí bố trí CCHC kỹ thuật liên kết chặt chẽ với HCTC tạo thành thế trận hậu cần, kỹ thuật vững chắc, liên hoàn, có chiều sâu và đảm bảo tính cơ động cao, phù hợp với thế trận tác chiến chiến dịch – chiến lược. Khi lựa chọn, xác định và bố trí các thành phần trong căn cứ hậu cần – kỹ thuật cần tận dụng hệ thống cơ sở hạ tầng (đường, trường, trạm, trụ sở làm việc của cơ quan dân chính đảng, hệ thống kho tàng...) để bảo đảm tính vững chắc, hạn chế được thiệt hại do bom đạn địch đánh phá, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, dài ngày.

*Thứ hai*, kết hợp hậu cần các cấp trong thực hiện các mặt bảo đảm, trong đó chú trọng việc khai thác tốt mọi nguồn lực trên địa bàn tác chiến, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của chiến dịch (chiến lược); kết hợp với HCTC về việc khai thác các loại vật chất như thịt, cá, rau xanh, chất đốt... để kịp thời đáp ứng nhu cầu cho đơn vị; kết hợp chặt chẽ quân y các cấp với cơ sở y tế tại chỗ, hình thành mạng lưới y tế rộng khắp trong cứu chữa, điều trị, nuôi dưỡng thương binh; kết hợp, huy động mọi lực lượng, phương tiện vận tải trong tìm kiếm,

vận chuyển vật chất, thương binh trong các giai đoạn tác chiến; HCCD nắm chắc cơ chế chỉ huy, điều hành của HCTC tạo nên sự tập trung, thống nhất trong tổ chức chỉ huy hậu cần; kết hợp các trang bị, phương tiện thông tin trong chỉ huy (hữu tuyến điện, vô tuyến điện, thông tin vận động...); kết hợp các loại kí tín hiệu, mật mã trong chỉ huy; kết hợp các lực lượng để nắm bắt diễn biến tác chiến, tình hình hậu cần để kịp thời xử trí các tình huống. Chủ nhiệm và cơ quan HCCD (chiến lược) cần nắm chắc tình hình, khả năng lực lượng, phương tiện, vật chất HCTC; làm tốt công tác hiệp đồng với HCTC về thời gian, địa điểm, thủ giao nhận thương binh, bệnh binh, thủ tục thanh toán...; phân công, phân cấp phạm vi kết hợp ở từng cấp phù hợp...

Thắng lợi liên tiếp, xen kẽ nhau của các chiến dịch trong mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử cách đây vừa tròn 50 năm đã để lại những kinh nghiệm phong phú về công tác BĐHC. Cho đến nay, những kinh nghiệm đó vẫn còn nguyên giá trị, cần tiếp tục được nghiên cứu và phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tổng Tham mưu (2011), *Bảo đảm hậu cần chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần tác chiến tiến công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1987), *Hậu cần trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam, Tập II, (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Vũ Hồng Hà và Ban đề tài (2024), *Phát triển lý luận BĐHC tác chiến tiến công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

# CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHO TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Thiếu tướng, PGS. TS. LÊ THÀNH LONG  
Phó Chính ủy Học viện Hậu cần

Cách đây 50 năm, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 (gọi tắt là cuộc Tổng tiến công), đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử của nhân dân ta đã giành thắng lợi, tạc ghi vào lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam như một chiến công chói lọi nhất; từ đó, đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Để có được sức mạnh thần kỳ làm nên chiến thắng vĩ đại ấy là sự kết hợp bởi nhiều nhân tố; trong đó, công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT) trong bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho cuộc Tổng tiến công có vai trò rất quan trọng.

**C**UỘC Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 diễn ra với các chiến dịch lớn liên tiếp và xen kẽ nhau: Chiến dịch giải phóng Tây Nguyên (4/3 - 3/4/1975); đòn tiến công chiến lược giải phóng Huế - Đà Nẵng (5/3 - 29/3/1975) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 - 30/4/1975). Các chiến dịch được tiến hành ở nhiều quy mô, trên các địa bàn khác nhau và trong điều kiện vô cùng ác liệt. Nhu cầu vật chất hậu cần của cuộc Tổng tiến công rất lớn, phải chuẩn bị trong thời gian rất ngắn; song, với ý chí quyết tâm sắt đá “Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” và phương châm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, toàn bộ lực lượng hậu cần quân đội và hậu cần hậu phương đã được huy động, tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo đảm cho các trận đánh. Đó là kết quả của quá trình chuẩn bị hậu cần chu đáo về mọi mặt dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Bộ Chính trị, đặc biệt là sự chỉ đạo sáng tạo, linh hoạt, nhạy bén của Quân ủy Trung ương (QUTW), Bộ Quốc phòng (BQP);



Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thảo luận  
kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam.  
(Ảnh: Tư liệu).

cũng là sự đóng góp quan trọng của hoạt động CTĐ, CTCT trong suốt cuộc Tổng tiến công, được thể hiện trên một số điểm chủ yếu sau:

Một là, công tác đảng, công tác chính trị đã góp phần quan triệt sâu sắc đường lối chính trị, quân sự của Đảng, xây dựng ý chí quyết tâm thực hiện nhiệm vụ cho lực lượng BĐHC trong cuộc Tổng tiến công. Trước thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, nhất là sau thắng lợi của chiến dịch tiến công giải phóng tỉnh Phước Long đã tạo ra cục diện mới. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và QUTW

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

thường xuyên bám sát, nắm chắc tình hình phát triển của cuộc Tổng tiến công trên các hướng. Sau Chiến dịch Tây Nguyên, ngày 23/5/1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975 và đến ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong tháng 4/1975. Với quyết tâm đó, ngày 25/3/1975, Hội đồng chỉ viện chiến trường do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch được thành lập; QUTW đã ban hành nhiều chỉ thị và liên tục chỉ đạo quân và dân ta nắm vững thời cơ chiến lược, hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chiến thắng”. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chính trị, chính ủy, chính trị viên các cấp đã kịp thời phô biến, quán triệt các chỉ thị, công điện, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, QUTW, Bộ Quốc phòng đến các lực lượng BĐHC. Tập trung giáo dục, quán triệt cho bộ đội và nhân dân về tình hình, nhiệm vụ; niềm tin chiến thắng; tầm quan trọng và nhiệm vụ nặng nề của các lực lượng BĐHC... Từ đó, xây dựng quyết tâm, ý chí khắc phục gian khổ, hy sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Do làm tốt công tác quán triệt, giáo dục nhiệm vụ nên mặc dù thời gian chuẩn bị trực tiếp cho cuộc Tổng tiến công, nhất là cho Chiến dịch Hồ Chí Minh rất ngắn, trong 22 ngày phải chuẩn bị khoảng 60.000 tấn vật chất hậu cần (trong đó 30.000 tấn đạn, 8.000 tấn xăng dầu, 22.000 tấn lương thực, thực phẩm...) đủ bão đảm cho các hướng tiến công đồng loạt, cơ động, thọc sâu, tác chiến trong khoảng 5 ÷ 7 ngày. Trước tình hình trên, các lực lượng BĐHC đã phát huy tinh thần sáng tạo, chủ động hiệp đồng, phát huy sức mạnh tổng hợp bão đảm đủ nhu cầu phục vụ chiến đấu; đồng thời, còn chuẩn bị được 15 bệnh viện dã chiến, 17

đội điều trị cơ động, 10 trạm sửa chữa ở các căn cứ hậu cần phía trước...

*Hai là*, công tác đảng, công tác chính trị đã trực tiếp góp phần giữ vững trận địa tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ hậu cần tham gia chiến dịch. Những chiến công đặc biệt xuất sắc của công tác hậu cần trong cuộc Tổng tiến công đã cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của công tác chính trị tư tưởng; đã làm cho cán bộ, chiến sĩ toàn quân nói chung, cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần quân đội nói riêng quán triệt sâu sắc quyết tâm của Bộ Chính trị, QUTW, nhận thức rõ ý đồ, thời cơ chiến lược, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác BĐHC cho từng chiến dịch, trận đánh. Nhờ vậy, đã làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần nhận thức sâu sắc rằng: Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là hoài bão thiết tha của Đảng và nhân dân, là tâm nguyện lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là khát vọng nung nấu ngày đêm của toàn dân, toàn quân ta. Bên cạnh đó, công tác chính trị tư tưởng cũng đã làm cho cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần hiểu được âm mưu của đế quốc Mỹ, khẳng định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Đồng thời, cùng với giáo dục xác định quyết tâm, công tác tư tưởng đã phê phán các biểu hiện tiêu cực, mơ hồ về bản chất phản động của Mỹ - Nguy; kịp thời khắc phục những nhận thức lệch lạc, hữu khuynh tiêu cực, sợ hy sinh, gian khổ trong đội ngũ cán bộ hậu cần.

*Ba là*, công tác đảng, công tác chính trị đã trực tiếp xây dựng kiện toàn tổ chức, con người làm công tác hậu cần vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cuộc Tổng tiến công. Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị và QUTW phê chuẩn đề nghị của Bộ chỉ huy Chiến dịch đặt tên Chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn

– Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Quân ủy Trung ương, trực tiếp là Đảng ủy Chiến dịch đã chỉ đạo gấp rút điều chỉnh, thế bố trí các đoàn hậu cần quanh Sài Gòn nhằm đáp ứng yêu cầu BĐHC cho các quân đoàn, sư đoàn chủ lực từ nhiều hướng nhanh chóng cơ động vào địa bàn chiến dịch, như: Tổ chức thêm Đoàn hậu cần 240 bảo đảm cho hướng Tây Nam; dịch chuyển Đoàn hậu cần 814 từ khu vực Nam Đồng Xoài xuống khu vực Nam Đồng Nai - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 1 để tạo thế liên hoàn với hậu cần Quân khu 7; đưa Đoàn hậu cần 210 từ Bắc Đồng Xoài xuống Nam Đồng Xoài...

Cùng với chú trọng xây dựng về mặt tổ chức, bố trí hậu cần, QUTW, Bộ Quốc phòng luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hậu cần phục vụ cho các chiến trường miền Nam nói chung, Chiến dịch Hồ Chí Minh nói riêng. Từ năm 1958 ÷ 1974, Trường Sĩ quan Hậu cần đã đào tạo, bồi túc và tập huấn được 10.198 cán bộ, gồm: 5.843 cán bộ sơ cấp, bồi túc; 3.573 cán bộ sơ cấp hậu cần; 600 chủ nhiệm hậu cần trung đoàn; 34 chủ nhiệm hậu cần sư đoàn... Ngày 07/02/1975, Chủ tịch Tôn Đức Thắng về thăm, chúc Tết Học viện Hậu cần, Chủ tịch khẳng định: “Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngành hậu cần đã góp phần quan trọng cùng quân và dân cả nước đánh thắng Đế quốc Mỹ xâm lược. Học viện đã đào tạo và bồi dưỡng được nhiều cán bộ hậu cần tốt cho các đơn vị, các chiến trường, góp phần xứng đáng vào thắng lợi trong chiến đấu và xây dựng lực lượng vũ trang”.

Bốn là, công tác đảng, công tác chính trị đã trực tiếp phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng, các phương thức BĐHC cho cuộc Tổng tiến công. Nhờ có chủ trương đúng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, quán triệt kịp thời, hiệu quả

mà công tác BĐHC phục vụ cuộc Tổng tiến công đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của bộ đội và nhân dân cùng tập trung sức người, sức của cho cuộc Tổng tiến công. Từ hậu phương lớn miền Bắc, mọi lực lượng, phương tiện, vận tải đều được huy động vào việc chuyển quân, chuyển vật chất, phương tiện vào miền Nam. Từ Hà Nội, các đoàn tàu chở bộ đội, vũ khí, thiết bị quân sự chạy thẳng vào Vinh, từ đó chuyển tiếp bằng ô tô vào Nam. Từ các cảng Hải Phòng, Bến Thủy các tàu vận tải ven biển của Cục Vận tải (Tổng cục Hậu cần), Bộ Tư lệnh Hải quân, Công ty vận tải đường biển (Bộ Giao thông) chở xe tăng, thiết giáp, pháo, đạn vào miền Nam...

Nhờ phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần đã không quản ngày đêm, vượt qua mưa bom, bão đạn, cùng với các lực lượng khác bảo đảm tốt nhất hậu cần cho từng trận đánh, các chiến dịch. Với ý chí quyết chiến, quyết thắng và tinh thần đoàn kết một lòng, chỉ trong hai năm 1973 ÷ 1974, chúng ta đã củng cố, mở rộng hơn 2.000 km đường chiến lược và hơn 5.500 km đường chiến dịch, bằng gần 50% khối lượng đường xây dựng hàng ngàn kilômét đường ống vận chuyển xăng dầu từ miền Bắc đến miền Đông Nam Bộ; vận chuyển hàng ngàn tấn vũ khí, trang bị, lương thực, đạn dược đến các chiến trường chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công. Hệ thống kho tàng, gạo, đạn dự trữ được tổ chức theo các hướng chiến lược, chiến dịch để cung cấp kịp thời cho chiến đấu. Trên chiến trường miền Nam, hậu cần quân đội và nhân dân các địa phương đã xây dựng thế trận liên hoàn, vững chắc. Bằng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hậu cần của ta xây

dựng thế trận hoàn chỉnh, sẵn sàng cho chiến dịch quyết định.

Có thể nói, CTD, CTCT giữ vai trò rất quan trọng trong BĐHC cho cuộc Tổng tiến công, góp phần đưa tới thắng lợi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tính hiệu quả của hoạt động CTD, CTCT trong BĐHC cho cuộc Tổng tiến công là bài học quý báu về công tác xây dựng ngành hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Theo đó, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, phải luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng ngành HCKT quân đội trong tình hình mới. Trong Tổng tiến công, thời gian gấp, nhiệm vụ BĐHC các chiến dịch rất nặng nề, trong điều kiện muôn vàn khó khăn, ác liệt, hy sinh, nếu chậm trễ có thể mất thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tuy nhiên, bằng quyết tâm chính trị rất cao, bằng sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tài tình của Đảng, chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ đổi mới lịch sử dân tộc. Bước sang giai đoạn cách mạng mới, trước tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới, xây dựng quân đội, ngành HCKT quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đòi hỏi phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy và cơ quan HCKT các cấp cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, trực tiếp là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, đề án, chương trình, kế hoạch của QUTW, Thường vụ QUTW về công tác HCKT, trọng tâm là Nghị quyết số 1658-

NQ/QUTW của QUTW về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW của QUTW về lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Tích cực nghiên cứu, đổi mới tư duy, nhận thức và phương thức triển khai thực hiện; chủ động đề xuất các chủ trương, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác HCKT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đặc biệt quan tâm tới hậu cần nhân dân và BĐHC cho chiến tranh công nghệ cao. Chú trọng xây dựng ngành HCKT chính quy, hiện đại; từng bước đồng bộ về trang bị, phương tiện, vật chất hậu cần với vũ khí, trang bị kỹ thuật. Quan tâm củng cố vững chắc thế trận HCKT trên các hướng, nhất là các địa bàn chiến lược.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ngành HCKT quân đội trong tình hình mới. Những chiến công của ngành HCKT quân đội trong cuộc Tổng tiến công, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố hợp thành, trong đó sức mạnh chính trị, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ ngành hậu cần quân đội đóng vai trò quyết định; biểu hiện tập trung ở nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ, ý chí chiến đấu, tinh thần sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Điều đó có được là do chúng ta làm tốt công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng, khơi dậy lòng căm thù giặc và tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng cho từng cán bộ, chiến sĩ trong ngành. Bài học đó ngày nay còn nguyên giá trị; nhất là với nhiệm vụ bảo đảm HCKT trong điều kiện mới. Điều đó đòi hỏi cấp ủy, người chỉ huy các cấp ở các cơ quan HC-KT phải tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác

giáo dục chính trị, định hướng, quản lý và giải quyết hiệu quả tình hình tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ngành HCKT, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ và xây dựng cơ quan, đơn vị.

*Thứ ba, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng cơ quan HCKT tinh, gọn, mạnh gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT đủ về số lượng, chất lượng cao. Kinh nghiệm trong BĐHC cho cuộc Tổng tiến công cho thấy, muốn hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao, nhất là nhiệm vụ nặng nề, phức tạp mang tính quyết định phải luôn chú trọng xây dựng kiện toàn tổ chức và con người vững mạnh, yếu tố có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi. Bước sang giai đoạn cách mạng mới, trước yêu cầu xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, cùng với việc chú trọng kiện toàn tổ chức, lực lượng theo biên chế mới, cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, phương pháp tổ chức điều hành cơ quan HCKT phù hợp với tình hình thực tiễn; xây dựng mối đoàn kết, thống nhất cao trong cơ quan HCKT; kịp thời nắm, giải quyết những khó khăn, bất cập, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội vững mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HCKT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện đa dạng hóa loại hình, gắn kết công tác đào tạo tại nhà trường với thực tiễn đơn vị, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo.*

*Thứ tư, công tác đảng, công tác chính trị cần phải tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng trong quân đội với phát huy thế trận hậu cần nhân dân. Đây là bài học vô cùng quý báu trong cuộc Tổng tiến công. Theo đó, hoạt động CTĐ,*

CTCT cần thường xuyên quán triệt, giáo dục sâu sắc cho cán bộ chiến sĩ quân đội và nhân dân nói chung, ngành HCKT nói riêng quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân. Xây dựng thế trận hậu cần, lấy tạo nguồn, khai thác tiềm năng tại chỗ là cơ bản. Hình thành các khu vực hậu cần tại chỗ có khả năng độc lập bảo đảm cho lực lượng vũ trang hoạt động tác chiến trong mọi tình huống. Trên cơ sở đó, quy hoạch, xây dựng thế trận hậu cần chiến lược, chiến dịch, hậu cần khu vực phòng thủ vững chắc, có khả năng cơ động cao, tạo thế liên hoàn, vững chắc. Ưu tiên xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng với nhiều phương thức cơ động, nhất là mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy để bảo đảm vận tải linh hoạt trong mọi tình huống ...

Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, có thể nhìn lại nhiều bài học lịch sử trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Bài học về phát huy vai trò CTĐ, CTCT trong BĐHC cho Tổng tiến công có giá trị sâu sắc; hoạt động CTĐ, CTCT đóng vai trò “linh hồn, mạch sống” cho những thành công của công tác BĐHC, góp phần vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Bài học đó sẽ tiếp tục được nghiên cứu, khai thác, vận dụng và phát triển sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 – 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Đặng Sỹ Lộc (2025), *Công tác Đảng, Công tác chính trị trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

# TẠO LẬP VỮNG CHẮC, CHUYỂN HÓA LINH HOẠT THẾ TRẬN HẬU CẦN BẢO ĐẢM CHO CÁC CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ  
Trưởng phòng Đào tạo, Học viện Hậu cần

*Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không những khẳng định tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược mà còn là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, trong đó, tạo lập vững chắc và chuyển hóa linh hoạt thế trận hậu cần (TTHC) bảo đảm cho các chiến dịch tiến công (CDTC) là một trong những nét đặc sắc tiêu biểu, yếu tố quan trọng góp phần vào Ngày toàn thắng 30/4/1975.*



Đoàn xe quân sự chở vật chất hậu cần bảo đảm cho Chiến dịch Hồ Chí Minh. (Ảnh: Tư liệu)

**C**UỘC Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 được mở màn bằng Chiến dịch Tây Nguyên, với trận đột phá chiến lược đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột. Ngay từ tháng 9/1974, cùng với việc tổ chức tiếp nhận vật chất từ Đoàn 559

đưa vào dự trữ, Cục Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên đã gấp rút tổ chức Cơ quan Hậu cần Chiến dịch (HCCD), tổ chức triển khai lực lượng, nhanh chóng tạo lập thế bối trí hậu cần phù hợp, sẵn sàng bảo đảm kịp thời cho các đơn vị tác chiến.

Trên cơ sở lực lượng hậu cần (LLHC) của các Binh trạm thuộc Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên, HCCD tiến hành thu hẹp các binh trạm, rút lực lượng để tổ chức các đơn vị hậu cần cơ động, gồm: 2 tiểu đoàn (d) kho, 2 tiểu đoàn vận tải (dVT) ô tô, 2 dVT bộ, 2 bệnh viện, 4 đội điều trị (ĐĐT), 2 trạm sửa chữa xe, 2 trạm sửa chữa pháo, 1 d công binh, 1 đại đội thông tin; kết hợp với lực lượng do Tổng cục Hậu cần tăng cường, gồm: 1 dVT ô tô, 1 ĐĐT, 1 trạm sửa chữa xe xích, một trạm sửa chữa ô tô; HCCD Tây nguyên tổ chức triển khai 5 cụm hậu cần (2 cụm phía sau, 3 cụm phía trước), cụ thể: Trên hướng Bắc, HCCD sử dụng 1 d kho, 2 dVT ô tô, 1 đại đội vận tải bộ, 1 bệnh viện dã chiến, 2 ĐĐT, 1 đội vệ sinh phòng dịch, 1 trạm sửa chữa xe, 1 trạm sửa chữa pháo và 1 trung đội thông tin để tổ chức 1 cụm phía sau (K10A) và 2 cụm phía trước (K10B và B38).

Ở hướng Nam, HCCD sử dụng 1 d kho, 2 đại đội vận tải ô tô, 1 dVT bộ (thiếu), 1 bệnh viện dã chiến, 2 ĐĐT, 1 tổ vệ sinh phòng dịch, 1 trạm sửa chữa xe, 1 đại đội công binh và 1 đại đội thông tin (thiếu) để tổ chức 1 cụm phía sau (K20A) và 1 cụm phía trước (K20B). Các cụm HCCD ở phía trước được bố trí cách hậu cần các sư đoàn chiến đấu từ 20 ÷ 30 km, có đường vận tải ô tô. Khi chiến dịch phát triển sang truy kích địch rút chạy trên Đường 7 và Đường 21, HCCD giao nhiệm vụ cho Cụm hậu cần K10B và K20B tổ chức LLHC cơ động bằng cơ giới vận chuyển vật chất, vũ khí, đạn dược và lực lượng quân y bám theo đội hình các đơn vị truy kích địch rút chạy để kịp thời bảo đảm. Do tạo lập được thế trận vững chắc, chuẩn bị đầy đủ nhu cầu vật chất nên HCCD Tây Nguyên đã bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt cho các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trên chiến trường Trị Thiện, ngày 18/3, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh cho Quân khu (Qk) Trị Thiện và Quân đoàn (Q) 2 tiến công giải phóng Thừa Thiên - Huế. Để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến, hậu cần Qk Trị Thiện triển khai hai cụm hậu cần ở Khe Tre và Li Hi, trực tiếp bảo đảm cho các lực lượng vũ trang Qk tiến công vào Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế; hậu cần Q2 tổ chức 1 căn cứ phía sau ở Cam Lộ, 1 cụm hậu cần phía trước ở Nam Đông, 1 cụm hậu cần phía trước ở Thượng Đức. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng, vật chất hậu cần, sau 4 ngày chiến đấu, hậu cần Qk Trị Thiện và hậu cần Q2 đã bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu thắng lợi, giải phóng hoàn toàn Thừa Thiên - Huế.

Trên đà chiến thắng của Chiến dịch Tây Nguyên cũng như thế có lợi ở chiến trường Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi - Tam Kỳ, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở đòn tiến công giải phóng Đà Nẵng. Bộ Tổng Tư lệnh trực tiếp chỉ huy Qk5 từ hướng Nam đánh lên; Q2 từ phía Bắc đánh xuống và từ phía Tây đánh sang. Tình hình phát triển nhanh chóng, quán triệt tinh thần “táo bạo, thần tốc, thời gian là lực lượng”, trong khi Bộ Tư lệnh chiến dịch chưa kịp hình thành, hai Qk cùng Q2 dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tổng hành dinh đã nhanh chóng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Hậu cần cũng không có cơ quan HCCD, tổ chức hậu cần của Qk Trị Thiện, Qk5, Q2 đã trực tiếp BĐHC cho lực lượng tham gia chiến dịch của mình, trên cơ sở đã có chuẩn bị và tổ chức triển khai từ trước. Nhờ sự linh hoạt trong tổ chức BĐHC cho các lực lượng tham gia chiến dịch, sau hơn 2 ngày tác chiến, đến 15 giờ ngày 29/3, ta giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng. Về BĐHC, mặc dù không có cơ quan HCCD, không có kế hoạch tổ chức và BĐHC chung; song, do chiến trường được tổ chức chuẩn bị từ trước, căn cứ hậu cần của các Qk đã được

tổ chức hợp lý, triển khai ở các khu vực phù hợp trên các hướng tiến công; LLHC và vật chất dự trữ đầy đủ, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến, nên khi bộ đội tiến quân thần tốc, mãnh liệt, hậu cần đã sẵn sàng, tiến theo bộ đội, bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi nhu cầu tác chiến. Đó là bài học lớn về tạo lực vững chắc và chuyển hóa linh hoạt TTHC sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến chiến dịch.

Đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở quyết tâm tác chiến chiến dịch, từ ngày 8 ÷ 20/4, hậu cần Miền đã thành lập 8 tiểu đoàn cơ động xây dựng kho hàng, bốc dỡ, làm đường vận chuyển, 1 dVT thủy và 2 đại đội vận tải thủy; điều ra tuyến trước 10 trạm sửa chữa xe và sửa chữa pháo, 15 bệnh viện và 17 ĐDT với khả năng thu dung khoảng 10.000 giường bệnh. Thế trận hậu cần được điều chỉnh lại gồm hai tuyến trước, sau và LLHC cơ động, cụ thể:

Ở tuyến sau: Đoàn hậu cần 770 triển khai ở Bù Gia Mập được di chuyển về Đồng Xoài, tổ chức thành khu vực tiếp nhận hàng của tuyến vận tải chiến lược, làm tổng kho của chiến dịch. Các Đoàn hậu cần 340 và 220 cùng các lực lượng trực thuộc hậu cần Miền được tổ chức lại thành những phân đội hậu cần, tăng cường cho các đoàn hậu cần phía trước, thành cụm hậu cần cơ động, do Đoàn hậu cần 220 phụ trách, bố trí tại An Lộc, sẵn sàng cơ động theo quốc lộ 13 bảo đảm cho 3 quân đoàn tiến công trên hướng Tây Bắc, Đông và Đông Nam Sài Gòn. Ở tuyến trước, trên hướng tiến công chủ yếu Tây Bắc, Đoàn hậu cần 235 đã triển khai từ trước, được tăng cường lực lượng, áp sát Tây Bắc Sài Gòn tới Quốc lộ 1, bảo đảm cho Q3 cùng các lực lượng địa phương và bộ đội đặc công tiến công trên hướng này.

Trên hướng Bắc và Đông Bắc, Đoàn hậu cần 210 triển khai từ Nam Đồng Xoài đến Bến Bầu, áp sát Bắc và Đông Bắc Sài Gòn, bảo đảm cho Q1 cùng các lực lượng

tiến công trên hướng này. Trên hướng Đông, Đoàn hậu cần 814 triển khai ở Nam sông Đồng Nai, khu vực Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20, hình thành thế liên hoàn với hậu cần Qk7 tới Bà Rịa, bảo đảm cho Q4, Q2 và các lực lượng tiến công trên hướng Đông. Trên hướng Tây, Đoàn 235 ở địa bàn Tây Ninh bảo đảm cho Q3, tổ chức Đoàn hậu cần 240, triển khai ở Bắc Quốc lộ 4, Tân An, Bến Lức, liên hoàn với Đoàn 230 ở Bắc Quốc lộ 1, bảo đảm cho Đoàn 232 cùng các lực lượng tiến công từ hướng Tây vào Sài Gòn. Trên hướng Nam, hậu cần Qk8 triển khai thêm một cánh thọc sâu vào Cần Giuộc, kết hợp với hậu cần nhân dân bảo đảm cho Sư đoàn 8/Qk8 cùng các lực lượng hoạt động ở phía Nam Sài Gòn.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là kết quả cuối cùng của quá trình kháng chiến lâu dài, bền bỉ, quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta. Đó là thắng lợi của sự vận dụng sáng tạo tư tưởng quân sự tiên tiến vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng trận đánh, từng chiến dịch; đồng thời, cũng là minh chứng rõ nét nhất về nghệ thuật tạo lập và chuyển hóa linh hoạt TTHC, luôn bám sát quyết tâm tác chiến chiến dịch, lấy bảo đảm cho tác chiến thắng lợi làm mục tiêu cao nhất.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố dự báo về địch, trang bị kỹ thuật, nghệ thuật quân sự của ta, môi trường tác chiến có nhiều thay đổi, phát triển. Để BĐHC cho các chiến dịch thắng lợi, cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn những kinh nghiệm trong tạo lập và chuyển hóa TTHC bảo đảm cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, cụ thể:

Một là, tích cực, chủ động dự kiến, xây dựng phương án, hình thành thế bố trí, triển khai LLHC, tạo lập TTHC ban đầu

vững chắc theo nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến. Trong chiến tranh BVTQ, các CDTC thường nằm trong thế tác chiến phòng thủ chiến lược chung của đất nước, thế chiến tranh nhân dân phát triển. Phương án mở CDTC được dự kiến trước từ thời bình, thể hiện trong quyết tâm phòng thủ và kế hoạch tác chiến của tư lệnh chiến dịch. Theo đó, ngay từ thời bình, cần làm tốt công tác chuẩn bị các yếu tố, hình thành TTHC, cụ thể: Trên cơ sở phương án tổ chức bố trí, HCCD nghiên cứu, triển khai xây dựng một số công trình hậu cần trọng điểm trong khu vực bố trí, phù hợp với điều kiện, khả năng và tình hình thực tế của địa bàn, như: Sở chỉ huy, kho trạm chứa vật chất, hàm hào, công sự hậu cần...; mức độ xây dựng tùy theo phương án có thể chuẩn bị trước những điều kiện thiết yếu.

Khi chiến tranh xảy ra, CDTC tiến hành trong điều kiện chiến đấu ác liệt, địch có ưu thế về vũ khí, trang bị, đánh phá ác liệt bằng các loại hỏa lực có độ chính xác cao; trong đó, kho trạm hậu cần – kỹ thuật và mạng đường vận chuyển có thể bị địch đánh phá ngay từ đầu, trong quá trình tác chiến. Vì vậy, cần làm tốt việc tạo lập thế trận HCCD, như: Xây dựng (điều chỉnh) phương án, triển khai sở chỉ huy, các thành phần hậu cần – kỹ thuật bảo đảm bí mật, kiên cố, vững chắc, hạn chế được sự đánh phá của địch, bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện vật chất hậu cần.

Thực hiện nội dung trên, người chỉ huy hậu cần phải nghiên cứu kỹ nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến chiến dịch; đối tượng tác chiến; mục tiêu; khu vực (hướng) tiến công; thế trận tiến công do chiến dịch trực tiếp tạo ra: Thế trận đánh địch trong công sự, thế trận đánh địch ngoài công sự (địch ứng cứu giải tỏa đường bộ, đổ bộ đường không, rút chạy). Trên cơ sở, đó dự kiến các phương án tạo lập TTHC ban đầu sát kế hoạch tác

chiến của tư lệnh chiến dịch.

*Hai là, nắm chắc diễn biến tình hình, chuyển hóa TTHC linh hoạt, sát, đúng với phương án chuyển hóa thế trận quân sự đánh các trận then chốt giành thắng lợi. Tổ chức điều hành đánh thắng các trận then chốt, then chốt quyết định là công việc có ý nghĩa rất quan trọng trong chỉ huy thực hành chiến dịch. Chiến dịch tiên công xác định một số trận then chốt như: Trận tiến công tiêu diệt sở chỉ huy lữ đoàn (sư đoàn) hoặc cụm tiểu đoàn địch phòng ngự lâm thời ở nơi xung yếu; trận đánh vận động, tiến công tiêu diệt lực lượng ứng cứu giải tỏa bằng đường bộ hoặc đổ bộ đường không của lữ đoàn địch...*

Để BĐHC cho các trận then chốt, đặc biệt là trận then chốt tiếp theo, phải nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, tạo thế bố trí mới, hoặc chuyển thế bảo đảm trong trận then chốt đầu tiên đúng thời cơ mới đạt hiệu quả bảo đảm cao. Nếu nhận định thời cơ, chuyển hóa TTHC không đúng thì có thể BĐHC quá sớm hoặc muộn, đều ảnh hưởng đến bảo đảm đánh địch đúng thời cơ và có khi bị tổn thất về lực lượng, phương tiện, vật chất hậu cần mà hiệu quả bảo đảm lại không cao.

Để thực hiện chuyển hóa TTHC linh hoạt, cần tiến hành một số biện pháp sau:

- (1) Khẩn trương điều chỉnh thành phần lực lượng đã triển khai theo phương án ban đầu, sử dụng linh hoạt các cách BĐHC;
- (2) Bổ sung lực lượng, điều chỉnh thế bố trí lực lượng trong phân căn cứ hậu cần – kỹ thuật trực tiếp bảo đảm cho trận then chốt mở đầu sang bảo đảm cho trận then chốt tiếp theo;
- (3) Chuyển hóa một phần hoặc toàn bộ thế bố trí các căn cứ, phân căn cứ hậu cần – kỹ thuật bảo đảm cho đánh trận then chốt mở đầu thành thế bố trí mới bảo đảm cho đánh trận then chốt tiếp theo.

Ba là, xây dựng đường cơ động, hình thành mạng lưới giao thông nhiều chiều, chú trọng chuẩn bị mạng đường cơ giới tạo thế liên hoàn của TTTC. Hệ thống đường cơ động là nội dung quan trọng của thế trận quân sự nói chung và TTTC nói riêng. Để xây dựng được mạng lưới giao thông tạo thế liên hoàn cho TTTC chiến dịch tiến công, trước hết, phải quan tâm xây dựng mạng đường bộ hoàn chỉnh, củng cố, mở rộng làm mới các tuyến đường bộ chiến lược, bảo đảm cơ động nhanh trong hoạt động BĐHC và phòng tránh, đánh địch.

Trên cơ sở phương án tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí hậu cần và tình hình địa hình, đường sá trên địa bàn chiến dịch, cơ quan vận tải chiến dịch xác định mạng đường vận tải nối từ căn cứ (phân căn cứ) HCCD đến hậu cần các sư đoàn bộ binh, hậu cần các trung, lữ đoàn binh chủng và căn cứ hậu cần tỉnh (thành phố) trên các hướng tác chiến; trên mỗi hướng tiến công cần có 1 ÷ 2 trực dọc, trên địa bàn chiến dịch cần 3 ÷ 5 trực dọc; cần lựa chọn, chuẩn bị nhiều đường hỗ trợ cho nhau, gồm đường ngang, đường nhánh, đường vòng tránh trọng điểm (nút giao thông, đèo, ngầm); trong mỗi phương án cần có các trực đường chính thức, đường dự bị; đường vận tải cơ giới, đường vận tải thô sơ, đường vận tải bộ, đường vận tải thuỷ (nếu có sông, suối) tạo thành mạng đường vận tải liên kết chặt chẽ hậu cần các cấp. Đối với các tuyến đường thủy, chủ yếu tận dụng các tuyến đường sông, suối sẵn có tự nhiên, không phải đầu tư thời gian, nhân lực, vật liệu để xây dựng và khai thác như các loại đường khác.

Thực hiện nội dung trên, đòi hỏi cơ quan vận tải, chủ nhiệm HCCD cần làm tốt công tác tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền phương án kết hợp kinh tế với quốc

phòng trong xây dựng mạng đường vận tải; thường xuyên nắm chắc thực trạng mạng đường giao thông trên địa bàn tác chiến để có phương án cải tạo, xây dựng; phối hợp với cơ quan công binh lập phương án tu sửa, nâng cấp những tuyến đường hiện có bị hư hỏng, xây dựng mở thêm những tuyến đường mới để báo cáo, đề đạt với tư lệnh chiến dịch phương án tổ chức thực hiện vào những thời điểm phù hợp...

Chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), tác chiến nói chung, các CDTC nói riêng được dự báo sẽ phải tiến hành trong điều kiện hết sức ác liệt, tính cơ động, biến động cao, thời gian tác chiến ngày càng rút ngắn, với sự tham chiến của vũ khí công nghệ cao. Theo đó, để đáp ứng yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới, việc chủ động dự báo, kịp thời chuyển hóa TTTC là vấn đề mang tính tất yếu cần được nghiên cứu kề thừa và vận dụng linh hoạt♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1992), *Lịch sử hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam, Tập 2 (1954-1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử HCCD trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Vũ Hồng Hà và Ban đề tài (2024), *Phát triển lý luận BĐHC tác chiến tiến công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần*, Hà Nội.

# KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM XĂNG DẦU

## CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN - HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, PGS. TS. VŨ NGỌC ĐIỆP  
Chủ nhiệm Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

*Chiến dịch Tây Nguyên (CDTN) – Chiến dịch mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, có ý nghĩa chiến lược vô cùng to lớn, bước ngoặt quyết định, đưa cuộc Tổng tiến công giành thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi của CDTN khẳng định đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam và sự trưởng thành, lớn mạnh của công tác bảo đảm xăng dầu (BĐXD) chiến dịch.*



Quản lý, bảo quản xăng dầu dự trữ sẵn sàng chiến đấu.

NĂM vững thời cơ cách mạng, ngày 09/01/1975, Thường trực Quân ủy Trung ương quyết định mở CDTN để giải phóng Buôn Ma Thuột. Chiến dịch diễn ra từ ngày 04/3 ÷ 24/3/1975, với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch (diệt Sư đoàn 22, đánh thiệt hại nặng Quân đoàn 2 ngụy), giải phóng các tỉnh Đăk Lăk, Phú Bồn, Quảng Đức; mục tiêu then chốt là thị xã Buôn Ma Thuột và ba quận lỵ Đức Lập, Cẩm Ga, Kiến Đức, mở rộng hành lang, nối liền Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, thực hiện chia cắt chiến lược, tạo cục diện mới về chiến lược...

Trong CDTN ta sử dụng một lực lượng lớn các đơn vị binh chủng hợp thành, các đơn vị binh chủng; sử dụng nhiều chủng loại phương tiện kỹ thuật khác nhau, gồm: 47 xe tăng (loại T-54 hoặc Type 59) và 16

xe thiết giáp loại Type 63, cùng gần 1.000 khẩu pháo cơ giới, sử dụng hàng trăm xe ô tô các loại. Để đáp ứng nhu cầu chiến đấu của các đơn vị, Cục Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên ngành Xăng dầu (XD) tổ chức dự trữ bảo đảm cung cấp cho các đơn vị đến hết mùa mưa; tính đến đầu 3/1975, đã dự trữ được 1.421 tấn XD; bảo đảm kịp thời đáp ứng nhu cầu XD cho các phương tiện cơ giới tham gia chiến dịch, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch và để lại những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là:

*Thứ nhất, dựa vào lực lượng xăng dầu (LLXD) cấp trên, lực lượng tại chỗ tích cực, chủ động chuẩn bị tạo nguồn XD để bảo đảm cho chiến dịch. Chấp hành chỉ thị của Cục Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên, ngành XD đã tích cực huy động từ các nguồn để bảo đảm. Trong đó, công tác chuẩn bị đã được*

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

lên kế hoạch và bắt đầu từ cuối năm 1974 với ý định ban đầu là tiến công Đức Lập – Gia Nghĩa. Tuy vậy, khi có quyết định lấy Buôn Ma Thuột là mục tiêu chủ yếu nhưng vẫn tiến công Đức Lập khiến mọi công tác chuẩn bị nói chung, XD nói riêng phải tiến hành khẩn trương hơn với mức độ lớn hơn so với kế hoạch ban đầu. Quá trình tổ chức chuẩn bị cho chiến dịch ngành XD đã tích cực, chủ động hiệp đồng với các lực lượng có liên quan trong tổ chức tạo nguồn XD để bao đảm cho chiến dịch. Nhờ đó, tính đến đầu 3/1975, ngành XD chiến dịch đã khai thác, huy động được 1.421 tấn XD, đạt 96% so với kế hoạch đề ra. Quá trình chiến đấu, ta thu 190 tấn XD của địch; ngành XD chiến dịch đã kịp thời tổ chức kiểm tra, quản lý và đưa vào sử dụng đáp ứng kịp thời nhu cầu XD của các đơn vị tham gia chiến đấu, kể cả khi các đơn vị chuyển sang truy kích địch.

**Thứ hai**, kết hợp linh hoạt các phương tiện vận chuyển phù hợp với khả năng, lực lượng của ngành XD trong tổ chức bao đảm cho các lực lượng. Trong CDTN Tây Nguyên, các lực lượng của chiến dịch sử dụng hàm trăm phương tiện, với nhiều chủng loại khác nhau; điều đó làm cho nhu cầu XD của chiến dịch rất lớn (theo kế hoạch ban đầu xác định là 1.484 tấn XD). Để bao đảm dự trữ đủ lượng XD đáp ứng cho chiến dịch, ngành XD đã kịp thời kết hợp với cấp trên và lực lượng của các cụm hậu cần, các đơn vị trong việc tổ chức kết hợp linh hoạt các phương thức vận chuyển. Cụ thể, đối với XD chiến lược đã nhanh chóng hoàn thành các tuyến ống phía Tây vào Tây Nguyên và Nam Bộ; đồng thời, xây dựng tuyến đường ống phía Đông Trường Sơn theo trực Đường 14 gấp tuyến Tây tại Plei Khốc; tổ chức xây dựng các kho XD A13 trữ lượng

1.000m<sup>3</sup>, kho K6B trữ lượng 600m<sup>3</sup> trên trực Đường 9, khu vực Bản Đôn; kết hợp cải tiến khâu cấp phát đạt năng suất cao cho lưu lượng xe lớn... Tính đến 20/12/1974, đã hoàn thành tuyến ống vận chuyển XD từ Bến Quang vào đến kho Plei Khốc, kịp thời phục vụ cho các đơn vị tham gia chiến dịch. Từ các kho trên các trạm, tuyến chính nhiên liệu được vận chuyển bằng xe xitec vào tuyến trong; những điểm không sử dụng cơ giới được, ngành XD phối hợp với các lực lượng bao đảm khác tổ chức vận tải bộ để vận chuyển XD.

**Thứ ba**, tổ chức sử dụng lực lượng, bố trí xăng dầu linh hoạt, phù hợp với yêu cầu tác chiến. Trong CDTN, ngành XD đã rất linh hoạt trong tổ chức sử dụng và bố trí lực lượng. Sau khi đánh tan rã các lực lượng phản đột kích của địch trong các ngày 12 ÷ 14/3/1975, khi địch rút chạy theo các trực Đường 21, theo hướng Khánh Dương về Ninh Hoà và trực Đường 7, theo hướng Cheo Reo về Tuy Hoà; Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định điều các lực lượng của Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 tổ chức cơ động truy kích địch trên các trực Đường 21, Đường 7. Trước sự phát triển nhanh của tình hình, ngành XD đã kịp thời điều chỉnh lực lượng ở các cụm hậu cần K10B, K20B tổ chức lực lượng cơ động, vận chuyển vật chất đi theo đội hình truy kích của bộ đội để bao đảm cho chiến đấu. Nhờ vậy, cùng với các LLXD ở các cụm hậu cần K10A, K10B, B38 (ở hướng Bắc) và K20A, K20B (ở hướng Nam), ngành XD chiến dịch kịp thời triển khai 3 trạm cấp phát XD với trữ lượng 35 ÷ 50 tấn mỗi trạm, dọc các trực đường cơ động của các đơn vị.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), chiến dịch tiến công

(CDTC) sẽ được mở ra trong điều kiện thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, địch có sự phát triển mạnh mẽ cả về thủ đoạn tác chiến và sử dụng vũ khí, thiết bị chiến trường nên sẽ rất ác liệt, diễn biến nhanh, nhiều tình huống phức tạp; BĐXD càng trở nên khó khăn, phức tạp. Những kinh nghiệm BĐXD trong CDTN, có thể kế thừa, phát triển trên một số vấn đề chủ yếu sau:

*Một là*, triệt để tận dụng kết quả chuẩn bị trước của XD khu vực phòng thủ, kịp thời tạo lập lượng XD dự trữ cho chiến dịch. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, khi đã hội tụ đủ các điều kiện và thời cơ xuất hiện, Bộ hoặc quân khu sẽ nhanh chóng quyết định mở CDTC. Vì vậy, thời gian chuẩn bị trực tiếp rất ngắn. Trong khi đó, khối lượng XD phải dự trữ khá lớn, trên địa bàn tương đối rộng, phải bảo đảm cho nhiều hoạt động tác chiến. Để hoàn thành nhiệm vụ, XD chiến dịch cần dựa vào sự chuẩn bị trước về XD trong khu vực phòng thủ, thế trận XD tại chỗ kịp, thời tạo lập lượng dự trữ XD theo yêu cầu, nhiệm vụ chiến dịch. Muốn vậy, ngay từ thời bình, dưới sự chỉ đạo của Bộ, các quân khu cần tiến hành chuẩn bị những nội dung cơ bản cho tác chiến nói chung, trong đó có CDTC nói riêng. Công tác chuẩn bị được tiến hành từng bước, trong nhiều năm, theo ý định, kế hoạch thống nhất từ quân khu đến địa phương, đơn vị. Thế bố trí triển khai các LLXD ở các địa phương đã và đang được triển khai xây dựng ngày càng hoàn thiện. Mặt khác, trên địa bàn có thể đã bố trí LLXD phù hợp, sẵn sàng bảo đảm cho các hoạt động tác chiến của Bộ và khu vực phòng thủ. Ngoài ra, trên địa bàn chiến dịch còn có các LLXD khác như: Công an, biên phòng, các đơn vị chủ lực của Bộ, XD chiến lược, các công ty và doanh nghiệp

XD... Để phát huy tối đa điều kiện đó, ngành XD chiến dịch cần nắm chắc các phương án BĐXD đã được xây dựng và tổ chức chuẩn bị trước; tích cực chuẩn bị dụng cụ chứa đựng, kho bãi và hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng XD của Bộ, của quân khu, khu vực phòng thủ để tiếp nhận đúng, đủ, kịp thời lượng XD bảo đảm cho chiến dịch.

*Hai là*, sử dụng các phương thức vận chuyển hợp lý, bảo đảm kịp thời cho các lực lượng chiến dịch; ưu tiên tập trung cho khu vực (hướng) chủ yếu, các trận then chốt và then chốt quyết định. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc trong BĐXD. Chiến dịch tiến công thường tổ chức nhiều lực lượng khác nhau, trên nhiều khu vực, địa điểm khác nhau; trong điều kiện đối tượng tác chiến có ưu thế về tác chiến điện tử, khả năng trình sát phát hiện, sử dụng phô biến vũ khí công nghệ cao,... đòi hỏi các lực lượng tham gia CDTC phải thường xuyên cơ động, bổ sung, điều chỉnh nhiệm vụ, đội hình chiến đấu phù hợp với diễn biến tác chiến; bảo đảm toàn diện cho tất cả các lực lượng, không để sót lực lượng nào. Bên cạnh đó, do việc chuẩn bị gấp, cơ động nhiều, phương tiện kỹ thuật XD có hạn, địa bàn rộng, địch đánh phá ác liệt; cho nên, nhu cầu XD của các đơn vị rất lớn, luôn mâu thuẫn với khả năng vận chuyển bổ sung của ngành XD. Vì vậy, cần phải nắm chắc các phương thức vận chuyển: Vận tải ô tô, đường ống, đường thủy,... Tuy nhiên, bảo đảm phải tập trung, không dàn trải và phải ưu tiên cho lực lượng làm nhiệm vụ trên khu vực (hướng) chủ yếu, lực lượng tham gia đánh các trận then chốt và then chốt quyết định.

*Ba là*, tổ chức sử dụng LLXD chiến dịch gọn nhẹ, bố trí hợp lý; chuyển hóa và điều chỉnh thế trận kịp thời. Chiến dịch tiến

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

công thường có thời gian chuẩn bị ngắn, quá trình thực hành chiến dịch nhiều tình huống bất ngờ có thể xảy ra; đòi hỏi khả năng cơ động cao đối với các lực lượng tham gia chiến dịch, sẵn sàng chuyển hóa thế trận khi có yêu cầu. Theo đó, bảo đảm vật chất nói chung, BĐXD nói riêng cũng phải được tổ chức gọn nhẹ, bố trí hợp lý, tiếp cận các lực lượng tác chiến chiến dịch. Mặt khác, đối tượng chiến đấu trực tiếp của chiến dịch thường có ưu thế về hỏa lực, thường chiếm các điểm cao có giá trị chiến thuật, xây dựng công sự vững chắc và được hỏa lực pháo binh, không quân chi viện, có khả năng phát hiện từ xa và đánh phá ác liệt sâu vào hậu phương của ta, đặc biệt là kho trạm XD, đường vận chuyển, đội hình tra nạp... Do vậy, trong tổ chức, bố trí LLXD chiến dịch phải triệt để tận dụng địa hình, địa vật, thế có lợi nhằm bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện kỹ thuật XD; đồng thời phải bám sát ý định, diễn biến chiến đấu kịp thời điều chỉnh, chuyển hóa thế bố trí triển khai LLXD phù hợp với tình hình thực tiễn. Muốn vậy, ngay từ thời bình, Trên cơ sở dự kiến các phương án tác chiến, trong đó có CDTC, ngành XD tích cực, chủ động chuẩn bị LLXD chiến dịch. Khi tác chiến, ngành XD chiến dịch phải cùng lúc triển khai bảo đảm cho nhiều lực lượng, nhiều nhiệm vụ, diễn ra đồng thời trên nhiều hướng, nhiều khu vực, trên địa bàn rộng... Vì vậy, đòi hỏi công tác chuẩn bị lực lượng, thế bố trí XD chiến dịch phải chủ động và chu đáo. Tuy nhiên,

diễn biến tác chiến phức tạp, có tình huống ngoài dự kiến; tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí XD chiến dịch có thể không còn phù hợp. Do đó, cần kịp thời điều chỉnh, bổ sung lực lượng, chuyển hóa thế bố trí để đáp ứng yêu cầu bảo đảm và thế trận mới của CDTC.

Những kinh nghiệm BĐXD trong CDTN là tài sản quý báu vẫn còn nguyên giá trị. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), vai trò của XD càng trở nên quan trọng. Bảo đảm xăng dầu CDTC sẽ hết sức khó khăn, phức tạp; chịu sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố. Cho nên, để BĐXD cho CDTC giành thắng lợi cần phải làm tốt mọi mặt. Trong đó, nghiên cứu thấu đáo và vận dụng, phát triển sáng tạo những kinh nghiệm BĐXD chiến dịch Tây Nguyên vào thực tiễn chiến dịch là việc làm ý nghĩa và cần thiết♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2015), *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam, Quyển 1: Lịch sử quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử ngành xăng dầu Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập I*, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN DỊCH XUÂN LỘC TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần

*Thắng lợi của chiến dịch Xuân Lộc đã mở toang “cánh cửa thép” Xuân Lộc, tạo điều kiện thuận lợi cho cánh quân hướng Đông của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Đây là một điểm nhấn quan trọng, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng cả về nghệ thuật chọn hướng, điều hành chiến dịch,... đến bảo đảm hậu cần (BĐHC).*



*Ngày 9/4/1975, quân ta tiến công giải phóng thị trấn Xuân Lộc, cửa ngõ vào Sài Gòn từ hướng Đông Bắc đã được mở. (Ảnh: Tư liệu)*

**S**AU những thất bại to lớn, liên tiếp ở Tây Nguyên, miền Trung, quân Ngụy dồn toàn lực xây dựng Xuân Lộc thành cánh cửa thép để chúng tử thủ bảo vệ Sài Gòn. Lực lượng địch phòng ngự ở Xuân Lộc mạnh (tương đương 1 quân đoàn), gồm: Sư đoàn 18, Thiết đoàn 5, 2 tiểu đoàn pháo binh, 9 tiểu đoàn bảo an, 4 trung đội

pháo binh, 3 đại đội độc lập...

Về ta, sau những thắng lợi vang dội với nhịp độ một ngày bằng 20 năm, ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn trong tháng 4 năm 1975. Ngày 14/4/1975 Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương phê chuẩn quyết tâm chiến dịch Hồ Chí Minh với tư tưởng chỉ đạo “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Để có bàn

đập đứng chân vững chắc cho các binh đoàn chiến lược và các lực lượng tác chiến trên hướng Đông, đồng thời tiếp tục chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh thì vấn đề quan trọng là phải đập tan tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, trọng tâm là Xuân Lộc. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ tư lệnh Miền giao Quân đoàn 4 và Quân khu 7 tổ chức chiến dịch giải phóng Xuân Lộc. Qua 12 ngày đêm (09 - 21/4/1975) chiến đấu kiên cường sáng tạo, chiến dịch đã giành thắng lợi, đập tan tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch, mở toang cánh cửa phía Đông để Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 và các đơn vị khác áp sát Biên Hòa chuẩn bị tổng công kích vào Sài Gòn. Trên cơ sở thế trận và tiềm lực của hậu cần Miền chuẩn bị cho tổng tiến công vào Sài Gòn, kết hợp với hậu cần của Quân khu 7, Quân đoàn 4 và địa phương đã bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu cho tác chiến, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch. Qua đó, để lại nhiều bài học kinh nghiệm về công tác BĐHC, cụ thể là:

*Thứ nhất*, triệt để tận dụng chuẩn bị trước của chiến trường với tích cực chuẩn bị trực tiếp của các đơn vị tham gia chiến dịch. Sau Hiệp định Giơnevo, các căn cứ địa kháng chiến của ta được củng cố, phát triển dần thành vùng giải phóng, tạo thuận lợi để xây dựng các căn cứ hậu cần, mạng đường vận tải, tăng cường tiềm lực hậu cần. Trên hướng Đông Sài Gòn, năm 1974, Đoàn hậu cần 814 (B2) được bổ sung lực lượng khá lớn, với 2.658 người; để chuẩn bị cơ sở vật chất bảo đảm cho bộ đội hoạt động trong mùa khô 1974 – 1975. Đoàn 814 đã ém sẵn 2.000 tấn vật chất (các loại) ở Quốc lộ 1, Tây Đường 14 và 15; riêng tuyến Quốc lộ 13 phải bố trí 1.000 tấn lương thực, thực phẩm. Các kho vật chất áp sát các mục tiêu Xuân Lộc, Định Quán, Túc Trưng, Trảng Bom, Bắc Phước Vĩnh, Chơn Thành. Trừ đạn dược do hậu cần Miền chuyển xuống,

vật chất khác hậu cần chiến dịch (HCCD) thu mua tại chỗ hoặc móc nối mua từ Sài Gòn đưa ra. Các cụm kho ở La Ngà, Tà Bông, Tịnh Vân, Bắc Gia Ray đã dự trữ 600 - 700 tấn gạo, bố trí cách Đường 20 khoảng 300m, trực tiếp bảo đảm cho các lực tham gia chiến dịch. Tại vùng Xuân Lộc, đầu năm 1975, hậu cần Miền dự trữ được 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4 tấn bột ngọt...

Bên cạnh đó, Hậu cần Miền còn phối hợp với công binh quân khu làm cầu đường, bến phà, bến vượt trên sông Đồng Nai, làm đường vận tải "Đốc 5 cua", sửa lại Đường 322, đưa dân vào làm cầu Mă Đà... Trong thời gian ngắn, ta đã mở 75,6 km đường ôtô, 12,3 km đường xe thồ, sửa 130,8 km đường ôtô, chống lầy 15,4 km, làm 24 cầu, xây dựng 75 kho có trữ lượng 15 - 20 tấn hàng, xe 230 tám gỗ đóng 3 ghe trọng tải 2 - 3 tấn/cái... Nhờ vậy, Đoàn 814 đã hoàn thành vận chuyển hơn 10.000 tấn vật chất các loại để ém sẵn trên các hướng tác chiến.

Sau khi nhận nhiệm vụ tiến công giải phóng thị xã Xuân Lộc, Quân đoàn 4 cơ động lực lượng từ Đầu Tiếng về Bắc sông Đồng Nai, công tác chuẩn bị hậu cần tiến hành trong điều kiện thời gian rất gấp. Để cơ động lực lượng, hậu cần quân đoàn huy động phương tiện vận chuyển, phương tiện vượt sông trong khu vực bảo đảm cho Sư đoàn bộ binh 341 và các binh chủng xe tăng, pháo binh cơ động vào khu tập kết; đồng thời, được hậu cần Miền tăng cường cho quân đoàn 50 xe ô tô vận tải để bảo đảm cho Sư đoàn bộ binh 7 cơ động từ Lâm Đồng về tập kết ở Xuân Lộc. Về chuẩn bị vật chất hậu cần, đạn dược: Hậu cần quân đoàn kết hợp lượng vật chất các đơn vị tự mang với hậu cần Miền và hậu cần khu vực bảo đảm.

*Thứ hai*, khẩn trương điều chỉnh tổ chức, thế trận hậu cần phù hợp với đội hình chiến dịch. Trên cơ sở thế trận hậu cần Miền đã bố trí, triển khai từ trước, hậu cần

Miền đã chuyển Đoàn hậu cần 814 từ khu vực Nam Đồng Xoài xuống khu vực Nam sông Đồng Nai - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 1 (gần Bà Rịa), tạo thế liên hoàn với hậu cần Quân khu 7, để cùng hậu cần Quân khu 7 triển khai bảo đảm cho Quân đoàn 4 và lực lượng khác tiến công Xuân Lộc.

Đoàn hậu cần 814 đã điều chỉnh lực lượng và đổi mới phương thức hoạt động; thành lập 5 cánh hoạt động trên địa bàn sông La Ngà; sáp nhập Bệnh viện K11 và K74 thành Bệnh viện K17 (bệnh viện trung tâm); sáp nhập Bệnh xá 1 với Đội điều trị 14 thành Đội điều trị 111; củng cố Đội điều trị 13 và Bệnh xá 3; sáp nhập Kho quân khí 12 và 13 thành C123; bổ sung lực lượng cho Kho B24 thành C124; củng cố binh trạm đường dây gồm 3 đại đội bốc trại thành 7 trạm từ Đồng Nai đến Suối Rật; tổ chức thêm Cánh 7 bảo đảm cho chủ lực Miền trên địa bàn tỉnh Bà Rịa. Ở Cụm Vĩnh An (Cánh 3), hậu cần chiến dịch đã huy động 3 ghe máy, 2 ôtô, bốc trại 1 cụm kho quân nhu và Đội phẫu 11; ở Cụm Tà Lài (Cánh 4) tổ chức các kho (quân giới, xăng dầu, quân nhu), Đội điều trị 13, đội vận tải ôtô để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến.

**Thứ ba**, kết hợp chặt chẽ hậu cần các cấp, kịp thời bảo đảm cho các lực lượng tham gia tác chiến. Đoàn hậu cần 814, hậu cần Quân khu 7 đã kết hợp chặt chẽ với hậu cần nhân dân Xuân Lộc kịp thời bảo đảm mọi mặt cho các lực lượng tham gia tác chiến. Trong đó, các cán bộ cơ sở, cán bộ kinh tài ở Xuân Lộc tích cực vận động đồng bào ủng hộ lương thực, thuốc men; vận động đồng bào dân tộc Chau Ro, Sơ Tiêng đóng góp lúa gạo, đậu, bắp, thuốc men phục vụ bộ đội đánh giặc; xe bò, xe kéo và sức người được huy động để vận chuyển gạo về kho. Các kho hậu cần của Đoàn 814, hậu cần Quân khu 7, của huyện Xuân Lộc ở Suối Tre, Nam sông Là Ngà, Đông Cẩm Mỹ có đầy đủ lương thực, thực phẩm.

Việc cứu chữa thương binh trong quá trình chiến đấu được tổ chức kết hợp giữa quân và dân y. Các đội cấp cứu quân y bố trí trong nhà dân ở thị xã, thương binh được sơ cứu băng bó, có lực lượng du kích, thanh niên chuyển về tuyến sau. Trong 12 ngày tác chiến, lực lượng quân dân y đã thu dung điều trị được 811 thương binh.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), sẽ diễn ra trong những điều kiện tác chiến mới, cả ta và địch đều có sự thay đổi về tổ chức biên chế, nghệ thuật tác chiến và phương thức bảo đảm... Bảo đảm hậu cần chiến dịch tiến công (CDTC) trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, đánh phá ác liệt, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn; cho nhiều lực lượng, nhiều trận đánh, diễn biến khẩn trương, phức tạp; yêu cầu bảo đảm cao trong khi khả năng hậu cần có hạn. Vì vậy, để BĐHC cho các lực lượng tác chiến, cần thực hiện một số vấn đề cơ bản sau:

**Một là**, tích cực chuẩn bị khẩn trương, chu đáo, kịp thời BĐHC cho các lực lượng tác chiến. Khi thành lập CDTC, hậu cần phải khẩn trương làm công tác chuẩn bị, gồm: Xây dựng kế hoạch BĐHC thông qua tư lệnh chiến dịch; chỉ huy triển khai các thành phần hậu cần ở căn cứ và phân căn cứ hậu cần – kỹ thuật (HCKT); xác định, cải tạo, mở mới đường vận tải; tổ chức tiếp nhận lực lượng dự bị động viên hậu cần; kiện toàn biên chế hậu cần các cấp; tổ chức tiếp nhận, dự trữ và bổ sung đầy đủ các loại vật chất hậu cần cho HCCD và các đơn vị. Chuẩn bị được tiến hành đồng thời ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và ở tất cả các khu vực. Muốn vậy, chủ nhiệm và cơ quan HCCD cần nắm chắc quyết tâm tác chiến của tư lệnh chiến dịch, chỉ lệnh bảo đảm HCKT cấp trên, khả năng HCCD và một số yếu tố khác để chuẩn bị kịp thời, khẩn trương và chu đáo cho các lực lượng tham gia chiến đấu. Đồng thời, soạn thảo các văn

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

bản, hướng dẫn cho HCKT cấp dưới thực hiện công tác chuẩn bị; xác định rõ trách nhiệm, phạm vi bảo đảm của hậu cần các cấp; hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần quân khu, hậu cần các đơn vị, hậu cần khu vực phòng thủ để tiến hành mọi mặt về chuẩn bị hậu cần.

*Hai là*, tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần hợp lý, có LLHC dự bị mạnh. Đây là giải pháp phát huy khả năng, sở trường của các lực lượng; tạo thế trận hậu cần vững chắc, liên hoàn, thuận tiện để tiến hành các hoạt động BĐHC; bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện, vật chất hậu cần, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, dài ngày cho tác chiến. Tuỳ theo quy mô chiến dịch, hậu cần – kỹ thuật CDTC thường tổ chức thành căn cứ, phân căn cứ HCKT, có lực lượng hậu cần dự bị và một số thành phần lực lượng khác như. Trên cơ sở thể bố trí chung của hậu cần tác chiến phòng thủ quân khu, HCCD tổ chức, triển khai các thành phần lực lượng hậu cần tạo thành thế trận hậu cần chiến dịch liên hoàn, vững chắc, sẵn sàng chuyển hóa và có lực lượng hậu cần dự bị mạnh để bảo đảm cho các tình huống của chiến dịch. Hậu cần chiến dịch phải nắm chắc thế trận hậu cần cấp trên, hậu cần khu vực phòng thủ; triệt để tận dụng thế trận hậu cần có sẵn, phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng trong địa bàn chiến dịch hình thành thế bố trí, triển khai lực lượng hậu cần theo nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến. Nắm chắc diễn biến chiến dịch, kịp thời điều chỉnh, chuyển hóa thế trận hậu cần phù hợp để kịp thời BĐHC.

*Ba là*, kết hợp chặt chẽ với hậu cần khu vực phòng thủ bảo đảm kịp thời cho các lực lượng tham gia tác chiến. Chiến dịch tiến công diễn ra trong thế trận tác chiến phòng thủ quân khu, thế trận các khu vực

phòng thủ được chuẩn bị trước một bước từ thời bình; trong khu vực địa bàn tác chiến có nhiều thành phần hậu cần khác. Do đó, HCCD cần kết hợp chặt chẽ với các lực lượng hậu cần nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hậu cần để kịp thời BĐHC cho các lực lượng tham gia tác chiến. Hậu cần chiến dịch chủ động liên hệ với hậu cần khu vực phòng thủ, quân khu và của Bộ; phối hợp, tận dụng khả năng, sở trường của mọi ngành, mọi cấp. Kết hợp các lực lượng trong vận chuyển vật chất; cứu chữa, vận chuyển thương binh và bảo vệ hậu cần. Hậu cần chiến dịch phân cấp và chỉ đạo hậu cần đơn vị hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần khu vực phòng thủ và hậu cần các đơn vị khác để bảo đảm và chi viện cho nhau trong quá trình bảo đảm.

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc diễn ra cách đây 50 năm, nhưng bài học kinh nghiệm về BĐHC vẫn nguyên giá trị, cần được nghiên cứu, kế thừa phát triển và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với điều kiện tác chiến của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2015), *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam, Quyển 1: Lịch sử quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam, Tập II, (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHO LỰC LƯỢNG PHÁO BINH CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN NĂM 1975 VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG  
Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

*Trong chiến dịch tiến công Tây Nguyên, lực lượng pháo binh (LLPB) cùng các lực lượng khác đã đập tan toàn bộ tuyến phòng thủ của địch ở Tây Nguyên, mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Thắng lợi các trận đánh của LLPB được tạo nên từ nhiều thành tố; trong đó, bảo đảm hậu cần (BĐHC) giữ vai trò quan trọng.*



*Bộ đội và nhân dân Tây Nguyên kéo pháo 85mm vào trận địa bắn ngắm trực tiếp trong chiến dịch Tây Nguyên. (Ảnh: Tư liệu).*

**T**HỰC hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ngày 09/01/1975, Quân uỷ Trung ương quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên. Đây là chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng có quy mô lớn nhất trên chiến trường Tây Nguyên. Lực lượng tham gia chiến dịch, gồm: 4 Sư đoàn bộ binh 10, 320, 316, 968 (chưa tính Sư đoàn bộ binh 3

đang tham gia cắt Đường 19 ở Bình Định); 4 trung đoàn bộ binh (95A, 95B, 25, 271); 1 trung đoàn đặc công (198); 3 trung đoàn pháo cao xạ (232, 234, 593); 1 trung đoàn xe tăng, xe bọc thép (278); 1 trung đoàn thông tin (29); 2 trung đoàn công binh (7, 575), 1 trung đoàn ô tô vận tải (372); một số tiểu đoàn trực thuộc và lực lượng vũ trang địa

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

phương... Riêng LL PB tham gia có 5 trung đoàn pháo xe kéo (Trung đoàn 675 và 40 là 2 cụm pháo của chiến dịch, Trung đoàn 187 và các trung đoàn khác là cụm pháo Sư đoàn 320A, 316, 10); với 478 khẩu pháo cối các loại (có 94 khẩu pháo xe kéo và 35 khẩu pháo mang vác cỡ lớn).

Trong Chiến dịch này, LL PB đã phát huy tốt vai trò hỏa lực mặt đất, chi viện hiệu quả cho các sư đoàn bộ binh và xe tăng tiến công địch, góp phần tạo nên những đột biến của chiến dịch. Cụ thể:

Đợt 1 chiến dịch, LL PB đã chi viện các trận đánh tạo thế nghi binh, thu hút địch lên hướng Plây Cu; cắt Đường 14, 19 và 21; thực hiện chia cắt chiến dịch; tiến công quận lỵ Thuần Mẫn, Đức Lập để cô lập thị xã Buôn Ma Thuột.

Đợt 2, khi đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột, LL PB bắn dồn dập, mãnh liệt vào các mục tiêu, như: Sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy; Sở chỉ huy tiểu khu Đăk Lăk; căn cứ liên hiệp quân sự và bảy trận địa pháo binh địch; tạo ra đòn hỏa lực áp đảo chi viện kịp thời cho bộ binh, xe tăng đánh chiếm các tiểu khu, khu hành chính, khu thiết giáp trong thị xã, nhanh chóng làm chủ Buôn Ma Thuột.

Sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, LL PB kịp thời cơ động sang phía Đông để chi viện đánh địch ứng cứu giải toả. Bộ Tư lệnh chiến dịch đã sử dụng 54 khẩu pháo xe kéo cho trận then chốt thứ 2 ở Phước An, đập tan cuộc phản kích của địch, xoá sổ Sư đoàn 23 ngụy, giải phóng hầu hết tỉnh Đăk Lăk, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch, buộc chúng phải rút chạy khỏi Tây Nguyên.

Để kịp thời chi viện cho các lực lượng cơ động truy kích địch rút chạy theo đường 7 qua Cheo Reo về đồng bằng. Các LL PB ta tập trung hỏa lực vào các mục tiêu trong thị xã Cheo Reo, chặn đứng cuộc rút lui của địch, làm cho địch hoang mang rối

loạn. Hỏa lực của LL PB cùng với hỏa lực khác đã tiêu diệt các ổ đề kháng địch, chi viện đắc lực, hiệu quả cho bộ binh chiến đấu làm chủ Cheo Reo, giải phóng hoàn toàn các tỉnh Tây Nguyên.

Có thể thấy, khu vực tác chiến của LL PB diễn ra trên phạm vi rộng lớn; tính cơ động rất cao. Cho nên, BĐHC cho LL PB có nhiệm vụ rất nặng nề. Hơn nữa, khu vực tác chiến chủ yếu của chiến dịch là Nam Tây Nguyên, xa hậu phương, đường cơ động khó khăn, ta chưa có cơ sở lót sẵn, hậu cần tại chỗ còn yếu. Địa hình xung quanh Buôn Ma Thuột không cho phép ta triển khai lực lượng áp sát và lót trước vật chất (đặc biệt đạn hỏa lực). Phía Đông thị xã Buôn Ma Thuột, nơi dự kiến đánh địch phản kích nằm trong tầm kiểm soát của địch, ta không có điều kiện chuẩn bị trước... Song, với sự cố gắng vượt bậc, hậu cần đã bảo đảm tốt cho LL PB chiến đấu, góp phần vào thắng lợi chung của chiến dịch và để lại một số kinh nghiệm quý sau đây:

*Một là*, chủ động khắc phục khó khăn, tích cực chuẩn bị hậu cần. Từ cuối năm 1974, Binh chủng Pháo binh đã tổ chức nhiều đoàn công tác vào Nam Tây Nguyên để nghiên cứu địa hình, nắm địch và trinh sát hậu cần trên qui mô lớn, dọc theo các trục Đường số 14, 19 và các vùng quanh thị xã Buôn Ma Thuột. Đồng thời, Hậu cần chiến dịch đã tổ chức 2 cụm hậu cần: Hướng Tây (K20A), bảo đảm cho cụm pháo binh ở hướng Tây Bắc và đánh Đức Lập; cụm hậu cần hướng Bắc (K10B), bảo đảm cho cụm pháo binh ở Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Triển khai xây dựng hoàn chỉnh mạng đường, gấp rút sửa chữa, khôi phục, làm mới các đoạn đường cơ động binh khí kỹ thuật đền sát các khu vực tác chiến. Chỉ tính riêng các con đường phục vụ cho trận then chốt quyết định (mở đầu chiến dịch), đã làm được 367 km, 3

bên phà, 18 ngầm cho pháo binh cơ động chiến đấu.

Cùng với đó, vật chất hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cũng được chuẩn bị hết sức chu đáo. Trung đoàn Pháo binh 40 và 675 đã tích cực tăng gia sản xuất, phát rẫy để trồng lúa, ngô, khoai, sắn và phát triển chăn nuôi. Trong 2 năm 1973 - 1974, trung bình 1 người/năm đạt: 125 kg gạo, 22 kg ngô, 10 kg lạc đậu vừng, 100 kg khoai, 1.000 gốc sắn, 145 kg thịt, 120 kg rau xanh các loại. Đầu tháng 3/1975, hậu cần chiến dịch đã cơ bản hoàn thành việc vận chuyển vật chất dự trữ cho các đơn vị tham gia chiến dịch, đạt 78% kế hoạch; trong đó, lương thực, thực phẩm đạt 114%; tổng số đạn pháo (các loại) dự kiến sử dụng cho toàn chiến dịch là 88.700 viên (có 54.700 viên đạn pháo xe kéo và 34.000 đạn pháo mang vác). Riêng số đạn dự kiến sử dụng cho trận then chốt quyết định mở đầu là 15.488 viên. Gần ngày nổ súng, khi phát hiện còn thiếu đạn cối 160 mm (để đánh công sự ngầm của địch), Hậu cần chiến lược đã kịp thời bổ sung đủ số đạn cối 160 mm.

*Hai là*, tổ chức, bố trí sử dụng lực lượng hậu cần phù hợp, đáp ứng sự phát triển của chiến dịch. Trong chiến đấu, pháo binh thực hiện nguyên tắc “hỏa lực tập trung, hỏa khí phân tán”, nhằm phát huy hiệu quả chiến đấu, bảo đảm an toàn. Theo đó, LL PB được tổ chức thành các cụm pháo. Mỗi cụm có 2 ÷ 3 tiểu đoàn, bố trí phù hợp với từng trận đánh (các bộ phận trong một cụm có khoảng cách từ 10 ÷ 15 km); đồng thời, có các bộ phận lẻ, như đài chỉ huy, đài quan sát, trinh sát, thông tin... Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh của chiến dịch, nên pháo binh phải cơ động nhiều lần để thực hiện các nhiệm vụ chi viện hỏa lực. Trong trận mở đầu chiến dịch, một bộ phận pháo binh chiến dịch và pháo binh Sư đoàn 19 đánh Đức Lập vừa xong, lại cơ động ngay sang phía Đông

thị xã để làm dự bị cho trận Buôn Ma Thuột. Khi đánh Buôn Ma Thuột (10/3/1975), các đơn vị của Trung đoàn Pháo binh 675 bố trí ở khu vực suối Nước Đục và Nam Buôn Ma Thuột. Đêm 12/3/1975, cơ động về Bản Đôn để chi viện cho Đoàn 559 đánh Bản Đôn, Đạt Lý, Chưmga; chi viện cho Trung đoàn bộ binh 25 cắt Đường 21, từ Đông Phước An đến Chư Kúc. Ngày 15/3, đội hình trung đoàn đã ở Cẩm Ga, Tân Lập, Bắc Buôn Ma Thuột để chi viện đánh địch ở Đại Lý, Điểm cao 581 và đánh địch đổ bộ đường không ở Phước An, trên Đường 21. Ngày 17/3, một bộ phận cơ động đi hướng Play Cu để chi viện hỏa lực đánh địch ở sở chỉ huy Quân đoàn 2, Quân khu 2. Sau đó, cơ động toàn bộ đội hình về hướng Đường 7B để đánh địch rút chạy tại Cheo Reo và sẵn sàng chi viện cho Sư đoàn bộ binh 320 tiến công địch ở Phú Túc... Do vậy, để đáp ứng với cách đánh của LL PB và sự phát triển của chiến dịch, hậu cần đã tổ chức thành một bộ phận chính, bố trí gần sở chỉ huy cụm pháo binh, có lực lượng dự bị mạnh (chủ yếu là đạn pháo, xăng dầu để trên xe vận tải sẵn sàng cơ động bổ sung kịp thời theo yêu cầu đơn vị). Đồng thời, tổ chức một bộ phận phía trước có tính cơ động cao; triển khai đội phẫu thuật, trạm sửa chữa, phân công các tổ thợ sửa chữa xuống trận địa để bảo đảm kỹ thuật xe pháo và tiếp nhận vật chất xăng dầu, đạn pháo. Nhờ đó, đã bảo đảm kịp thời cho các LL PB chiến đấu.

*Ba là*, kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm hậu cần tại chỗ và cơ động; cấp trên bảo đảm cho dưới, bảo đảm vượt cấp, phân công, phân cấp hợp lý. Để bảo đảm kịp thời đạn pháo bắn chuẩn bị và cơ động pháo, mỗi hướng chiến dịch đều tổ chức dự trữ theo quy định. Trong quá trình tác chiến, hậu cần bố trí sẵn mỗi hướng 2 xe vận tải, có 1 hộ tống đi theo bảo đảm cho các đơn vị pháo. Ở hướng Tây và hướng

Bắc, hậu cần của các cụm pháo dùng xe ô tô chở đạn và xăng dầu theo đội hình của các đơn vị pháo binh trực tiếp bảo đảm cho các trận địa pháo. Khi các trận địa thực hành hỏa lực chuẩn bị, hậu cần các cụm pháo binh của chiến dịch tập trung các xe vận tải chở đạn pháo và các loại vật chất cần thiết khác bổ sung cho các đơn vị tại trận địa, kết hợp vận chuyển thương binh về các đội điều trị.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao; tác chiến điện tử mạnh, thay đổi căn bản về cách đánh...; tác chiến diễn ra ác liệt, làm cho công tác hậu cần gặp nhiều khó khăn. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho LL PB chiến đấu trong điều kiện mới, cần kế thừa những bài học kinh nghiệm trong chiến dịch Tây Nguyên trên một số nội dung sau đây:

*Thứ nhất*, tích cực, chủ động chuẩn bị trước, bổ sung hoàn thiện trong chuẩn bị trực tiếp. Ngay từ thời bình, trên cơ sở phương án, kế hoạch tác chiến dự kiến, cần chuẩn bị phương án tổ chức sử dụng lực lượng hậu cần; vị trí triển khai các thành phần, lực lượng, kho trạm hậu cần (chính thức và dự bị); chuẩn bị mạng đường vận tải. Đối với vật chất phương tiện, dự trữ đủ lượng sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đồng bộ, hệ số kỹ thuật phương tiện tốt. Khi tác chiến xảy ra, căn cứ vào quyết tâm của người chỉ huy và tình hình cụ thể, khẩn trương tổ chức lực lượng hậu cần, bổ sung vật chất, phương tiện cho phù hợp.

*Thứ hai*, nghiên cứu tổ chức hậu cần và phương thức bảo đảm phù hợp với cách đánh của LL PB. Hiện nay, nghệ thuật tác chiến, cách đánh của LL PB có những phát triển, không gian, thời gian của trận đánh cũng hết sức linh hoạt, chi viện hỏa lực cho nhiều trận đánh khác nhau, đòi hỏi phải kịp thời, chính xác, đúng thời cơ. Vì vậy, cần tổ

chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với nhiệm vụ của từng trận đánh ở các địa hình khác nhau; phải luôn có lực lượng dự bị sẵn sàng cơ động cao. Đồng thời, đổi mới hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phù hợp với các loại hình tác chiến, nhất là bảo đảm vật tư, vũ khí, đạn dược; khảo sát nhiệm vụ của địa phương, đơn vị bạn trên các hướng chiến trường để xây dựng tình huống, phương án phối hợp bảo đảm; sửa chữa được vũ khí, trang bị.

*Thứ ba*, tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng trang thiết bị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng bảo đảm cho các lực lượng. Cần đầu tư các trang bị, phương tiện vận chuyển, tra nạp nhiên liệu và các loại vật chất khác có khả năng việt dã cao để cơ động trên những loại địa hình phức tạp; có khả năng tự mang theo vật chất; vừa cơ động, vừa bảo đảm, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng binh chủng cũng như tác chiến độc lập.

Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên có ý nghĩa quan trọng trên mọi phương diện và để lại nhiều kinh nghiệm quý; trong đó có những kinh nghiệm về bảo đảm hậu cần LL PB. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) se có những thay đổi; do vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển kinh nghiệm về bảo đảm hậu cần LL PB cho phù hợp với điều kiện tác chiến mới◆

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tư lệnh Pháo binh (2004), *Lịch sử ngành Hậu cần Pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam (1946 - 2001)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Pháo binh (2007), *Lịch sử chiến thuật Pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (2006), *Tổng kết công tác hậu cần chiến dịch trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# CHUẨN BỊ HẬU CẦN BẢO ĐẢM CHO CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Đại tá, PGS.TS. VŨ QUỐC HUY  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Mùa Xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra bước ngoặt phát triển mới cho lịch sử dân tộc. Thắng lợi nhanh chóng, triệt để ấy là minh chứng khẳng định về tài năng quân sự kiệt xuất từ Bộ Tổng tư lệnh đến bộ chỉ huy trực tiếp các chiến trường, cũng là kết quả của sự chuẩn bị chu đáo, toàn diện, trường kỳ về hậu cần trên các chiến trường.



Lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ vận chuyển lực lượng, vật chất hậu cần phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh. (Ảnh: Tư liệu).

**T**HỰC hiện tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để đánh thắng”... toàn ngành Hậu cần đã tích cực, chủ động, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, dốc lực để bảo đảm cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Đến ngày 20/4/1975, việc điều chỉnh lực lượng, thế trận hậu cần đã cơ bản hoàn

thành: Điều thêm ra phía trước trên 10.000 người, thành lập thêm 8 tiểu đoàn cơ động phục vụ bốc xếp và làm đường,... tổ chức thêm 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị có khả năng thu dung 10.000 thương binh, bệnh binh. Để bảo đảm lượng vật chất còn thiếu, khoảng 20.000 tấn (chủ yếu là đạn pháo lớn và xăng dầu), Tổng cục Hậu cần và Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã vận chuyển gấp từ hậu phương và các tỉnh Tây Nguyên,

miền Trung vào chiến trường được 11.300 tấn vật chất; đồng thời, chỉ đạo các binh đoàn mang theo đội hình cơ động được 9.347 tấn, Quân khu 5 tổ chức 100 xe ô tô chở đạn pháo 130 mm cho Quân đoàn 1... Đến ngày 26/4/1975, hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh có 55.000 tấn vật chất dự trữ, đạt 90% nhu cầu bảo đảm. Đó là kết quả của quá trình chuẩn bị bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Qua đó, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm như sau:

*Thứ nhất*, quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược, tích cực, chủ động chuẩn bị hậu cần tại chỗ, tạo thế vững, lực mạnh, bố trí trên chiến trường, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của tác chiến khi thời cơ xuất hiện. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã chủ trương xây dựng các vùng căn cứ, vùng giải phóng thành hậu phương tại chỗ cho chiến tranh cách mạng miền Nam. Theo đó, hệ thống căn cứ địa, vùng giải phóng ở miền Nam đan xen, liên hoàn, nối từ Tây Trị - Thiên qua Tây Nguyên vào miền Đông và xuống Tây Nam Bộ đã tạo ra mạng lưới hậu cần tại chỗ rộng khắp. Nhờ vậy, ở Tây Nguyên, cuối tháng 2/1975, các lực lượng vũ trang (LLVT) đã lập lượng dự trữ 54.000 tấn vật chất các loại; trong đó, có 7.286 tấn đạn, 28.600 tấn lương thực, thực phẩm (LTTP). Lượng dự trữ này đủ cho LLVT Tây Nguyên hoạt động trong cả năm 1975. Để chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh, hậu phương tại chỗ đã huy động được gần 10.000 tấn LTTP, đảm bảo hơn 50% nhu cầu cho các cánh quân của chiến dịch.

*Thứ hai*, xây dựng mạng đường giao thông vận tải chiến lược, chiến dịch bảo đảm cho các binh đoàn chủ lực, với binh

khí kỹ thuật hiện đại. Năm 1972, ta đã xây dựng được mạng đường giao thông vận tải chiến lược dài hơn 8.310 km, với 4 trục dọc ở phía Tây Trường Sơn, trên một dải địa hình rừng núi hiểm trở. Đồng thời, để chuẩn bị cho tổng tiến công và nổi dậy khi thời cơ đến, địa bàn các chiến trường đã phát triển, hành lang Đông Trường Sơn được khống chế, hành lang phía Đông từ hậu phương miền Bắc vào tới vùng giải phóng An Lộc, Lộc Ninh ở Nam Bộ dần mở rộng. Tuyến giao thông vận tải chiến lược nhanh chóng được xây dựng từ Đường 9, qua các khu vực hậu phương của chiến trường Trị Thiên, Khu 5, Tây Nguyên vào tới Lộc Ninh. Trong hơn 2 năm, ta mở thêm 8.480 km đường, chiều dài mạng đường vận tải quân sự chiến lược lên đến 16.700 km với 6 trục dọc ở cả Tây và Đông dải Trường Sơn. Cùng với tuyến vận tải ô tô, tuyến đường ống chiến lược đã nối liền hậu phương miền Bắc với các chiến trường Trị Thiên, Khu 5, Tây Nguyên và Nam Bộ (tới Bù Gia Mập). Vì vậy, khi bước vào cuộc tổng tiến công và nổi dậy, mạng đường chiến lược và chiến dịch với chiều dài hơn 20.000 km đã nối liền hậu phương lớn tới các chiến trường, đến các khu vực tiếp giáp với địch trên các hướng tác chiến. Do đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ động lực lượng, cơ động binh khí kỹ thuật, vận chuyển vật chất hậu cần bảo đảm cho các chiến dịch.

*Thứ ba*, xây dựng các căn cứ hậu cần chiến dịch (HCCD), chiến lược đáp ứng yêu cầu của từng chiến trường. Cùng với phát triển mạng đường vận tải, việc bố trí, triển khai các căn cứ hậu cần (CCHC) phù hợp với phương án tác chiến là cơ sở để tiến hành công tác BĐHC. Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, hậu cần điều chỉnh, bố trí

CCHC chiến lược trên từng chiến trường, áp sát khu vực dự kiến tổ chức các trận đánh, chiến dịch khi có thời cơ lớn.

Từ 1972 trở về trước, hậu cần chiến lược đã triển khai lực lượng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở Nam Sông Gianh (Quảng Bình) để chi viện cho chiến trường miền Nam, bảo đảm cho các chiến dịch trên chiến trường Trị Thiên. Hậu cần các chiến trường đã điều chỉnh bố trí các CCHC trong vùng giải phóng, nhằm bảo đảm cho các hướng mở chiến dịch. Ở chiến trường Trị Thiên, hậu cần Quân đoàn 2 dựa vào CCHC của Quân khu Trị Thiên để chuẩn bị cho tiến công Quảng Trị. Trên chiến trường Khu 5, cùng với củng cố CCHC chính của chiến trường, ta đã triển khai và củng cố 3 CCHC (H1, H2, H3) ở phía trước, sẵn sàng bảo đảm cho các hướng tác chiến. Chiến trường Tây Nguyên, đã triển khai 3 binh trạm hậu cần; khi chuẩn bị chiến dịch tiến công Buôn Ma Thuột, ta rút lực lượng của các binh trạm để tổ chức các cụm kho (K10 và K20). Ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, thế trận hậu cần đã được xây dựng và chuẩn bị từ những năm chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Vùng đồng bằng sông Cửu Long, các CCHC của Quân khu 8 được triển khai, bảo đảm cho hướng tiến công Nam sông Sài Gòn, Đường số 4, Mỹ Tho; các CCHC của Quân khu 9 bảo đảm cho tiến công vào các thị xã, thị trấn, trong tâm là Cần Thơ.

Thứ tư, chuẩn bị lực lượng, vật chất hậu cần đầy đủ, chu đáo theo các phương án tác chiến. Cùng với xây dựng, hoàn chỉnh thế trận, ta còn phải tạo nên lực mạnh của hậu cần. Về lực lượng, hậu cần chiến lược tăng cường lực lượng, phương tiện kỹ thuật để mở rộng hệ thống kho tàng dự trữ vật chất, cùng lực lượng quân

y, vận tải của các CCHC đủ sức bảo đảm cho tác chiến. Đến tổng tiến công, mạng lưới quân y ở các chiến trường có 14 bệnh viện, 29 đội điều trị, 9 đội vệ sinh phòng dịch, 12 tiểu đoàn vận tải cơ giới và một số đại đội ô tô, tiểu đoàn, trung đoàn vận tải thô sơ và vận tải bộ. Về vật chất kỹ thuật, kế hoạch hậu cần 3 năm (1973 - 1975) đề ra phải vận chuyển cho các chiến trường hơn 310.000 tấn vật chất, hàng hóa, đồng thời phải ra sức khai thác hậu cần tại chỗ ở các địa bàn kế cận. Kết quả chuyển giao các chiến trường, đến tháng 4/1975 đạt 119,9% kế hoạch. Bước vào tổng tiến công, vật chất kỹ thuật đã dự trữ được ở chiến trường gần 255.000 tấn; trong đó, nguồn hậu phương vận chuyển vào gần 240.000 tấn, nguồn khai thác tại chỗ hơn 15.000 tấn. Như vậy, trong hơn 2 năm trực tiếp chuẩn bị cho tổng tiến công và nỗi dậy Xuân 1975, hậu cần đã xây dựng được lực lượng, thế trận tương đối hoàn chỉnh cả ở cấp chiến dịch và chiến lược, đây là nỗ lực của sự chuẩn bị từ hơn 10 năm trước đó. Các LLHC quân đội với lực lượng vật chất kỹ thuật dự trữ lớn, kết hợp chặt chẽ với hậu cần địa phương và hậu cần nhân dân tại chỗ, triển khai các CCHC thành thế vững, lực mạnh, phù hợp các hướng tiến công, liên hoàn với nhau bởi hệ thống giao thông vận tải chiến dịch, chiến lược.

Kinh nghiệm chuẩn bị hậu cần trong Tổng tiến công và nỗi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn biến chiến đấu phức tạp, nhu cầu BĐHC rất lớn. Mặt khác, do đất nước ta dài và hẹp nên dễ bị chia cắt. Khi đó, sự chi viện của hậu phương cho các

chiến trường và các chiến trường với nhau sẽ gặp khó khăn. Song, đây là cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ta có điều kiện chuẩn bị trước từ thời bình. Vì vậy, để kịp thời BĐHC cho tác chiến, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

*Một* là, kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông liên hoàn để liên kết căn cứ hậu phương, CCHC các cấp và các bộ phận hậu cần. Đồng thời, xây dựng các tổ chức vận tải quân sự phù hợp với nhiệm vụ vận tải của từng cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật và từng quân binh chủng. Hiện nay, nước ta được chia thành nhiều vùng kinh tế; trong đó có các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng rừng núi biên giới. Mỗi vùng kinh tế có vị trí, vai trò phát triển khác nhau; do đó, phải kết hợp quốc phòng - kinh tế trong xây dựng các tuyến đường lưỡng dụng, từng bước hoàn thiện các yếu tố hạ tầng cho phù hợp với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở từng vùng chiến lược và từng quân khu.

*Hai* là, xây dựng LLHC các cấp vững mạnh, kết hợp các nguồn để tạo thế, tạo lực trong bảo đảm. Lực lượng hậu cần bao gồm cả LLHC quân đội, LLHC nhân dân và LLHC dự bị động viên ở các cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, trong các khu vực phòng thủ phải được củng cố thường xuyên và ngày càng hoàn thiện, đồng bộ cả về tổ chức, biên chế, trang bị. Nguồn BĐHC phải được chuẩn bị, xây dựng toàn diện, đồng bộ; lấy tạo nguồn, tăng cường khả năng bảo đảm độc lập tại chỗ cho các lực lượng hoạt động tác chiến trên từng hướng, địa bàn, đặc biệt là địa bàn dễ bị chia cắt chiến lược, chiến dịch, nơi dự kiến mở các chiến dịch chiến

lược, các trận đánh then chốt, then chốt quyết định.

*Ba* là, từng bước triển khai, bố trí LLHC hợp lý, chủ động chuyển hóa linh hoạt. Trên cơ sở phương án tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trên các hướng chiến trường, vùng chiến lược, từng bước triển khai, bố trí các CCHC, bộ phận hậu cần, tạo sự liên kết chặt chẽ, vững chắc, cơ động giữa hậu cần chiến lược, hậu cần các quân khu, quân đoàn, hậu cần khu vực phòng thủ... hoàn thiện thế trận hậu cần trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp. Đồng thời, sẵn sàng chuyển hóa thế trận hậu cần bảo đảm cho các loại hình thức tác chiến chiến lược, chiến dịch, chiến thuật.

Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là chiến dịch quyết chiến chiến lược diễn hình trong kháng chiến chống Mỹ, quá trình chuẩn bị và BĐHC để lại nhiều kinh nghiệm quý. Kế thừa, vận dụng, phát triển những kinh nghiệm đó để chuẩn bị hậu cần, sẵn sàng triển khai bảo đảm kịp thời cho tác chiến chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của cả hậu cần chiến lược, chiến dịch, quân chủng, binh chủng, ngành; cần tiếp tục được nghiên cứu thấu đáo♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần tác chiến TCCL trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2005), *Tổng kết công tác HCCD trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975*, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1987), *Hậu cần trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, Hà Nội.

# KINH NGHIỆM TỔ CHỨC BẢO ĐẢM QUÂN NHU CHIẾN DỊCH TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Thượng tá, PGS. TS. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG  
Phó Chủ nhiệm Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

*Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 tiến hành các chiến dịch quy mô lớn, diễn ra ở cả vùng rừng núi, đồng bằng, nông thôn, lấn đô thị, với không gian rộng lớn, thời gian và diễn tiến chiến dịch nhanh chóng. Ngành Quân nhu luôn nắm chắc ý định của Bộ Tổng tư lệnh, tình hình tác chiến nên đã bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt về quân nhu cho các lực lượng, để lại nhiều kinh nghiệm quý báu.*



*Nhân dân miền Bắc chuẩn bị lương thực chi viện cho các chiến trường trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. (Ảnh: Tư liệu).*

**C**UỘC Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 diễn ra từ ngày 04/3 ÷ 30/4/1975, được thực hiện bằng ba đòn tiến công chiến lược chủ yếu vào Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn - Gia Định, kết hợp với các chiến dịch (CD), các đợt hoạt động tác chiến và nổi dậy giành thắng lợi. Đóng góp vào chiến thắng vang

dội này, ngành Quân nhu (QN) đã tiến hành bảo đảm cho hàng chục vạn người, nhu cầu vật chất quân nhu (VCQN) rất lớn, thời gian ngắn, tính cơ động, biến động cao, đòi hỏi phải phát huy tối đa khả năng, tiến hành nhiều biện pháp bảo đảm cho các CD đã để lại nhiều kinh nghiệm vô cùng quý báu, đó là:

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

Một là, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức chuẩn bị VCQN. Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng về “chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh”, ngành QN đã phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, toàn quân trong huy động “sức người, sức của” cho các CD. Theo kế hoạch, ngoài bảo đảm cho nhu cầu sử dụng thường xuyên, yêu cầu đến năm 1975 phải dự trữ được 16,6 vạn tấn lương thực (LT), 0,6 vạn tấn muối, 1,4 vạn tấn thực phẩm (TP) khô, 0,45 vạn tấn quân trang; bảo đảm đủ tiền cho các chiến trường tự thu mua tại địa phương trong 3 năm 1973 ÷ 1975 là 32 vạn tấn LT, 1,6 vạn tấn muối, 4,6 vạn tấn TP, 1 vạn tấn quân trang các loại; tự sản xuất 7,4 vạn tấn LT, 1 vạn tấn TP. Ngành QN đã phát huy tối đa vai trò của hậu phương lớn miền Bắc, hậu cần địa phương và hậu cần nhân dân kết hợp với khả năng QN các cấp trong huy động, chuẩn bị QN tích lũy, dự trữ ở các chiến trường. Ở hậu phương lớn, Đảng và Nhà nước đã thành lập Hội đồng chi viện để huy động trực tiếp vật chất từ các bộ, các ngành, các địa phương, phối hợp chặt chẽ giữa ngành QN Quân đội bảo đảm cho tiền tuyến. Tháng 1/1974, Cục QN đã thành lập 27 phân đội tăng cường cho các chiến trường làm nhiệm vụ tăng gia, sản xuất, chế biến LTTP tại chỗ, kết hợp thu mua tạo nguồn vững chắc chuẩn bị bảo đảm cho chiến dịch. Trong hai năm 1973 - 1974, Cục QN đã phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan tổ chức vận chuyển 76.400 tấn gạo, đồ hộp, TP khô và hạt giống từ hậu phương miền Bắc cung cấp cho các đơn vị ở chiến trường. Tại chiến trường, các đơn vị đẩy mạnh phát triển sản xuất, nhờ đó đã thu hoạch được 7.900 tấn LT đưa vào dự trữ. Đồng thời, phát động các đơn vị tổ chức khai thác trong dân được 34.800 tấn LTTP. Tổng hợp chung cả ba nguồn trong hai năm là 121.000 tấn VCQN. Với số lượng

trên, ngành QN không những bảo đảm đủ nhu cầu thường xuyên mà còn đủ dự trữ cho chiến đấu. Tính đến đầu năm 1975, bảo đảm dự trữ được cho các chiến trường miền Nam từ 3 ÷ 6 tháng, riêng LTTP có mức dự trữ cao hơn, quân trang quân dụng dự trữ đủ một mùa những loại chính sẵn sàng bảo đảm cho các chiến dịch.

Nhờ phát huy tối đa khả năng của các cấp, các ngành, các đơn vị trong và ngoài quân đội nên trong thời gian ngắn, ngành QN đã tổ chức khai thác, tiếp nhận dự trữ được khối lượng VCQN lớn; tạo nguồn dự trữ kịp thời, đầy đủ bảo đảm cho các lực lượng tham gia các CD. Đây là thành công lớn nhất trong vận dụng quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp về tổ chức bảo đảm quân nhu (BĐQN), thể hiện ý chí quyết tâm, khắc phục khó khăn của ngành.

Hai là, phân cấp dự trữ VCQN hợp lý, kết hợp tổ chức hệ thống kho trạm QN chiến lược rộng khắp và kịp thời điều chỉnh thế trận bảo đảm. Đầu năm 1973, thực hiện Kế hoạch hậu cần 3 năm (1973 - 1975) của Tổng cục Hậu cần, ngành QN tích cực chuẩn bị VCQN ở các chiến trường miền Nam. Cùng với đó, ở hậu phương miền Bắc, ngành QN tổ chức kiện toàn, điều chỉnh, bố trí lực lượng; cử cán bộ vào chiến trường nghiên cứu tình hình, chỉ đạo chuẩn bị VCQN, tổ chức kho tàng, phân cấp dự trữ LTTP. Cục QN kết hợp với QN các chiến trường tổ chức xây dựng các cụm kho chiến lược, CD nằm trên các tuyến vận tải chiến lược, như: Khu vực Đông Hà, dọc Đường 9, Bắc Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ; trên các hướng chiến dịch. Chiến trường Trị Thiên xây dựng cụm kho Cam Lộ, Nam Đông và K82; chiến trường Tây Nguyên bố trí hệ thống kho dọc Đường 14 và 14B... ; ở Khu 5, xây dựng 6 cụm kho phía trước (ở Khu vực An Trang, Núi Hai, Nước Trắng, An Lâm, Đường 19) và các cụm kho lớn ở phía Nam; ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, có

8 cụm kho bô trí trên các hướng bao quanh Sài Gòn, tạo thành hệ thống liên hoàn, rộng khắp sẵn sàng bảo đảm cho mọi tình huống tác chiến. Nhờ tổ chức khoa học, linh hoạt nên ngay khi quyết tâm CD được phê duyệt, QN các cấp đã nhanh chóng điều chỉnh lực lượng và thế bố trí cơ quan, cơ sở QN phù hợp với thế trận chiến dịch. QN chiến lược chủ động tăng cường lực lượng cho QN chiến dịch, QN ở các đoàn hậu cần. Với cách chuyển hóa thế trận linh hoạt, QN chiến dịch đã nhanh chóng hình thành 3 tuyến hoàn chỉnh, gồm: Tuyến QN phía trước nằm trong các phân căn cứ hậu cần (CCHC) CD trực tiếp bảo đảm QN cho các quân đoàn, các hướng chiến đấu. Tuyến QN cơ bản nằm trong các CCHC triển khai quanh Sài Gòn, là tuyến QN phía sau cho các phân căn cứ. Tuyến QN dự bị cơ động nằm trong Đoàn hậu cần 320, làm nhiệm vụ sẵn sàng chi viện cho các tình huống. Thế trận QN vững chắc ở cả 3 tuyến, kết hợp thế bố trí của QN chiến lược, QN các binh đoàn cơ động và QN các địa phương tạo nên thế trận QN liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu bảo đảm cho các lực lượng, các hướng chiến đấu.

Ba là, dựa vào kết quả chuẩn bị trước, khẩn trương, linh hoạt điều chỉnh phương án tổ chức, kết hợp chặt chẽ lực lượng quân nhu các cấp. Bước vào mùa khô 1974 - 1975, các chiến trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự tạo thế và lực cho Tổng tiến công chiến lược. Để BĐQN cho CD Tây Nguyên, trên cơ sở tổ chức hậu cần, QNCD tổ chức thành 3 khu: Khu hậu cứ ở Đức Cơ, gồm cụm kho, bộ phận tăng gia sản xuất chế biến. Khu vực cơ bản ở Ya Khanh, Đắc Đam tiếp nhận, dự trữ, bảo đảm QN cho các hướng và khu vực tiền phương, có nhiệm vụ bảo đảm cho các hướng theo yêu cầu của chiến dịch. Trong Chiến dịch, QN đã bảo đảm 1.081 tấn LTTP, thu được 1.160 tấn gạo và 5.360 tấn muối. Ngày 21/3/1975, ta mở đòn tiến công chiến lược

giải phóng Huế - Đà Nẵng. Theo đó, ngành QN tổ chức một bộ phận ở Bắc Quảng Trị, bảo đảm cho lực lượng đánh chiếm thị xã Quảng Trị và phát triển vào Huế; một bộ phận ở Nam Thừa Thiên, bảo đảm cho lực lượng của Quân khu phối hợp với Quân đoàn 2 tiến công giải phóng Huế. Quân nhu Quân đoàn 2 tổ chức ra bộ phận ở sở chỉ huy cơ bản Nam Đông; bộ phận hậu cứ ở Ba Lòng, Cam Lộ và bộ phận ở hậu phương miền Bắc làm nhiệm vụ chuyển hàng từ kho Cục QN vào bảo đảm cho Quân đoàn. Quân nhu Quân khu 5 tổ chức bộ phận hậu cứ tại làng Hội và bộ phận tiền phương ở Trà My bảo đảm cho lực lượng chiến đấu trên hướng Bắc và hướng Nam. Các quân khu, quân đoàn đã chuẩn bị dự trữ được một lượng lớn VCQN lót sẵn trên các hướng. Quân khu 5 dự trữ 10.000 tấn LTTP, 50.000 bộ quân phục; Quân khu Trị Thiên và Quân đoàn 2 dự trữ được 3.400 tấn LTTP, 50.000 bộ quân phục. Lượng vật chất mang theo được quy định cụ thể theo từng cấp: Cấp CD là 1 ÷ 3 tháng; cấp chiến đấu từ 10 ÷ 15 ngày. Quá trình chiến đấu, ta thu được của địch 1.200 tấn LTTP ở Phú Bài và 25.000 tấn LTTP ở Đà Nẵng, kịp thời bổ sung cho bộ đội và cứu đói cho nhân dân.

Ngày 26/4/1975, ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh. Để chuẩn bị nhu cầu BĐQN cho khoảng 25 vạn bộ đội chủ lực và 2 vạn bộ đội địa phương, QNCD tổ chức các cụm kho cơ bản, cụm kho ở các hướng, các trạm thu mua, chế biến LTTP. Quân nhu hướng dựa vào QN đoàn hậu cần Miền làm căn cứ bảo đảm. Quân nhu Đoàn 235 được tăng cường lực lượng, phương tiện, triển khai ở Chơn Thành, Dầu Tiếng bảo đảm cho Quân đoàn 3 và lực lượng tiến công từ hướng Tây Bắc; QN Đoàn HC 210 bố trí ở Nam Đồng Xoài, Bến Bàu bảo đảm cho Quân đoàn 1 và lực lượng tiến công từ hướng Bắc; QN Đoàn HC 814 bố trí ở La Ngà, Túc Trưng, Dầu Day bảo đảm cho Quân đoàn 2, Quân đoàn

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

4 và lực lượng tiến công trên hướng Đông; QN Đoàn HC 240 bố trí ở Đồng Tháp Mười bảo đảm cho Bình đoàn 232 và lực lượng tiến công từ hướng Tây và Tây Nam. Tổ chức một bộ phận dự bị cơ động ở An Lộc, sẵn sàng cơ động tăng cường bảo đảm cho các quân đoàn. Đồng thời, các quân đoàn cũng triển khai lực lượng QN trong các CCHC bảo đảm cho chiến dịch. Trên cơ sở vật chất dự trữ sẵn ở các chiến trường, kết hợp với lượng mang theo, đến ngày 26/4 ta đã chuẩn bị đủ 21.000 tấn LTTP, 12 vạn bộ quân phục, 10 vạn đội giày, 24.000 mét nilon và 30 tấn dụng cụ cấp dưỡng.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 góp phần kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta; đánh dấu bước phát triển tới đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam; đồng thời, cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng to lớn về tổ chức QN “đi trước một bước”, dự trữ, cơ động, chuyển hóa thế trận và bảo vệ QN chiến dịch. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra) là cuộc chiến tranh hiện đại, chiến tranh công nghệ cao, sự xuất hiện và tham gia của nhiều loại vũ khí thông minh; sử dụng hệ thống vệ tinh và liên lạc duy trì chỉ huy và phối hợp tác chiến; tác chiến điện tử mạnh, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu, nhận diện mục tiêu và điều khiển hệ thống vũ khí tự động. Cho nên, BĐQN chiến dịch tiến công có nhiều khó khăn, thách thức. Vì vậy, một mặt, cần tiếp tục nghiên cứu phát triển và vận dụng phù hợp những kinh nghiệm BĐQN trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975; đồng thời, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau đây:

**Thứ nhất**, chủ động chuẩn bị chu đáo mọi mặt QN từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm khi có chiến tranh. Trong CDTC, nhu cầu VCQN sẽ rất lớn, chất lượng cao, thời gian chuẩn bị ngắn, khẩn trương, phức tạp. Do

vậy, ngay từ thời bình, cần chuẩn bị chu đáo mọi mặt về QN. Trước hết, xây dựng tổ chức biên chế quân nhu “tinh, gọn, mạnh”; cán bộ, nhân viên giỏi chuyên môn; dự kiến phương án, nhiệm vụ; xây dựng thế trận QN vững chắc; tổ chức dự trữ sẵn một phần vật chất, trang bị QN phù hợp trên từng hướng (khu vực) sẵn sàng bảo đảm cho các đơn vị khi có chiến tranh.

**Thứ hai**, nắm chắc nhu cầu mọi mặt về QN, tổ chức khai thác tạo nguồn, hiệp đồng bảo đảm chặt chẽ, bổ sung kịp thời và vận dụng linh hoạt các hình thức bảo đảm cho các đơn vị.

**Thứ ba**, tổ chức quân nhu liên hoàn, vững chắc kịp thời chuyển hóa thế trận bảo đảm; chú trọng thực hiện các biện pháp ngụy trang, nghi trang bảo vệ QN an toàn tuyệt đối.

Chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), BĐQN cho tác chiến nhất là các chiến dịch có nhiều thay đổi. Nghiên cứu, kế thừa và phát triển kinh nghiệm trong Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân 1975 là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thấu đáo, vận dụng linh hoạt phù hợp mới đáp ứng được yêu cầu của cuộc chiến tranh hiện đại♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2021), *Biên niên sự kiện Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam (1930-2000)*, Hà Nội.

2. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 (2006), *Lịch sử Hậu cần mặt trận Tây Nguyên Quân đoàn 3 (1964-2004)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

3. Tổng cục Hậu cần (1998), *Lịch sử quân nhu Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# CÔNG TÁC TÀI CHÍNH BẢO ĐẢM CHO QUÂN ĐỘI CHIẾN ĐẤU, CÙNG TOÀN DÂN TIẾN HÀNH CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Trung tá, TS. NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ nhiệm Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Đại úy, CN. TRẦN TUẤN ANH

Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

Sát cánh cùng các lực lượng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Ngành Tài chính quân đội (TCQĐ) đã luôn bám sát nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, chủ động tham mưu, đề xuất với các cấp, tổ chức bảo đảm tài chính kịp thời, đầy đủ cho quân và dân ta thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.



Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam làm việc với đoàn công tác của ngành Tài chính Liên Xô để trao đổi kinh nghiệm bảo đảm tài chính trong chiến tranh. (Ảnh: Tư liệu).

**C**ÁCH đây nửa thế kỷ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), quân và dân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Trong chặng đường lịch sử hào hùng ấy, bên cạnh sự lãnh đạo tài tình của Đảng, tinh thần chiến đấu quả cảm của quân và dân ta, còn có đóng góp to lớn của công tác TCQĐ.

Sau Hiệp định Paris năm 1973, Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ mạnh cho chính quyền Sài Gòn, nhằm chia cắt đất nước ta. Trước tình hình đó, Quân ủy Trung ương đã đề ra nhiều chủ trương, nhiệm vụ của quân đội. Đây là những nghị quyết chỉ đạo cơ bản, quan trọng, định hướng toàn bộ hoạt động quân sự cũng như công tác TCQĐ những năm 1973 - 1975.

Thời kỳ này, ở miền Bắc, công tác TCQĐ tiến hành trong hoà bình nên có nhiều thuận lợi. Quân đội tiến hành chỉnh chỉnh tổ chức, phát triển lực lượng, thành lập các quân đoàn chủ lực cơ động. Theo đó, Cục Tài vụ trực tiếp bảo đảm cho các Quân đoàn 1, 2, 3. Phòng Tài vụ, Bộ tư lệnh Miền (B2) bảo đảm cho Quân đoàn 4. Sự phát triển nhanh về tổ chức, lực lượng cùng với những yêu cầu cao hơn của tác chiến, đòi hỏi nhu cầu lớn, cấp bách về tài chính và vật chất, trước hết là bảo đảm đời sống, sinh hoạt cho bộ đội (chủ yếu là các khoản lương, phụ cấp, ăn mặc, thuốc chữa bệnh...). Đây là khoản chi lớn, chiếm tỷ lệ ngày càng cao so với tổng chi hàng năm: Năm 1972 chiếm 16%, năm 1973 tăng lên 21% và đến năm 1974 là 37%.

Bảo đảm sinh hoạt cho bộ đội ở miền Bắc vẫn theo các chế độ tiêu chuẩn đã ban

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

hành. Một số chế độ khác, như ăn bồi dưỡng và quân trang cấp cho bộ đội đi chiến đấu, thực phẩm mang theo trên đường hành quân vào chiến trường... đến năm 1974 được điều chỉnh cho phù hợp. Tiền lương và phụ cấp của bộ đội được bảo đảm kịp thời; lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm được cung cấp đủ theo kế hoạch. Bảo đảm mặc cho bộ đội có tiền bộ. Ngoài ra, Cục Tài vụ và Cục Quân nhu còn đề nghị Tiểu ban Ngân sách của Quân uỷ duyệt tăng thêm ngân sách năm 1973 để sản xuất 13.000 bộ quân phục (vải cao cấp) cho cán bộ trung cấp, cao cấp và 50.000 chiếc áo bông cấp cho bộ đội đóng quân ở vùng núi.

Một số khoản chi bảo đảm đời sống tinh thần và giải quyết chính sách trước đây chưa có điều kiện thực hiện nay được cấp kinh phí với mức cao hơn. Trong năm 1973, Ngành Tài chính đã chi phí cho việc báo tử 46.300 quân nhân hi sinh trong chiến tranh; giải quyết trợ cấp cho 71.950 quân nhân phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành. Hơn 500.000 gia đình có người đi chiến đấu được trợ cấp hàng tháng, các gia đình quân nhân hưởng lương được tăng thêm trợ cấp.

Bảo đảm cho công tác kỹ thuật là nhiệm vụ thường xuyên của Ngành TCQĐ, lúc này càng trở nên quan trọng và cấp bách. Trong 2 năm 1973 - 1974, ngân sách Quốc phòng đã dành 369 triệu đồng (nhiều hơn 2 năm trước đó) để chi cho bảo quản sửa chữa vũ khí, khí tài, xe, máy, phương tiện; nghiên cứu chế thử một số loại vũ khí, đạn, thiết bị và phụ tùng thay thế; mua sắm, bổ sung thiết bị lẻ cho các trạm, xưởng...

Năm 1974, Ngành Tài chính đã bảo đảm cho các đơn vị ở miền Bắc hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm; tăng thêm kinh phí cho công tác đào tạo cán bộ chỉ huy, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ ở các trường; chỉ đạo Phòng Tài vụ Quân đoàn 1 bảo đảm cho Quân đoàn diễn tập lớn tại khu vực thị xã Thanh Hoá, để mấy tháng sau đó, Quân

đoàn hành quân tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Nhiệm vụ chi viện miền Nam thời kỳ này được đẩy mạnh và có nhiều thuận lợi. Trong các năm 1973 - 1974, có 68.000 quân và 8.000 cán bộ, nhân viên kỹ thuật được bổ sung vào chiến trường. Ngân sách chi về tuyển chọn, huấn luyện, trang bị cho số quân này giảm so với những năm trước bởi số quân ít hơn và thôi áp dụng một số chế độ, tiêu chuẩn sinh hoạt, trang bị trước đây để ra không phù hợp. Ở khu vực bị địch phong tỏa, bao vây kinh tế, Cục Tài vụ đã thúc đẩy các ngành tăng sử dụng viện trợ và tiền trong nước để mua sắm hàng hóa gửi vào nhiều hơn. Năm 1973, ngân sách quốc phòng dành chi viện miền Nam là 187 triệu đồng (nhiều hơn năm 1972 khoảng 20 triệu), năm 1974 tăng lên 268 triệu đồng. Khối lượng vật chất gửi vào miền Nam gồm các loại lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc chữa bệnh, nhiên liệu, thiết bị kỹ thuật, hàng hóa tiêu dùng; vừa đáp ứng nhu cầu quân sự vừa góp phần phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vùng giải phóng; không những bảo đảm tiêu dùng thường xuyên mà còn tạo nên lượng dự trữ dồi dào.

Giai đoạn này, nhu cầu tài chính, vật chất bảo đảm cho hoạt động của quân đội ở chiến trường rất lớn. Tuy nhiên, do có nhiều khó khăn nên việc khai thác, sử dụng nguồn thu để bảo đảm cho bộ đội vẫn tuỳ thuộc vào hoàn cảnh thực tế ở từng nơi: Đối với Quân khu Trị - Thiên (tiếp giáp miền Bắc), từ năm 1973, sau khi tiếp nhận lực lượng của Mặt trận Bắc Quảng Trị (B5) đã được Bộ Quốc phòng trực tiếp bảo đảm. Ngân sách của Quân khu được thể hiện chủ yếu bằng hiện vật nhận qua Đoàn 559. Số hàng nhận được trong năm 1973 - 1974 là 29.179 tấn, phần lớn là hàng bảo đảm sinh hoạt. Ngoài ra, được cấp thêm một phần bằng tiền do Cục Tài vụ chuyển vào hai tài khoản của Quân khu mở tại Ngân hàng Vĩnh Linh và

Ngân tin Quảng trị để Quân khu tự tổ chức mua sắm tại thị trường miền Bắc và ở vùng giải phóng tỉnh Quảng Trị (dùng tiền ngân hàng miền Bắc), hoặc mua ở vùng địch kiểm soát thuộc hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Đà (dùng tiền của nguy quyền Sài Gòn). Đối với Quân khu 5, là địa bàn chiến lược trọng yếu, nơi khó khăn về bảo đảm hậu cần, tài chính, nên được Trung ương Đảng, Quân uỷ và Bộ Quốc phòng rất quan tâm. Trong 2 năm 1973 ÷ 1974, tuyển vận tải chiến lược 559 đã giao cho Quân khu 5 được 94.624 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men, vũ khí, đạn và nhiều loại trang bị kỹ thuật, gấp 6 lần so với lượng hàng nhận được trong 4 năm trước. Ngành Tài chính Quân khu tập trung bảo đảm cho các nhiệm vụ trọng tâm theo nghị quyết của Quân khu uỷ, các khoản chi về phát triển giao thông vận tải, chi cho công tác kỹ thuật và các khoản chi nghiệp vụ khác, hầu hết dựa vào công sức lao động của bộ đội và bằng vật tư, phương tiện, trang bị từ miền Bắc gửi vào. Chi bằng tiền cho các nhiệm vụ này rất ít do khó mua bán, thuê mướn tại chỗ, phần lớn ngân sách dành chi bảo đảm đời sống bộ đội. Về mặc, cùng với tiếp nhận quân trang chi viện, ngân sách chi tiền để duy trì hoạt động xưởng may của quân khu, mua sắm nguyên vật liệu về sản xuất để hiện vật cho bộ đội.

Chỉ sau 2 năm, Ngành TCQĐ ở chiến trường Nam Bộ đã tiến bộ vượt bậc, làm tròn chức năng bảo đảm cho lực lượng vũ trang của Miền, các quân khu và các tỉnh, nâng cao sức chiến đấu, đánh bại nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở khu vực Đường số 4 Khu 8, ở Bàu Bàng, Đồng Rùm miền Đông Nam Bộ và nhiều nơi ở Khu 9 trong những tháng đầu năm 1973 đầy khó khăn. Sang năm 1974, ta chủ động tiến công địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng ở nhiều nơi trên toàn Miền. Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi. Trong trận quyết chiến cuối cùng

này, mọi nguồn cung cấp tài chính, vật chất được huy động ở mức cao nhất. Chỉ tính từ tháng 1 ÷ 4/1975, ngân sách quốc phòng ở hậu phương đã bảo đảm chi viện cho chiến trường được 230.000 tấn vật chất các loại, cao hơn cả mấy năm trước cộng lại. Quá trình phát triển chiến dịch, Ngành TCQĐ và Ngành Hậu cần phải bám theo các mũi tiến quân, vừa cơ động khẩn trương vừa bảo đảm. Nhờ có sự phối hợp chặt chẽ và phân công trách nhiệm hợp lý giữa cơ quan tài vụ cấp trên và cấp dưới, giữa cơ quan tài vụ với cơ quan hậu cần ở từng đơn vị, giữa các đơn vị và giữa đơn vị với cấp uỷ và nhân dân địa phương nên bộ đội tiến quân đến đâu đều được bảo đảm tài chính kịp thời, đầy đủ, góp phần mang lại thắng lợi.

Nhìn lại cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, có thể khẳng định, công tác TCQĐ giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Chiến thắng ngày 30/4/1975 không chỉ đánh dấu mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc mà còn thể hiện tinh thần tự lực, tự cường và sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng, sự hiệp đồng chặt chẽ giữa Ngành Tài chính với các lực lượng hậu cần, kỹ thuật, cùng sự chung tay góp sức của nhân dân, công tác tài chính đã bảo đảm kịp thời nhu cầu vật chất, vũ khí, trang thiết bị và bảo đảm đời sống, chế độ chính sách bộ đội.

Ngày nay, trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp; nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc phòng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với Ngành TCQĐ. Việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, giữa bảo đảm nguồn lực tài chính cho quân đội với quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí vẫn là những nguyên tắc cốt lõi cần được tiếp tục phát huy. Đồng thời, ngành TCQĐ cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

*Một là*, tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác tài chính. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quán triệt sâu sắc hơn nữa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản pháp luật của Nhà nước, cùng các quyết nghị, kết luận của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác tài chính, nhất là Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW, Quy chế số 616-QC/QUTW của Quân ủy Trung ương, v.v. Trên cơ sở đó, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, đề cao vai trò, trách nhiệm của người chỉ huy trong điều hành, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan tài chính trong tham mưu, bảo đảm, quản lý, kiểm tra; tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng.

*Hai là*, phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan tài chính trong tham mưu, đề xuất các biện pháp tạo lập, huy động các nguồn lực đáp ứng kịp thời tài chính cho các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, góp phần xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”, tiến lên hiện đại. Quá trình thực hiện cần chú trọng bảo đảm chế độ, chính sách, đời sống bộ đội, nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, giáo dục và đào tạo, dành ngân sách phù hợp cho xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng; xây dựng hậu phương chiến lược về kinh tế vững mạnh, đảm bảo an ninh lương thực trong mọi tình huống.

*Ba là*, chủ động nghiên cứu, đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, dự trữ tài chính bảo đảm cho các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; rà soát, hoàn thiện phương thức bảo đảm tài chính trong chiến đấu cho phù hợp với sự thay đổi về tổ chức, biên chế, phương thức tác chiến trong tình hình mới; xây dựng phương án tổ chức, bố trí lực lượng tài chính, quy trình bảo đảm tài chính chặt chẽ,

có hệ thống văn kiện, mẫu biểu thống nhất để phục vụ huấn luyện, diễn tập, xử trí các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

*Bốn là*, kịp thời bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới. Nội dung hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính cần tập trung vào một số công việc, như: Xây dựng các định mức tiêu chuẩn cho công tác bảo đảm tài chính trong các trạng thái SSCĐ; hoàn thiện cơ chế tài chính đặc thù đối với một số loại hình đơn vị gắn với lĩnh vực quốc phòng; sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tăng cường mối quan hệ giữa ngành tài chính với các ngành liên quan và đẩy mạnh cải cách công tác tài chính trong mọi khâu, các cấp.

Có thể khẳng định, những kinh nghiệm của Ngành TCQĐ trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 vẫn còn nguyên giá trị. Đó là minh chứng rõ nét về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tinh thần đoàn kết của toàn dân và sự hy sinh, cống hiến hết mình của những người làm công tác TCQĐ. Đây sẽ mãi là niềm tự hào, là động lực để các thế hệ hôm nay và mai sau tiếp tục phát huy, xây dựng nền quốc phòng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác TCQĐ đến năm 2030*, Hà Nội.

2. Quân ủy Trung ương (2022), *Quy chế số 616-QC/QUTW, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy các cấp về công tác tài chính trong Quân đội*, Hà Nội.

3. Nguyễn Duy Trân (2011), *Lịch sử TCQĐ nhân dân Việt Nam, Tập 1*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# NÉT ĐẶC SẮC TRONG BẢO ĐẢM QUÂN Y CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

## HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN THANH LAM

Chủ nhiệm Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

SAU hơn 1 tháng tổng tiến công và nỗi dậy theo Kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam (1975 - 1976), quân và dân ta đã giành thắng lợi lớn thông qua 2 đòn tiến công chiến lược với các chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ hệ thống chính quyền và quân đội Sài Gòn ở 2 quân khu - quân đoàn (1 và 2); giải phóng hơn 50% đất đai và số dân toàn miền Nam thuộc 16 tỉnh và 5 thành phố... Tạo nên bước phát triển nhảy vọt, làm thay đổi cục diện chiến tranh với thế trận và so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta. Lực lượng và thế trận của quân đội Sài Gòn bị giảm sút nghiêm trọng, binh lính hoang mang, rối loạn, buộc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phải ra lệnh rút lui về phòng thủ từ Phan Rang trở vào. Đánh giá tình hình, diễn biến mọi mặt trên chiến trường, Bộ Chính trị của ta quyết định thành lập Bộ Tư lệnh và tiến hành Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định (từ 14/4 đổi tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh). Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 4 quân đoàn (Qđ), Đoàn 232 (tương đương Qđ), các đơn vị quân chủng, binh chủng kĩ thuật, và LLVT các địa phương trên địa bàn (quân số khoảng 300.000 người). Đúng 17 giờ ngày 26/4, chiến dịch bắt đầu; đến 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ Quân giải phóng được cắm trên nóc Dinh Độc Lập, đánh dấu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ta diệt, bắt và làm tan rã khoảng 250.000 quân (thương vong khoảng 160.000), thu 500 pháo, hơn 400 xe tăng và xe thiết giáp, 800 máy bay, 600 tàu chiến, 3.000 xe, 270.000 súng các loại cùng

nhiều trang bị quân sự khác. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Để bảo đảm cho chiến dịch tiến công quy mô lớn, cơ động thần tốc, táo bạo, các trận đánh diễn ra liên tiếp trên chiến trường rộng lớn. Hậu cần chiến dịch (HCCD) trong đó có nghành quân y (QY) đã tập trung, huy động mọi khả năng, lực lượng tại chỗ đã được chuẩn bị trước, kết hợp với chặt chẽ với lực lượng QY cơ động từ nơi khác đến và bảo đảm của hậu phương chiến lược, với nhiều biện pháp bảo đảm sáng tạo, linh hoạt. Vì vậy, đã bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho cơ động lực lượng, vật chất kĩ thuật và bảo đảm sức khỏe cho bộ đội, phục vụ chiến dịch toàn thắng. Đồng thời, để lại nhiều kinh nghiệm quý có thể khái quát trên một số vấn đề nổi bật sau:

Một là, khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh thế bố trí, hình thành thế trận quân y tại chỗ có chiều sâu, liên hoàn, rộng khắp trên địa bàn chiến dịch. Đầu năm 1975, theo chỉ đạo của Tổng cục Hậu cần, các Tuyến QYc, d, e, fBB trên chiến trường đều được bổ sung, thay thế các trang, thiết bị mới, đồng bộ, phù hợp với nhiệm vụ của từng Tuyến. Với những diễn biến có lợi cho ta trên chiến trường, đến đầu tháng 3/1975 Hậu cần Miền (B2) đã khẩn trương củng cố, điều chỉnh thế bố trí, tổ chức các Đoàn hậu cần (ĐHC) thành 2 tuyến và lực lượng hậu cần cơ động để sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến lớn trên địa bàn:

Tuyến trước: Trên hướng Tây Bắc (hướng tiến công chủ yếu), ĐHC 235 đã

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

triển khai từ trước, bảo đảm cho Qđ3 và các lực lượng địa phương, biệt động, đặc công hoạt động trên hướng này. Trên hướng Bắc và Đông Bắc, ĐHC 210 triển khai từ Nam Đồng Xoài đến Bến Bàu, bảo đảm cho Qđ1 và các lực lượng khác trên hướng này. Trên hướng Đông, ĐHC 814 bố trí từ Nam Đồng Xoài xuống Nam Đồng Nai, cùng với hậu cần Quân khu 7 (Qk), bảo đảm cho Qđ2, Qđ4. Trên hướng Tây Nam, ĐHC 240 bố trí ở khu vực Tân An - Bến Lức, cùng với ĐHC 230, bảo đảm cho Đoàn 232 (lực lượng lâm thời của Miền, tương đương Qđ) và các lực lượng tiến công trên hướng Tây Nam vào Sài Gòn. Trên hướng Nam, hậu cần Qk8 kết hợp với hậu cần nhân dân địa phương bảo đảm cho Sư đoàn 8 (thuộc Qk8) và các lực lượng tác chiến ở phía Nam Sài Gòn.

Tuyến sau: ĐHC 770 cơ động từ Bù Gia Mập về Đồng Xoài để tiếp nhận vật chất từ vận tải chiến lược, làm nhiệm vụ tổng kho của chiến dịch. Các ĐHC 340, 220 và lực lượng trực thuộc hậu cần Miền, được tổ chức thành cụm hậu cần cơ động và các phân đội hậu cần tăng cường cho các ĐHC phía trước; bố trí ở An Lộc, sẵn sàng cơ động theo Đường 13 về hướng Sài Gòn bảo đảm cho các Qđ, binh chủng và lực lượng địa phương trên các hướng Bắc, Tây Bắc và Đông Nam...

Từ đầu năm 1975, theo chỉ đạo của Tổng cục Hậu cần, 100% Tuyến QY c, d, e, fBB trên chiến trường đều được bổ sung, thay thế các trang bị mới. Các trung tâm kỹ thuật tại các Qk (như: bệnh viện, đội vệ sinh phòng dịch, trường - xưởng...) đều được tăng cường nhiều trang, thiết bị đồng bộ, phù hợp với nhiệm vụ của từng Tuyến. Đến 05/4/1975, hậu cần Miền đã dự trữ ở các ĐHC được 1.000 tấn thuốc và dụng cụ QY, đủ khả năng bảo đảm cho 18.000 TB và 13.600 BB... Do vậy, đến đầu tháng 4/1975,

lực lượng QY của hậu cần tại chỗ (của hậu cần Miền, hậu cần Qk7 và Qk8); gồm 19 đội điều trị (ĐĐT) và 17 Bệnh viện, với khoảng 10.000 giường) đã được HCCD tổ chức, bố trí lại, hình thành thế trận liên hoàn, rộng khắp, linh hoạt ở tất cả các hướng, theo 2 tuyến sẵn sàng bảo đảm cho các lực lượng của ta trong chuẩn bị và thực hành tác chiến.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ giữa quân y tại chỗ với quân y cơ động từ nơi khác đến, tổ chức theo tuyến, hình thành hệ thống bậc thang điều trị bám sát đội hình của các đơn vị chiến thuật trên tất cả các hướng chiến dịch. Bước vào chiến dịch, trên cơ sở thế trận đã triển khai trước, quan trọng mục tiêu chiến lược của hậu cần tại chỗ, gồm: Quân y của 2 Qk (Qk8 có ĐĐT 76A và Bệnh viện 113; Qk7 có ĐĐT C5 và Bệnh viện C2), Quân y Miền - B2 có 17 ĐĐT và 15 bệnh viện ở các ĐHC. Kết hợp chặt chẽ với lực lượng QY cơ động từ nơi khác đến (của 4 Qđ, gồm 3 bệnh viện dã chiến và 9 ĐĐT), HCCD tổ chức QY thành 2 tuyến, trên các hướng bảo đảm; cụ thể: (i) Tuyến trước, trên 4 hướng: (1) Hướng Bắc - bảo đảm cho Qđ1, gồm 3 Bệnh viện (20, K81, K83) và 6 ĐĐT (1, 3, 7, 19, 20, 52) của ĐHC 210 và Qđ1; (2) Hướng Đông và Đông Nam - bảo đảm cho lực lượng của Qđ2, Qđ4 và Qk8, gồm 4 Bệnh viện (50, 82, K43, K113) và 7 ĐĐT (6, 11, 13, 14, 16, 84, 76A) của ĐHC 814, Qđ4 và Qk8; (3) Hướng Tây Bắc - bảo đảm cho Qđ3 và Qk7, gồm 5 Bệnh viện (K22, K51, C2, 2100, 2200) và 6 ĐĐT (3, 7, 15, 25, 124, 170C, C5) của ĐHC 235, Qđ3 và Qk7; (4) Hướng Tây Nam - bảo đảm cho các lực lượng của Đoàn 232, gồm 2 Bệnh viện (K24, K25) và 5 ĐĐT (8, 16, 25, 30, 46) của các ĐHC 230 và 240. (ii) Tuyến sau, tổ chức trên 2 hướng: Hướng Đông Đường 13 có 4 Bệnh viện (K23, K59, K111, K116) của ĐHC 770 và Phòng Quân y Miền. Hướng Tây Đường 13 có 3 Bệnh

viện (K52, K72, K81) của Đoàn 220 và 2 ĐĐT (làm nhiệm vụ dự bị, do Trường Quân y Miền tổ chức)... Như vậy, các cơ sở QY của HCCD (gồm 20 Bệnh viện, 28 ĐĐT và các đội vệ sinh phòng dịch, xưởng dược...) đã được HCCD tổ chức thành 2 tuyến, trên cả 5 hướng, gắn với thế bố trí của các cơ sở QY đã được HCCD triển khai từ trước. Hình thành hệ thống bậc thang điều trị hợp lý, bám sát các lực lượng tác chiến; kịp thời thu dung, điều trị TB của các đơn vị chiến thuật trong chiến đấu, trên tất cả các hướng tiến công.

*Ba là*, sử dụng các phân đội quân y cơ động, đi cùng để ưu tiên bảo đảm cho các đơn vị thọc sâu, phát triển tiến công trên các hướng. Để bám sát đội hình, kịp thời bảo đảm cho các lực lượng tiến công “bí mật, bất ngờ” với quy mô lớn, HCCD đã chỉ đạo ngay các ĐHC 210, 235 và 814 ở Tuyến trước kết hợp với hậu cần cơ động từ nơi khác đến của các Qđ 1, 2, 3 tổ chức ra các ĐĐT (hoặc ĐPT) cơ động trên xe, đi cùng các fBB (320A, 304, 10) và lực lượng tăng thiết giáp làm nhiệm vụ thọc sâu, tiến công trên các hướng vào trung tâm Sài Gòn. Với các đơn vị khác, HCCD thường phoi thuộc ĐĐT (của các ĐHC hoặc các Qđ) cho fBB hoặc sử dụng ĐĐT để sẵn sàng thay thế cho tiểu đoàn QY/f khi cần thiết. Đồng thời, giao cho ĐHC 230 tổ chức ra lực lượng hậu cần cơ động (gồm 50 ô tô mang theo đạn, xăng dầu và Bệnh viện dã chiến K24) theo sát đội hình tiến công của fBB9 để bảo đảm. Cùng với đó, HCCD đã chỉ đạo hậu cần Thành đội Sài Gòn - Gia Định chủ động tổ chức ra 4 mũi (mỗi mũi đều có 1 đội phẫu thuật), kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế của nhân dân; ngoài nhiệm vụ đảm cho các đơn vị bộ đội địa phương, đặc công, biệt động nội và ngoại thành, còn sẵn sàng chi viện bảo đảm cho các lực lượng của chiến dịch khi

tác chiến trên địa bàn. Đến sáng ngày 30/4, HCCD còn sử dụng 1ĐĐT cơ động vào nội đô, triển khai ngay tại Bệnh viện Vì Dân (Ngã tư Bảy Hiền), kết hợp với các cơ sở y tế tại chỗ, ta mới chiếm được để tổ chức thu dung, giải quyết TB của các lực lượng thọc sâu... Do vậy, để đáp ứng yêu cầu “Thần tốc, táo bạo” khi phát triển tiến công; mặc dù QY tuyến chiến thuật thường thu hẹp phạm vi cứu chữa (QY/e, fBB của các Qđ 1,2,3 chỉ xử lý được khoảng 15-20%, có đơn vị chi xử lý được từ 2 - 4% số TB qua tuyến), nhưng những TB cần xử lý, phẫu thuật tối khẩn cấp, khẩn cấp ở cấp chiến thuật đều được QY chiến dịch thu dung, xử lý kịp thời ở các tuyến, giảm đáng kể tỷ lệ tử vong tàn phế so với các chiến dịch trước (còn khoảng 20%, có tài liệu xác định: 20 đến 23,3%)

*Bốn là*, huy động mọi lực lượng, phương tiện, sử dụng cơ giới là chủ yếu để rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả vận chuyển thương binh về tuyến sau. Trước khi mở màn chiến dịch, lực lượng vận tải, tải thương của các ĐHC Miền và hậu cần các Qđ đều được tăng cường, đặc biệt là lực lượng vận tải cơ giới. Để tập trung mọi khả năng, chuyển thương thông suốt giữa các tuyến chiến thuật, chiến dịch và chiến lược trong thời gian nhanh nhất; HCCD đã chỉ đạo các đơn vị: Phát huy tối đa phương tiện cơ giới để tổ chức chuyển thương; thực hiện kết hợp tuyến trước trước chuyển về với tuyến sau lên nhận, đưa TB từ e, fBB về các phân đội QY của Qđ, các ĐHC đảm nhiệm chuyển TB từ các ĐĐT, bệnh viện của Qđ về các ĐĐT, bệnh viện trong khu vực, và bàn giao TB cho tuyến chiến lược.... Vì vậy, các phân đội của HCCD chủ yếu sử dụng phương tiện cơ giới hiện có, kết hợp với sử dụng ngay phương tiện, chiến lợi phẩm thu được của địch (Jeep, GMC, M113) và huy động xe cứu thương của các cơ sở y tế,

phương tiện của cơ giới của nhân dân (bán tải, Lambro, Xich-lô máy...) để thực hành vận chuyển. Trên hướng tiến công của Qđ 3 có tới 70% TB được chuyển bằng xe vận tải, hơn 20%TB được chuyển bằng xe chuyên dụng. Thực hiện chuyển thương ngay, cả ngày và đêm, chuyển thương vượt cắp, vượt tuyến khi điều kiện thuận lợi... nên nhiều TB ở hỏa tuyến được chuyển thẳng về các ĐĐT (Qđ 1 và Qđ 4), trong chiến dịch có tới 67% TB được thu dung, phẫu thuật trước 6 giờ.

Qua diễn biến của các cuộc chiến tranh, xung đột quân sự đã và đang diễn ra gần đây trên thế giới. Dự báo chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai ở Việt Nam (nếu xảy ra) sẽ có những đặc điểm mới, có nhiều thay đổi, phát triển về mọi mặt so với trước đây. Vì vậy, ngoài kế thừa và vận dụng kinh nghiệm của chiến dịch Hồ Chí Minh, tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm HCKT/cd cần tiếp tục được nghiên cứu, phát triển cả về lý luận và thực tiễn; trước mắt, cần ưu tiên giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, hình thành thế trận quân y liên hoàn, rộng khắp, có chiều sâu, linh hoạt chuyển hóa theo yêu cầu bảo đảm trong tác chiến. Trước hết, cơ quan và các cơ sở QY cấp chiến dịch cần tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả mô hình kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng (theo tinh thần Nghị định 164/2018/NĐ-CP, ngày 21/12/2018), tham gia ổn định an sinh tại địa phương của các bệnh viện, phòng khám cấp Qk, Qđ trong các hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bộ đội, cứu chữa người bị thương, bị bệnh, khi có thiên tai, thảm họa trên địa bàn... xây dựng thế trận lòng dân vững chắc ngay từ thời bình. Cùng với đó, căn cứ

vào Quyết tâm A, quy hoạch và kế hoạch kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng của các đơn vị và địa phương, cơ quan và các phân đội QY cấp chiến dịch cần tích cực nghiên cứu, lựa chọn khu vực bố trí theo quy hoạch chi tiết trong căn cứ, phân căn cứ HC-KT, các kho-trạm lẻ, lực lượng QY trên các hướng, khu vực theo các phương án tác chiến; có khả năng linh hoạt điều chỉnh, cơ động, chuyển hóa để bảo đảm theo các tình huống của chiến dịch. Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng QY trong căn cứ, phân căn cứ HC-KT tại các Qk và các khu vực phòng thủ (KVPT). Lấy các cơ sở, căn cứ, phân căn cứ HC-KT/qk làm nòng cốt, đồng bộ với các cơ sở HC-KT của các KVPT tỉnh (thành phố), tạo thế liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu theo phương án bố trí chiến lược tại các vùng, miền, trên các chiến trường. Đồng thời, các phân đội QY cấp chiến dịch phải là nòng cốt, tích cực tham gia với các cơ sở y tế của cả Trung ương và các địa phương trong xây dựng và hoạt động của các cơ sở kết hợp quân dân y (QDY); nhất là tại các cơ sở, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, còn nhiều khó khăn về bảo đảm y tế. Đây chính là những hạt nhân ở cơ sở, nền tảng của thế trận quân y tại chỗ, rộng khắp; là điều kiện để các phân đội QY của bộ đội chủ lực cơ động từ nơi khác đến kết hợp để bảo đảm, hình thành thế trận QY vững chắc, liên hoàn, rộng khắp, có chiều sâu, có khả năng linh hoạt chuyển hóa theo yêu cầu bảo đảm trên địa bàn chiến dịch.

*Thứ hai*, coi trọng xây dựng cơ quan, các phân đội quân y cấp chiến dịch tinh, gọn, mạnh, hiện đại, có khả năng cơ động đi cùng để bảo đảm trong tác chiến. Thực hiện Quyết định số 678/QĐ-BQP, ngày 21/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Ban hành Bộ tiêu chí Quân đội nhân dân

Việt Nam hiện đại trong tình hình mới. Việc xây dựng cơ quan và các phân đội QY cấp chiến dịch với đội ngũ cán bộ, nhân viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tư duy toàn diện, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; được trang bị các chủng loại, phương tiện, thiết bị QY phù hợp, hiện đại; nâng cao khả năng cơ động; kết hợp các phương thức bảo đảm truyền thống với ứng dụng khoa học, công nghệ để tổ chức triển khai bảo đảm linh hoạt, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu tác chiến chiến dịch, trong mọi tình huống của chiến tranh hiện đại, công nghệ cao... là việc làm tất yếu. Theo đó, cơ quan và các phân đội QY của HCKT/cd cần tiếp tục coi trọng lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, nhân viên. Kết hợp với khai thác có hiệu quả hệ thống “Hồ sơ bệnh án điện tử và Hồ sơ sức khỏe điện tử trong Bộ Quốc phòng” trong tác chiến. Để thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, cơ động từ nơi khác đến, các phân đội QY cấp chiến dịch (bệnh viện dã chiến, các đội điều trị, vệ sinh phòng dịch, chuyển thương...) cần được nâng cấp, trang bị các phương tiện hiện đại, có khả năng nhanh chóng kiểm tra, xét nghiệm, chẩn đoán chính xác, hỗ trợ phẫu thuật, cứu chữa, điều trị hiệu quả; biên chế các phương tiện cơ động đặc chủng, có tính Việt dã, an toàn cao, là cơ sở để tổ chức ra các đội, tổ (điều trị, phẫu thuật, chuyển thương...) cơ động, đi cùng đội hình; sẵn sàng triển khai thu dung, cứu chữa, kịp thời vận chuyển TB của các lực lượng, trên các hướng tác chiến của chiến dịch tiến công.

*Thứ ba, tích cực, chủ động tham gia hoàn thiện các cơ chế, chính sách; phát huy hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả kết hợp quân y*

với dân y. Kết hợp quân dân y (QDY) không chỉ là kinh nghiệm, truyền thống, mà còn là nguyên tắc bảo đảm QY trong tác chiến của quân đội ta. Đến nay, cả nước đã có: 09 Bệnh viện QDY, 03 Trung tâm, 83 Bệnh xá, 138 Phòng khám và 835 Trạm y tế QDY đang hoạt động. Trong những năm vừa qua, các cơ sở QDY đã phát huy được vai trò to lớn trong việc tham gia chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bộ đội, cứu chữa người bị thương, bị bệnh trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, thực tiễn vận hành của một số cơ sở QDY trong thời gian qua đã bộc lộ những bất cập, vướng mắc, ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và hiệu quả thu dung, cứu chữa, điều trị tại địa bàn... Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; trước hết, cơ quan HCKT cấp chiến dịch (các QK, Qđ) cần tích cực tham gia xây dựng, củng cố, kiện toàn, hoàn thiện các cơ sở QDY (từ Trung ương đến địa phương), lấy các Ban QDY quân khu, ban QDY các tỉnh (thành phố) làm nòng cốt. Đồng thời, tích cực nghiên cứu, làm tham mưu để các cơ quan chức năng của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các địa phương kịp thời ban hành các văn bản, hướng dẫn, thể chế và cụ thể hóa: Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các ban quân dân y Qk, ban quân dân y tỉnh (thành phố) với HC-KT/cd; cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo, điều hành của HC-KT/cd với các ban QDY của Qk, Tỉnh (thành phố) trong tổ chức chuẩn bị và thực hành tác chiến. Cùng với đó, đa dạng hóa các hình thức kết hợp QDY theo phương thức tăng cường sử dụng lực lượng tại chỗ, các phân đội QDY cơ động, kết hợp có hiệu quả với lực lượng QY của bộ đội chủ lực, cơ động từ nơi khác đến trong tổ chức thu dung, cứu chữa, điều trị trên địa bàn ... Để các cơ sở QDY thực sự là lực lượng cơ bản, đã có

## KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

sự chuẩn bị trước, tại chỗ, rộng khắp, sẵn sàng kết hợp với lực lượng QY của HC-KT/cd tiến công cơ động từ nơi khác đến, trực tiếp tham gia cứu chữa, vận chuyển, điều trị cho TBBB trên địa bàn.

Thứ tư, tăng cường huấn luyện, diễn tập nâng cao năng lực tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm của cơ quan và các phân đội quân y chiến dịch. Thực hiện Chỉ lệnh công tác quân sự, quốc phòng hàng năm, diễn tập cấp chiến dịch của các Qk, Qđ, quân - binh chủng và tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) hiện nay luôn coi trọng, thường triển khai và tổ chức thu dung cứu chữa, điều trị TB của các bệnh viện dã chiến, trạm xá... tại các căn cứ, phân căn cứ HC-KT theo các tình huống, và đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, diễn tập cơ động, triển khai các phân đội QY trong điều kiện tác chiến hiện đại chưa nhiều. Mặt khác, thực hiện Nghị định số 129/2014/NĐ-CP (ngày 31/12/2014) của Chính phủ giao chỉ tiêu huy động nghành Y tế khi có chiến tranh và tình trạng khẩn cấp. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-BQP (ngày 14/01/2021) về việc giao chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng huy động nghành Y tế khi có chiến tranh và tình trạng khẩn cấp. Theo đó, khi bước vào tác chiến, các đơn vị cấp chiến dịch sẽ được tiếp nhận các tổ, đội (phòng chống dịch cơ động, phẫu thuật, chuyên khoa, pha chế dịch truyền, chuyển thương...) huy động từ các cơ sở y tế (đã được giao xây dựng từ thời bình), trên địa bàn tác chiến. Vì vậy, trong thời gian tới, cơ quan và các phân đội QY cấp chiến dịch ngoài tổ chức huấn luyện, nâng cao năng lực mọi mặt (nhất là khả năng tổ chức cơ động, triển khai bảo đảm trong điều kiện tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao, thời gian ngắn và gấp)

theo Kế hoạch huấn luyện chiến đấu hàng năm, cần tích cực tham gia huấn luyện, xây dựng các đơn vị y tế dự bị động viên có khả năng và chuyên môn tương ứng. Đồng thời, diễn tập về QY ở cấp chiến dịch, cần kết cấu thêm các nhiệm vụ, tình huống thực hành tiếp nhận các đơn vị y tế dự bị động viên, trở thành lực lượng QY trực tiếp bảo đảm cho tác chiến tại các căn cứ, phân căn cứ HC-KT/cd... Làm cơ sở để rút kinh nghiệm, tiếp tục hoàn thiện về cơ chế, chính sách, công tác bảo đảm; cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo, điều hành; thống nhất nội dung, quy trình, các bước tiến hành và trách nhiệm của từng bên khi tham gia huấn luyện và thực hành tiếp nhận các đơn vị y tế dự bị động viên, đáp ứng khả năng theo nhu cầu bảo đảm cho tác chiến chiến dịch.

Hơn 50 năm đã qua, thành công của bảo đảm QY chiến dịch Hồ Chí Minh là những kinh nghiệm còn nguyên giá trị, có thể kế thừa và vận dụng. Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), bảo đảm QY chiến dịch tiến công cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển để có các nội dung, giải pháp cả trong tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm phù hợp với những đặc điểm của chiến tranh hiện đại, công nghệ cao♦

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (1975), *Tổng kết quân y trong tổng tiến công Xuân 1975*, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1995), *Tóm tắt công tác bảo đảm quân y chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ*, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb QĐND Hà Nội.

# BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHO LỰC LƯỢNG GIẢI PHÓNG QUÂN ĐẢO TRƯỜNG SA

## VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM HẬU CẦN HẢI QUÂN

### TÁC CHIẾN BẢO VỆ QUÂN ĐẢO TRƯỜNG SA

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

**T**RONG cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, ngay sau khi chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, ngày 25/3/1975, Quân ủy Trung ương đã kiến nghị với Bộ Chính trị (được Bộ Chính trị ghi bổ sung vào nghị quyết): “Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân ngụy đang chiếm giữ”. Triển khai chủ trương chiến lược đó, công tác chuẩn bị cho giải phóng quần đảo Trường Sa (QĐTS) được gấp rút tiến hành.

Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam; nơi có trên 100 đảo lớn nhỏ, bãi đá và bãi san hô ngầm, với diện tích khoảng 180.000 km<sup>2</sup>; nằm ở Đông Đông Nam bờ biển nước ta. Thời điểm đầu năm 1975, trên QĐTS, chỉ 11 đảo có người; trong đó, quân ngụy chiếm giữ 5 đảo, gồm: Nam Yết, Trường Sa, Sơn Ca, Sinh Tồn và Song Tử Tây. Ở đảo Nam Yết, địch đặt Sở chỉ huy trung tâm. Tại đảo An Bang, lúc này, ngụy quyền mới cắm cột mốc chủ quyền, không có người đóng giữ.

Tổng quân ngụy trên QĐTS khoảng 300 tên, gồm 1 tiểu đoàn hải kích (dHK), 1 đại đội pháo binh (cPB). Lực lượng địch bố trí trên các đảo như sau: Ở đảo Song Tử Tây, có 1cHK và chỉ huy Đại đội 47 cùng 3 khẩu lựu pháo 105 mm, 10 súng cối từ 60 – 81mm. Trên đảo Nam Yết, có 1cHK và SCH Tiểu đoàn 43, cùng 3 khẩu lựu pháo 105 mm, 8 súng cối từ 60 – 81 mm. Các đảo khác, mỗi đảo có từ 2b ÷ 1c(-)HK, 20÷23 khẩu lựu pháo 105 mm và 4 ÷ 6 súng cối từ

60 – 81 mm. Tại mỗi đảo, địch có hệ thống công sự, hầm ngầm kiên cố; bố trí theo hình vành khăn, xung quanh đảo, sát mép nước.

Để giải phóng QĐTS, Quân chủng Hải Quân (QCHQ) phối hợp với Quân khu 5 thành lập lực lượng giải phóng QĐTS, mang phiên hiệu Đoàn C75; gồm: 05 tàu vận tải (673, 674, 675, 641, 643) thuộc Đoàn 125 Hải quân; Đội 1 của Trung đoàn 126 Đặc công Hải quân; 1 phân đội hỏa lực của đặc công nước thuộc Tiểu đoàn 471 (Quân khu 5); Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 38, Sư đoàn 2 bộ binh (Quân khu 5); một bộ phận của Trung đoàn Pháo binh 368. Tổng quân số là 300 người.

Đúng 4 giờ ngày 11/4/1975, các tàu vận tải chở Đoàn C75 rời quân cảng Đà Nẵng ra đánh chiếm các đảo ở QĐTS, với phương châm tác chiến “bí mật, bất ngờ tấn công”. Sau gần 3 ngày hành quân trên biển, Đoàn C75 cách đảo Song Tử Tây vài hải lý. Qua trình sát, đánh giá lực lượng địch, ta thống nhất đánh chiếm đảo Song Tử Tây trước, làm bàn đạp tiến công các đảo còn lại. 4 giờ 30 phút ngày 14/4/1975, trận đánh bắt đầu. Với kinh nghiệm đi biển của cán bộ tàu và sự tinh nhuệ của các lực lượng, chỉ sau 30 phút chiến đấu, ta giành thắng lợi, giải phóng đảo Song Tử Tây.

Mất đảo Song Tử Tây nhưng địch phản ứng yếu ớt. Chớp thời cơ, Đoàn C75 sử dụng lực lượng hợp lý, gấp rút đánh chiếm các đảo còn lại. Bằng sự mưu trí, dũng cảm và ý thức chủ quyền quốc gia trên biển của các lực lượng, Đoàn C75 nhanh

chóng giải phóng lần lượt các đảo: Sơn Ca (ngày 25/4); Nam Yết (ngày 27/4); Sinh Tồn (28/4); Trường Sa (29/4/1975) và đặt bia chủ quyền đảo An Bang.

Như vậy, sau gần 20 ngày chuẩn bị và chiến đấu, phát huy khí thế tiến công thần tốc, táo bạo, ta đã giải phóng hoàn toàn QĐTS. Đây là một chiến công đặc biệt xuất sắc, có ý nghĩa chiến lược. Chiến công đó khẳng định sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của Đảng; ý thức tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh, tinh thần khắc phục khó khăn, biết nắm thời cơ, táo bạo, mưu trí, dũng cảm chiến đấu của Đoàn C75. Trong thắng lợi đó, còn có sự đóng góp to lớn của bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho lực lượng chiến đấu giải phóng QĐTS, để lại những kinh nghiệm quý, thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, nhạy bén trong điều chỉnh, bổ sung lực lượng, hình thành bộ phận hậu cần trực tiếp nǎo đảm cho lực lượng giải phóng QĐTS. Ngay từ tháng 10/1974, Bộ Tư lệnh Hải quân đã đề đạt với Đại tướng Võ Nguyên Giáp kế hoạch giải phóng QĐTS. Đại tướng đồng ý. Thực hiện ý tưởng chiến lược đó, đầu năm 1975, Thường vụ Đảng ủy QCHQ ra nghị quyết chấn chỉnh lực lượng và nâng cao chất lượng các mặt bảo đảm cho lực lượng chiến đấu trên biển. Theo đó, hậu cần các Đoàn 125, 126, 171, Khu vực 5 (K5) được tổ chức ban hậu cần với đầy đủ thành phần: Quân nhu, quân y, xăng dầu, doanh trại, vận tải và tài vụ.

Khi Bộ Chính trị hạ quyết nghị giải phóng QĐTS; Quân ủy Trung ương thành lập Bộ Tư lệnh Hải quân tiền phương, đặt tại Đà Nẵng để lãnh đạo, chỉ huy tiếp quản các cơ sở hải quân ngụy, tổ chức lực lượng giải phóng QĐTS. Theo đó, Cục Hậu cần Hải quân đã cử lực lượng và điều một bộ phận thuộc Ban Hậu cần của Đoàn 125 và 126 (làm nòng cốt), Đoàn 171, K5 để thành lập căn cứ hậu cần tiền phương, tại Đà Nẵng,

trực tiếp bảo đảm cho Đoàn C75. Nhờ vậy, trong thời gian chuẩn bị trực tiếp rất ngắn (chỉ 3 ngày), lực lượng hậu cần (LLHC) Đoàn 125, 126 đã tích cực hiệp đồng với LLHC Quân khu 5, hậu cần nhân dân tại chỗ bảo đảm đầy đủ mọi mặt hậu cần, với khối lượng vật chất rất lớn, cho 5 tàu và 300 đồng chí của Đoàn C75. Ngoài ra, Đoàn 125, 126 còn sử dụng lực lượng quân y trong biên chế và quân y do Quân khu 5 tăng cường để tổ chức các tổ quân y (1 bác sỹ, 2 y sỹ) bố trí trên các tàu vận tải chở quân. Riêng tàu chỉ huy có 1 đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu.

*Thứ hai*, kết hợp nhiều nguồn, nhiều hình thức trong khai thác vật chất, coi trọng tổ chức dự trữ và bảo quản vật chất hậu cần (VCHC). Sự phát triển nhanh của cách mạng làm cho thời gian chuẩn bị của Đoàn C75 rất gấp. Trong khi đó, do chưa nắm được sức chiến đấu của ngụy quân ở QĐTS nên ta phải dự kiến thời gian chiến đấu dài, làm nhu cầu VCHC của Đoàn C75 lớn, nhất là xăng dầu. Để giải quyết mâu thuẫn đó, hậu cần tiền phương QCHQ đã kết hợp nhiều nguồn, nhiều hình thức để khai thác vật chất. Theo đó, ở Hải Phòng, các cơ quan nghiệp vụ hậu cần cùng với cơ quan quân nhu Bộ Tư lệnh tổ chức nhiều điểm cấp phát tại các kho và Trạm 74 để cấp phát suốt ngày đêm cho các tàu. Tại Đà Nẵng (sau giải phóng), ta thu được của địch hơn 70 tấn gạo sấy; đồng thời, hậu cần tiền phương QCHQ liên hệ với địa phương cùng Quân khu 5 nhận 1 triệu đồng tiền Sài Gòn để mua VCHC. Cho nên, khi Đoàn C75 vào Đà Nẵng, tàu tiếp tục được bổ sung xăng dầu, nước ngọt; bộ đội được bổ sung đường, sữa, gạo sấy, mì ăn liền, thịt hộp, thuốc quân y... Khi giải phóng các đảo, ta còn thu được 3 tấn gạo sấy, cá khô, thịt hộp, nước mắm, 40 thùng phuy dầu. Các loại VCHC này được đưa vào dự trữ và sử dụng đúng mục đích.

Trong bảo đảm VCHC cho Đoàn C75, khó khăn lớn nhất là ta có rất ít thông tin về QĐTS cũng như việc xác định cho tàu đi trên biển đến đúng mục tiêu, cách đưa vật chất từ tàu lên đảo như thế nào. Vì thế, Đoàn C75 rất coi trọng dự trữ và chuẩn bị VCHC bảo đảm gấp 2 lần quân số tham gia chiến đấu. Lương thực, thực phẩm (LTTP) đủ bảo đảm ăn 2 tháng; thuốc quân y đủ để điều trị vượt tuyến, cứu chữa thương binh (TB) theo tỷ lệ dự kiến 12%, bệnh binh (BB) là 10% và có nhiều loại viên đa sinh tố để cho bộ đội uống thay ăn rau xanh. Về quân trang, mỗi chiến sỹ được cấp 2 bộ quần áo dài, 2 bộ quần áo lót, 1 bì đồng. Riêng bộ đội đặc công nước được cấp thêm 2 quần bơi, 2 mũ bơi, 1 bộ quần áo chống rét, 2 đôi bít tất chống hàn, 100 viên giải khát, tăng lực và thuốc chống cá mập. Về xăng dầu, dự trữ 1,5 cơ số.

Ngoài ra, công tác bảo quản VCHC cũng được quan tâm đặc biệt: Các loại LTTP khô, hộp đều cho vào hòm, đựng trong bao có  $3 \div 4$  lớp túi nilon để chống ẩm và thuận lợi trong quá trình đưa lên đảo. Dầu đun, nước ngọt được chứa trong thùng phuy, thùng nhựa vặn kín nắp để có thể lăn từ tàu xuống nước rồi kéo lên đảo.

Nhờ tích cực tạo nguồn, khai thác nên trong 3 ngày chuẩn bị, hậu cần đã bảo đảm cho Đoàn C75 được 355 tấn VCHC; trong đó, có 180 tấn xăng dầu, 22 tấn đạn, 23 tấn LTTP, 102 m<sup>3</sup> nước ngọt và 8 tấn các loại vật chất, trang bị khác.

Thứ ba, kết hợp nhiều phương tiện, hình thức vận tải, lấy công tác vận tải làm trung tâm trong BĐHC. Trong thời gian chuẩn bị ngắn, nhu cầu VCHC lớn; cho nên, để bảo đảm kịp thời, hậu cần tiền phương QCHQ rất coi trọng công tác vận tải; lấy vận tải thô sơ, cơ giới nhỏ như xuồng cao su, xuồng máy và sức người là chính, kết hợp vận tải bằng ô tô, tàu vận tải biển để vận

chuyển VCHC và TBBB. Theo đó, ở căn cứ Hải Phòng, hậu cần QCHQ sử dụng tàu chuyên dụng và ô tô để vận chuyển xăng dầu, nước ngọt, LTTP bổ sung cho các tàu. Khi các tàu chở lực lượng giải phóng đảo cơ động vào Đà Nẵng, hậu cần QCHQ tổ chức 1 đoàn xe (15 chiếc) để dồn dịch kho hàng và chở vũ khí, VCHC từ Hải Phòng vào Đà Nẵng tiếp tục bổ sung cho Đoàn C75. Tại Đà Nẵng, LLHC của Đoàn 125 đã sử dụng 5 thuyền máy, hoạt động cả ngày lẫn đêm để vận chuyển VCHC cho các tàu. Trong chiến đấu, chủ yếu sử dụng xuồng cao su bơi tay hoặc xuồng máy vỏ nhôm để vận chuyển TBBB, thu hồi tử sỹ.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, QĐTS ngày càng tỏ rõ vị trí chiến lược quan trọng cả về quân sự, chính trị và kinh tế, là tiền tiêu trên biển của Tổ quốc. Hiện nay, tại khu vực QĐTS đang tồn tại tranh chấp phức tạp giữa 5 quốc gia và 1 vùng lãnh thổ trong khu vực; đặc biệt, NN luôn có những đòi hỏi vô lý và hành động hung hăng, xâm phạm trắng trợn chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Việt Nam, gây ra tình hình căng thẳng, đe dọa nghiêm trọng chủ quyền, an ninh quốc gia, gây mất ổn định khu vực. Do vậy, bảo vệ QĐTS giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Bảo vệ QĐTS là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta; trong đó, QCHQ là lực lượng nòng cốt chiến đấu trên biển. Với đặc thù và sự khó khăn rất lớn trong tác chiến bảo vệ QĐTS là diễn ra trên môi trường biển, đảo với phạm vi rất rộng lớn, xa đất liền; cùng lúc phải tiến hành nhiều nhiệm vụ, như: Chống địch phong tỏa, tiến công hỏa lực QĐTS; chống địch tập kích bí mật lên đảo; đánh địch tiến công bằng sức mạnh lên đảo; phản kích tái chiếm lại một phần đảo, đảo đã mất; tiến công căn cứ của

địch... Cho nên, lực lượng hải quân (LLHQ) sử dụng trong tác chiến bảo vệ QĐTS rất lớn, nhiều thành phần (như: Tàu ngầm, tàu mặt nước, tên lửa bờ, không quân hải quân, lực lượng phòng thủ đảo, cơ động chi viện đảo...), hoạt động dài ngày; chiến đấu ác liệt... Điều đó làm cho nhiệm vụ BĐHC của LLHQ rất nặng nề, hoạt động bảo đảm có nhiều khó khăn, như: Nhu cầu VCHC rất lớn; bổ sung VCHC chủ yếu diễn ra trên biển; công tác vận chuyển, cứu chữa TBBB rất nặng nề, phức tạp; LLHQ dễ bị địch đánh phá. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS, một mặt, cần kế thừa, phát triển những kinh nghiệm đã có; mặt khác, cần thực hiện tốt các vấn đề về chuẩn bị và thực hành bảo đảm. Theo đó, cần tập trung vào những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Trong tác chiến bảo vệ QĐTS, nhu cầu VCHC bảo đảm cho LLHQ rất lớn, nhiều chủng loại. Trong thời gian chuẩn bị ngắn, phạm vi bảo đảm rộng, để bảo đảm được khối lượng lớn, cần khai thác các loại vật chất từ nhiều nguồn khác nhau, ở các ngành, các cấp và các địa phương; lấy bảo đảm của hậu cần - kỹ thuật QCHQ, chiến lược, khu vực phòng thủ làm nòng cốt. Mặt khác, do phải bảo đảm cho nhiều đầu mối, nhiều lực lượng, xa căn cứ, địch ngăn chặn, đánh phá ác liệt; cho nên, cần phải sử dụng nhiều lực lượng, nhiều phương tiện cùng tham gia vận chuyển, bổ sung VCHC, cứu chữa, điều trị TBBB. Do vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề tất yếu khách quan, có tính nguyên tắc, quyết định, bảo đảm cho các ngành, các cấp, các địa phương, các lực lượng hậu cần – kỹ thuật (HCKT), lấy HCKT của QCHQ làm nòng cốt để cùng tham gia với trách nhiệm cao nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong

BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS.

Tăng cường sự lãnh đạo của đảng trong BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS là việc chỉ đạo, lãnh đạo các ngành, các cấp, các địa phương, các quân khu có biển, các lực lượng vũ trang hoạt động trên biển... tập trung xây dựng tiềm lực mọi mặt, coi trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, chuẩn bị lực lượng, phương tiện bảo đảm, phát triển kinh tế huyện đảo Trường Sa... để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Bên cạnh đó, tăng cường sự lãnh đạo của đảng trong BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS còn thể hiện ở chỗ, Thường vụ Đảng ủy QCHQ, cấp ủy các cấp thường xuyên xây dựng, kiện toàn cơ quan HCKT (các cấp) tinh nhuệ, vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ BĐHC trong mọi tình huống.

Để thực hiện tốt vấn đề này, trước hết, QCHQ cần tiếp tục phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các địa phương, các ban ngành Trung ương đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ quyền biển đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về hậu cần toàn dân... nhằm nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong BĐHC cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Đồng thời, cấp ủy, chỉ huy các đơn vị trong QCHQ phải thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ ngành HCKT của đơn vị mình đủ số lượng theo biên chế, có chất lượng chuyên môn tốt, ý chí quyết tâm cao.

Hai là, tăng cường phát triển tiềm lực kinh tế trên vùng biển, đảo QĐTS. Đây là vấn đề rất quan trọng, tạo ra cơ sở vật chất và các nguồn VCHC tại chỗ để kịp thời bảo đảm cho các LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Muốn vậy, các cấp, các ngành, các địa phương ven biển, các quân khu có biển cần tích cực

triển khai xây dựng các cơ sở kinh tế, các công trình bền vững trên vùng biển, đảo QĐTS (như cầu cảng, âu tàu, các làng chài, các công trình dân sinh trên biển, đảo...) có tính lưỡng dụng gắn kết việc phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng trên biển, đảo. Khi thời bình phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên biển, đảo; khi thời chiến chuyển sang phục vụ cho nhiệm vụ BĐHC của các LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Bên cạnh đó, cần chú trọng lựa chọn, ưu tiên đầu tư phát triển các ngành kinh tế vừa có khả năng khai thác tài nguyên biển (thủy sản, vận tải biển...), vừa góp phần xây dựng tiềm lực hậu cần trên biển, đảo. Đẩy mạnh và phát triển các hệ thống nuôi trồng và khai thác hải sản, năng lượng tái tạo. Hình thành nhiều khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển; quá trình đó sẽ phát triển hệ thống dân y vững mạnh để sẵn sàng kết hợp quân dân y với các LLHQ. Những vùng biển có lợi thế về điều kiện tự nhiên cần được đầu tư xây dựng thành các khu bảo tồn biển (hiện nay nước ta mới có 12 khu bảo tồn biển); hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để đưa ngư dân vươn xa, bám biển, tiếp tục phát triển bền vững hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản...

Ba là, chuẩn bị chu đáo về phương án, lực lượng, phương tiện trong BĐHC và tổ chức dự trữ VCHC phù hợp cho các LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS. Đây là giải pháp bảo đảm tính chủ động trong hoạt động BĐHC. Xây dựng phương án BĐHC phải tuân theo phương án tác chiến bảo vệ QĐTS, đặt trong mối quan hệ mật thiết, trên cơ sở dự báo khoa học, khách quan, chính xác và chặt chẽ về tình hình địch, ta, điều kiện bảo đảm. Trong phương án BĐHC, cần xác định rõ một số trọng tâm, như: Phương thức, khu vực bảo đảm và nhu cầu VCHC của từng lực lượng. Phương án hiệp đồng với các lực lượng trong BĐHC. Phương thức cứu

chữa, điều trị TBBB của các lực lượng (các binh chủng của QCHQ). Phương án sẵn sàng mở rộng phạm vi cứu chữa TBBB trên từng tuyến, khu vực. Phương án tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC bảo đảm cho từng trận đánh, trên từng hướng tác chiến.

Trên cơ sở phương án BĐHC, tiến hành chuẩn bị lực lượng, phương tiện bảo đảm và dự trữ VCHC sát với tình hình. Trước hết, cần chuẩn bị về đội ngũ cán bộ, nhân viên hậu cần có năng lực toàn diện, sức khỏe tốt và ý thức chủ quyền cao. Xây dựng cơ quan, đơn vị HCKT các cấp vững mạnh. Điều chỉnh, hoàn thiện thể chế trí hậu cần phù hợp với kế hoạch tác chiến theo 8 trận đánh mà QCHQ đã dự kiến. Đầu tư mua sắm và nghiên cứu, chế tạo các phương tiện bảo quản VCHC trong môi trường biển, đảo; phương tiện vận chuyển cơ giới (ô tô, tàu thuyền, xuồng...) có sức chứa lớn, tốc độ cao, đi biển với cấp sóng cao, có thể bổ sung VCHC cùng lúc cho nhiều đầu mối.... Cùng với đó, cần tổ chức dự trữ đầy đủ, toàn diện VCHC và phương tiện bảo đảm phù hợp với từng LLHQ và trận đánh, nhất là ở các đảo thuộc QĐTS.

Bảo đảm hậu cần cho LLHQ tác chiến bảo vệ QĐTS là vấn đề có nhiều khó khăn, phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, ngành, địa phương, đơn vị nên cần tiếp tục nghiên cứu, tìm giải pháp thực hiện hiệu quả♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tư lệnh Hải quân (2005), *Tổng kết công tác Hậu cần Hải quân trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb QĐND, Hải Phòng.
2. Bộ Tư lệnh Hải quân (2015), *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hải Phòng.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2017), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến bảo vệ biển, đảo*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DOANH TRẠI, ĐẤT QUỐC PHÒNG TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DOANH TRẠI, ĐẤT QUỐC PHÒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH**

*Phó Chủ nhiệm Khoa Doanh trại, Học viện Hậu cần*

**D**ại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Trong giai đoạn kết thúc, ngày 10/4/1975, Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị về việc chuẩn bị công tác tiếp quản, đặc biệt tại thành phố Sài Gòn - Gia Định. Theo đó, Ủy ban Quân quản thành phố (UBQQTP) Sài Gòn - Gia Định được thành lập. Ngày 01/5/1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho các đơn vị quân quản thành phố Sài Gòn tiếp quản các cơ sở quân sự, hậu cần, kỹ thuật của địch, tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Lúc đó, trên địa bàn Sài Gòn - Gia Định có 30.000 ha đất canh tác bỏ hoang, trên 1 triệu người thất nghiệp, 10.000 người ăn xin, 27 vạn người mù chữ, 20 vạn trẻ mồ côi, 15.000 trẻ bụi đời,... UBQQTP chỉ đạo tổ chức 4 đoàn, 34 đội công tác xuống từng phường, khóm làm nhiệm vụ cứu trợ, cấp đất cho người nghèo và diện chính sách, khôi phục sản xuất, rà phá, tháo gỡ bom mìn, vật nổ, thu dọn phế liệu chiến tranh và văn hóa phẩm độc hại, khám chữa bệnh cho nhân dân,... Chế độ Sài Gòn sụp đổ để lại một khối lượng vũ khí trang bị, cơ sở vật chất rất lớn. UBQQTP đã chỉ đạo các ban ngành, lực lượng vũ trang nhanh chóng tiếp quản theo nguyên tắc ngành nào tiếp quản cơ sở ngành đó, cấp nào tiếp quản cấp đó. Đến cuối năm 1975, công tác kiểm kê, phân loại, bàn giao cơ sở vật chất doanh trại, kho tàng, trang bị, vũ khí đạn dược hoàn tất. Ta

đã tiếp quản được toàn bộ doanh trại của địch, với tổng diện tích khoảng 8.390.992 m<sup>2</sup>; trong đó, có hơn 2 triệu m<sup>2</sup> nhà, công trình bị xuống cấp, hỏng nát cần được sửa chữa lớn; 5,5 triệu m<sup>2</sup> cần bão quản, tu bổ thường xuyên.

Đầu năm 1976, tình hình mọi mặt của Sài Gòn - Gia Định đi vào ổn định. Từ đây, công tác quản lý doanh trại, đất quốc phòng (ĐQP) trong quân đội được quan tâm, ngày càng chặt chẽ, chính quy. Giai đoạn đầu (1976 ÷ 1992), Bộ Quốc phòng (BQP), trực tiếp là ngành Doanh trại đã tập trung thực hiện công tác kiểm kê tài sản và sửa chữa, khôi phục lại các công trình doanh trại: Ngày 01/7/1977, BQP tiến hành tổng kiểm kê, triển khai việc lập hồ sơ pháp lý và hồ sơ kỹ thuật về đất đai. Với sự quyết tâm cao độ của toàn Ngành Doanh trại, nên đến cuối năm 1977, về cơ bản ĐQP đều có hồ sơ gốc theo đúng pháp luật của nhà nước. Năm 1987, Luật đất đai ra đời, quy định rõ việc sử dụng đất vào mục đích quốc phòng phải tuân theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thực tế thống kê cuối năm 1988 cho thấy, phần lớn đất do quân đội quản lý, sử dụng có hồ sơ pháp lý chưa hoàn chỉnh. Năm 1989, bắt đầu tiến hành công tác chuyển giao khu tập thể gia đình quân đội cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước quản lý. Năm 1991, tổng hợp số liệu đất, hóa giá nhà và hợp thức đất; chuẩn bị kiểm kê 0h ngày 01/01/1992. Ngày 19/12/1992, BQP ban hành Quyết định số 457/QĐ-QP về quy

định quản lý các mặt công tác bảo đảm hậu cần. Quyết định này nghiêm cấm việc tự ý nhượng bán, cho nhượng, cho thuê, chuyển đổi mục đích sử dụng, tự ý giao ĐQP cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Giai đoạn từ năm 1993 ÷ 2003, BQP tập trung thực hiện các quy định trong Luật đất đai (sửa đổi) có hiệu lực từ 15/10/1993; trọng tâm là công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng ĐQP. Theo đó, chất lượng công tác quản lý doanh trại, ĐQP được nâng cao; nhiều đơn vị được cấp kinh phí xây tường rào bảo vệ đất. Ngày 12/12/1994, Bộ trưởng BQP ban hành Chỉ thị số 846/CT-QP giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng ĐQP trên cả nước. Nhờ đó, công tác quản lý hồ sơ đất đã dần đi vào chính quy, cơ quan doanh trại các đơn vị cơ bản đã phối hợp với chính quyền địa phương cắm xong mốc giới và được quy hoạch trên giấy A<sub>0</sub>, có xác nhận của địa phương; có đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hàng năm, các đơn vị tổ chức kiểm kê đầy đủ các điểm đất, lập báo cáo theo đúng quy định. Trong giai đoạn này, BQP đã bàn giao nhiều điểm đất cho địa phương quản lý, công tác quản lý ĐQP có nhiều kết quả nổi bật: Năm 1993, hợp thức 1.660/3.8015 ha đất, đạt 43,5%; Năm 1995, làm thủ tục, chuyển đổi mục đích sử dụng 702.492 m<sup>2</sup>, bàn giao 36,7 triệu m<sup>2</sup>, hợp thức trên 14.000 ha đất, xác lập quyền sở hữu và hóa giá nhà cấp 3, 4 đạt 6.550 hộ. Ngày 08/3/1996, Bộ trưởng BQP ra Quyết định số 238/QĐ-QP, thành lập Ban chỉ đạo BQP về chính sách nhà ở, đất ở, kiểm kê 0h ngày 01/01/1997 đạt 5.776 cơ sở với 302.203 ha đất. Năm 1997, toàn quân đã rà soát quy hoạch ĐQP trên địa bàn các Quân khu 1, 2, 3, 4, 9; đo đạc cho 160 cơ sở; chuyển mục đích ĐQP sang mục đích khác với diện tích 70 ha; chuyển ra địa phương quản lý 161 ha, hợp

thức ĐQP 5.000 ha. Năm 1999, có 500 ha ĐQP được cấp bìa đỏ. Từ năm 2000 ÷ 2002, BQP quản lý 293.895 ha ĐQP; chỉ đạo hợp thức 27.500 ha của 900 cơ sở doanh trại; tổ chức bán 1.114 căn nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, 4.221 căn nhà ở tại Hà Nội; hóa giá nhà cấp 3, 4 được 2.500 hộ. Tính đến 0h ngày 01/7/2002, quân đội có 8.343 cơ sở doanh trại, tương ứng 328.380 ha ĐQP, trong đó 95.284 ha đã có quyết định đóng quân của Bộ Tổng tham mưu nhưng chưa được hợp thức.

Giai đoạn từ năm 2003 đến nay, Luật đất đai ngày càng hoàn thiện. Theo đó, công tác hợp thức ĐQP và đất ở được thực hiện với tiến độ nhanh. Điển hình là năm 2003, đã đo đạc được 450 cơ sở, hợp thức 14.991 ha đất; bàn giao ra địa phương quản lý 669,6 ha; thẩm định 4.366 hồ sơ đất ở gia đình, làm thủ tục cấp bìa đỏ 3.982 hộ. Năm 2007, Chính phủ ra Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg về sáp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trong BQP. Kết quả thống kê ngày 26/8/2008, diện tích ĐQP là 262.663,02 ha. Ngày 31/12/2017, Chính phủ ra Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định việc sáp xếp lại, xử lý tài sản công. Để thực hiện tốt công tác quản lý doanh trại, ĐQP, quân đội đã ban hành nhiều văn bản pháp quy nhằm quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, chống lấn chiếm ĐQP. Từ năm 2012, Cục Doanh trại đã phối hợp với Cục Tác chiến chỉ đạo các đơn vị trong toàn quân quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại. Nhờ đó, từ cấp tiểu đoàn độc lập và tương đương trở lên cơ bản đã có quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại được phê duyệt, làm cơ sở tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ phục vụ quy hoạch, quản lý sử dụng ĐQP.

Nhìn chung, công tác quản lý doanh trại, ĐQP từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đến nay đã có bước tiến dài, chấp hành đúng pháp luật,

ngày càng đi vào nền nếp và chính quy. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý doanh trại, ĐQP vẫn còn tồn tại những vấn đề bất cập, như: Còn tình trạng nhiều điểm đất quy hoạch, sử dụng cho mục đích quốc phòng chưa có quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền do chưa xác định rõ ranh giới, mốc giới, diện tích hoặc do tranh chấp đất. Ranh giới đất trên bản đồ và thực địa không khớp, còn hiện tượng cấp chồng, cấp sai diện tích đất. Còn có đơn vị chưa hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuyên trách có đồng chí chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ...

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng công tác quản lý doanh trại, ĐQP trong quân đội đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là*, cấp ủy, chỉ huy các đơn vị và cán bộ ngành doanh trại ở các đơn vị cần nắm chắc và thực hiện nghiêm các cơ sở pháp lý từ Luật, Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn; đến các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Điều lệ ngành liên quan đến hoạt động quản lý doanh trại, ĐQP. Thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng doanh trại vào các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hoặc nhiệm vụ khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền để 100% quân số hiểu đúng việc quản lý doanh trại là tổng thể các biện pháp tổ chức, điều hành, kiểm tra, phối hợp các hoạt động của người chỉ huy, cơ quan doanh trại và mọi quân nhân, nhằm duy trì số lượng, chủng loại, bảo đảm chất lượng, công năng, giá trị, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cơ quan, đơn vị. Mọi quân nhân cần nắm chắc các nội dung quản lý doanh trại và các yêu cầu trong quản lý doanh trại ở đơn vị mình.

*Hai là*, ngành Doanh trại cần phát huy

tốt trách nhiệm trong quản lý tài sản doanh trại được giao, gồm: Đất đai, các công trình, vật kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, máy, trang bị, thiết bị, các loại doanh cụ, dụng cụ và các loại vật chất khác phục vụ sinh hoạt, học tập, công tác, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và các nhiệm vụ khác của bộ đội. Quản lý tài sản doanh trại cần tiến hành thống nhất, bài bản theo quy trình, cụ thể: (1) Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao quản lý, sử dụng đất đai, tài sản doanh trại có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, hạn mức, định mức, đối tượng, công năng; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; quản lý tài sản theo đúng pháp luật Nhà nước và quy định của BQP; (2) Tài sản doanh trại phải được đăng ký, thống kê, theo dõi theo mẫu biểu quy định thống nhất; số liệu phản ánh đầy đủ thực lực về chủng loại, số lượng, chất lượng, giá trị, niên hạn, tình hình biến động, nhu cầu sửa chữa; (3) Tài sản doanh trại (trừ đất đai) phải được duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và kịp thời theo quy định. Cơ quan doanh trại giúp chỉ huy đơn vị lập kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản doanh trại, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

*Ba là*, các cơ quan đơn vị mà nòng cốt là ngành doanh trại tăng cường đề xuất và ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong thống kê, kiểm kê đất đai, đăng ký quyền sử dụng đất và quản lý hồ sơ, ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng đất,... Hồ sơ, tài liệu ĐQP cần được lập, bảo quản và lưu trữ đúng quy định, khoa học, cẩn thận, tránh thất lạc để phục vụ công tác quản lý. Chú trọng sử dụng các phần mềm hiện có để thực hiện đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu trong tất cả các khâu, các quá trình quản lý ĐQP, tiến tới kết nối cơ sở dữ liệu giữa đơn vị trong toàn quân với BQP.

Bên cạnh đó, các đơn vị trong toàn quân cần hoàn thiện hệ thống vành đai bảo vệ, đường tuần tra ranh giới đất, từng bước lắp đặt hệ thống camera tích hợp hệ thống an ninh, đèn chiếu sáng điều khiển thông minh và tùy theo yêu cầu, mức độ bảo vệ, bảo mật để xác định khu vực cần tích hợp truyền dữ liệu từ hệ thống an ninh về các vị trí sở chỉ huy, trực ban tác chiến, bộ phận gác cổng nhằm kiểm tra, theo dõi liên tục và có các biện pháp kịp thời nhằm bảo đảm an toàn đơn vị và chống lấn chiếm.

*Bốn là*, bồi dưỡng nguồn cán bộ, nhân viên doanh trại có trình độ, kiến thức, chuyên môn được đào tạo bài bản, không ngừng nâng cao và được tập huấn hàng năm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong thời gian tới, BQP tiếp tục điều chỉnh lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại. Do đó, tổ chức biên chế, đội ngũ cán bộ, nhân viên Doanh trại có xu hướng giảm trong khi nhiệm vụ tăng, kinh phí bảo đảm cho quản lý doanh trại, ĐQP có hạn, càng đòi hỏi trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên doanh trại phải cao, có khả năng tham mưu đúng, trung cho người chỉ huy, linh hoạt trong xử lý các tình huống, am hiểu quy định pháp luật, có khả năng sáng tạo tốt, khả năng tự học suốt đời... Để đáp ứng điều này, các học viện, nhà trường đào tạo cán bộ, nhân viên doanh trại phải không ngừng cải tiến chương trình đào tạo, giảm lý thuyết, tăng thực hành, cải thiện cơ sở vật chất đáp ứng các chuẩn đầu ra được xây dựng gắn liền với đơn vị, đi trước đơn vị.

*Năm là*, hoàn thiện hồ sơ pháp lý quản lý tài sản doanh trại đúng quy định, kịp thời giải quyết các tranh chấp, vướng mắc phát sinh. Trong đó, hồ sơ quản lý đất đai gồm: Quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân; quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí

công trình; quyết định vị trí đóng quân; quyết định phê duyệt quy hoạch phân khu chức năng sử dụng đất; quyết định phê duyệt và bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng doanh trại; bản đồ địa chính khu đất đóng quân; quyết định điều chuyển (chuyển giao) đất; quyết định thu hồi, giao đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có); Các giấy tờ, hồ sơ bản vẽ khác có liên quan về đất đai. Hồ sơ quản lý công trình gồm: Hồ sơ hoàn thành công trình; hồ sơ vận hành, khai thác công trình; hồ sơ bảo trì công trình. Hồ sơ quản lý máy, trang bị, thiết bị doanh trại gồm: Hồ sơ của nhà sản xuất; các hồ sơ vận hành, kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hàng năm. Việc phân cấp lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ quản lý tài sản doanh trại đã được quy định chi tiết trong Điều 23 của Điều lệ Doanh trại năm 2023 đổi với từng cơ quan doanh trại cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật.

Quản lý doanh trại, ĐQP có ý nghĩa quan trọng song cũng gặp nhiều khó khăn, phức tạp, liệt quan nhiều cấp, nhiều ngành. Do vậy, cần phải thượng tôn pháp luật và làm tốt hơn nữa công tác quản lý Nhà nước về quản lý doanh trại và ĐQP, nhằm góp phần xây dựng quân đội ngày càng chính quy, hiện đại đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đất nước◆

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ công tác doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Cục Doanh trại (2015), *Biên niên sự kiện Lịch sử Cục Doanh trại (1955 - 2015)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Hồ Sơn Đài (2015), *Những ngày đầu tiếp quản, Báo Sài Gòn Giải phóng*, Hồ Chí Minh.

# HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HẬU CẦN TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH NĂM 1975

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

*Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, công tác bảo đảm hậu cần (BĐHC) đóng vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn. Thành công của BĐHC Chiến dịch là tổng hợp sức mạnh của nhiều lực lượng, yếu tố; trong đó, hoạt động của các Đoàn hậu cần (ĐHC) đã để lại những kinh nghiệm quý báu.*

**T**HẮNG lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh đã kết thúc toàn thắng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975; đập tan bộ máy chiến tranh to lớn, hiện đại của chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam; quét sạch bộ máy Ngụy quyền mà đế quốc Mỹ đã ra sức xây dựng. Đó là sức mạnh tổng hợp của các lực lượng; trong đó, các ĐHC (210, 220, 232, 235, 240, 340, 814...) đã có những đóng góp to lớn vào kết quả BĐHC cho các hướng tiến công của chiến dịch, để lại những bài học quý; có thể khái quát như sau:

Một là, tổ chức bố trí các ĐHC linh hoạt, phù hợp với phương thức tác chiến của chiến dịch. Trên chiến trường B2, từ 1973 – 1974, thế bố trí các ĐHC tương đối rộng khắp, vững chắc. Tuy nhiên, để phù hợp với quy mô lực lượng và phương thức tác chiến của chiến dịch Hồ Chí Minh, các ĐHC được điều chỉnh như sau:

Ở tuyến trước, có 5 ĐHC thuộc Miền và các căn cứ hậu cần (CCHC) của QK 7, 8; hình thành thế trận hậu cần phía trước, bao quanh Sài Gòn sẵn sàng bảo đảm cho các hướng tiến công Sài Gòn. Cụ thể:

Trên hướng Tây - Bắc (hướng tiến công chủ yếu), ĐHC 235 được tăng cường lực lượng để vươn sâu xuống phía

Nam sông Sài Gòn, tới Bắc Quốc lộ 1 (đi Campuchia), áp sát Tây Bắc Sài Gòn, bảo đảm cho Quân đoàn (Q) 3 và các lực lượng địa phương, biệt động, đặc công hoạt động trên hướng Tây Bắc.

Trên hướng Bắc, Đông Bắc, ĐHC 210 di chuyển từ Bắc Đồng Xoài xuống triển khai từ Nam Đồng Xoài đến Bến Bầu, áp sát Đông và Đông Bắc Sài Gòn, bảo đảm cho Q 1 và các lực lượng khác.

Trên hướng Đông, ĐHC 814 di chuyển từ Nam Đồng Xoài đến Nam Đồng Nai, Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20, liên hoàn với hậu cần QK7, áp sát Đông Sài Gòn, bảo đảm cho các Q 2, 4 và lực lượng khác.

Trên hướng Tây Nam, tổ chức ĐHC 240, bố trí ở Bắc Quốc lộ 4, liên hoàn với ĐHC 230 ở Nam - Bắc Quốc lộ 1, bảo đảm cho Binh đoàn 232 và lực lượng tiến công trên hướng Tây Nam vào Sài Gòn.

Ở tuyến sau: ĐHC 770 từ Bù Gia Mập chuyển về Đồng Xoài làm nhiệm vụ tổng kho chiến dịch, tiếp nhận vật chất từ vận tải chiến lược chuyển xuống. Các ĐHC 340, 220 và các lực lượng trực thuộc hậu cần Miền được tổ chức thành cụm hậu cần cơ động và các phân đội hậu cần tăng cường cho các ĐHC phía trước. Cụm hậu cần cơ động do ĐHC 220 làm nòng cốt, gồm đủ các

thành phần, bố trí ở An Lộc, sẵn sàng cơ động theo Quốc lộ 13 về hướng Sài Gòn, chi viện cho 3 Q tiến công trên hướng Tây Bắc, Đông, Đông Nam Sài Gòn.

Các ĐHC đã sử dụng 5 tuyến vận tải chiến dịch kết nối vận chuyển từ tổng kho Đồng Xoài và các kho phía sau xuống các ĐHC tuyến trước và tới hậu cần các Q. Sau điều chỉnh tổ chức, bố trí lực lượng và mạng đường vận chuyển, các ĐHC tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh đã hình thành thế trận hậu cần bao quanh Sài Gòn trên cả 5 hướng tiến công, có chiều sâu từ phía sau ra phía trước, kết hợp chặt chẽ với hậu cần chiến lược, hậu cần chiến trường B2, hậu cần các Q và hậu cần ven đô, có LLHC cơ động đi theo các binh đoàn tiến công thọc sâu, tạo nên cơ sở vững chắc để bảo đảm cho chiến dịch.

*Hai là*, khắc phục mọi khó khăn, tổ chức tạo nguồn và khai thác nguồn linh hoạt, hiệu quả từ các địa phương, kết hợp tạo nguồn tại chỗ bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho các hướng của chiến dịch. Để tổ chức tạo nguồn và khai thác nguồn phục vụ cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, các ĐHC đã làm công tác chuẩn bị từ đầu năm 1973. Trong thời gian này, các ĐHC đang ở trên đất Campuchia, việc thu mua vật chất gấp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, các ĐHC đã chuyển về đồng bằng sông Cửu Long, đấu tranh giành giật lúa gạo với địch, thực hiện hậu cần tại chỗ bằng nguồn trong nước. Tập trung mua mới các phương tiện, như: Máy công cụ, xe ô tô, xăng dầu, phụ tùng thay thế... để dự trữ đồng bộ cho những nhiệm vụ tiếp sau. Đầu tháng 4/1975, theo yêu cầu, ta phải chuẩn bị 60.000 tấn vật chất cho chiến dịch Hồ Chí Minh; song, lượng dự trữ của Hậu cần Miền mới có khoảng 40.000 tấn vật chất các loại. Để đáp ứng yêu cầu, trước tiên, các ĐHC điều chuyển nhiều mặt hàng từ các kho trên tuyến 559, chiến trường Tây Nguyên, Quân khu (QK)

5 đưa vào chiến trường B2. Đồng thời, các ĐHC dựa vào mạng lưới hậu cần nhân dân (HCND) trên địa bàn, vận dụng nhiều biện pháp, như vận động sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân, dùng tiền mua tại chỗ những vật chất cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt, chiến đấu của bộ đội. Ngoài ra, các ĐHC còn tổ chức khai thác từ Campuchia chuyển về. Nhờ vận dụng sáng tạo nhiều biện pháp về "tạo nguồn", "khơi nguồn" và biết khắc phục khó khăn, thiếu thốn của chiến trường, đến ngày 25/4/1975, các ĐHC đã góp phần chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh được 60.500 tấn vật chất các loại.

*Ba là*, các ĐHC đã nắm chắc diễn biến chiến dịch, kịp thời bổ sung đạn, xăng dầu, cấp cứu vận chuyển thương binh và bảo đảm cho các binh đoàn thọc sâu trong giai đoạn thực hành chiến dịch. Từ ngày 26 ÷ 30/4/1975, tình hình chiến đấu diễn ra khẩn trương, quyết liệt, nhất là khi ta đánh chiếm tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch ở các khu vực Nước Trong, Long Thành, Trảng Bom, Hồ Nai, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Đồng Dù, Củ Chi, Hậu Nghĩa, Tân An, Quốc lộ 4... và phát triển thọc sâu. Nắm chắc diễn biến chiến dịch, các ĐHC đã kết hợp chặt chẽ với hậu cần các Q, tập trung vận chuyển bổ sung đạn dược, xăng dầu, cấp cứu thương binh và bảo đảm phương tiện cho các binh đoàn hành tiến thọc sâu.

Ở hướng Đông, ĐHC 814 kết hợp với hậu cần Q 2 dựa vào CCHC phía sau ở Nam Xuân Lộc, tổ chức LLHC cơ động phía trước, gồm 2 đại đội ô tô, đêm 26/4 chở vật chất dự trữ, đội điều trị dã chiến và trạm sửa chữa, bám sát bảo đảm cho 2 mũi tiến công của fBB325 và fBB304 tiến công vào Bà Rịa, Vũng Tàu, Nước Trong. Một lực lượng của ĐHC 814 cùng với hậu cần fBB325 sử dụng 29 ô tô chở đạn, xăng dầu, lương thực, thực phẩm (LTTP), thuốc quân y và một số ô tô chở đội pháo, trạm sửa chữa cùng cơ quan hậu cần cơ động tự bảo đảm cho mũi tiến

công của Sư đoàn vào Nhơn Trạch, Tuy Hạ và cho trận địa pháo 130 mm ở Tuy Hạ. Từ 27÷ 30/4/1975, ĐHC 814 và hậu cần Q 2 tiếp tục vận chuyển bổ sung vật chất từ ngoài vào, được 141 xe đạn, 5 xe lương khô; vận chuyển từ Khu 5 vào được 237 tấn đạn, 285 tấn gạo, bảo đảm đủ lượng tiêu thụ, tăng lượng dự trữ.

Ở hướng Tây - Bắc, ĐHC 235 kết hợp với hậu cần Q 3 bổ sung đủ đạn cho 2 trung đoàn bộ binh luồn sâu vào Hóc Môn cùng với lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội đặc công đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng và các mục tiêu quan trọng trên đường thọc sâu. Lực lượng hậu cần của đoàn 235 cùng với hậu cần Q 3 tăng cường 78 ô tô cho fBB10, cùng 30 ô tô của Sư đoàn chuyển vật chất và bộ đội, bảo đảm cho binh đoàn cơ giới thọc sâu gồm fBB10 và Trung đoàn tăng thiết giáp 273 hành tiến công từ sáng 29/4 vào Hóc Môn và sáng 30/4 thọc sâu đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu Ngụy. Để có đủ lượng đạn bổ sung cho đơn vị đánh chiếm Đồng Dù và thọc sâu, ngày 27, 28/4, ĐHC 235 kết hợp với hậu cần Q 3 gấp rút chuyển thêm 150 tấn đạn theo đường sông vào An Nhơn Tây cho các lực lượng chiến đấu.

Ở hướng Tây - Nam, ĐHC 240 kết hợp với hậu cần Binl đoàn 232 và các hậu cần địa phương bảo đảm cho fBB3 tiến công An Ninh, Lộc Giang, Hậu Nghĩa và fBB5 phối hợp với lực lượng địa phương QK8 đánh địch ở Quốc lộ số 4, chia cắt Bến Lức, Tân An và đánh Sư đoàn 22 Nguy, chiếm Thủ Thừa, thị xã Tân An vào sáng 30/4. Ngoài ra, ĐHC 230 còn tổ chức thêm LLHC cơ động, gồm 50 ô tô chở 157 tấn đạn, xăng dầu và bệnh viện dã chiến theo sát bảo đảm cho Sư đoàn bộ binh 9 và lực lượng tăng, thiết giáp thọc sâu; ngày 29/4 vượt qua Hậu Nghĩa, ngày 30/4 tiến vào Sài Gòn đánh chiếm Biệt khu Thủ đô.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) tương lai (nếu xảy ra) các chiến dịch tiến công (CDTC) quy mô vừa và lớn sẽ vẫn do các Q chủ lực được biên chế hỏa lực mạnh đảm nhiệm; đối tượng tác chiến của chiến dịch có sự phát triển cao nên tác chiến sẽ diễn ra ác liệt hơn; đòi hỏi bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cũng phải có sự phát triển. Kế thừa kinh nghiệm bảo đảm của các ĐHC trong chiến dịch Hồ Chí Minh, có thể nghiên cứu vận dụng vào bảo đảm HCKT cho CDTC trong chiến tranh BVTQ theo hướng sau:

*Thứ nhất*, kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả phương thức bảo đảm HCKT tại chỗ với bảo đảm HCKT cơ động, hình thành bảo đảm HCKT theo khu vực hoàn chỉnh, vững chắc, đáp ứng yêu cầu chiến dịch tiến công đồng loạt. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, qui mô tác chiến được xác định theo lực lượng sử dụng và thời gian chiến dịch, nhưng đều có chung đặc điểm là: khả năng cơ động nhanh, tác chiến rất ác liệt trên không gian rộng, không phân tuyến... Điều đó làm cho việc bảo đảm HCKT theo tuyến từ hậu cần chiến dịch đến đơn vị chiến đấu rất khó khăn, phức tạp, tiêu thụ vật chất lớn và tỷ lệ thương binh trong ngày cao, nhiều yêu cầu đột xuất phải bảo đảm; trong khi đó, thời gian làm công tác chuẩn bị HCKT ngắn, địch đánh phá ác liệt. Do vậy, việc tạo nguồn cung cấp, khai thác vật chất HCKT tại chỗ để khai thác bảo đảm kịp thời cho tác chiến là yêu cầu cấp thiết. Theo kinh nghiệm của các ĐHC trong chiến dịch Hồ Chí Minh thì những loại đạn, xăng dầu bảo đảm cho đơn vị binh chủng thường không dự trữ trước ở các CCHC tại chỗ; các loại vật chất khác, như LTTP, chất đốt... có thể dựa vào khả năng cung cấp của hậu cần tại chỗ. Từ kinh nghiệm này, cùng với lý luận về bảo đảm HCKT cho CDTC cho thấy, vận dụng phương thức khai thác nguồn cung cấp bảo đảm HCKT

tại chỗ với bảo đảm HCKT cơ động là giải pháp hữu hiệu, là yêu cầu tất yếu trong tác chiến hiệp đồng binh chủng. Do vậy, trong thời bình, cần coi trọng đầu tư cho công nghiệp quốc phòng, bảo đảm trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội. Đây là nhân tố cơ bản tạo nguồn khai thác vật chất, phương tiện HCKT một cách đầy đủ, kịp thời cho CDTC.

*Thứ hai*, từng bước xây dựng các căn cứ HC-KT, hoàn chỉnh thế trận HCKT ngày càng vững chắc, liên hoàn, sẵn sàng chuyển thể bảo đảm linh hoạt khi có tình huống. Cơ quan HC-KT cấp chiến dịch, chiến lược phải dự kiến phương án, thế trận phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và từng bước triển khai các căn cứ HC-KT, cơ sở HC-KT, sẵn sàng bảo đảm cho các chiến trường, có khả năng bảo đảm vững chắc cho nhiều tình huống chiến dịch. Các căn cứ HC-KT chiến dịch, chiến lược được triển khai đầy đủ, đồng bộ theo khu vực hoàn chỉnh, bao gồm: Các chuyên ngành bảo đảm, hệ thống kho tàng, bệnh viện, đội điều trị, xí nghiệp sản xuất chế biến, nhà máy, trạm, xưởng sửa chữa..., các đơn vị vận tải chiến lược làm nhiệm vụ bảo đảm tuyến cuối về HC-KT trên các chiến trường. Vị trí bố trí căn cứ HC-KT phải dựa vào thế bố trí của các căn cứ hậu phương (CCHP) vùng chiến lược, của quân khu, CCHP các tỉnh, tiếp cận các hướng tác chiến chiến dịch, chiến lược; triệt để tận dụng địa hình có lợi và thế trận chiến tranh nhân dân địa phương để triển khai lực lượng ở những nơi an toàn, có khả năng khai thác tạo nguồn vững chắc, lâu dài.

*Ba là*, xây dựng các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở dịch vụ gắn với xây dựng CCHP của tỉnh, thành phố. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, tổ chức ĐHC bảo đảm cho các lực lượng là sự vận dụng sáng tạo mô hình hậu cần toàn dân bảo đảm cho lực lượng vũ trang tác chiến.

Phát triển kinh nghiệm đó, trong chiến tranh BVTQ, ngành HCKT cần quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, quan điểm hậu cần, kỹ thuật toàn dân của Đảng. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh xây dựng tiềm lực, thế trận HCKT, chủ động chuẩn bị trước một bước về HCKT đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Trong đó, chú trọng xây dựng HCKT nhân dân rộng khắp làm cơ sở, HCKT khu vực phòng thủ làm nền tảng, HCKT quân đội làm nòng cốt; xây dựng và gắn kết chặt chẽ HCKT tại chỗ với cơ động của HCKT chiến lược, chiến dịch, hình thành các khu vực HCKT hoàn chỉnh trên các hướng, địa bàn chiến lược, sẵn sàng huy động, bảo đảm cho quốc phòng. Để thực hiện tốt vấn đề này, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, gắn chiến lược phát triển kinh tế với chiến lược quốc phòng; chú trọng quy hoạch, phân vùng kinh tế, điều chỉnh bố trí dân cư, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở dịch vụ gắn với xây dựng CCHP của tỉnh, thành phố, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo. Qua đó, từng bước xây dựng hậu phương, xây dựng tiềm lực, thế trận HCKT vững mạnh ở từng hướng, khu vực.

Hoạt động của ĐHC trong chiến dịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm nghệ thuật BĐHC của quân đội ta. Trong chiến tranh BVTQ, nghệ thuật CDTC ngày càng phát triển; vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm BĐHC của các ĐHC cho phù hợp điều kiện mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1987), *Hậu cần trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TÁC PHẨM "SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG, RÈN LUYỆN PHONG CÁCH LÀM VIỆC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN

Khoa LL Mác - Lênin, TT Hồ Chí Minh, HVHC

Tháng 10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh (bút danh X.Y.Z) đã viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, đề cập đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; yêu cầu từng tổ chức đảng, từng cán bộ, đảng viên phải sửa đổi lối làm việc từ tư tưởng đến hành động, bảo đảm thích ứng với yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Những tư tưởng của Người thể hiện trong tác phẩm có giá trị sâu sắc cả về lý và thực tiễn đối với việc bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ quân đội nói chung, đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân đội nói riêng.

**T**HEO Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Sửa đổi lối làm việc” là sự sửa chữa và đổi mới về cách làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên trước những yêu cầu mới của cách mạng. Nhiệm vụ này không chỉ là sửa đổi lối làm việc cụ thể mà trước hết là sự sửa đổi, đổi mới từ tư tưởng đến tổ chức làm việc, trong đó bao gồm cả lối làm việc, cách làm việc cụ thể của cán bộ, đảng viên và toàn Đảng. Từ đó, có thái độ nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và đánh giá đúng sự thật về lề lối, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên để tìm ra nguyên nhân làm cho cán bộ, đảng viên có tư tưởng, đạo đức và lề lối làm việc đúng đắn, giúp cho Đảng vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở: “Đảng ta hy sinh tranh đấu, đoàn kết, lãnh đạo nhân dân tranh lại thống nhất và độc lập. Công việc đã có kết quả vẻ vang. Nhưng, nếu mỗi cán bộ, mỗi đảng viên làm

việc đúng hơn, khéo hơn, thì thành tích của Đảng còn to tát hơn nữa. Cán bộ và đảng viên làm việc không đúng, không khéo, thì còn nhiều khuyết điểm”. Chính vì vậy, “nếu không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của ta, thì cũng như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh”. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những chứng bệnh đang tồn tại trong cách làm việc của cán bộ, đảng viên rất cụ thể, như: Khuyết điểm về tư tưởng - tức là “Bệnh chủ quan”; khuyết điểm về mối quan hệ trong Đảng với ngoài Đảng - tức là “Bệnh hẹp hòi”; khuyết điểm về cách nói và cách viết - tức là “Ba hoa”. Đó là ba chứng bệnh rất nguy hiểm. Nếu không chữa ngay, để nó lây ra thì có hại vô cùng. Theo Người: “Bệnh chủ quan” thường là do kém về lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông, hậu quả trước hết là làm theo kinh nghiệm, “lúng túng như nhắm mắt mà đi”. “Bệnh hẹp hòi” thì thường dẫn đến hậu quả là gây ra nhiều chứng bệnh như “Chủ nghĩa

địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, dìm người giỏi, bệnh hủ hóa”. Thói “Ba hoa” có mối quan hệ với hai chứng bệnh nói trên nhưng tỏ ra nhiều vẻ, với biểu hiện như: Dài dòng, rỗng tuếch, thói cầu kỳ, khô khan, lủng túng, báo cáo mông lung hay lụp chup, cầu thả và bệnh sáo cũ, bệnh nói không ai hiểu, bệnh hay nói chữ. Các bệnh trên cần sớm được chữa trị, khắc phục ngay để xây dựng lề lối, tác phong, chuẩn mực cho cán bộ, đảng viên, phục vụ tốt cho công cuộc xây dựng đất nước.

Cùng với việc chỉ ra những căn bệnh của cán bộ, đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra cách khắc phục bằng “phê bình và sửa chữa”; song, cần thấy rõ mục đích của phê bình là “cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ”. Cho nên, khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải theo nguyên tắc “phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người”. Nhấn mạnh tầm quan trọng và tính tất yếu của việc tự phê bình và phê bình, coi đó là một nội dung quan trọng của quy luật phát triển của Đảng, Người viết: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó... rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”.

Không chỉ nhạy bén trước tình hình, nguy cơ của Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn trăn trở với cách làm việc xa dân, coi thường dân chúng, quen “trông từ trên xuống”, không bao giờ chịu “thấy từ dưới lên” của một bộ phận cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Cách làm việc đó

rất nguy hại và ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Vì thế, Người yêu cầu: “Những người mắc bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc, phải thải đi”, những người cậy mình là “công thần cách mạng”, “hạng người nói suông” thì mời “các ông đó xuống công tác hạ tầng, khép họ vào kỷ luật...”. Để đội ngũ cán bộ, đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn, đạt hiệu quả hơn, cán bộ, đảng viên khi phê bình phải “biết cách phê bình sáng suốt, khôn khéo”. Khi chỉ đạo thực tiễn, một mặt, “phải biết khéo lợi dụng kinh nghiệm”; mặt khác, “phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát”. Khi làm công tác cán bộ, không chỉ coi “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”, mà còn phải biết “khéo dùng cán bộ”, “đối với cán bộ khéo” để trong mọi hoàn cảnh, biết “lãnh đạo khéo, tài nhỏ hóa ra tài to”, các công việc sẽ thuận lợi và có kết quả tốt.

Có thể nói, tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” đã nêu ra hầu hết các khuyết điểm, chứng bệnh, thói tật tiêu cực của đội ngũ cán bộ, đảng viên thường mắc phải và cách khắc phục. Chủ tịch Hồ Chí Minh cảnh báo, chỉ cần mắc một bệnh là hỏng việc và gây tác hại cho Đảng, Chính phủ và nhân dân. Vì vậy, Người yêu cầu: “Ngay từ bây giờ, các cơ quan, các cán bộ, các đảng viên, mỗi người mỗi ngày phải thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình. Hãy thấy khuyết điểm phải kiên quyết tự sửa chữa, và giúp đồng chí mình sửa chữa”.

Với ý nghĩa sâu sắc, toàn vẹn từ những chỉ dẫn của Người trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” đòi hỏi đội ngũ cán bộ quân đội nói chung, cán bộ HCKT nói riêng cần có những nhận thức, hành động thiết thực, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi những khuyết điểm, chứng bệnh, thói tật tiêu cực, hình thành phong cách làm việc mới đáp ứng yêu

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới. Trước yêu cầu xây dựng Ngành HCKT Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm HCKT cho quân đội huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác, đòi hỏi, cấp ủy, chỉ huy đơn vị phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT theo những chỉ dẫn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”; trong đó, cần thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp cơ bản sau:

*Một là*, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ HCKT đối với việc bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ HCKT nắm chắc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, nhất là: Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 623-NQ/QUTW, ngày 29/10/2012 của Quân ủy Trung ương về công tác hậu cần quân đội đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, của Quân ủy Trung ương về phát huy phong cách Bộ đội Cụ Hồ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá

nhân trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, giáo dục cho đội ngũ cán bộ HCKT nắm vững tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Sửa đổi lối làm việc”, nhất là những căn bệnh thường gặp của đội ngũ cán bộ đã được đề cập trong tác phẩm; nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ HCKT về vị trí, vai trò của công tác HCKT đối với sức mạnh chiến đấu của quân đội: “Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận. Cung cấp đủ súng, đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận”; đồng thời giúp họ thấy rõ trách nhiệm của mình đối với bộ đội: “Nhiệm vụ chính của cán bộ cung cấp là phụng sự đại đa số bộ đội tức là người binh nhì, phải thương yêu săn sóc người binh nhì. Cán bộ cung cấp như là người mẹ, người chị của người binh nhì”. Cùng với đó, cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị cần giáo dục cho đội ngũ cán bộ HCKT nhận thức rõ yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác HCKT đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; định hướng tư tưởng, phát huy tinh thần trách nhiệm cao trong đổi mới phong cách làm việc, vì theo Hồ Chí Minh: “Cán bộ cung cấp tiền bộ thì cán bộ chỉ huy ắt cũng tiền bộ”.

*Hai là*, bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc khoa học, sáng tạo, hiệu quả cho đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Với cương vị, chức trách được giao, đội ngũ cán bộ HCKT quản lý, khai thác, sử dụng khối lượng lớn về tài sản, vật chất, vũ khí, trang bị... phục vụ bộ đội sinh hoạt, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và các nhiệm vụ đột xuất khác. Để đạt hiệu quả cao trong công việc, đội ngũ cán bộ HCKT phải làm việc một cách khoa học, , có kế hoạch. Theo Hồ Chí Minh, phong cách làm việc khoa học đòi hỏi người cán bộ phải

“đặt kế hoạch rõ ràng, tỉ mỉ, thiết thực”, đồng thời phải có “óc tổ chức”, chia công, xếp việc cho rõ ràng, tổ chức động viên “toàn dân ra thi hành” và phải “khéo kiểm soát” để tổng kết “rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng”. Người phê bình cán bộ “cách làm việc không có kế hoạch, gấp sao làm vậy, làm lấy lệ, không có ngăn nắp, làm không đến nơi đến chốn”. Đối với người cán bộ HCKT, cách làm việc khoa học, bài bản nghĩa là phải nắm vững số người mình phụ trách, chủ động xây dựng kế hoạch, sáng tạo, hết lòng, hết sức phục vụ bộ đội. “Phải thấy trước, lo trước. Phải có sáng kiến và phải tháo vát. Phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính. Phải khéo áp dụng những điều đã học và những kinh nghiệm đã có và sẽ có”.

Mặt khác, cấp ủy, chỉ huy các cấp quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc sáng tạo, hiệu quả cho đội ngũ cán bộ HCKT. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ phải “có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ủng hộ cái mới, thực hiện cái mới thì việc gì cũng làm được”. Tính sáng tạo của cán bộ HCKT thể hiện ở chỗ, họ phải chủ động, sáng tạo cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác bảo đảm HCKT cho phù hợp với từng loại hình quân binh chủng, từng loại hình đơn vị. Tuy nhiên, sự nhanh nhẹn, năng động, sáng tạo của cán bộ HCKT phải đúng với quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyệt đối không được lợi dụng chức vụ hoặc vị trí công tác để bớt xén tiêu chuẩn của bộ đội. Cán bộ HCKT phải thực hiện tiết kiệm, chắt chiu, bảo vệ mọi tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm đúng định lượng, tiêu chuẩn, chế độ quy định; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô lãng phí, cửa quyền, hách dịch...

Ba là, đa dạng hóa các hình thức, biện pháp để bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Để bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT đạt hiệu quả thiết thực, bên cạnh việc đổi mới nội dung, cần phải vận dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan HC-KT căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị và thực trạng phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ HCKT cấp mình để xây dựng, triển khai kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện cho phù hợp, hiệu quả. Người đứng đầu cơ quan HC-KT các cấp nghiên cứu, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ HCKT; bồi dưỡng về phong cách làm việc khoa học, sáng tạo, hiệu quả cho cán bộ HCKT cấp mình. Trong các buổi tập huấn, cần lựa chọn những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến giới thiệu những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo trong công tác bảo đảm HCKT cũng như hiệu quả từ phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo mang lại.

Việc bồi dưỡng phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT cần được thực hiện thường xuyên, thông qua các hội nghị giao ban ngành HC-KT; sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên đối với cấp dưới; thông qua các hội thi, hội thao về ngành HC-KT; các cuộc diễn tập HCKT... Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, phân đội HC-KT duy trì nghiêm nền nếp, chế độ công tác; trong đó đội ngũ cán bộ HCKT ở cơ quan cấp trên phải sâu sát đơn vị; nắm được tâm tư, nguyện vọng của cán bộ HCKT cấp dưới, nhất là những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; từ đó chỉ đạo, hướng dẫn và giúp đỡ cán bộ HCKT thuộc quyền tháo gỡ khó khăn, hoàn thành thắng lợi

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

mọi nhiệm vụ. Bên cạnh đó, cấp ủy, chỉ huy đơn vị; người đứng đầu cơ quan HC-KT các cấp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh lề lối, phương pháp, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ HCKT; kịp thời động viên, khuyến khích, biểu dương, khen thưởng những cá nhân tiêu biểu trong thực hiện việc tự bồi dưỡng, rèn luyện về phương pháp, tác phong công tác; đồng thời uốn nắn, nhắc nhở, phê bình những cá nhân làm chưa tốt, kịp thời có những biện pháp giúp đỡ để những cán bộ này thực hiện tốt kế hoạch tự học tập, rèn luyện về phương pháp, tác phong công tác.

Bốn là, phát huy tính tích cực, chủ động trong tự tu dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu cơ quan HC-KT các cấp tập trung quán triệt, xây dựng động cơ, thái độ trách nhiệm đúng đắn trong tự tu dưỡng, rèn luyện về phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT. Trên cơ sở đó, mỗi cán bộ HCKT nhận thức rõ vinh dự, trách nhiệm của mình đối với bộ đội và thấu suốt quan điểm: Tất cả vì bộ đội, hết lòng yêu thương bộ đội; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tâm, tận tụy phục vụ bộ đội. Tích cực học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, văn hóa, quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ để làm tốt công tác mình đảm nhiệm; gạt bỏ những tính toán cá nhân, những tư tưởng vụ lợi để tự hào về nghề nghiệp của mình mà gắn bó.

Cùng với đó, đội ngũ cán bộ HCKT phải tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực sự làm kiểu mẫu về “Cần, kiệm, liêm, chính, chính công vô tư”; kiên quyết đấu tranh với những nhận thức và hành động sai trái về nghề nghiệp, cho rằng: Cung cấp là một công việc vất vả, tầm thường, suốt ngày chỉ lo “cơm, áo, gạo, tiền”, dễ bị mang tiếng hủ hóa và khó gây được thành tích như cán bộ

chỉ huy đơn vị, nên chỉ muốn tham gia trực tiếp chiến đấu mà không muốn làm công tác cung cấp. Vấn đề này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nếu mọi người đều ra mặt trận, thì bộ đội lấy gì mà ăn, lấy gì mà đánh?” Một khác, cán bộ HCKT phải quán triệt và thực hiện tốt tinh thần “7 dám” mà Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Quân ủy Trung ương đã nhấn mạnh tại Hội nghị Quân ủy Trung ương lần thứ 6, nhiệm kỳ 2020-2025 (Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung). Có như vậy, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ HCKT mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác HCKT ở đơn vị.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” vẫn còn nguyên giá trị, ý nghĩa thiết thực đối với công tác xây dựng Đảng bộ Quân đội và bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc cho đội ngũ cán bộ quân đội hiện nay. Theo đó, trong quá trình xây dựng Ngành HC-KT Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi dưỡng, rèn luyện phương pháp, tác phong làm việc cho đội ngũ cán bộ HCKT đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới♦

### Tài liệu tham khảo

- Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết số 847-NQ/QUTW về phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới*, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5 (Sửa đổi lối làm việc)*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 7 (Thư gửi lớp Cán bộ cung cấp)*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

# BỒI DƯỠNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC HỒ CHÍ MINH CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN HỮU HOẠT

Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

*Đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật (HCKT) là một bộ phận của đội ngũ cán bộ quân đội, có vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác HCKT ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Do đó, cần phải thường xuyên được chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện về mọi mặt, trong đó, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh là một nội dung, biện pháp vừa cơ bản lâu dài, vừa cấp thiết, hiện nay.*

**P**HONG cách làm việc là một bộ phận quan trọng trong phong cách Hồ Chí Minh, di sản vô giá mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam. Đó là phong cách làm việc mẫu mực của một lãnh tụ chính trị, một nhà khoa học chân chính, thể hiện rõ sự thống nhất biện chứng giữa tính chính trị - giai cấp, tính khoa học, vừa thẩm nhuần chủ nghĩa nhân văn cao cả và triết lý hành động vì con người của một nhà văn hóa lớn.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong toàn quân đã quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, trong đó có nhiều nội dung, biện pháp thiết thực để bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ HCKT. Do đó, chất lượng của đội ngũ cán bộ HCKT các cấp, nhất là năng lực lãnh đạo, chỉ huy, quản lý và phương pháp, tác phong công tác ngày

càng được nâng lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy vậy, một số cán bộ cơ quan, có cả cơ quan cấp Cục và Tổng cục còn có biểu hiện chủ nghĩa kinh nghiệm; trình độ năng lực chuyên môn, nhất là khả năng dự báo, nắm bắt, xử lý thông tin, tham mưu đề xuất những vấn đề mới còn hạn chế, chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ; một số cán bộ chỉ huy, quản lý cấp cơ sở thiếu tu dưỡng, rèn luyện; năng lực tổ chức, chỉ huy, quản lý, xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn còn hạn chế; một số ít cán bộ doanh nghiệp thiếu kiến thức về quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, các biệt có trường hợp điều hành sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ, vi phạm kỷ luật phải xử lý. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, cần bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ HCKT, tập trung vào một số nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất, phong cách làm việc dân chủ. Đây là nội dung quan trọng hàng đầu trong quan điểm của Hồ Chí Minh về phong cách. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng dân chủ, coi thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó*

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

khăn. Người nhấn mạnh: Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Cách làm việc dân chủ không có nghĩa là mạnh ai nấy làm, mà phải tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”. Người chỉ rõ: “Gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống... Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng mực hơn, hoạt bát hơn, đầy đủ hơn lần trước. Đó là cách lãnh đạo cực kỳ tốt”. Người cũng nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”. Đối lập với phong cách làm việc dân chủ là phong cách làm việc quan liêu (cần đưa ra quan điểm của chủ tịch về quan liêu). Do đó, phải làm cho cán bộ HCKT: luôn gần dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, biết lắng nghe ý kiến của dân, quan hệ tốt với dân, học hỏi dân và chịu sự giám sát của nhân dân; phải biết cách tập hợp được tài năng, trí tuệ của nhiều người, của tập thể để phấn đấu cho mục tiêu chung (cần gắn với đối tượng phục vụ HCKT trong quân đội).

*Thứ hai*, phong cách làm việc khoa học. Muốn làm việc khoa học, trước hết cần bồi dưỡng, rèn luyện cho cán bộ HCKT cách làm việc có mục đích rõ ràng, biết quý trọng thời gian, giờ nào làm việc ấy và có năng lực giải quyết công việc một cách tốt nhất trong thời gian ngắn nhất. Bởi lẽ, “Đích nghĩa là nhằm vào đó mà bắn. Nhiều đích quá thì loạn mắt, không bắn trúng đích nào”; “Thời giờ cũng cần phải tiết kiệm như của cải. Của cải nếu hết, còn có thể làm thêm. Khi thời giờ đã qua rồi, không bao giờ kéo nó trở lại được”. Trên cơ sở đó, Người phê phán thói quen làm việc tự do, tùy tiện, gấp chăng hay chớ, không coi trọng thời gian, thiếu nhín

xa trông rộng... Đồng thời, bồi dưỡng cho cán bộ HCKT làm việc có chương trình, kế hoạch rõ ràng. Theo Người, kế hoạch đặt ra để mình và mọi người thực hiện chứ không phải để chiêm ngưỡng, đánh trống bỏ dùi. Người căn dặn cán bộ HCKT làm việc: “Phải có kế hoạch đầy đủ, sổ sách rành mạch. Phải thấy trước, lo trước. Phải có sáng kiến và phải tháo vát”. Diễn hình như đối với chiến lợi phẩm thu được của địch, Người yêu cầu cán bộ HCKT: “Kỷ luật phải nghiêm nhưng cấp phát phải có kế hoạch, thứ gì thường cho bộ đội không tính vào cấp phát, thứ gì thu về hậu phương để cấp phát sau. Thế là thực hiện được kỷ luật nghiêm và cấp phát đúng, chứ không được để cho bộ đội tự do làm hao phí và lấy dùng bừa bãi”. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, Người yêu cầu cán bộ HCKT phải vừa làm việc, vừa học hỏi để trau dồi, nâng cao kiến thức. Bởi lẽ, theo Người: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm đến “Phải học tập kỹ thuật vì kỹ thuật ngày càng tiến bộ, mình cũng phải học để tiến bộ”.

*Thứ ba*, phong cách nêu gương, nói đi đôi với làm. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Vì vậy, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, phải thống nhất giữa nói và làm, tư tưởng phải chuyển hóa thành hành động cụ thể để quần chúng noi theo. Người nhấn mạnh: “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. Đặc biệt, đối với

đội ngũ cán bộ HCKT, những người trực tiếp quản lý, bảo quản, sử dụng tài chính, cơ sở vật chất của đơn vị, Người nhấn mạnh: “cán bộ cung cấp càng phải làm kiểu mẫu cần, kiệm, liêm, chính”. Ngoài ra, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những biểu hiện lèo lái, như: quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, xa rời quần chúng; không dám nói, không dám hành động, “nói nhiều làm ít”, “nói mà không làm”, “nói một đằng làm một nẻo”, hoặc ngồi chờ, ỷ lại, sợ trách nhiệm... Người căn dặn cán bộ HCKT: “Các chú gắng gây thành một phong trào chống quan liêu, tham ô, lãng phí, các chú phụ trách phải xung phong gương mẫu”.

*Thứ tư*, phong cách làm việc kỹ lưỡng, tới nơi, tới chốn. Bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ HCKT cách làm việc cẩn thận, không có sai sót. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gấp sao làm vội”. Bởi lẽ, “Chỉ cảm giác thôi không đủ. Muốn hiểu biết toàn bộ một sự vật, hiểu biết bản chất và quy luật nội bộ của nó, thì phải suy xét kỹ lưỡng”. Đồng thời, biết xem xét trước sau, trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; đối với những vấn đề mới, phức tạp, càng cần phải kỹ lưỡng, không ra quyết định khi chưa có thông tin đầy đủ, chưa có phương án tính toán hiệu quả... Cùng với đó, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ HCKT phong cách làm việc chu đáo, triệt để, không bỏ dở; làm bất kỳ công việc gì cũng phải bắt đầu từ chỗ chính, từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ tham mau, tham nhiều trong một lúc. Người nhấn mạnh: “Đã phụ trách việc gì, thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn”. Đặc biệt, Người căn dặn cán bộ HCKT “phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tấc vải, phải đi thẳng đến chiến sĩ”; “Làm việc gì phải làm cho kết quả, trong phạm vi số tiền đã định,

nếu làm tròn việc ấy mà không hết số tiền đã định là các chú có công. Khoản nào phải để vào khoản ấy, không được đem khoản nợ tiêu nhằng sang khoản kia”. Ngoài ra, Người cũng thường xuyên nhắc nhở cán bộ HCKT phải sâu sát, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và mọi mặt đời sống của bộ đội. Người chỉ ra: “phải săn sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống thế nào, phải hiểu nguyện vọng và thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu đòi. Bộ đội chưa đủ mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt”.

Trong giai đoạn hiện nay, để bồi dưỡng phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ HCKT có hiệu quả cần tập trung vào một số biện pháp sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức của cán bộ HCKT về giá trị, ý nghĩa to lớn của phong cách làm việc Hồ Chí Minh. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Quân ủy Trung ương, Tổng cục Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ cần nhận thức sâu sắc rằng: Phong cách Hồ Chí Minh nói chung và phong cách làm việc nói riêng là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ di sản vô giá mà Người để lại cho dân tộc; đồng thời, bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh là nội dung, biện pháp quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần thường xuyên kiểm tra, uốn nắn những nhận thức lèo lái, đấu tranh chống biểu hiện thò o, thiếu trách nhiệm trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

*Hai* là, đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho cán bộ HCKT. Về nội dung, cần cụ thể hoá sát với đặc điểm, tính chất, nhiệm vụ công tác hậu cần ở từng cơ quan, đơn vị; tập trung xây dựng cho cán bộ HCKT tác phong làm việc khoa học, năng động, sáng tạo, sát thực tiễn. Bên cạnh đó, đa dạng hóa các hình thức, biện pháp bồi dưỡng, như: học tập “Mỗi ngày một lời Bác Hồ dạy” bằng pano, áp phích; thông qua các buổi sinh hoạt, hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, xem phim tư liệu; tổ chức tọa đàm, hội thi kể chuyện, các cuộc thi tìm hiểu về cuộc đời, thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Đặc biệt, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào nghị quyết của cấp ủy các cấp, gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua, với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm của cơ quan, đơn vị.

*Ba* là, phát huy vai trò của cấp uỷ, chỉ huy các cấp trong bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho cán bộ HCKT. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh sát với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Trong quá trình lãnh đạo, đánh giá đúng ưu điểm, chỉ rõ hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, chủ quan để có biện pháp lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Cơ quan chức năng thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định của cấp trên về bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp thông qua chế độ báo cáo, giao ban chỉ huy, giao ban công tác đảng, công tác chính trị hằng tuần, hằng tháng bồi dưỡng

phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho cán bộ HCKT.

*Bốn* là, phát huy tính tích cực, tự giác của cán bộ HCKT trong tự bồi dưỡng, tự rèn luyện phong cách làm việc Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ cần xây dựng động cơ, thái độ, trách nhiệm đúng đắn, khắc phục tư tưởng trung bình chủ nghĩa, ngại học, ngại rèn luyện. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng khoa học, tránh chung chung, hình thức; nội dung phải toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát chức trách, nhiệm vụ của từng người, điều kiện cụ thể của đơn vị; quá trình thực hiện phải nghiêm túc, kiên trì, bền bỉ, thường xuyên tự rút kinh nghiệm. Cấp uỷ, cán bộ chủ trì các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh; đồng thời, phát hiện, biểu dương những nhân tố điển hình, chấn chỉnh, uốn nắn, những sai sót, lệch lạc.

Bồi dưỡng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ HCKT có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Đây là một nội dung, nhiệm vụ vừa cơ bản lâu dài, vừa thiết thực, cấp thiết hiện nay, đòi hỏi cấp uỷ, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, vững chắc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng uỷ Tổng cục Hậu cần (2019), *Nghị quyết về xây dựng đội ngũ cán bộ trong Tổng cục Hậu cần, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQG-Sự thật, Hà Nội.

# VẬN DỤNG PHONG CÁCH DÂN VẬN HỒ CHÍ MINH TRONG RÈN LUYỆN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN, KỸ THUẬT LÀM CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trung tá, TS. TRƯƠNG VĂN BẮC

Trường Sỹ quan Chính trị

*Phong cách dân vận Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn riêng, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người. Không chỉ lý luận, Hồ Chí Minh còn thực hành hiệu quả những quan điểm, tư tưởng về dân vận. Học tập và làm theo phong cách dân vận Hồ Chí Minh góp phần rèn luyện đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân đội làm công tác dân vận trong tình hình hiện nay.*

**P**HONG cách dân vận Hồ Chí Minh là một hệ thống chỉnh thể, gắn bó, phát triển từ tư duy đến sự biểu đạt bằng ngôn ngữ nói, viết và hành động cụ thể để vận động nhân dân (dân vận) thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là phong cách của một vĩ nhân, lãnh tụ vĩ đại, chiến sĩ cộng sản lối lạc, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, có giá trị khoa học và lan tỏa sâu rộng. Phong cách dân vận Hồ Chí Minh được đề cập trong nhiều tác phẩm, bài viết, bài nói chuyện của Người, như: "Dân vận" (1949), "Thư gửi Hội nghị cán bộ dân vận" (1949), "Thư gửi Hội nghị nông vận và dân vận toàn quốc" (1953), "Bài nói tại Hội nghị nông vận và dân vận toàn quốc" (1953), "Bộ đội làm dân vận" (1955),... Có thể khái quát phong cách dân vận Hồ Chí Minh trên một số nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, tinh thần trọng dân, gần dân, lắng nghe và tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Với lòng tin vô hạn về sức mạnh của nhân dân, đối với mọi người, bất kể ai, ở giai tầng nào, Hồ Chí Minh đều thấy "tính bản thiện", tinh thần yêu nước, khát khao

độc lập, tự do, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Từ đó, Người thường xuyên liên hệ chặt chẽ với mọi tầng lớp trong xã hội, kiên trì lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, có biện pháp giải thích để họ hiểu rõ, đồng thuận với đường lối của Đảng, tạo nguồn sức mạnh để chiến thắng giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Với Người, dân vận là nhằm "vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho". Đối với bộ đội, Hồ Chí Minh lại càng nhấn mạnh: "Đó là những kinh nghiệm tốt cho toàn thể bộ đội cũng như cho toàn thể cán bộ ta: Nắm vững chính sách, làm đúng ý nguyện của nhân dân, thì công tác dân vận nhất định thành công".

*Thứ hai*, tính khoa học, thiết thực, cụ thể. Trong thực hành công tác dân vận, Hồ Chí Minh luôn luôn yêu cầu "những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm". Óc nghĩ, là suy nghĩ, tìm tòi, nắm bắt được tâm tư, tình cảm của quần chúng để có giải

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

pháp đúng đắn; kịp thời phát huy tính tích cực, ngăn chặn mặt tiêu cực phát sinh. Mắt trông, là thấy rõ yêu cầu nhiệm vụ theo chức trách và thực tiễn cách mạng để thực hành cho đúng, cho trúng, tránh được bệnh quan liêu. Tai nghe, là lắng nghe ý kiến phản biện để kịp thời xử lý những thông tin từ quần chúng; nghe dân nói, hiểu được nguyện vọng chính đáng của dân và biết loại trừ những thông tin nhiễu, thiếu chân thực, không khách quan, không đúng sự thật. Chân đi, là phải thực sự đi sâu vào tìm hiểu thực tiễn, thấu hiểu, cảm thông với những khó khăn của nhân dân ở cơ sở và vận động nhân dân, khuyến khích cơ sở vượt khó vươn lên. Miệng nói, là phải nói đúng, trúng vấn đề, với phong cách giản dị và thái độ đúng mực. Tay làm, là nói được phải làm được, thậm chí cần thiết thì làm mẫu để dân tin. Đối với bộ đội làm dân vận, Người yêu cầu: “Bộ đội lấy việc thiết thực để giải quyết thắc mắc của dân: Tự mình ra rìng kiểm cùi, làm vệ sinh, mua bán công bằng, tôn trọng phong tục, tập quán của dân. Thấy vậy, thái độ nhân dân đối với bộ đội thay đổi hẳn, nghi ngờ biến thành yêu quý”.

Thứ ba, nắm vững nội dung, mục đích công việc, giải thích cho dân hiểu, bàn bạc với dân, tổ chức toàn dân thực hiện, kiểm tra, kiểm điểm rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng. Trong vận động quần chúng, khi “gặp mỗi vấn đề”, Hồ Chí Minh luôn “suy tính kỹ lưỡng” và “điều tra, nghiên cứu rõ ràng” để có quyết định đúng, trúng, hợp lòng dân, tránh hấp tấp, làm bừa, làm ẩu, gặp sao làm vậy. Với Người, “trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được. Điểm thứ hai là bắt cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn

dân ra thi hành. Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, động đúc, khuyến khích dân. Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng”. Như vậy sẽ tránh được bệnh “hữu danh vô thực”; chỉ thị, nghị quyết không gắn với thực tế; làm được ít suýt ra nhiều; ngồi “bàn giấy”, nghe báo cáo rồi “vẽ vời” để sản xuất ra bản báo cáo rất kêu, nhưng lại rỗng tuếch. Người biểu dương bộ đội làm dân vận: “Bộ đội ta làm dân vận có kết quả rất khá... Bộ đội ra sức giúp đồng bào tăng gia sản xuất, chống đói, làm nhà và giúp những việc khác. Có những đơn vị ăn cơm độn ngô, để dành gạo giúp cho dân. Vì vậy, nhân dân yêu mến bộ đội”.

Thứ tư, sự thống nhất giữa nói và làm, tự mình nêu gương. Với Hồ Chí Minh, “miệng nói, tay làm”, “thật thà nhúng tay vào việc”, nói ít, làm nhiều, làm đến đâu hiệu quả đến đó là phương pháp vận động quần chúng tốt nhất: “Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc”. Trên thực tế, trong bất cứ lúc nào, ở cương vị nào, công việc nào, Người đều làm việc một cách hăng say, hòa mình vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân để thực hiện mục đích dân vận. Với Người, “lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Đối với Người, “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Phong cách này đối lập với những “quán cách mạng” luôn “chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh”, nói mà không làm, hoặc nói một đằng, làm một nẻo, nói nhiều làm ít. Người biểu dương bộ đội làm dân vận: “Khi bộ đội chuyển sang vùng khác, nhân dân tỏ vẻ rất luyến tiếc. Một cụ già nói: “Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, bây giờ tôi mới thấy có bộ đội tốt như bộ đội Cụ Hồ!”.

Cán bộ HCKT quân đội là cán bộ được Đảng, Nhà nước, Quân đội bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý và thực hiện công tác HCKT ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Cán bộ HCKT quân đội là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng đảm nhiệm chức vụ sĩ quan hoạt động trong lĩnh vực HCKT quân đội. Đội ngũ cán bộ HCKT quân đội có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công tác bảo đảm HCKT cho toàn quân; trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, bảo quản và cấp phát cơ sở vật chất HCKT phục vụ cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống bộ đội,... ở các cấp, các đơn vị. Nhận thức rõ vị trí, vai trò của công tác dân vận và thầm nhuần phong cách dân vận Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ HCKT quân đội luôn xác định công tác dân vận là một bộ phận quan trọng, nhằm vận động, động viên các tầng lớp nhân dân, củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân - dân, thực hiện thắng lợi chức năng “đội quân công tác”, nhiệm vụ “chiến đấu” trong thời bình. Vận dụng phong cách dân vận Hồ Chí Minh trong rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT quân đội làm công tác dân vận trong tình hình hiện nay, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số biện pháp cơ bản sau đây:

*Một là*, thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp và cán bộ HCKT quân đội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác dân vận. Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Nghị quyết số 49-NQ/QUTW, ngày 25/01/2015 của Quân ủy Trung ương về “Tăng cường và đổi mới và công tác

dân vận của Quân đội trong tình hình mới”; Quy chế số 718-QC/QUTW, ngày 05/11/2021 của Quân ủy Trung ương về “Công tác dân vận của Quân đội nhân dân Việt Nam”. Chủ trọng giáo dục vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ công tác dân vận, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị gắn với việc chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ công tác dân vận cho các đối tượng và chức trách, nhiệm vụ cụ thể của cán bộ HCKT quân đội. Giáo dục, rèn luyện cho cán bộ HCKT quân đội có quan điểm “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và sống có trách nhiệm với nhân dân”, nêu cao ý thức trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp vận đồng quần chúng.

*Hai là*, tích cực đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận. Nội dung, phương thức công tác dân vận cần được thường xuyên đổi mới, sáng tạo, hướng về cơ sở; chú trọng triển khai thực hiện hiệu quả các hình thức kết nghĩa; hành quân dã ngoại làm công tác dân vận; tổ công tác dân vận; cử cán bộ HCKT quân đội tăng cường cho cơ sở. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác dân vận ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện tốt công tác dân vận trong các khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn trọng điểm. Cùng với đó, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở; thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và hội đồng quân nhân các cấp; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết thấu đáo tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ HCKT quân đội. Nêu cao cảnh giác cách mạng, kịp thời định hướng dư luận xã hội trước những sự kiện nhạy cảm, phức tạp, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ; đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch lợi dụng vẫn đề dân tộc, tôn giáo phá hoại mối quan hệ đoàn kết quân - dân.

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

**Ba** là, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của cán bộ HCKT quân đội trong rèn luyện phong cách dân vận. Mỗi cán bộ HCKT quân đội thường xuyên, tự giác rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh; am hiểu phong tục tập quán địa phương. Chú trọng nâng cao năng lực, phương pháp, tác phong và kinh nghiệm làm công tác dân vận; say mê, nhiệt huyết với công việc, biết ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cho việc nâng cao chất lượng công tác dân vận. Tích cực bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng công tác dân vận, nhất là kiến thức về dân tộc, tôn giáo, pháp luật, phong tục, tập quán, phương pháp vận động quần chúng. Chú trọng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội làm công tác dân vận ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh; cán bộ dân vận chuyên trách là con em đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo có kiến thức cần thiết về kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận.

**Bốn** là, thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, gắn với thực hiện phong trào thi đua Quyết thắng của đơn vị và các hoạt động dân vận của địa phương. Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chương trình, hoạt động công tác dân vận gắn với thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, giữ vững và tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân - dân. Tham gia thực hiện tốt các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”; “Quân đội chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Thường xuyên củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò cán bộ HCKT

quân đội trong các tổ công tác dân vận trong năm tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu với cấp ủy, chỉ huy đơn vị nội dung, biện pháp xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân - dân, xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, xóa đói giảm nghèo, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. Phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng nhất là đoàn thanh niên, hội phụ nữ cơ sở HCKT quân đội trong thực hiện các nội dung, mục tiêu thi đua, các cuộc vận động, xây dựng đơn vị dân vận tốt.

Phong cách dân vận Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc; có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác dân vận hiện nay. Học tập và làm theo phong cách dân vận Hồ Chí Minh là hành động thiết thực nhất đối với cán bộ, đảng viên, nhất là đối với những người làm công tác HCKT. Vận dụng phong cách dân vận Hồ Chí Minh trong rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT quân đội làm công tác dân vận trong tình hình hiện nay là yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, “mẫu mực, tiêu biểu”♦

### Tài liệu tham khảo

1. Quân ủy Trung ương (2015), Nghị quyết số 49-NQ/QUTW, về “Tăng cường và đổi mới và công tác dân vận của Quân đội trong tình hình mới”, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2021), Quy chế số 718-QC/QUTW, về công tác dân vận của Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 1, 6, 9, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.

# XÂY DỰNG BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN THEO BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

Khoa LL Mác-Lênin, TT Hồ Chí Minh - HVHC

*Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh là bản lĩnh của một lãnh tụ luôn hết lòng vì nước, vì dân; biểu hiện ở ý chí, nghị lực phi thường và sự độc lập, sáng suốt, quyết đoán của Người trong quá trình tìm đường cứu nước, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là di sản sáng ngời cần được trao truyền, bồi đắp cho đội ngũ sĩ quan tương lai.*

**B**ẢN lĩnh chính trị Hồ Chí Minh là kết quả của quá trình Người không ngừng rèn luyện các phẩm chất cơ bản từ đạo đức, trí tuệ cho đến phuơng pháp, phong cách trên cơ sở phát huy các phẩm chất ưu việt; đồng thời, kết hợp với sự chọn lựa, kế thừa các giá trị tinh hoa của dân tộc và thời đại nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong lựa chọn và xác định con đường cách mạng Việt Nam; ý chí, nghị lực vượt lên khó khăn, gian khổ trong hành trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân; luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sức mạnh của Nhân dân và thắng lợi của sự nghiệp cách mạng; đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên hết; nhạy bén, linh hoạt trong giải quyết các quan hệ đối ngoại; thắng thắn thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm với thái độ nghiêm túc, cầu thị và quyết tâm sửa chữa. Những giá trị ấy tạo nên một hình mẫu bản lĩnh chính trị mang tính biểu tượng, là

ánh sáng soi đường, là nền tảng vững chắc để mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ Quân đội học tập, tu dưỡng và phấn đấu noi theo.

Trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học (gọi tắt là học viên) ở Học viện Hậu cần theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh là nhiệm vụ thường xuyên, cơ bản, mang ý nghĩa cấp thiết. Đó là một quá trình hình thành và phát triển tư duy chính trị vững vàng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức cách mạng và khả năng ứng phó với những tình huống khó khăn trong công tác hậu cần, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong mọi tình huống.

Trong thời gian qua, Học viện Hậu cần đã chú trọng xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Nhờ đó, phần lớn học viên có ý chí, nghị lực vượt khó, tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện; có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội;

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

có tính độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong xử lý các tình huống; phát huy tính đấu tranh tự phê bình và phê bình,... Tuy nhiên, bên cạnh đó, quá trình xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Một số cấp ủy, chỉ huy ở đơn vị quản lý học viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh; hình thức, biện pháp xây dựng chưa thật sự phù hợp; một số học viên còn thiếu quyết đoán, chưa tự chủ trong học tập, rèn luyện, xây dựng nền nếp chính quy, chấp hành kỷ luật, thậm chí viết đơn xin thôi học, xin ra quân.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; trong đó, tập trung vào thế hệ trẻ, để lôi kéo, làm phai nhạt lý tưởng cách mạng, cỗi suy lối sống thực dụng. Ngoài ra, những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”,... trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng đang tác động tiêu cực đến môi trường đào tạo trong Quân đội, trong đó có quá trình xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh.

Thực trạng trên đòi hỏi việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh cần được nâng lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, cần triển khai đồng bộ và hiệu quả các biện pháp sau:

*Một là*, tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể và lực lượng tham gia xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ

Chí Minh. Đây là vấn đề cơ bản cốt lõi trong xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên. Trước hết, cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho các chủ thể về nội dung, giá trị bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Thông qua các đợt học tập chính trị, Học viện tiếp tục tổ chức tốt việc học tập, nghiên cứu các chuyên đề về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sinh hoạt và quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết các cấp để nâng cao nhận thức cho các chủ thể về bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh; về sự cần thiết, nội dung, yêu cầu phải vận dụng vào xây dựng, giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho học viên; khơi dậy phong trào tự giác học tập và rèn luyện theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc trong rèn luyện bản lĩnh chính trị cho học viên.

Cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp trong Học viện cần lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác nghiên cứu, quán triệt cụ thể hóa và vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Hướng dẫn của cấp trên; phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng để đề ra nghị quyết lãnh đạo sát đúng, phân công tổ chức thực hiện chặt chẽ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rút kinh nghiệm, kịp thời bổ sung nội dung, biện pháp lãnh đạo, làm cho các tổ chức đảng thực sự xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo, trung tâm đoàn kết lãnh đạo và xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên. Cùng với tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp, cần đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy; phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chức năng, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý học viên, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân trong xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên.

*Hai là*, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Đây là giải pháp có tính chất quyết định đến việc xây dựng bản lĩnh của học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Theo đó, nội dung giáo dục, rèn luyện cần được xây dựng trên nền tảng lý luận vững chắc, có tính khái quát cao nhưng đồng thời phải gắn sát với thực tiễn, phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ học tập, rèn luyện và chức trách của sĩ quan hậu cần cấp phân đội trong tương lai. Do vậy, quá trình đổi mới cần theo hướng toàn diện và thiết thực hơn, tập trung nâng cao hiểu biết sâu sắc, toàn diện cho học viên về những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước, lịch sử dân tộc, truyền thống của quân đội và ngành Hậu cần, kỹ thuật Quân đội. Đồng thời, tăng cường trang bị kiến thức chuyên sâu về công tác hậu cần, tài chính; kinh nghiệm từ thực tiễn công tác bảo đảm Hậu cần, kỹ thuật . Bên cạnh đó, cần giáo dục cho học viên những phẩm chất chính trị đặc trưng của người cán bộ Hậu cần, kỹ thuật quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh, như: Tình thương yêu đồng chí, đồng đội “như là người mẹ, người chị của người binh nhì”, “coi binh sĩ như anh em ruột thịt của mình”; “công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận: Cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội, thì bộ đội mới đánh thắng trận”; cán bộ Hậu cần, kỹ thuật “càng phải làm kiểu mẫu về cần, kiệm, liêm, chính”. Tích cực bồi dưỡng kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết những khó khăn, gian khổ, phức tạp; bồi đắp sự quyết tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo đảm Hậu cần, kỹ thuật phục vụ bộ đội sinh hoạt, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cũng như thực hiện các

nhiệm vụ đột xuất khác cả trong thời bình và thời chiến. Trên cơ sở đó, hình thành cho họ phương pháp tư duy khoa học và giải quyết hiệu quả các vấn đề của thực tiễn. Giáo dục khả năng tham mưu đề xuất với cấp ủy, người chỉ huy đơn vị cơ sở kế hoạch, phương án bảo đảm Hậu cần, kỹ thuật , tài chính; khả năng thực thi nhiệm vụ trong các quan hệ và tình huống chính trị đặc thù; ứng xử linh hoạt và nhạy cảm với các quan hệ chính trị trong quá trình bảo đảm hậu cần phục vụ bộ đội.

Đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho học viên cần đi vào thực chất. Đổi mới phương pháp cần theo hướng phát huy tính chủ động, tự duy độc lập, sáng tạo của học viên; lồng ghép linh hoạt giữa lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, việc đổi mới hình thức cần đảm bảo tính sinh động, hấp dẫn, tạo hứng thú trong tiếp nhận tri thức và nâng cao hiệu quả giáo dục, xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo tấm gương Hồ Chí Minh một cách thiết thực, sâu sắc. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chung và giáo dục riêng, giữa giáo dục của đơn vị với tự giáo dục của từng học viên, giữa giáo dục thường xuyên với giáo dục trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ tại đơn vị

*Ba là*, đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó, chú trọng xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên. Đây là biện pháp mang tính định hướng, có vai trò quan trọng trong việc trực tiếp góp phần hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Quá trình này cần cụ thể hóa nội dung, giá trị bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh thành những tiêu chí học tập và làm theo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí công tác của sĩ quan hậu cần cấp phân

## KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2025)

đội, tạo cơ sở định hướng tự học, tự rèn và từng bước điều chỉnh hành vi chính trị và thái độ sống, đạo đức cá nhân theo hướng tích cực, mang đậm phẩm chất quân nhân cách mạng. Bên cạnh đó, đẩy mạnh việc tổ chức, hướng dẫn học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với những nội dung cụ thể, thiết thực, gắn với các tình huống thực tiễn trong học tập, công tác và rèn luyện tại Trường. Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá hiệu quả quá trình thực hiện, kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, những tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình tiên tiến, tạo hiệu ứng lan toả tích cực trong Học viện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho mỗi học viên một cách thực chất và bền vững, đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ sĩ quan hậu cần cấp phân đội có phẩm chất, năng lực toàn diện trong tình hình mới.

Bốn là, phát huy tính tích cực, tự giác của học viên gắn với rèn luyện, thử thách trong thực tiễn. Biện pháp này có ý nghĩa trực tiếp quyết định kết quả xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh hiện nay. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. bản lĩnh chính trị cũng như đạo đức cách mạng của học viên được hình thành và phát triển là kết quả tác động của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện của các chủ thể, cùng với đó là sự rèn luyện, phấn đấu liên tục, bền bỉ của mỗi học viên. Vì vậy, bên cạnh sự quan tâm

giúp đỡ của cấp ủy, chỉ huy các cấp, đội ngũ giảng viên thì họ phải xác định động cơ đúng đắn, trách nhiệm trong tự học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch tự học, tự rèn luyện cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn và khả năng nhận thức của bản thân.

Quá trình đó phải gắn liền với việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý chỉ huy, đồng thời thường xuyên tu dưỡng đạo đức, lối sống, phương pháp, tác phong công tác. Trong mọi hoàn cảnh, học viên cần phát huy cao độ tinh tích cực, tự giác trong rèn luyện bản lĩnh chính trị, chủ động vượt qua khó khăn, thử thách; kiên quyết khắc phục tư tưởng trung bình chủ nghĩa, tâm lý ngại học tập, né tránh rèn luyện, từ đó từng bước hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh là nhân tố góp phần hình thành phẩm chất, năng lực của đội ngũ sĩ quan hậu cần tương lai. Do vậy, bên cạnh thực hiện tốt các biện pháp trên đây, cần tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung, biện pháp xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên theo bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh cho phù hợp♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 11*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHỈ HUY HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỤ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BÂN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Logistics support for defensive campaigns depends on many factors, especially the management and coordination of logistics forces in executing tasks. To improve the effectiveness of these operations, it is essential to establish a suitable logistics command system. In this article are proposed several measures for establishing the logistics command system for defensive campaigns in the Fatherland protection war.

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm hậu cần (BĐHC) chiến dịch phòng ngự (CDPN) phụ thuộc nhiều yếu tố; đặc biệt là việc điều hành, hiệp đồng các lực lượng hậu cần (LLHC) trong thực hiện nhiệm vụ. Để nâng cao hiệu quả các hoạt động nói trên cần phải tổ chức hệ thống chỉ huy hậu cần, kỹ thuật (CHHCKT) phù hợp. Bài viết đề xuất một số biện pháp tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống CHHCKT chiến phòng ngự là bộ phận của hệ thống chỉ huy CDPN, bao gồm: Người chỉ huy, cơ quan CHCKT, sở CHHCKT, bộ phận CHHCKT ở các sở chỉ huy tác chiến, ở các căn cứ hậu cần (CCHCKT), phân CCHCKT, nhóm (người) sĩ quan hướng (khu vực) tác chiến và hệ thống thông tin liên lạc, được lập ra để điều hành LLHC (thuộc quyền, phối thuộc, huy động tại địa phương) và hiệp đồng hậu cần với các đơn vị chiến dịch, hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh (thành phố), hậu cần đơn vị bạn trên địa bàn chiến dịch để chuẩn bị và thực hành BĐHC chiến dịch tác chiến

giành thắng lợi. Chiến dịch phòng ngự diễn ra trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, đánh phá ác liệt, liên tục, dài ngày, tác chiến điện tử và không gian mạng rộng khắp nên tổ chức hệ thống CHHCKT gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần nghiên cứu, đề xuất biện pháp tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Ở điều kiện mới của chiến tranh BVTQ, đối tượng tác chiến của CDPN có ưu thế về trang bị, phương tiện chỉ huy, sử dụng vũ khí công nghệ cao, phương tiện bay không người lái (UAV), tác chiến điện tử rộng rãi, có khả năng trinh sát, phát hiện, đánh phá chính xác quá trình triển khai hệ thống CHHCKT. Chúng đẩy mạnh hoạt động tác chiến điện tử trên địa bàn tác chiến. Khi phát hiện, địch tập trung đánh phá, nhằm làm tê liệt, rối loạn chỉ huy, hiệp đồng của hệ thống chỉ huy đối phương.

Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ có thể mở với các quy mô khác nhau, diễn ra trên địa bàn rộng; hệ thống CHHCKT phải triển khai ở các sở chỉ huy

chiến dịch, bao gồm: Sở chỉ huy cơ bản, sở chỉ huy phía sau, sở chỉ huy dự bị, sở chỉ huy phía trước, sở chỉ huy bổ trợ (nếu có). Trong các sở chỉ huy chiến dịch, đều bố trí người (bộ phận) CHHCKT. Trong đó, sở chỉ huy cơ bản thường bố trí ở trung tâm của khu vực tác chiến, trên hướng tác chiến chủ yếu. Sở chỉ huy phía sau thường được bố trí sau đội hình tác chiến. Sở chỉ huy dự bị thường xác định bố trí bên sườn, phía sau sở chỉ huy cơ bản. Sở chỉ huy phía trước thường bố trí gần sở chỉ huy của đơn vị cấp dưới làm nhiệm vụ chủ yếu hoặc tác chiến trên hướng chủ yếu. Sở chỉ huy bổ trợ bố trí gần đơn vị làm nhiệm vụ trên hướng cần chỉ huy. Mặt khác, BĐHC chiến dịch phòng ngự thường hình thành các CCHCKT, phân CCHCKT. Trong các CCHCKT, phân CCHCKT có lực lượng (bộ phận) CHHCKT. Song, mỗi CCHCKT, phân CCHCKT bố trí cách xa nhau, như CCHCKT cách các phân CCHCKT từ  $15 \div 20$  km; phân CCHCKT bố trí cách bộ phận HCKT phía sau của đơn vị phòng ngự trên hướng bảo đảm từ  $10 \div 15$  km. Do vậy, hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự phải triển khai ở các sở chỉ huy, CCHCKT, phân CCHCKT trên địa bàn rộng, khó khăn về bảo vệ và bảo đảm thông tin liên lạc cho hệ thống CHHCKT.

Để hệ thống CHHCKT hoạt động đạt hiệu quả cao, chỉ huy, điều hành các LLHC bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt hậu cần cho CDPN giành thắng lợi, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, tổ chức hệ thống CHHCKT có cơ cấu hợp lý, đủ thành phần, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ BĐHC cho tác chiến. Mặc dù phải xử lý một lượng thông tin tương đối nhiều và phức tạp nhưng CDPN có điều kiện trang bị các phương tiện chỉ huy tương đối hiện đại, năng lực chỉ huy của người chỉ huy ngày càng được nâng cao. Vì thế, việc kết hợp giữa người và phương tiện hiện

đại sẽ là hình thức quan trọng để giảm bớt cơ cấu, chu trình CHHCKT, bảo đảm cho cơ quan CHHCKT làm việc ngày càng hiệu quả. Bên cạnh đó, do sự phát triển của nghệ thuật CDPN, phương thức BĐHC chiến dịch phòng ngự đang làm tăng nhanh tiến trình chuyên môn hóa chỉ huy, giảm bớt tầng nấc chỉ huy trung gian, tăng cường chỉ huy trực tiếp, vượt cấp, chỉ huy bằng đa phương tiện. Vì vậy, ta có điều kiện tổ chức hệ thống CHHCKT có cơ cấu hợp lý, đủ thành phần, bảo đảm chỉ huy thống nhất, liên tục.

Tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự có cơ cấu hợp lý, đủ thành phần được thể hiện ở chỗ: Trong hệ thống CHHCKT, mỗi một bộ phận đảm nhiệm một chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo, không thừa, không thiếu và các bộ phận có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ CHHCKT trong bộ phận được đảm nhiệm. Đồng thời, giữa các bộ phận cần liên kết chặt chẽ, tạo nên hệ thống CHHCKT hoàn chỉnh theo chu trình chỉ huy thống nhất.

Để thực hiện biện pháp trên, chủ nhiệm HCKT chiến dịch phải có năng lực tổ chức hệ thống, tham mưu cho tư lệnh chiến dịch về lựa chọn, sắp xếp các thành phần trong hệ thống CHHCKT hợp lý, có đủ trình độ và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, tiếp tục trang bị phương tiện CHHCKT hiện đại, tổ chức mạng thông tin chỉ huy phù hợp, có hệ thống xử lý thông tin nhanh, chính xác.

Hai là, tổ chức hệ thống CHHCKT bảo đảm cho hoạt động chỉ huy, hiệp đồng hậu cần liên tục, không bị gián đoạn. Chiến dịch phòng ngự phải chỉ huy nhiều LLHC chiến dịch (biên chế, phối thuộc, huy động tại KVPT) bảo đảm vật chất với khối lượng lớn, bảo đảm sinh hoạt và tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh trong điều kiện tác chiến diễn ra ác liệt, dài ngày. Các LLHC có nhiệm vụ phải bám sát bảo đảm

cho các hướng tác chiến, các lực lượng cơ động thực hiện các trận đánh và các trận then chốt... Vì vậy, khối lượng công việc chỉ huy lớn, yêu cầu cao, trong điều kiện tác chiến ác liệt, tính chất khẩn trương, phức tạp. Quá trình tổ chức CHHCKT có nhiều biến động, khả năng bị phá vỡ của chu trình chỉ huy cũng như duy trì sự tồn tại của hệ thống CHHCKT gặp khó khăn. Cùng lúc CHHCKT phải tiến hành hiệp đồng với nhiều lực lượng tham gia BĐHC. Vì vậy, tổ chức hệ thống chỉ huy hậu cần CDPN phải bảo đảm cho hoạt động chỉ huy, hiệp đồng liên tục, không bị gián đoạn. Điều này thể hiện ở chỗ: Trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh, tình huống tác chiến nào thì hoạt động CHHCKT vẫn được tiến hành thông suốt. Mọi quyết định từ trên xuống dưới và báo cáo, phản hồi từ dưới lên trên đều được truyền đạt đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng thời gian, địa điểm, không bị thất lạc hay gián đoạn thông tin chỉ huy.

Để thực hiện biện pháp trên, chủ nhiệm HCKT chiến dịch cần tổ chức hệ thống CHHCKT phù hợp với qui mô, phương pháp tác chiến CDPN; phù hợp với tổ chức, biên chế, trang bị của quân đội và của ngành HCKT; phát huy tốt năng lực của cơ quan tham mưu HCKT; luôn giữ vững thông tin liên lạc.

Ba là, tổ chức hệ thống CHHCKT tăng cường chỉ huy trực tiếp và chỉ huy vượt cấp. Bảo đảm hậu cần CDPN trong điều kiện nhịp độ tác chiến diễn ra nhanh, tin tức tác chiến và BĐHC cho tác chiến tăng lên rất cao; thời cơ có lợi trong BĐHC xuất hiện và qua đi nhanh chóng; cho nên, CHHCKT phải rất kịp thời và hiệu quả. Vì thế, cần phải xác định cơ cấu thành phần, tổ chức, biên chế, trang bị hệ thống CHHCKT đủ khả năng tăng cường CHHCKT trực tiếp và vượt cấp đến các LLHC ở các CHHCKT, phân CHHCKT, các LLHC cơ động bảo đảm

trên các hướng (khu vực) tác chiến.

Mặt khác, nếu tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự cồng kềnh hoặc thiếu thành phần, trang bị phục vụ chỉ huy thì sẽ dẫn đến chậm tiếp nhận thông tin, triển khai các mệnh lệnh, chỉ thị của tư lệnh chiến dịch, chỉ lệnh bảo đảm hậu cần - kỹ thuật gửi cho cấp dưới chậm hoặc không đầy đủ. Để khắc phục điều đó cần tổ chức hệ thống CHHCKT đủ mạnh để tăng cường chỉ huy trực tiếp, chỉ huy vượt cấp.

Tổ chức hệ thống CHHCKT đáp ứng được tăng cường chỉ huy trực tiếp và chỉ huy vượt cấp thể hiện ở chỗ: Mọi quyết định của người CHHCKT phải được truyền đạt trực tiếp đến các đầu mối thực hiện, hạn chế qua trung gian. Hệ thống CHHCKT phải tổ chức mạng thông tin liên lạc để chỉ huy vượt cấp trong trường hợp cần thiết.

Để thực hiện biện pháp trên, chủ nhiệm HCKT chiến dịch phải căn cứ vào quyết tâm của tư lệnh chiến dịch, ngay từ đầu, cần xác định rõ tổ chức CHHCKT ở bộ tư lệnh chiến dịch, ở các sở chỉ huy chiến dịch, ở các CCHCKT, phân CCHCKT và bố trí các sĩ quan truyền đạt mệnh lệnh tăng cường cho cấp dưới. Trao quyền chỉ huy cho các phó chỉ huy hậu cần trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu CHHCKT đã được xác định. Tăng cường CHHCKT vượt cấp phải gắn với báo cáo vượt cấp khi cần thiết. Hơn nữa, khi có tình huống thông tin bị gián đoạn, người CHHCKT cấp dưới vẫn phải phát huy tính năng động, sáng tạo của mình để chỉ huy các LLHC thuộc quyền hoàn thành nhiệm vụ. Trong điều kiện hiện nay, cần từng bước tổ chức mạng thông tin liên lạc hiện đại để đáp ứng yêu cầu CHHCKT trực tiếp và vượt cấp. Thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trợ giúp người chỉ huy và cơ quan theo hướng tự động hóa CHHCKT.

Bốn là, tổ chức hệ thống CHHCKT vững chắc, bảo đảm tính ổn định trong hoạt động CHHCKT. Bảo đảm hậu cần CDPN có nhiều LLHC tham gia, như: LLHC chiến dịch có trong biên chế, LLHC cấp trên phổi thuộc, LLHC huy động tại KVPT. Hậu cần chiến dịch phải bảo đảm trên địa bàn rộng, có nhiều đầu mối phải bảo đảm và bảo đảm cho các lực lượng chiến dịch thực hiện nhiều hình thức chiến thuật, như: Phòng ngự, vận động tiến công, vận động tập kích, vận động phục kích, tiến công địch đỗ bộ đường không... Vì vậy, tổ chức CHHCKT bảo đảm cho tác chiến hết sức phức tạp, cần phải xác định cơ cấu thành phần hệ thống CHHCKT có đầy đủ điều kiện để giữ vững, ổn định trong hoạt động CHHCKT bảo đảm cho chiến dịch.

Mặt khác, trong CDPN, hệ thống CHHCKT triển khai trên địa bàn rộng; ở nhiều đầu mối chỉ huy chiến dịch, như: Triển khai lực lượng CHHCKT ở sở chỉ huy cơ bản, sở chỉ huy phía sau, sở chỉ huy phía trước, sở chỉ huy bồi trợ (nếu có); ở các CCHCKT, phân CCHCKT. Hơn nữa, địch có khả năng trinh sát, phát hiện, đánh phá chính xác vào hệ thống CHHCKT. Điều đó đòi hỏi phải tổ chức hệ thống CHHCKT luôn vững chắc, bảo đảm tính ổn định trong hoạt động CHHCKT.

Tổ chức hệ thống CHHCKT vững chắc, bảo đảm tính ổn định trong hoạt động CHHCKT thể hiện ở chỗ: Mặc dù có những tác động ảnh hưởng đến hoạt động CHHCKT, nhất là tác động do địch gây ra, song không làm gián đoạn hoạt động CHHCKT, hoạt động CHHCKT vẫn được tiến hành theo một chu trình thống nhất; chỉ huy, điều hành và hiệp đồng giữa các LLHC vẫn được thực hiện thông suốt, nhịp nhàng, thống nhất, bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt hậu cần cho các lực lượng hoàn thành nhiệm vụ tác chiến chiến dịch.

Để thực hiện biện pháp trên, tổ chức hệ thống CHHCKT phải có hệ thống công sự vững chắc, ngụy trang, nghi binh, luôn có vị trí dự bị; có hệ thống thông tin liên lạc thông suốt; có các biện pháp phòng chống địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, các phương tiện UAV của địch; tổ chức lực lượng bảo vệ sở chỉ huy hậu cần phù hợp; xây dựng phương án cơ động di chuyển (dịch chuyển) sở CHHCKT. Khi tổ chức, người, cơ quan CHHCKT phải dự kiến thương vong ở sở chỉ huy hậu cần, các đầu mối CHHCKT để kịp thời bổ sung, thay thế, có lực lượng CHHCKT dự bị thích hợp, bao gồm cả con người và phương tiện chỉ huy. Bố trí, triển khai hệ thống CHHCKT hợp lý, hạn chế thương vong, tổn thất do hỏa lực của địch đánh phá.

### IV. KẾT LUẬN

Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ, có sự phát triển mới về nghệ thuật tác chiến nên tổ chức CHHCKT cũng có bước phát triển mới, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, đề xuất biện pháp CHHCKT phù hợp. Để tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự đạt hiệu quả cao, cần phải thực hiện đầy đủ các biện pháp trên, góp phần bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt hậu cần CDPN giành thắng lợi. Tuy nhiên, trong tương lai, các yếu tố về địch, ta đều có sự thay đổi, phương tiện phục vụ chỉ huy ngày càng hiện đại, nên cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các biện pháp tổ chức hệ thống CHHCKT chiến dịch phòng ngự cho phù hợp♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2012), *Chỉ huy hậu cần chiến dịch*, Hà Nội.

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM QUÂN Y HẢI QUÂN TRONG TÁC CHIẾN BẢO VỆ BIỂN, ĐẢO

Đại tá, TS. TÔNG HỮU PHƯƠNG

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *The Vietnam People's Navy serves as the core force in combat operations to safeguard the seas and islands, including diverse elements and conducting operations in various environments. This paper examines the influencing factors and suggests several solutions to naval medical support in the defense of the seas and islands.*

## I. TÓM TẮT

Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong tác chiến bảo vệ biển, đảo (TCBVBD), bao gồm nhiều thành phần lực lượng, tác chiến trên các môi trường khác nhau. Nghiên cứu các yếu tố tác động, bài viết đề xuất một số biện pháp bảo đảm quân y (BDQY) hải quân trong TCBVBD.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quân chủng Hải quân là lực lượng được xây dựng chính quy, hiện đại; bao gồm nhiều lực lượng khác nhau, như: Lực lượng tàu mặt nước; tàu ngầm; hải quân đánh bộ; pháo binh - tên lửa bờ; không quân hải quân và các lực lượng khác. Phạm vi hoạt động của hải quân rất rộng, gồm cả đất liền, trên không, trên biển và ở đảo xa. Trong TCBVBD, các lực lượng của hải quân có thể chiến đấu độc lập hoặc chiến đấu hiệp đồng quân, binh chủng trong Quân chủng Hải quân hoặc cũng có thể phối hợp với các quân khu, quân đoàn trên một hoặc nhiều hướng chiến dịch. Chiến trường biển đảo dễ bị chia cắt, bị đối phương phong toả, khống chế. Lực lượng chiến đấu thường hoạt động độc lập, xa đất liền, xa căn cứ hải quân hoặc hậu cần cấp trên trong khu vực phòng thủ. Vì vậy,

BDQY có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có các biện pháp bảo đảm phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, TCBVBD là một trong các loại hình tác chiến chiến lược, bao gồm tổng thể các hoạt động quân sự, kết hợp với các mặt hoạt động khác, do các lực lượng vũ trang tiến hành với nhiều quy mô khác nhau, diễn ra trên chiến trường biển, đảo, dưới sự chỉ huy tập trung và theo kế hoạch thống nhất của cấp chiến lược; bằng các hoạt động tạo thế ta, phá thế địch; tiêu hao, sát thương bộ phận lực lượng địch, ngăn chặn và kìm hãm nhịp độ tiến công của chúng, buộc địch vào thế bị động, lúng túng và sa lầy, nhằm phòng thủ bảo vệ các đảo và quần đảo trọng yếu, giành và giữ quyền làm chủ trên các vùng biển chiến lược trọng điểm trong những thời điểm lựa chọn, giữ vững thế trận biển, đảo; tạo điều kiện thuận lợi cho tác chiến của chiến trường trên bộ.

Lực lượng hải quân trong TCBVBD có các nhiệm vụ cơ bản: Tiến công tiêu diệt nhóm tàu chiến đấu của địch trên biển; phòng, tránh, đánh địch tiến công hỏa lực bằng đường không; chống phong tỏa

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đường biển, bảo vệ giao thông đường biển của ta; chống đổ bộ đường biển; đánh địch đổ bộ đường biển; phòng thủ bảo vệ các căn cứ hải quân, phòng thủ đảo; phản kích khôi phục một phần hoặc tái chiếm toàn bộ đảo bị mất. Những nhiệm vụ đó quy định tính chất đặc thù của TCBVBĐ, tác động đến BĐQY hải quân, đó là:

Lực lượng hải quân thường phải hoạt động chiến đấu dài ngày trên chiến trường rộng, bao gồm cả trên bờ, ven biển và ở biển, đảo xa. Lực lượng tàu hải quân, bộ đội bảo vệ đảo và hải quân đánh bộ thường phải hoạt động chiến đấu độc lập, điều kiện để tổ chức triển khai lực lượng quân y trên tàu, trên đảo có nhiều khó khăn và hạn chế. Mặt khác, tác chiến xảy ra trên biển đảo sẽ rất ác liệt, tỷ lệ thương binh, bệnh binh (TBBB) cao, thường vượt quá phạm vi cứu chữa của các tuyến quân y. Công tác tổ chức cứu chữa, vận chuyển TBBB từ đảo, tàu vào đất liền gặp nhiều khó khăn do sóng gió, do bị đối phương phong tỏa, đánh phá, TBBB thường phải nằm lại đảo, tại tàu do không có điều kiện để vận chuyển về tuyến sau. Khi tác chiến trên biển, các đảo xa bờ có vị trí chiến lược thường là mục tiêu tấn công đầu tiên của địch. Các đảo xa bờ của ta có diện tích không lớn (dưới 2 km<sup>2</sup>), địa hình trống trải, thê che đỡ, che khuất hạn chế. Chiến đấu trên đảo thường xảy ra rất ác liệt, liên tục, dài ngày, địch dùng hỏa lực mạnh cả không quân, hải quân để đánh phá và đổ bộ chiếm đảo; ta phòng thủ kiên quyết với quyết tâm “còn người, còn đảo”. Các đảo thường phải độc lập chiến đấu mà không có sự chi viện kịp thời của đất liền hoặc của các đảo khác. Lực lượng quân y đảo phải độc lập tổ chức cứu chữa với số lượng lớn TBBB, phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp cứu chữa, phải giữ lại điều trị TBBB tại đảo khi chưa có điều kiện để vận chuyển vào đất liền.

Bên cạnh đó, hiện nay, Hải quân ta chưa được trang bị nhiều tàu hiện đại, số lượng tàu hoạt động trên biển vẫn còn ít so với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo rộng lớn của Tổ quốc. Tàu chiến đấu, tàu vận tải của Quân chủng Hải quân thường là những tàu nhỏ, tốc độ không lớn, khả năng đi biển phụ thuộc nhiều vào các điều kiện tự nhiên cũng như tình huống chiến đấu. Quân y Quân chủng Hải quân hiện chỉ có 01 tàu bệnh viện và chưa nhiều tàu chuyển thương chuyên dụng hoặc phương tiện vận chuyển TBBB có tốc độ cao. Trong TCBVBĐ, tổ chức vận chuyển TBBB từ đảo vào đất liền hoặc từ các khu vực chiến đấu trên biển vào các căn cứ Hải quân thường phải sử dụng tàu chiến đấu, tàu vận tải (quân sự, dân sự) và thuyền đánh cá của ngư dân. Vận chuyển TBBB nếu không được tổ chức tốt thì khó đáp ứng được yêu cầu về thời gian và chỉ định cứu chữa ở tuyến sau. Mặt khác, do đặc điểm về địa hình và vị trí địa lý của vùng biển Việt Nam nên khí hậu biển ở nước ta vừa mang tính chất ôn đới, vừa mang tính chất nhiệt đới, vừa mang tính chất khí hậu hải dương lại vừa mang tính chất khí hậu lục địa. Trong đó, vùng Tây Thái Bình Dương là một trong 5 “ổ bão” của thế giới. Đặc trưng của khí hậu biển Việt Nam là nóng, ẩm, nhiều gió, áp thấp và nhiều dông bão. Sóng biển ở vùng biển Việt Nam có độ cao trung bình lớn, trong dông bão, độ cao sóng có thể tới 6 – 8 m. Các loại hình thời tiết, khí tượng hải văn ở vùng biển Việt Nam đều có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của lực lượng hải quân khi thực hiện nhiệm vụ trên biển, đảo.

Từ những đặc điểm trên, để nâng cao chất lượng BĐQY hải quân trong TCBVBĐ, cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, dự kiến tỷ lệ TBBB phù hợp với nhiệm vụ, hoạt động của từng thành phần lực lượng hải quân. Dự kiến tỷ lệ TBBB có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm tính toán, cân

đối nhu cầu, khả năng, từ đó xác định các biện pháp tổ chức cứu chữa, điều trị, vận chuyển TBBB cho phù hợp.

Để dự kiến tỉ lệ TBBB cho các lực lượng hải quân phù hợp, quân y hải quân cần nắm chắc đặc điểm hoạt động tác chiến, hình thức chiến thuật của từng thành phần lực lượng hải quân; ý định sử dụng lực lượng của người chỉ huy. Cơ quan hậu cần – kỹ thuật (HC-KT) cấp trên dự kiến tỉ lệ TBBB cho các đơn vị cấp dưới hoặc các đơn vị dự kiến tỉ lệ TBBB báo cáo cơ quan HC-KT cấp trên. Đối với các lữ đoàn hải quân đánh bộ, lực lượng bộ binh hải quân, tỉ lệ TBBB thường nhiều hơn so với các đơn vị khác. Trong giai đoạn chiến đấu, quá trình đổi tàu và bám bờ mở cửa đánh chiếm đất liền (đảo), TB sẽ nhiều hơn so với các giai đoạn khác. Đối với các đơn vị tàu mặt nước chiến đấu, các tàu, biên đội tàu làm nhiệm vụ công kích tên lửa, ngư lôi, tàu pháo trên hướng tiến công chủ yếu trên biển, tỉ lệ TB nhiều hơn so với các hướng khác. Đối với các lực lượng khác, do chiến đấu trên đất liền, chiến đấu phía sau, xa địch thì tỉ lệ TBBB sẽ thấp hơn.

Bên cạnh đó, quân y hải quân cần nắm chắc âm mưu, thủ đoạn hoạt động của địch để dự kiến tỉ lệ TBBB. Trong TCBVBĐ, để thực hiện âm mưu xâm lược nước ta, địch sử dụng nhiều thủ đoạn khác nhau, tiến hành trên các môi trường: trên không, trên mặt biển, ngầm dưới biển, đất liền, không gian mạng. Địch sử dụng các loại vũ khí hiện đại, công nghệ cao, sức cơ động nhanh, khả năng tiêu diệt và phá hủy các mục tiêu của đối phương rất lớn. Đây là những yếu tố, nguyên nhân trực tiếp gây nên thương vong cho lực lượng hải quân trong tác chiến. Do vậy, HC-KT hải quân phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của địch để dự kiến tỉ lệ TB làm cơ sở đề ra biện pháp cứu chữa vận chuyển TBBB. Đồng thời, cần nắm được tính năng kỹ chiến

thuật của các loại phương tiện chiến đấu, khả năng chống chìm của các loại tàu. Một số loại phương tiện chiến đấu có khả năng ngăn chặn, hạn chế sát thương do vũ khí của địch, nên tỉ lệ TBBB có thể giảm.

Hai là, tổ chức cứu chữa TBBB theo tuyến trong từng khu vực, kết hợp chặt chẽ với hệ thống dân y. Trong TCBVBĐ, tổ chức cứu chữa TBBB không thể thực hiện theo hệ thống bậc thang cứu chữa như trên đất liền, mà việc cứu chữa TBBB được thực hiện chủ yếu ở trên tàu, trên đảo. Trong chiến đấu, mỗi tàu, mỗi đảo là một tuyến quân y có tính độc lập cao. Ở trên đảo, TBBB có thể được cứu chữa từ cấp cứu đầu tiên đến cứu chữa cơ bản. Còn ở trên tàu, nếu là tàu chiến đấu hiện đại, tàu bệnh viện, TBBB có thể được cứu chữa từ cấp cứu đầu tiên đến cứu chữa cơ bản, cứu chữa chuyên khoa. Thực tế của Hải quân Liên xô, trong chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, nhờ thực hiện phẫu thuật trên tàu nên đã cứu sống nhiều thương binh. Thực tế của Hải quân nhân dân Việt Nam trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1964 - 1972), do đặc điểm chiến đấu gần bờ, tàu ta nhỏ, việc cứu chữa TBBB đã được thực hiện trên tàu nhưng chủ yếu là cấp cứu đầu tiên và bổ sung cấp cứu, các bước cứu chữa tiếp theo được thực hiện ở các cơ sở điều trị trên bờ (quân y và dân y).

Để thực hiện tốt cứu chữa TBBB trong TCBVBĐ, trước hết, cần sử dụng lực lượng quân y hợp lý, tập trung lực lượng có chuyên môn tốt để cứu chữa TBBB trên các tàu. Các đơn vị hải quân cấp vùng, lữ đoàn cần đổi để phân chia lực lượng quân y bảo đảm trên bờ và tăng cường lực lượng cho các tàu. Sử dụng bác sĩ, y sĩ bố trí trên các tàu chiến đấu, tàu vận tải đổ bộ để sẵn sàng mở rộng phạm vi cứu chữa ngay trên tàu khi chưa có điều kiện đưa TBBB vào đất liền, đảo. Chú trọng dự trữ thuốc men, trang thiết bị y tế trên các tàu chiến đấu, tàu

vận tải đổ bộ để sẵn sàng cứu chữa TBBB. Tùy theo từng kiểu loại tàu có thể triển khai bàn mổ để phẫu thuật cho TBBB. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ cho lực lượng quân y hải quân ở tất cả các cấp, tập trung huấn luyện BĐQY trên tàu trước khi chiến đấu. Huấn luyện cho bộ đội, thủy thủ kỹ thuật cấp cứu TB để tự cấp cứu và cấp cứu lẫn nhau, kỹ năng cứu, vớt TB trên biển. Huấn luyện cho lực lượng hải quân đánh bộ kỹ năng cứu vớt TB ở tuyến mép nước, khi bám bờ trong quá trình đổ bộ. Cần phối hợp, kết hợp với các lực lượng khác, nhất là lực lượng dân y, quân y biên phòng, cảnh sát biển, kiểm ngư hoạt động trong khu vực để cứu chữa TBBB.

Bà là, vận dụng nhiều hình thức, phương tiện vận tải để vận chuyển TBBB. Do tác chiến trên nhiều môi trường, trên phạm vi rộng, tác động của khí hậu thời tiết, sóng gió trên biển nên việc vận chuyển TBBB đối với lực lượng hải quân trong TCBVBĐ rất khó khăn và phức tạp. Vì vậy, phải vận chuyển TBBB với nhiều hình thức, như: Chuyển từ tàu sang tàu, từ tàu vào đất liền (đảo), từ các cảng hoặc căn cứ hải quân về các trạm quân y, bệnh viện để cứu chữa TBBB. Quá trình vận chuyển TBBB vẫn phải áp dụng các biện pháp để cứu chữa TBBB. Sử dụng nhiều loại phương tiện vận tải: Xe ô tô, xe thô sơ, vận tải bộ, tàu chiến đấu, tàu vận tải, xuồng, máy bay trực thăng để vận chuyển TBBB từ biển, đảo về căn cứ trên đất liền để cứu chữa.

Để thực hiện biện pháp này quân y hải quân cần tổ chức vận chuyển TBBB theo tuyến, kết hợp chặt chẽ với hệ thống dân y cả trên đất liền và trên biển, đảo để vận

chuyển TBBB. Đối với các tàu làm nhiệm vụ trên biển, nếu có TBBB thì liên hệ với các tàu đã thực hiện xong nhiệm vụ hoặc các tàu của lực lượng khác, tàu cá dân sự chi viện vận chuyển TBBB về tuyến sau. Đối với các đơn vị hải quân đánh bộ, khi đổ bộ tiến công lên đất liền, nếu có TBBB ở tuyến mép nước thì nhanh chóng cứu vớt và đưa TBBB trở lại tàu, xuồng đổ bộ hoặc chuyển lên bờ để cứu chữa. Đối với các đơn vị hải quân làm nhiệm vụ trên đất liền, nếu có TBBB thì tổ chức vận chuyển theo tuyến, đúng chỉ định. Có thể sử dụng tàu, thuyền đánh cá của ngư dân, tàu vận tải dân sự, các cơ sở quân dân y ở gần các khu vực hoạt động của tàu Hải quân để tổ chức cứu chữa, vận chuyển TBBB.

### IV. KẾT LUẬN

Trong TCBVBĐ, bảo đảm quân y là một mặt công tác quan trọng, góp phần tạo sức mạnh tổng hợp để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong mọi tình huống. Trong điều kiện hoạt động tác chiến trên nhiều môi trường, địch đánh phá ác liệt, nên BĐQY cho lực lượng hải quân gặp nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải vận dụng linh hoạt nhiều biện pháp, phù hợp với từng thành phần của lực lượng hải quân♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2014), *Sử dụng hải quân trong TCBVBĐ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2014), *Bảo đảm hậu cần hải quân trong TCBVBĐ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Quân chủng Hải quân (2006), *Công tác tổ chức bảo đảm quân y Hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH TRONG HÀNH TIẾN Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Thiếu tá, CN. TRẦN VĂN ĐỒNG  
Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Logistics material support for infantry regiments in offensive operations during maneuvering is essential to provide necessary supplies for personnel and technical equipment, ensuring continuous operation and maintaining the regiment's combat readiness. Based on theoretical and practical research, in this article are proposed solutions to the logistics material support for infantry regiments during offensive operations in midland terrain.

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) trung đoàn bộ binh (eBB) tiến công địch trong hành tiến nhằm cung cấp các loại vật chất cần thiết cho bộ đội và trang bị, phương tiện kỹ thuật hoạt động liên tục, duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn. Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất giải pháp bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du (ĐHTD).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung đoàn bộ binh tiến công địch trong hành tiến ở ĐHTD là hình thức chiến thuật tiến công tiêu diệt địch lâm thời hoặc mới chuyển vào phòng ngự nhưng thế trận bị phá vỡ, chỉ huy hiệp đồng rối loạn. Để trận đánh giành thắng lợi, eBB phải giải quyết nhiều vấn đề về chiến thuật và các mặt bảo đảm; trong đó, bảo đảm VCHC là một nội dung quan trọng. Trong chiến tranh giải phóng đã diễn ra nhiều trận đánh eBB tiến công địch trong hành tiến; để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm VCHC. Gần đây, một số eBB đã tổ chức diễn tập tiến công địch trong hành tiến đã thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, trong bảo đảm

VCHC, việc xác định nhu cầu một số loại vật chất chưa phù hợp, chưa quy định cụ thể lượng vật chất phải mang theo, việc kết hợp các lực lượng, phương tiện vận tải vận chuyển, bổ sung VCHC chưa phù hợp với địa bàn chiến đấu... Thực tiễn đó đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu về bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh tiến công địch trong hành tiến phù hợp với điều kiện của chiến tranh hiện đại.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của eBB tiến công trong hành tiến ở ĐHTD là tiểu đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) hoặc lực lượng chủ yếu trong sở chỉ huy lữ đoàn địch, đang lâm thời phòng ngự trong đội hình cấp trên. Tiểu đoàn địch thường tổ chức phòng ngự khu vực theo kiểu hình vòng, có chiều sâu, trọng điểm. Địch thường xuyên trinh sát; sử dụng hỏa lực đánh phá những khu vực nghi ngờ có lực lượng của ta. Do đó, quá trình cơ động vào vị trí triển khai, việc giữ bí mật, bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện hậu cần eBB gặp nhiều khó khăn. Khi bị ta tiến công, địch dựa vào công sự, vật cản, phát huy

sức mạnh của hỏa lực nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các hướng, mũi tiến công của ta. Do đó, trận chiến đấu sẽ rất ác liệt, tình huống phức tạp, lực lượng, phương tiện hậu cần có thể bị thương vong, tổn thất, hoạt động bảo đảm VCHC gặp nhiều khó khăn.

Tiến công địch trong hành tiến ở ĐHTD, thời gian chuẩn bị của eBB thường gấp, khoảng  $1 \div 2$  ngày; thời gian chiến đấu cũng không dài. Để tiến công sở chỉ huy tiểu đoàn địch, eBB thường xác định  $2 \div 3$  hướng; và được tổ chức thành nhiều lực lượng, làm cho nhu cầu VCHC lớn. Hơn nữa, các lực lượng của eBB chiến đấu phân tán, trên phạm vi rộng nên hoạt động bảo đảm VCHC có nhiều khó khăn. Mặt khác, khu vực bố trí, triển khai hậu cần ở ĐHTD khá trống trải, khả năng che chắn, bảo vệ hạn chế nên việc giữ bí mật, bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện hậu cần gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, để công tác bảo đảm VCHC của eBB tiến công trong hành tiến ở ĐHTD đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, tổ chức dự trữ vật chất gọn nhẹ, tiện cơ động, phù hợp với điều kiện chiến đấu cơ động, luôn có đủ lượng vật chất dự trữ sẵn sàng xử trí các tình huống. Tiến công địch trong hành tiến, có thể eBB vừa phải chuẩn bị, vừa cơ động, vừa tổ chức, sử dụng lực lượng chiến đấu theo cách đánh đã xác định. Do vậy, tính cơ động, tính biến động của eBB rất cao. Chính vì vậy, tổ chức dự trữ VCHC phải gọn nhẹ và luôn có đủ lượng vật chất dự trữ sẵn sàng xử trí các tình huống. Theo đó, đối với lực lượng binh chủng (phòng không, pháo binh, công binh, thông tin, xe tăng...), do thường xuyên phải cơ động, di chuyển nên tiêu thụ lượng lớn nhiên liệu và các loại VCHC khác. Vì thế, có thể tận

dụng phương tiện cơ giới có sẵn để dự trữ VCHC, tập trung vào các chủng loại chính như xăng dầu, lương thực, thực phẩm (LTTP), thuốc chiến thương. Các lực lượng trên hướng tiến công chủ yếu, thứ yếu, quá trình chiến đấu thường xuyên cơ động nên cần dự trữ gọn nhẹ, phù hợp với khả năng mang theo. Vật chất dự trữ tập trung vào các loại vật chất thường xuyên tiêu thụ như LTTP, lương khô, thuốc chiến thương... Hậu cần eBB cần dự trữ 1 số loại VCHC thiết yếu để bảo đảm kịp thời cho các lực lượng xử trí tình huống khẩn cấp. Lượng VCHC sẵn sàng bảo đảm cho tình huống chiến đấu được dự trữ ở kho trung đoàn và ở LLHC dự bị; có thể chuẩn bị sẵn trên các phương tiện để sẵn sàng bảo đảm; nếu sử dụng lượng VCHC này thì phải lập lượng dự trữ thay thế.

*Hai là*, vận dụng linh hoạt các hình thức vận chuyển, bổ sung vật chất; ưu tiên vận chuyển, bổ sung trực tiếp, vượt cấp cho lực lượng thọc sâu, đơn vị tiến công mục tiêu chủ yếu, quan trọng. Bổ sung vật chất eBB tiến công trong hành tiến thực hiện theo nguyên tắc cấp trên vận chuyển, bổ sung cho cấp dưới là chủ yếu. Tuy nhiên, tùy từng loại vật chất, điều kiện chiến đấu, tình hình địch để vận dụng linh hoạt các hình thức vận chuyển, bổ sung; có thể kết hợp trên dưới cùng vận chuyển, vận chuyển bổ sung vượt cấp, điều hòa vật chất giữa các đơn vị. Theo đó, tại vị trí tập kết chiến đấu, hậu cần eBB thường thực hiện kết hợp trên dưới cùng vận chuyển: Đối với các loại vật chất có khối lượng nhỏ (đường sữa thương binh, thuốc chiến thương...) hậu cần eBB có thể bổ sung theo phân cấp cho các đơn vị hỏa lực, các đơn vị bộ binh; đơn vị ở gần lên kho eBB để nhận và vận chuyển về. Đối với các vật chất có khối lượng lớn (xăng

dầu, lương thực, thực phẩm, đạn các loại), hậu cần eBB bổ sung cho các đơn vị tại vị trí đứng chân. Tại khu vực tạm dừng ngắn: Hậu cần eBB thường không bổ sung vật chất. Tại khu vực triển khai và trong chiến đấu: Hậu cần eBB thực hiện bổ sung theo phân cấp, cấp trên vận chuyển bổ sung cho cấp dưới là chủ yếu, kết hợp thực hiện bổ sung vượt cấp, điều hòa vật chất phù hợp với điều kiện thực tế. Hậu cần eBB chủ yếu sử dụng vật chất từ kho eBB để bổ sung theo phân cấp cho các đơn vị tại vị trí đứng chân vào cuối ngày chiến đấu, theo kế hoạch. Trường hợp lực lượng dự bị binh chủng hợp thành bước vào chiến đấu, hậu cần eBB tổ chức lực lượng bổ sung đủ lượng vật chất phải có theo quy định. Mặt khác, do eBB thường chọn hướng tiến công chủ yếu là nơi địch phòng ngự mạnh, nhưng sơ hở nên thường tận dụng khả năng cơ động của xe tăng, xe thiết giáp kết hợp bộ binh thực hành đột kích, thọc sâu, tiêu diệt mục tiêu chủ yếu, quan trọng. Vì vậy, nhu cầu VCHC của các lực lượng này sẽ lớn, có thể bị tổn thất, yêu cầu bổ sung khẩn trương, phức tạp nên cần bổ sung vượt cấp.

Do khả năng hậu cần của eBB có hạn, chủ yếu sử dụng vận tải bộ, phương tiện vận tải thô sơ để vận chuyển bổ sung vật chất, ít có điều kiện sử dụng vận tải ô tô; cho nên, trong vận chuyển, bổ sung VCHC, hậu cần eBB cần huy động lực lượng của khu vực phòng thủ (KVPT) cùng tham gia; nếu điều kiện cho phép thì có thể tận dụng vận tải ô tô và huy động bộ đội tham gia vận chuyển, bổ sung vật chất.

Thực hiện giải pháp trên, hậu cần eBB cần nắm chắc tình hình, diễn biến chiến đấu, đặc biệt là các tình huống ngoài dự kiến, thực hiện bổ sung vật chất cho các

lực lượng kịp thời cơ; xác định và vận dụng hình thức, tổ chức lực lượng vận chuyển, bổ sung phù hợp. Sử dụng linh hoạt, hợp lý lực lượng vận chuyển, phát huy cao nhất khả năng vận chuyển của ô tô vận tải (nếu có điều kiện); quá trình vận chuyển phải bảo đảm giữ được yếu tố bí mật, an toàn về phương tiện và vật chất. Hiệp đồng chặt chẽ với các LLHC để bảo đảm cho các bộ phận chiến đấu trong mọi tình huống.

Ba là, phối hợp chặt chẽ các lực lượng, bảo đảm kịp thời mọi mặt VCHC cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Do hậu cần eBB phải bảo đảm VCHC cho nhiều lực lượng; quân số, số lượng phương tiện bảo đảm nhiều, yêu cầu khẩn trương, phức tạp trong điều kiện chiến đấu ác liệt; khả năng LLHC trung đoàn có hạn; cho nên, phối hợp chặt chẽ các lực lượng góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả bảo đảm VCHC là giải pháp quan trọng.

Thực tiễn, trận eBB10/fBB24 tiến công địch trong hành tiến ở Điểm cao 550 (năm 1971), hậu cần eBB đã phối hợp chặt chẽ với hậu cần eBB25, Bình trạm 107 (Quân khu Trị Thiên), Bình trạm 33 (Đoàn 559) nên trong thời gian ngắn đã bảo đảm đầy đủ, kịp thời VCHC cho eBB10 chiến đấu thắng lợi. Trận eBB1/fBB320 tiến công địch trong hành tiến ở Đồng Dù (năm 1975), hậu cần eBB đã thực hiện điều hoà vật chất giữa các đơn vị, kết hợp với khai thác tại địa phương để bảo đảm cho đơn vị kịp thời chiến đấu.

Từ thực tiễn đó, chủ nhiệm hậu cần – kỹ thuật (HC-KT) eBB cần chỉ huy LLHC trong biên chế, LLHC sư đoàn tăng cường cho eBB và chỉ đạo hậu cần cấp dưới để phối hợp cùng bảo đảm. Việc phối hợp các lực lượng này phải được thực hiện xuyên suốt, toàn diện trên các nội dung

bảo đảm VCHC. Chủ nhiệm HC-KT trung đoàn phát huy vai trò của các ngành, phối hợp chặt chẽ với đơn vị để nắm chắc khả năng của LLHC trung đoàn và hậu cần cấp dưới (quân số, trang bị, phương tiện, vật chất hiện có). Trên cơ sở đó, HC-KT trung đoàn xác định nhu cầu, phân cấp dự trữ phù hợp nhiệm vụ từng đơn vị, tính toán khả năng mang theo, nhu cầu bổ sung VCHC cho từng đơn vị trong các giai đoạn chiến đấu. Chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với nhau về thời gian, địa điểm, đường vận chuyển, phương pháp giao, nhận; trách nhiệm vận chuyển, khối lượng hàng hoá, chủng loại vật chất, các biện pháp bảo đảm an toàn... trong quá trình thực hiện tiếp nhận, vận chuyển, cấp phát, dự trữ vật chất. Quá trình chiến đấu, các lực lượng này phải hiệp đồng chặt chẽ về thời gian, địa điểm bổ sung vật chất theo kế hoạch; hiệp đồng, duy trì thông tin liên lạc và biện pháp xử trí tình huống nhất là khi đơn vị yêu cầu bổ sung ngoài kế hoạch.

Ngoài ra, HC-KT trung đoàn phối hợp với các LLHC liên quan, gồm: HC-KT sư đoàn, HC-KT khu vực phòng thủ, hậu cần đơn vị bạn. Hậu cần - kỹ thuật trung đoàn phải nắm hiệp đồng của cấp trên về thời gian, địa điểm bổ sung vật chất hoặc thời cơ HC-KT sư đoàn triển khai LLHC. Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ về thời gian, địa điểm tiếp nhận, bổ sung, khối lượng, chủng loại vật chất theo từng giai đoạn. Phối hợp chặt chẽ với kho vật chất, lực lượng vận tải sư đoàn trong từng chuyến vận chuyển, bổ sung vật chất. Đối với hậu cần đơn vị bạn, HC-KT khu vực phòng thủ: Hiệp đồng chặt chẽ về huy động và sử dụng dân quân phục vụ chiến đấu, phương tiện vận tải, loại vật chất cần khai thác.

Thực hiện giải pháp trên, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn phải phát huy vai trò trung tâm của cơ quan HC-KT, tận dụng triệt để thời gian xây dựng kế hoạch hiệp đồng hậu cần khoa học, chi tiết; phát huy trách nhiệm người phụ trách các bộ phận, LLHC trong cung cấp yếu tố và khi thực hành bảo đảm VCHC. Đồng thời, nắm chắc phạm vi, trách nhiệm bảo đảm của HC-KT trung đoàn, phân cấp trách nhiệm bảo đảm VCHC cho cấp dưới cụ thể, hiệp đồng chặt chẽ với LLHC liên quan; làm tốt công tác dự kiến, dự báo các tình huống và hành động xử trí phù hợp. Quá trình chiến đấu, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn sử dụng kết hợp, có hiệu quả các phương pháp thông tin liên lạc nhằm nắm chắc diễn biến chiến đấu, tình hình bảo đảm VCHC và nhanh chóng chỉ đạo giúp hành động của các lực lượng luôn được thống nhất, nhịp nhàng.

### IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến ở ĐHTD có nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, hậu cần eBB cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của từng trận đánh, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt VCHC cho eBB chiến đấu thắng lợi♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Trung đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh tiến công trong hành tiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (1993), *Công tác hậu cần Sư đoàn bộ binh 320, Quân đoàn 3 trong trận tiêu diệt địch tại căn cứ Đồng Dù (Chiến dịch Hồ Chí Minh 4/1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG ĐÁNH ĐỊCH ĐỒ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ CHIẾN LƯỢC

Trung tá, TS. TRẦN QUỐC TUẤN  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Logistic material supply is a vital aspect of logistic support, and a decisive factor to the operation's triumph. Based on theoretical and practical research, the article proposes a number of measures in order to material supplying for the counter-offensive campaign fighting against the airborne enemy in strategic defensive operation on the Northern battlefield.

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một nội dung quan trọng của bảo đảm hậu cần (BĐHC), yếu tố có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trong tác chiến chiến dịch. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp bảo đảm VCHC chiến dịch phản công (CDPC) đánh địch đồ bộ đường không (ĐBĐK) trong tác chiến phòng thủ chiến lược (PTCL).

## II. ĐẶT VĂN ĐỀ

Chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL có vị trí hết sức quan trọng, cùng với các loại hình chiến dịch khác góp phần đánh bại tiến công của địch, bảo vệ và giữ vững địa bàn chiến lược. Để giành thắng lợi trong đánh địch ĐBĐK, phải giải quyết nhiều vấn đề về chiến dịch; trong đó, bảo đảm VCHC giữ vai trò rất quan trọng. Thực tiễn chiến tranh giải phóng đã để lại một số kinh nghiệm quý về bảo đảm VCHC đánh địch ĐBĐK có thể kế thừa, phát triển. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có sự thay đổi và phát triển. Vì vậy, bảo đảm VCHC chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL cần được nghiên cứu, đề xuất giải

pháp thực hiện khoa học, nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt VCHC cho chiến dịch giành thắng lợi.

## III. GIẢI QUYẾT VĂN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL là lực lượng địch từ một số lữ đoàn đến sư đoàn ĐBĐK (có sở chỉ huy lữ đoàn và sư đoàn đã đồ bộ); được sự chi viện của hỏa lực không quân, pháo binh và kết hợp với lực lượng phản động nội địa. Địch ĐBĐK đang ở trạng thái tiến công nhưng đã bị tác chiến phòng thủ, phòng ngự của ta ngăn chặn, bao vây, chia cắt; lực lượng bị tổn thất, suy yếu, khả năng tác chiến giảm; đội hình tiến công bị lực lượng tại chỗ của ta cài xen, phải phân tán đối phó, lực lượng tiến công đường bộ bị ngăn chặn hoặc bị giam chân thu hút ở hướng khác. Địch có ưu thế vượt trội về trinh sát, tác chiến điện tử, sử dụng tối đa sức mạnh hỏa lực trong tác chiến; do đó, các hoạt động chuẩn bị, cơ động lực lượng, triển khai, bố trí kho trạm hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) và thực hành BĐHC của ta dễ bị địch phát hiện, tập trung đánh phá gây thương vong, tổn thất, tỉ lệ thương vong cao.

Bảo đảm VCHC chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL diễn ra trong điều kiện thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống phức tạp. Bên cạnh đó, CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến phòng thủ chiến lược, HC-KT chiến dịch phải bảo đảm cho nhiều lực lượng; thực hiện nhiều biện pháp chiến dịch, hình thức chiến thuật, tác chiến hiệp đồng quân binh chung. Tuy nhiên, bảo đảm VCHC có điều kiện dựa vào thế trận của HC-KT chiến trường, thế trận hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) đã được chuẩn bị trước từ thời bình theo chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Để bảo đảm tốt VCHC chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

*Một là, sử dụng lượng vật chất trong kho chiến dịch kết hợp khai thác vật chất hậu cần KVPT và tiếp nhận vật chất từ HC-KT chiến lược bảo đảm cho các lực lượng tham gia chiến dịch theo thứ tự ưu tiên.* Chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL, các lực lượng chiến dịch bố trí phân tán trên nhiều khu vực. Địch có thể đổ bộ không đúng khu vực dự kiến, quá trình tác chiến diễn ra ác liệt, đường vận tải có thể bị chia cắt. Bên cạnh đó, tính chất nhiệm vụ của các lực lượng tham gia chiến dịch khác nhau, có lực lượng thực hành nổ súng trước (lực lượng chiến đấu nghi binh, tạo thế), lực lượng cơ động tiến công thường có nhu cầu VCHC lớn, khẩn trương... Do đó, để nhanh chóng đáp ứng kịp thời nhu cầu vật chất cho các lực lượng tham gia chiến dịch, cần triệt để sử dụng lượng vật chất hiện có trong kho chiến dịch để bảo đảm theo thứ tự ưu tiên cho những lực lượng thực hành nổ súng trước hoặc thực hiện nhiệm vụ phản công trên các khu vực. Bảo đảm VCHC chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL trong điều kiện công tác chuẩn bị hậu cần tác

chiến PTCL đã được tiến hành ngay từ thời bình, các căn cứ HC-KT cấp chiến lược, quân khu và KVPT tỉnh (thành phố) từng bước hoàn chỉnh; vị trí bố trí các kho, trạm HC-KT, mạng đường vận tải... được xác định, xây dựng một phần; hình thành thế trận HC-KT liên hoàn, tương đối hoàn chỉnh, sẵn sàng bảo đảm khi có tác chiến xảy ra. Thực tiễn bảo đảm vật chất eBB64/fBB320 đánh địch ĐBĐK xuống Điểm cao 543 trong CDPC Đường 9 - Nam Lào, hậu cần chiến dịch (HCCD) đã chủ động dự trữ được 850 tấn vật chất để sẵn sàng bảo đảm cho đơn vị đánh địch ĐBĐK. Chỉ lệnh HCCD quy định cụ thể lượng vật chất của từng đơn vị, trong đó quy định cụ thể đổi với eBB64. Tại thời điểm trước nổ súng một ngày, HCCD đã bổ sung cho eBB64 hơn 20 tấn vật chất. Do đó, đã bảo đảm đầy đủ, kịp thời nhu cầu vật chất cho trận đánh giành thắng lợi.

Trên cơ sở chỉ lệnh HC-KT chiến trường, HC-KT chiến dịch tiếp nhận các loại VCHC không khai thác được tại địa bàn chiến dịch (quân lương, quân trang chiến đấu, thuốc chiến thương, xăng dầu, nhiên liệu đặc chủng,...) từ các căn cứ HC-KT hoặc phân phân căn cứ HC-KT chiến lược bố trí trên địa bàn theo hiệp đồng. Hậu cần-Kỹ thuật chiến dịch tổ chức hệ thống kho, trạm vật chất bố trí ở các căn cứ, phân căn cứ HC-KT chiến dịch; cùng với hệ thống kho vật chất ở các đơn vị cấp chiến thuật hình thành nên hệ thống bảo đảm vật chất liên hoàn, vững chắc bám sát các khu vực phản công. Chủ động hiệp đồng với hậu cần KVPT để khai thác, huy động vật chất để bảo đảm cho các lực lượng tham gia chiến dịch. Hậu cần-Kỹ thuật chiến dịch có thể phân cấp cho các sư đoàn bộ binh chủ động khai thác một số VCHC tại chỗ. Đối với đơn vị binh chủng (pháo binh, phòng không, xe tăng), HC-KT chiến dịch phân cấp khai thác hoặc hiệp đồng với địa phương khai thác một số loại VCHC để bổ sung cho các đơn vị này.

Để thực hiện tốt giải pháp trên, người chỉ huy và cơ quan HC-KT chiến dịch cần nghiên cứu nắm chắc chỉ lệnh HC-KT chiến trường, phương án tổ chức sử dụng, bố trí lực lượng của tư lệnh chiến dịch và khả năng HC-KT chiến dịch. Từ đó, xây dựng kế hoạch BĐHC khoa học, sát thực tế, khả thi; chú trọng tiếp nhận, dự trữ, bổ sung vật chất; dự kiến phương án bảo đảm vật chất cho một số tình huống có thể xảy ra trong quá trình chuẩn bị và thực hành tác chiến. Bên cạnh đó, thực hiện phân cấp cụ thể cho các đơn vị khai thác, tiếp nhận VCHC trên từng hướng (khu vực) phản công. Việc phân cấp cho các đơn vị phải căn cứ vào nhu cầu vật chất và khả năng của địa phương; chủ động liên hệ, hiệp đồng với địa phương để khai thác, huy động các loại vật chất có sẵn tại chỗ.

*Hai là*, tổ chức dự trữ vật chất gọn nhẹ, nâng cao khả năng cơ động bảo đảm đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của từng lực lượng. Tham gia chiến dịch có nhiều lực lượng, ngoài các đơn vị bộ binh còn có các đơn vị binh chủng. Mỗi lực lượng có nhiệm vụ, cách đánh và yêu cầu bảo đảm, khả năng vận tải khác nhau dẫn tới nhu cầu vật chất cũng khác nhau. Vì vậy, HC-KT chiến dịch cần phân cấp dự trữ gọn nhẹ, tiện cơ động, phù hợp với nhiệm vụ và khả năng mang theo của từng lực lượng (nhất là ở lực lượng cơ động tiến công). Trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), khi kết thúc chiến dịch, kho hậu cần các cấp còn tồn 351,8 tấn (chiếm 14,56%) trên tổng số 2.416 tấn vật chất quy định dự trữ. Ở các đơn vị binh chủng, c3/d3/eXT203 mang theo ít lương thực nên không có đủ gạo, bộ đội phải ăn cháo; nhưng c7/d1/eXT203 lại mang theo quá nhiều nên xe tăng không quay được pháo, ảnh hưởng đến hiệu quả chiến đấu. Những tồn tại trên cho thấy, phân cấp dự trữ theo đặc điểm, nhiệm vụ tác chiến, tổ chức dự trữ vật chất phù hợp

ở các lực lượng tham gia chiến dịch là đòi hỏi khách quan. Theo tính toán, đối với các đơn vị bộ binh, khả năng mang theo VCHC của toàn sư đoàn khoảng 10 ngày lương thực, thực phẩm (LTTP), 3 ngày lương khô, 1 cơ sở xăng dầu, 10% quân số thuốc chiến thương, 7% quân số quân trang tổn thất... và vật chất khác đủ để tự bảo đảm trong khoảng 10 ngày. Số vật chất trên được dự trữ ở cả bộ đội, kho trung đoàn và sư đoàn, không tổ chức kho cấp tiểu đoàn. Đối với các đơn vị binh chủng (pháo binh, xe tăng, phòng không...), do biên chế quân số ít hơn các đơn vị bộ binh nên đơn vị xe tăng có thể mang theo khoảng  $10 \div 12$  ngày LTTP, 2  $\div$  3 ngày lương khô, 1,5 cơ sở xăng dầu; các đơn vị binh chủng khác có thể mang theo khoảng  $8 \div 10$  ngày LTTP, 2  $\div$  3 ngày lương khô, 2 cơ sở xăng dầu... Như vậy, các đơn vị này có thể tự mang theo dự trữ đủ nhu cầu VCHC của trận đánh.

Để thực hiện giải pháp trên, cần tiến hành một số biện pháp sau: Hậu cần - kỹ thuật chiến dịch chỉ đạo phân cấp dự trữ vật chất phù hợp, sát với nhiệm vụ và khả năng từng lực lượng. Chỉ đạo HC-KT lực lượng tiến công khai thác, tiếp nhận một số loại VCHC tại chỗ đủ lượng dự trữ quy định, đáp ứng yêu cầu cơ động, khẩn trương, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tác chiến. Quá trình các đơn vị khai thác VCHC ở địa phương, HC-KT chiến dịch cần nắm kết quả khai thác, kịp thời giải quyết khó khăn, phối hợp với hậu cần KVPT tập trung bảo đảm cho lực lượng cơ động tiến công; tận dụng thời gian và sử dụng kết hợp các loại phương tiện để bổ sung đầy đủ các loại VCHC cho đơn vị.

*Ba là*, vận dụng linh hoạt các hình thức, phương thức vận chuyển; lấy vận tải cơ giới là chủ yếu để bổ sung vật chất trong quá trình chuẩn bị và thực hành tác chiến. Chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL có thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn (từ  $3 \div 5$  ngày), mọi hoạt động chuẩn

bị và thực hành bảo đảm đều phải rất khẩn trương, trong khi nhu cầu bổ sung vật chất lớn. Điều đó đòi hỏi HC-KT chiến dịch phải biết kết hợp nhiều phương thức vận tải, sử dụng linh hoạt các hình thức vận chuyển mới có khả năng vận chuyển, bổ sung vật chất cho đơn vị.

Vận dụng linh hoạt các phương thức vận tải cơ bản: Vận tải đường bộ, đường thủy, đường ống; các hình thức vận tải phổ biến: Vận tải vượt cấp, vận tải đi cùng, vận tải lót trước. Sử dụng xe vận tải trong biên chế và cấp trên tăng cường để vận chuyển, bổ sung vật chất trong quá trình chuẩn bị và thực hành tác chiến.

Để thực hiện tốt giải pháp này, HC-KT chiến dịch cần: Sử dụng kết hợp nhiều loại phương tiện vận tải để vận chuyển, bổ sung vật chất trong quá trình chuẩn bị và thực hành tác chiến. Hiện nay, trong biên chế các đơn vị vận tải chiến dịch được trang bị đa dạng về chủng loại các xe ô tô vận tải loại vừa và lớn (CA1097, Kamaz, Zin 130, Zin 131...). Các phương tiện vận tải này có thể vận chuyển các loại vật chất với khối lượng lớn với mạng đường giao thông thuận lợi nhất là trong giai đoạn chuẩn bị. Tuy nhiên, sử dụng những phương tiện này trong giai đoạn thực hành tác chiến, trong điều kiện hỏa lực địch đánh phá, chia cắt giao thông... công tác vận chuyển, bổ sung vật chất sẽ gặp nhiều bất lợi, khó có khả năng bảo đảm kịp thời cho các đơn vị. Hậu cần-Kỹ thuật chiến dịch chỉ đạo kết hợp vận tải cơ giới và thô sơ để thực hành vận chuyển, bổ sung vật chất ở những khu vực, địa hình mà vận tải cơ giới không thể sử dụng. Ngoài ra, HC-KT chiến dịch có thể huy động các phương tiện vận tải ở thành phần kinh tế - xã hội

của KVPT: Đa dạng về mẫu mã, chủng loại, phù hợp điều kiện đường sá, linh hoạt khi cơ động, dễ hòa nhập cùng các hoạt động vận chuyển dân sự khác để hạn chế quá trình trinh sát, phát hiện của địch. Hậu cần - kỹ thuật chiến dịch có thể sử dụng số ô tô vận tải loại nhỏ ( $1,5 \div 2,5$  tấn/xe) huy động từ KVPT, tổ chức thành đội hình các tổ, tốp xe để vận chuyển vật chất bổ sung cho các đơn vị ở những khu vực không đòi hỏi cao về tính việt dã của phương tiện (nhất là trong giai đoạn chuẩn bị). Quá trình tiến hành, sử dụng lực lượng vận tải chuyên nghiệp của HC-KT chiến dịch làm nòng cốt, trực tiếp khai thác, sử dụng số phương tiện được huy động, để tổ chức vận chuyển, bổ sung vật chất trong quá trình tác chiến. Hậu cần-Kỹ thuật chiến dịch phải hiệp đồng cụ thể, chỉ huy chặt chẽ, lựa chọn thời cơ, tổ chức đội hình, chiến thuật vận chuyển thật phù hợp

### IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL có nhiều khó khăn, phức tạp. Để nâng cao hiệu quả bảo đảm, HC-KT chiến dịch cần thực hiện đồng bộ các giải pháp và vận dụng linh hoạt vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể góp phần BĐHC cho CDPC đánh địch ĐBĐK chiến lược giành thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Bảo đảm hậu cần CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2003), *Tổng kết chiến dịch trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ 1945-1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VẬT CHẤT HẬU CẦN, KĨ THUẬT TẠI QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Trung tá, ThS. NGUYỄN DUY KHƯƠNG  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Nằm giữa Biển Đông, những điểm đảo trên quần đảo Trường Sa (QĐTS) đã và đang từng ngày đủ đầy hơn vật chất hậu cần, kĩ thuật (HCKT). Trong điều kiện đặc thù của khí hậu, hải văn vùng biển QĐTS, việc quản lý tốt vật chất HCKT sẽ góp phần đưa cuộc sống của mỗi cán bộ, chiến sĩ, Nhân dân trên các đảo ngày một tốt hơn, xóa dần khoảng cách giữa đất liền và biển đảo.

**N**ĂM cách thành phố Nha Trang khoảng 230 hải lý về phía Đông Đông Nam, QĐTS gồm hơn 100 đảo, đá, bãi ngầm, bãi san hô. Quần đảo Trường Sa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, được chia thành 2 mùa: mùa khô và mùa mưa, với lượng mưa rất lớn, khoảng hơn 2.500 mm. Ở QĐTS có 2 loại gió là mùa Đông Nam và mùa Tây Nam; trong năm có tới 131 ngày có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Nhiệt độ trung bình trong năm tại QĐTS là 27,7°C; các hiện tượng thời tiết cực đoan, như: Giông, lốc diễn ra thường xuyên và là nơi thường có bão lớn đi qua; độ ẩm và độ mặn trên QĐTS rất cao.

Điều kiện khí hậu, hải văn tương đối phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp, rất lớn đến công tác quản lý vật chất HCKT. Mặt khác, vật chất HCKT ở các đảo thuộc QĐTS có khối lượng lớn, chủng loại đa dạng, nằm phân tán trong phạm vi rộng; việc vận chuyển gặp nhiều khó khăn... cũng gây khó khăn cho công tác quản lý. Nắm vững đặc điểm đó, thời gian qua, các đơn vị trên QĐTS rất chú trọng quản lý vật chất HCKT, góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt HCKT đáp ứng nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc. Hệ thống kho HCKT từng bước được hoàn

thiện; hệ thống sổ sách quản lý vật chất trên đảo được duy trì đúng quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quản lý vật chất HCKT vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như: Việc quản lý bảo trì, bảo dưỡng, thay thế một số thiết bị gấp khó khăn; hiệu quả trong sửa chữa cao, thiếu đồng bộ, thời gian sửa chữa kéo dài, phụ thuộc vào bảo đảm từ đất liền. Trình độ, nghiệp vụ quản lý của một số cán bộ HCKT có mặt còn hạn chế. Quá trình tiếp nhận vật chất từ tàu vào đảo, ý thức của một số chiến sĩ chưa tốt, còn để va đập, rơi vãi. Thời gian bảo đảm, đổi hạt một số vật chất HCKT tương đối dài...

Để khắc phục những hạn chế trên, trong quản lý vật chất HCKT trên QĐTS thời gian tới cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, tăng cường lãnh đạo, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho bộ đội trong quản lý vật chất HCKT. Quản lý vật chất là một nội dung quan trọng của công tác HCKT, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy đảo. Mặt khác, bộ đội trên đảo vừa là đối tượng được bảo đảm, vừa là lực lượng tham gia quản lý vật chất HCKT. Do vậy, đây là biện pháp rất cần bản, lâu dài. Theo đó, trước khi thay quân, bộ đội cần phải được giáo dục, quán triệt

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của các cấp về nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; những khó khăn trong bảo đảm và quản lý vật chất HCKT để bộ đội tự giác, trách nhiệm trong giữ gìn, sử dụng vật chất. Kết hợp giáo dục với huấn luyện tiêu chuẩn, chế độ, định mức vật chất HCKT khi thực hiện nhiệm vụ tại đảo. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, cấp ủy, chỉ huy đảo kết hợp chia sẻ, động viên với giáo dục ý thức thực hành tiết kiệm, “giữ tốt dùng bền” gắn với các chỉ tiêu Cuộc vận động 50 và các chỉ tiêu của phong trào thi đua quyết thắng; gắn khen thưởng, đánh giá xếp loại cán bộ, đảng viên với kết quả bảo quản, giữ gìn vật chất của tập thể, cá nhân. Thực tiễn cho thấy, ở đảo nào, cấp ủy quan tâm lãnh đạo và bộ đội được quán triệt, giáo dục, động viên thì ở đó công tác quản lý vật chất HCKT luôn đạt hiệu quả cao. Cùng với tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, người chỉ huy và nhận thức của bộ đội, cần nâng cao vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ, nhân viên chiến sĩ ngành HCKT tại các đảo trong quản lý vật chất HCKT; thực hiện tốt quan điểm “cần kiệm, tự lực, tự cường”, “phục vụ bộ đội”, thực hiện “giữ tốt, dùng bền, an toàn, tiết kiệm” trong quản lý vật chất HCKT.

*Hai là*, thực hiện quy chuẩn hóa, tiêu chuẩn hóa vật chất HCKT đối với cá nhân, đơn vị đóng quân trên các đảo. Tiêu chuẩn hóa và quy chuẩn hóa vật chất với cá nhân, đơn vị là việc thiết lập các tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể để đảm bảo đủ số lượng, nâng cao tính đồng bộ, chất lượng và hiệu quả trong sử dụng vật chất HCKT; giúp hạn chế lãng phí, tối ưu hóa hiệu quả và thuận lợi trong chuẩn bị, bảo đảm, quản lý tại đơn vị. Hiện nay, do một số vật chất HCKT bảo đảm trên các đảo chưa thống nhất, đồng bộ nên việc quy chuẩn hóa, tiêu chuẩn hóa vật chất HCKT càng cần đầy mạnh hơn. Theo đó, trên cơ sở thống kê và thực tế sử dụng,

quản lý các trang, thiết bị trên đảo để xây dựng tiêu chuẩn vật chất, quy định niên hạn, chế độ sửa chữa cho từng loại vật chất của từng đảo; theo hướng: Với vật chất dùng cho thiết bị, phương tiện, có thể bảo đảm theo cơ số, quy mô và số lượng cụ thể trên mỗi đảo; với vật chất sử dụng cho vũ khí, khí tài, có thể bảo đảm theo danh mục, thời gian và tỉ lệ tiêu hao.

Để thực hiện tốt biện pháp này, cơ quan chức năng, cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng quy chuẩn cụ thể. Quy định về chất lượng, kích thước, cấu trúc, tính năng và độ an toàn của vật chất. Quá trình tạo nguồn, khai thác phải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn đã đặt ra. Xác định và kí thỏa thuận khung với đơn vị sản xuất có uy tín trong quân đội. Ưu tiên vật liệu đầu vào có tính kháng mặn, chống ăn mòn. Kiểm tra, đánh giá và tiếp thu ý kiến cán bộ, chiến sĩ tại đảo để kịp thời phát hiện bất cập, cải tiến phù hợp với sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu và điều kiện thực tế. Ngoài ra, cần trang bị thêm máy tính, mã vạch, máy quét để cán bộ, nhân viên thuận tiện cập nhật, lưu trữ số liệu, góp phần quản lý, sử dụng vật chất chính xác và minh bạch.

*Ba là*, kết hợp chặt chẽ các nguồn ngân sách để đầu tư, mua sắm trang bị tại các đảo. Biện pháp này có ý nghĩa quan trọng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp và cụ thể hóa quan điểm “hậu cần toàn dân” vào quản lý HCKT tại các đảo thuộc QĐTS. Với điều kiện khí hậu, hải văn khắc nghiệt, việc sử dụng trang bị bảo quản có hiệu quả cao, góp phần giảm tỉ lệ hư hỏng, xuống cấp các loại vật chất là cần thiết. Thực tiễn, các đảo được trang bị tủ lạnh, tủ bảo ôn, giá kê đồ bằng inox.. đã nâng cao hiệu quả quản lý, giảm đáng kể hư hỏng vật chất. Tuy nhiên, số lượng trang bị này trên các đảo hiện nay vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu, một số loại không đồng bộ... Do vậy,

cần kết hợp các nguồn ngân sách để đầu tư, mua sắm trang bị, góp phần nâng cao hiệu quả quản lí, bảo đảm HCKT. Trong đó, ngành HCKT của lữ đoàn quản lí QĐTS cần xác định nguồn ngân sách quốc phòng là nguồn cơ bản, thường xuyên và quan trọng nhất; nguồn ngân sách địa phương là nguồn quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Thực tiễn, tại đảo Trường Sa Lớn, một số địa phương hỗ trợ xe điện nên việc tiếp nhận, vận chuyển vật chất HCKT đưa vào dự trữ, bảo quản thuận tiện hơn; nguồn của tổ chức, cá nhân ủng hộ bằng hiện vật hoặc tiền, có ý nghĩa quan trọng, kịp thời động viên cán bộ, chiến sĩ công tác trên đảo.

Để kết hợp và phát huy hiệu quả các nguồn bảo đảm, lữ đoàn quản lí QĐTS phải chấp hành đúng quy định trong lập nhu cầu, dự toán ngân sách. Các địa phương đến thăm QĐTS cần phối hợp với đơn vị để thống nhất các mặt hàng làm quà tặng cho phù hợp. Đồng thời, lữ đoàn quản lí QĐTS phải quan tâm bảo dưỡng, sửa chữa, đồng bộ theo niên hạn, vòng đời của quà tặng; các đảo tiếp nhận phải sử dụng đúng quy định, bảo đảm hiệu quả, công khai.

Bốn là, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT công tác tại đảo. Hiện nay, đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT công tác tại đảo phần lớn đã được qua đào tạo nghiệp vụ quản lí. Tuy nhiên, kinh nghiệm và trình độ của một số cán bộ, nhân viên vẫn chưa theo kịp sự phát triển của các trang bị, kỹ thuật mới, hiện đại. Do vậy, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có ý nghĩa quan trọng.

Đối với cán bộ HCKT, cần huấn luyện kiến thức với rèn luyện thể lực, truyền thụ kinh nghiệm để thích ứng với mọi điều kiện môi trường biển, đảo. Thường xuyên giáo dục, nâng cao tinh thần yêu nghề. Tăng

cường huấn luyện nâng cao nữa sức chịu đựng về trí lực, thể lực.

Đối với nhân viên HCKT, cần được bồi dưỡng, huấn luyện về quan điểm, tư tưởng nguyên tắc tiến hành công tác HCKT; hướng dẫn thực hiện thống nhất điệu lệ, chế độ, nền nếp công tác; hệ thống mẫu biểu, sổ sách; phương pháp ghi chép, đăng ký, thống kê, báo cáo, công tác quản lí, khai thác và sử dụng các trang, thiết bị được biên chế.

Để thực hiện biện pháp này, lãnh đạo, chỉ huy lữ đoàn quản lí QĐTS cần thường xuyên chỉ đạo cơ quan rà soát, nắm chắc chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên. Chủ động lựa chọn, bồi dưỡng theo kế hoạch. Cán bộ, nhân viên được lựa chọn làm nhiệm vụ ở các đảo cần nêu cao ý thức trách nhiệm, tích cực học tập, rèn luyện bản lĩnh, phương pháp, tác phong, tiếp thu kiến thức để nâng cao năng lực của bản thân, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Quản lí vật chất HCKT là nội dung quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo đảm HCKT trên các đảo thuộc QĐTS. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, đòi hỏi cấp ủy đảng các cấp cần tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên; đẩy mạnh nghiên cứu tiêu chuẩn vật chất phù hợp với xu hướng phát triển trong tình hình mới; đồng thời, kết hợp chặt chẽ các nguồn để đầu tư, mua sắm trang bị để bảo đảm, quản lí HCKT được tốt hơn♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ công tác hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
3. Lữ đoàn 146, *Báo cáo kết quả công tác HCKT các năm 2020 ÷ 2024*, Khánh Hòa.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN THỊ MINH THU  
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

*Nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng, tạo ra thuận lợi, cũng tiềm ẩn những rủi ro với các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp quân đội (QNQĐ). Xây dựng và phát triển một hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) hoạt động hiệu quả sẽ giúp DNQĐ giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.*

KIỂM soát nội bộ là quá trình được thực hiện bởi ban lãnh đạo và nhân viên của một tổ chức để cung cấp một sự bảo đảm hợp lý nhằm thực hiện mục tiêu về hoạt động, báo cáo và tuân thủ. Các DNQĐ hoạt động trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc bảo đảm bí mật và an ninh quốc gia; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, nhất là ở các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa... Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, cấp ủy, chỉ huy các cấp, công tác quản trị doanh nghiệp được chú trọng, đầu tư, trong đó nhấn mạnh vào duy trì và phát triển hệ thống KSNB lành mạnh, hiệu quả, các hoạt động KSNB trở thành công việc thường xuyên, đi vào thực chất. Nhờ đó, hoạt động của các DNQĐ đã có nhiều bước tiến mới, đạt được những kết quả đáng khích lệ, phát huy vai trò quan trọng trong huy động nguồn lực cho quốc phòng, vị thế và uy tín của các DNQĐ cũng ngày càng được khẳng định.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy mặc dù các DNQĐ đều đã quan tâm và triển khai thiết lập hệ thống KSNB, nhưng tỷ lệ hệ thống KSNB hoạt động hiệu quả mới đạt khoảng trên 70%. Một bộ phận không nhỏ các DNQĐ, hệ thống KSNB hoạt động

chưa đem lại kết quả như mong đợi, điều này biểu hiện qua kết quả quản trị doanh nghiệp chưa cao như: Việc huy động và sử dụng vốn chưa hiệu quả, chưa phát huy được tác động tích cực của các công cụ tài chính; hiệu quả SXKD chưa tương xứng với tiềm lực kinh tế, tài chính được đầu tư; công tác đầu thầu trong mua sắm, nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất chưa thực sự phù hợp dẫn đến chi phí tăng cao và lợi nhuận giảm; việc quản lý tài sản, quản lý quy trình sản xuất kinh doanh có nơi, có chỗ còn lỏng lẻo tiềm ẩn nhiều rủi ro, lãng phí, thất thoát tài sản... Nguyên nhân là do cấp ủy, chỉ huy (Ban Giám đốc (BGĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT)) của một số DNQĐ chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tính quan trọng của hệ thống KSNB, chưa thực sự quan tâm đến việc duy trì và phát triển hệ thống KSNB, việc triển khai các hoạt động KSNB chưa đồng bộ, còn mang tính hình thức; các thiết kế quy trình, hoạt động kiểm soát ở một số DNQĐ dập khuôn, máy móc hoặc các nội dung, thủ tục KSNB được thiết kế rời rạc, lồng ghép trong nhiều quy chế, quy định khác nhau, chưa đảm bảo tính hệ thống; công tác giám sát các kiểm soát chưa thường xuyên, chưa hiệu quả; một số doanh nghiệp chưa có quy trình hoạt động rõ ràng, phân công phân nhiệm còn chồng

chéo, các hoạt động kiểm soát chủ yếu được thực hiện khi phát hiện ra sai sót hoặc trước yêu cầu kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền; đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác tài chính, kế toán có trình độ không đồng đều, mức độ hiểu biết về công tác kế toán, kiểm toán, KSNB còn hạn chế.

Để nâng cao hiệu quả hệ thống KSNB, trong thời gian tới các DNQĐ cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp cơ bản sau đây:

*Một là*, nâng cao nhận thức, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kiểm soát nội bộ cho đội ngũ cán bộ và các cấp quản trị doanh nghiệp. Đây là biện pháp quan trọng, là điều kiện tiên quyết để các quy chế KSNB cũng như các chính sách, chế độ, quy định của doanh nghiệp được triển khai đồng bộ, chặt chẽ và sâu rộng đến toàn thể nhân viên. Muốn vậy, trước hết Đảng ủy, Chỉ huy, BGĐ và các cấp quản trị trong DNQĐ cần nâng cao hiểu biết, nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của hệ thống KSNB đối với công tác quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu trong việc chấp hành các quy định trong quản trị SXKD, quản lý tài chính và tuân thủ các quy trình, thủ tục KSNB. Tư cách đạo đức, hành vi ứng xử và hiệu quả công việc của nhà quản trị chính là tấm gương sáng để nhân viên trong doanh nghiệp noi theo. Điều đó sẽ thể hiện được cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức trong doanh nghiệp và là cơ sở đầu tiên quan trọng để xây dựng một môi trường kiểm soát lành mạnh, thành tố quan trọng giúp cho hệ thống KSNB hoạt động hiệu quả.

Phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ KSNB có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của hệ thống KSNB. Các cán bộ không đảm bảo về năng lực trình độ, kiến thức về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc không có phẩm chất đạo đức tốt thì hoạt động kiểm soát chỉ được thực hiện một cách chiêu lè,

hình thức và không hiệu quả. Do đó, cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực trình độ và phẩm chất cho cán bộ KSNB. Muốn vậy, phải xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm cho các kiểm soát viên nội bộ để cập nhật kịp thời kiến thức phục vụ nhiệm vụ được giao. Trong đó, chú trọng việc thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, không ngừng học tập nghiên cứu để nâng cao năng lực trình độ và thực hiện nghiêm quy định về kiểm tra, kiểm soát; công tác bảo vệ bí mật; chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ nhận diện, kiểm soát rủi ro trong hoạt động kiểm soát, nhất là những nội dung liên quan đến việc chấp hành trình tự thủ tục khi tiến hành kiểm soát. Đồng thời xem xét chế độ đãi ngộ phù hợp để mỗi cá nhân tích cực, chủ động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ khoa học công nghệ để đáp ứng những yêu cầu công tác trong tình hình mới.

*Hai là*, xây dựng và ban hành các quy tắc, chuẩn mực, quy định, quy trình làm việc có tính hệ thống và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, nhân viên. Đây là cơ sở giúp mọi thành viên trong doanh nghiệp thống nhất về cách hiểu, phương pháp thực hiện các nhiệm vụ, từ đó đảm bảo việc tuân thủ các quy định và chính sách. Những DNQĐ có quy mô càng lớn thì việc ban hành các quy định có tính hệ thống bằng văn bản càng trở nên quan trọng. Đó cũng là cơ sở để vận hành trơn tru bộ máy quản lý, phân rõ quyền hạn và trách nhiệm đảm bảo cho công tác quản lý từ khâu lập kế hoạch, triển khai thực hiện đến khâu kiểm tra, giám sát được tiến hành chính xác, kịp thời và hiệu quả. Đơn cử như một doanh nghiệp có hệ thống văn bản về nhân sự thống nhất, minh bạch, quy định chi tiết các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển và trả lương thưởng cho cán bộ, nhân viên sẽ tạo ra môi trường lao động lành mạnh, xây dựng động cơ

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

làm việc đúng đắn, kích thích tăng năng suất lao động, là động lực mạnh mẽ khuyến khích mọi người làm việc liêm chính, hiệu quả, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

*Ba là*, hoàn thiện cơ chế giám sát các kiểm soát. Các cấp quản lý trong DNQĐ cần thường xuyên rà soát các kiểm soát đã được thực hiện để quản lý rủi ro và đánh giá tính hiệu lực của các kiểm soát, bao gồm việc thực hiện các biện pháp sửa chữa cần thiết và báo cáo các gian lận đã xảy ra. Tùy theo quy mô và cách thức tổ chức của mỗi doanh nghiệp, các giám sát có thể do BGĐ, HĐQT doanh nghiệp trực tiếp thực hiện hoặc doanh nghiệp tổ chức ban giám sát độc lập để thực hiện. Theo đó, cần thiết kế cơ chế giám sát thường xuyên và định kỳ, thiết lập các thủ tục giám sát phù hợp, tiếp nhận các thông tin phản hồi của các cá nhân, bộ phận cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, thường xuyên rà soát lại các quy trình nghiệp vụ của hệ thống KSNB, nhằm theo dõi và đánh giá hệ thống KSNB có vận hành đúng như thiết kế hay không; có khiếm khuyết gì (lỗ hổng tài chính, lỗ hổng về quy định, chính sách,...) ảnh hưởng đến kết quả KSNB cần phải khắc phục; cần sửa đổi, bổ sung nội dung nào của hệ thống KSNB cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp nhằm giảm thiểu các rủi ro kiểm soát đến mức độ có thể chấp nhận được.

*Bốn là*, coi trọng thông tin và truyền thông. Hệ thống thông tin và truyền thông tốt sẽ là cơ sở quan trọng giúp hệ thống KSNB hoạt động trơn tru, kết quả KSNB đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch. Vì vậy, cần sự trao đổi thông tin hữu hiệu, diễn ra theo nhiều hướng: Từ cấp trên xuống cấp dưới, từ cấp dưới lên trên và giữa các cấp với nhau; các thông tin từ các bộ phận, cá nhân bên trong và cả những thông tin được thu thập từ bên ngoài doanh nghiệp như từ các khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông và các cơ quan quản lý. Trong thời đại công nghệ số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động

kiểm soát giúp tìm ra các lỗ hổng gây rủi ro và phát hiện, ngăn chặn các hành vi gian lận có thể có là vấn đề cần thiết và mang tính bắt buộc, tiên quyết. Các DNQĐ cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác KSNB như phát triển hệ thống theo dõi giám sát tự động, hệ thống mạng thông tin nội bộ, đường dây nóng, hòm thư điện tử,... để thông báo và tiếp nhận thông tin; đồng thời có hệ thống bảo vệ an ninh, an toàn mạng nhằm bảo vệ thông tin, bảo mật dữ liệu,... Qua đó tăng tính đa dạng, độ chính xác, tính kịp thời và tính bảo mật của thông tin và truyền thông trong doanh nghiệp, làm cơ sở giúp hệ thống KSNB hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả hệ thống KSNB đóng vai trò quan trọng trong công tác quản trị tại các DNQĐ. Duy trì và phát triển một hệ thống KSNB lành mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là đòi hỏi tất yếu, khách quan đối với các DNQĐ trong tình hình hiện nay. Thực hiện đồng bộ các biện pháp trên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống KSNB trong các DNQĐ, giúp doanh nghiệp hoạt động lành mạnh, hiệu quả♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2022), *Quyết định số 1607/QĐ-BQP, ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
2. COSO (2023), *Hướng dẫn bổ sung cho các tổ chức nhằm đạt được KSNB hiệu quả đối với báo cáo phát triển bền vững (ICSR)*.
3. Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết số 820-NQ/QUTW về lãnh đạo nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của Quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
4. Thượng tướng Vũ Hải Sản, Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Quân đội, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 8/2022, Hà Nội.

# KẾT HỢP QUỐC PHÒNG VỚI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI QUỐC PHÒNG TRONG XÂY DỰNG TIỀM LỰC, THẾ TRẬN VẬN TẢI KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH, THÀNH PHỐ

Trung tá, TS. NHŨ CÔNG KHẢI  
Phó Chủ nhiệm Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

Xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải là một nội dung quan trọng của xây dựng tiềm lực, thế trận hậu cần, kỹ thuật (HCKT); nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác vận tải (CTVT) trong thời bình, chủ động chuẩn bị, hoàn thành mọi nhiệm vụ của CTVT thời chiến. Bài viết đề xuất một số biện pháp chủ yếu kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội (KT-XH) và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố (TP) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

**K**HU vực phòng thủ tỉnh, TP là tổ chức quốc phòng - an ninh (QPAN) theo địa bàn hành chính của tỉnh, TP, tạo thành thế trận QPAN cả nước và giữ vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ. Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), địch có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng; các tình huống, diễn biến tác chiến khẩn trương và rất ác liệt; khối lượng vật chất, thương binh, bệnh binh phải vận chuyển lớn, bảo đảm cho nhiều nhiệm vụ; trong điều kiện mạng đường vận tải bị địch đánh phá, chia cắt; lực lượng, phương tiện vận tải (PTVT) bị tổn thất;... tiến hành CTVT trong tác chiến gấp nhiều khăn, thách thức. Vì vậy, chủ động chuẩn bị tiềm lực, thế trận vận tải ngay từ thời bình mang tính tất yếu khách quan, trong đó, cần kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải KVPT tỉnh, TP.

Chuẩn bị tiềm lực, thế trận vận tải từ thời bình bảo đảm cho tác chiến KVPT tỉnh, TP cần được tiến hành với từng bước đi thích

hợp, do vận tải quân sự địa phương (QSĐP) làm nòng cốt, kết hợp với vận tải Nhân dân và các lực lượng liên quan. Những năm qua, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng về chiến tranh Nhân dân, toàn dân, toàn diện, nhất là Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tỉnh, TP trực thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới; Nghị định số 164/2018/NĐ-CP, ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng; Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về KVPT và các chỉ thị, nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về xây dựng KVPT, phòng thủ quân khu, vận tải QSĐP các tỉnh, TP đã chủ động tham mưu nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện việc kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải KVPT tỉnh, TP. Quá trình thực hiện đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Khả năng huy động nguồn nhân lực, PTVT ở

các cấp, các ngành được nâng cao; hạ tầng giao thông vận tải được đầu tư, cải tạo, phát triển;... góp phần phục vụ cả mục tiêu KT-XH và nhiệm vụ QPAN. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: Việc quy hoạch, tạo nguồn, huy động lực lượng vận tải ở các thành phần kinh tế chưa chặt chẽ, toàn diện, cá biệt có những tinh, TP còn mang tính hình thức; quy hoạch, phát triển giao thông vận tải chưa hợp lý, chưa gắn với xây dựng thể trận vận tải; chưa được đầu tư đúng mức và khai thác triệt để các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình vận tải tại các địa bàn trọng yếu, khó khăn;... Để khắc phục những hạn chế trên, cần tập trung giải quyết một số nội dung, biện pháp chủ yếu sau:

*Một là*, kết hợp giữa quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực vận tải. Xây dựng tiềm lực vận tải là cơ sở đầu tiên, quan trọng để xây dựng và chuyển hóa thành thực lực vận tải bảo đảm cho tác chiến KVPT tỉnh, TP khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp giữa quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực vận tải cần làm tốt trong cả khâu quy hoạch, xây dựng nguồn và chuẩn bị tiềm lực trong các ngành, lĩnh vực KT-XH.

*Thứ nhất*, quy hoạch, xây dựng nguồn tiềm lực vận tải. Trên địa bàn các tỉnh, TP cần kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH gắn với xây dựng KVPT vững chắc, từng bước triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH gắn với tăng cường, củng cố QPAN một cách cơ bản, vừa đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh, vừa sẵn sàng huy động để bảo đảm cho tác chiến khi chiến tranh xảy ra. Trong đó, cần đầu tư xây dựng các đơn vị trong các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế mạnh, khu kinh tế tổng hợp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, đồng thời, tích cực tạo nguồn về nhân lực, PTVT. Với địa bàn các tỉnh ven biển, vận tải QSĐP cần tham mưu, đề xuất

với lãnh đạo, chính quyền địa phương tiếp tục mở rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ vùng ven biển, đặc biệt tập trung đầu tư xây dựng các cảng biển vừa phục vụ nhu cầu dân sinh, phát triển kinh tế biển trong thời bình, vừa sẵn sàng chuyển thành bến cảng phục vụ nhu cầu vận chuyển khi chiến tranh xảy ra, bảo đảm cho các lực lượng tác chiến trong mọi tình huống. Cùng với đó, cần tập trung đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế trên địa bàn trọng điểm, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, vừa góp phần xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, xây dựng “thế trận lòng dân” tạo ra nguồn lực vận tải tại chỗ sẵn sàng khai thác, huy động bảo đảm cho tác chiến, chiến tranh.

*Thứ hai*, chuẩn bị tiềm lực trong các ngành, lĩnh vực KT-XH, sẵn sàng huy động nhân lực, phương tiện bảo đảm cho tác chiến khi có chiến tranh. Các tỉnh, TP cần xây dựng kế hoạch động viên ở các ngành KT-XH tương ứng trên địa bàn, ở tất cả các cấp, các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn và có phương án huy động phù hợp. Đối với vận tải ô tô, vận tải QSĐP cần tham mưu cho lãnh đạo, chính quyền các tỉnh, TP xây dựng các đội tự vệ chuyên ngành trong các doanh nghiệp vận tải, hoặc giao cho các nhà xe, hợp tác xã, doanh nghiệp, tham gia vận chuyển bổ sung vật chất, cơ động lực lượng, chuyển thương; đăng ký PTVT theo hình thức trưng mua, trưng dụng theo quy định phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; xây dựng phân đội vận tải ô tô dự bị động viên tương ứng với quy mô tổ chức, để sẵn sàng huy động bổ sung mở rộng theo biên chế thời chiến, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đối với vận tải thủy, vận tải QSĐP làm tham mưu cho tỉnh tổ chức phân đội tự vệ vận tải trong doanh

nghiệp vận tải; tổ chức phân đội dân quân phục vụ chiến đấu trong hợp tác xã đánh bắt thủy hải sản; tổ chức đội tàu tự quản tham gia phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; chuẩn bị PTVT thủy tổ chức thành phân đội dự bị động viên hoặc đăng ký phương tiện cá nhân sẵn sàng phục vụ nhu cầu quốc phòng, sẵn sàng huy động bảo đảm cho tác chiến; khuyến khích phát triển các tàu dịch vụ cung cấp xăng dầu, vật chất phục vụ sinh hoạt ở vùng sông nước, sẵn sàng tham gia bảo đảm cho tác chiến. Đối với vận tải thô sơ, sức người, cần tiến hành xây dựng phân đội vận tải thô sơ, sức người, tổ chức huấn luyện hàng năm; trong đó, có huấn luyện về thực hành vận chuyển bổ sung vật chất và chuyển thương. Lực lượng này được đăng ký, quản lý chặt chẽ để có thể huy động được ngay khi có tình huống hoặc chiến tranh xảy ra.

*Hai là*, kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng thế trận vận tải. Kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng thế trận vận tải cần tiến hành đồng bộ, toàn diện từ việc kết hợp trong xây dựng thế bố trí vận tải trên từng hướng (khu vực) phòng thủ, xây dựng hệ thống giao thông và mạng lưới vận tải Nhân dân rộng khắp.

*Thứ nhất*, xây dựng thế bố trí vận tải trên từng hướng (khu vực) phòng thủ. Các tỉnh, TP phải dựa vào quy hoạch phát triển KT-XH; nhiệm vụ KVPT để xây dựng các công trình vận tải trên từng hướng (khu vực) cho phù hợp. Thực hiện có hiệu quả các quy hoạch đất đai, khai thác và bảo vệ tài nguyên gắn với quy hoạch thế trận quân sự trong KVPT tỉnh, TP, trong đó có quy hoạch xây dựng thế trận vận tải. Mặt khác, quy hoạch phát triển KT-XH của các tỉnh, TP phải có sự thẩm định, tham gia góp ý của các cấp, ngành có liên quan, bảo đảm không ảnh hưởng, tác động đến quy hoạch xây dựng thế trận quân sự trong KVPT.

Ưu tiên phát triển kinh tế ở những địa bàn đặc biệt khó khăn, những khu vực dự kiến xây dựng căn cứ, phân căn cứ HCKT và cơ sở HCKT bí mật. Ngoài ra, cần đầu tư, hỗ trợ sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định đời sống, sản xuất của Nhân dân; kết hợp phát triển du lịch, các hợp tác xã vận tải, các cơ sở sửa chữa kỹ thuật..., là cơ sở để bố trí vận tải trong các ngành KT-XH tương ứng, sát với dự kiến sẽ triển khai bố trí vận tải tại các vùng.

*Thứ hai*, xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, TP. Giao thông vận tải là ngành có tính lưỡng dụng cao, phục vụ đắc lực cho phát triển KT-XH và củng cố QPAN; có vai trò quan trọng, nhằm tạo ra các tuyến đường đáp ứng cho các nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh, TP; đồng thời hình thành mạng đường vận tải liên hoàn để sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến khi chiến tranh xảy ra. Hiện nay, giao thông đang là mối quan tâm hàng đầu trong chương trình đầu tư, phát triển KT-XH của Đảng và Nhà nước ta. Trong chiến lược phát triển KT-XH 10 năm (2021-2030), Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: "Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông". Do đó, trong những năm tới các tỉnh, TP sẽ đầu tư nâng cấp nhiều tuyến đường để phát triển KT-XH. Quá trình quy hoạch và xây dựng mới các tuyến đường cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, để vừa bảo đảm phát triển KT-XH của địa phương, vừa đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong khu vực. Có thể có những tuyến đường giá trị phục vụ kinh tế không nhiều nhưng rất quan trọng trong tác chiến KVPT như đường vòng tránh, các đường ngang, đường nhánh. Vẫn đề quan trọng là cần có lộ trình xây dựng thích hợp, tránh lãng phí. Một số tuyến đường quan trọng khác khi chưa có điều kiện xây dựng trước phải điều tra, khảo sát, chuẩn bị

kế hoạch đầy đủ, để khi cần triển khai được ngay. Tại những đoạn đường, tuyến đường trước mắt chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế cần có chủ trương và đầu tư lâu dài, từng bước hợp lý, nhằm phát triển các khu kinh tế mới trong tương lai. Để thực hiện kết hợp có hiệu quả, đòi hỏi vận tải QSĐP cần tham mưu phương án kết hợp KT-XH với quốc phòng trong xây dựng đường vận tải để bàn bạc, thống nhất với các ban, ngành địa phương trong tỉnh, TP về quy hoạch xây dựng phát triển tuyến đường trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và hình thành các tuyến đường vận tải bảo đảm cho tác chiến.

*Thứ ba, phát triển mạng lưới vận tải nhân dân rộng khắp. Mạng lưới vận tải nhân dân rộng khắp là cơ sở để phát triển KT-XH địa phương, cũng là nguồn lực có tiềm năng to lớn để hình thành thế trận vận tải KVPT tỉnh, TP khi tác chiến xảy ra. Để giải quyết hài hoà hai mục tiêu phục vụ phát triển KT-XH và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh KVPT, cần phải quán triệt quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong mọi hoạt động xây dựng mạng lưới vận tải Nhân dân cho các ngành, các cấp và toàn dân. Hiện nay, số lượng PTVT đang tăng mạnh nên nguồn lực vận tải KVPT cũng rất lớn. Tuy nhiên, việc phát triển mạng lưới vận tải nhân dân rộng khắp, còn nhiều bất cập: Nguồn lực không đồng đều ở các thành phần kinh tế; các PTVT tăng, nhưng mang tính tự nhiên, chưa thực sự gắn kết kinh tế với quốc phòng; nguồn dự trữ PTVT dự bị động viên chưa đầy đủ, chất lượng có lúc chưa cao, chỉ tập trung vào thành phần kinh tế Nhà nước... Cho đến nay, mạng lưới vận tải nhân dân vẫn dựa chủ yếu vào vận tải quốc doanh; do vậy, cần có những chủ trương về đầu tư, phát triển thích hợp trên cơ sở khả năng của mọi thành phần*

kinh tế. Đối với các doanh nghiệp vận tải nhà nước cần tiếp tục đầu tư mua sắm các PTVT hiện đại thay thế các phương tiện đã sử dụng lâu năm; đồng thời, đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa để huy động nguồn lực của Nhân dân. Đối với các doanh nghiệp vận tải tư nhân cần có những định hướng phát triển giữa vận tải ô tô, thủy, giữa vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, đa dạng các phương tiện vận tải; có chính sách hỗ trợ, ưu đãi phù hợp; làm tốt công tác tạo nguồn, quản lý chặt chẽ, huấn luyện thiết thực xây dựng lực lượng dự bị động viên vận tải vững mạnh, sẵn sàng huy động khi cần thiết.

Trong giai đoạn hiện nay, việc kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng trong xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải KVPT tỉnh, TP có nhiều thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn, thách thức. Bài viết đề cập một số nội dung, biện pháp chủ yếu, quá trình tổ chức thực hiện cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo sát tình hình thực tiễn của từng địa phương♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2008), *Nghị quyết số 28/NQ-TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh (thành phố) thuộc trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc Phòng (2022), *Điều lệ CTVT quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Chính phủ (2018), *Nghị định số 164/2018/NĐ-CP, ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với KT-XH và KT-XH với quốc phòng*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019 của Chính phủ về KVPT*, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG, Hà nội.

# **TẠO NGUỒN VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN PHÁO PHÒNG KHÔNG BẢO VỆ MỤC TIÊU YẾU ĐỊA TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC**

**Đại úy, CN. PHẠM HỮU TRƯỜNG**  
*Học viên Cao học, Học viện Hậu cần*

**T**RONG chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), địch sẽ sử dụng vũ khí công nghệ cao để tiến công hoả lực đường không (TCHLĐK), quyết liệt đánh phá các mục tiêu yếu địa (MTYĐ) của ta. Đối phó với TCHLĐK của địch, sẽ có nhiều lực lượng; trong đó, trung đoàn pháo phòng không (ePPK) là một trong những lực lượng nòng cốt trên mặt trận đối không, có nhiệm vụ cơ bản là bảo vệ an toàn MTYĐ về kinh tế, chính trị, quân sự... của đất nước. Thắng lợi của ePPK là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố; trong đó, công tác tạo nguồn vật chất hậu cần (VCHC) là một trong những yếu tố quan trọng.

Các MTYĐ cần bảo vệ của ePPK thường trên địa bàn đông dân cư, kinh tế - xã hội phát triển; khả năng hậu cần tại chỗ ngày càng vững mạnh nên công tác tạo nguồn VCHC của ePPK có những thuận lợi nhất định. Tuy nhiên, khi TCHLĐK, với mục đích "làm chủ trên không" nên địch luôn xác định ePPK là mục tiêu tìm - diệt chủ yếu của chúng; đồng thời, coi trong đánh phá các căn cứ, cơ sở sản xuất, phương tiện hậu cần, mạng lưới vận tải, quân y của ta; điều đó có thể làm mất nguồn hậu cần của ePPK. Mặt khác, để bảo toàn lực lượng và nâng cao hiệu quả chiến đấu, ePPK phải thường xuyên cơ động, thay đổi trận địa; hơn nữa, trong chống TCHLĐK thường chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ, tình huống diễn biến mau lẹ, khó lường nên rất dễ xảy ra tình trạng hậu cần cấp trên khó bảo đảm kịp thời cho ePPK. Vì vậy, để bảo đảm tốt về hậu cần, ePPK phải coi trọng tạo nguồn

VCHC. Muốn vậy, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

*Một là*, dựa vào các cơ sở hậu cần trên từng vùng, miền chiến lược để tạo nguồn VCHC vững mạnh bảo đảm cho ePPK đánh địch đúng thời cơ. Từ các chiến dịch TCHLĐK do Mỹ và đồng minh tiến hành trong thời gian gần đây, nhất là các chiến dịch "Bão táp sa mạc (1991)"; "Con cáo sa mạc (1998)"; "Sức mạnh đồng minh (1999)"; "Tự do bền vững (2001)"...; có thể nhận định, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, khi tiến hành TCHLĐK vào nước ta, địch sẽ sử dụng các phương tiện TCHLĐK hiện đại, trong đó đối tượng chủ yếu của PPK là các loại máy bay ném bom chiến lược, máy bay chiến đấu chiến thuật, tên lửa hành trình... được trang bị vũ khí công nghệ cao để đánh phá. Tuy nhiên, do địa hình của nước ta dài và hẹp, số hành lang bay bị hạn chế... nên phương tiện bay của địch phải thiết lập một hệ thống đường bay nhất định, dựa vào các địa vật đặc trưng như lồng núi, lòng sông... Do vậy, ta có thể nắm địch để chuẩn bị chiến trường nói chung, hậu cần nói riêng bảo đảm cho các lực lượng vũ trang tác chiến trên địa bàn. Trên cơ sở đó, hậu cần ePPK có điều kiện dựa vào để tạo nguồn, khai thác VCHC bảo đảm cho ePPK chiến đấu.

Để thực hiện biện pháp này, ngay từ thời bình, phải xây dựng các căn cứ, phân căn cứ hậu cần trên từng vùng chiến lược; thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chú trọng phát triển hệ thống đường giao thông đồng bộ, vững chắc; thiết

lập những cơ chế, chính sách để huy động VCHC từ các ngành, địa phương bảo đảm cho chiến đấu. Mặt khác, cần xây dựng các cơ sở kinh tế có tính lưỡng dụng, cơ động để chuyển hướng sản xuất khi có chiến tranh, sẵn sàng cung ứng VCHC cho các ePPK chiến đấu. Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển kinh tế tại các vùng căn cứ hậu phương trọng điểm, nhất là xây dựng các cơ sở quân - dân y, hình thành các hợp tác xã vận tải, xây dựng các cơ sở sản xuất, chế biến tại chỗ gắn với phát triển mạng đường và phương tiện giao thông trên từng địa bàn để sẵn sàng đảm bảo cho hoạt động của lực lượng vũ trang, trong đó có các ePPK đứng chân trên địa bàn. Ngoài ra, cần làm tốt công tác dự trữ quốc gia tại căn cứ hậu phương, vùng chiến lược để bảo đảm duy trì đời sống của Nhân dân và lực lượng vũ trang trong suốt quá trình chiến tranh.

*Hai là*, tận dụng triệt để nguồn VCHC tại chỗ bảo đảm ePPK chiến đấu trong mọi tình huống. Trong chống TCHLĐK, bảo đảm hậu cần ePPK được thực hiện theo nguyên tắc “cấp trên bảo đảm cho cấp dưới”. Tuy nhiên, thực tiễn trong chống chiến tranh phá hoại của Mỹ trên miền Bắc cho thấy, ePPK có thể chủ động tạo nguồn BĐHC tại chỗ để khai thác đáp ứng nhu cầu bảo đảm. Mặt khác, quá trình tác chiến, các lực lượng của ePPK được bố trí phân tán trên phạm vi rộng và thường xuyên phải cơ động chiến thuật; đội hình chiến đấu dễ bị chia cắt bởi yếu tố địa hình và do địch đánh phá ác liệt. Cho nên, việc bổ sung VCHC từ hậu cần cấp trên (sư đoàn, quân chủng) bảo đảm cho các tiểu đoàn (trận địa) PPK gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Ngược lại, chống TCHLĐK được tiến hành trong thế trận chiến tranh nhân dân phát triển rộng khắp; hậu cần các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) đã được chuẩn bị trước từ thời bình. Hậu cần cấp chiến lược, chiến dịch cũng có sự chuẩn bị

và dự trữ, bố trí sẵn ở những khu vực, địa bàn tác chiến chiến lược. Đó là điều kiện thuận lợi để các ePPK có thể khai thác hậu cần tại chỗ. Vì vậy, cần phân cấp cho ePPK chủ động tạo nguồn khai thác các loại vật chất quân nhu, xăng dầu và hiệp đồng với các cơ sở y tế địa phương để kịp thời cấp cứu và cứu chữa thương, bệnh binh.

Để thực hiện biện pháp này, ngay từ thời bình, trên cơ sở kế hoạch phân cấp khai thác VCHC, hậu cần ePPK cần nắm vững các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có khả năng cung ứng VCHC tại các địa phương trên địa bàn tác chiến. Đồng thời, hậu cần các ePPK cần tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương xây dựng cơ chế phù hợp trong phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo vệ, định hướng và thiết lập môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo hướng “lưỡng dụng”. Bên cạnh đó, ePPK cần tích cực đẩy mạnh các hoạt động tăng gia sản xuất và tổ chức dây chuyền sản xuất, chế biến thực phẩm... để tạo nguồn VCHC tại chỗ, sẵn sàng bảo đảm cho ePPK chiến đấu.

*Ba là*, tăng khả năng dự trữ vật chất hậu cần ở các đơn vị, đồng thời bố trí kho vật chất phân tán bảo đảm an toàn. Tăng khả năng dự trữ và bảo vệ vật chất là một biện pháp quan trọng của công tác tạo nguồn VCHC cho ePPK bảo vệ MTYĐ. Trong chiến tranh, không quân địch tổ chức từng đợt đánh các mục tiêu khác nhau; ngay trong một đợt cũng không phải tất cả các mục tiêu cùng loại đều bị đánh phá, mà còn tùy thuộc vào vai trò của mục tiêu đó đối với ý đồ của địch. Tuy vậy, trong hệ thống mục tiêu của ta lại có một số mục tiêu rất quan trọng mà đợt nào địch cũng thực hiện đánh phá, thậm chí tổ chức từng đợt đánh phá riêng. Trong khi đó, các trận địa tiểu đoàn PPK thường bố trí cách xa nhau khoảng 9 ÷

17 km; kho trạm hậu cần ePPK thường bố trí cách các tiểu đoàn PPK từ  $20 \div 30$  km. Hơn nữa, địch có ưu thế về trinh sát, phát hiện mục tiêu từ xa và tổ chức đánh phá liên tục bằng phương tiện tác chiến đường không hiện đại; làm cho việc bổ sung vật chất tới các tiểu đoàn gặp nhiều khó khăn, khó đáp ứng được yêu cầu chiến đấu, nhất là những tình huống đột xuất. Vì vậy, để chủ động tạo nguồn VCHC tại chỗ, cần tăng khả năng dự trữ của các đơn vị và tổ chức bảo vệ chặt chẽ.

Nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây (tại I-rắc, Nam Tư, Áp-ga-ni-xtan, Syria) thấy rằng, thời gian giãn cách giữa các đợt đánh phá trong tác chiến đường không mang tính tương đối, tuy không dài; song, hậu cần ePPK có thể tận dụng khoảng thời gian này để lập lượng dự trữ cho các đơn vị. Thực tế diễn tập của các ePPK trong những năm gần đây cũng đã tăng khả năng dự trữ và tổ chức lựa chọn thời điểm bổ sung cho đơn vị.

Từ những vấn đề trên, để tăng khả năng dự trữ vật chất (chủ yếu xăng dầu) ở các đơn vị cần vận dụng như sau: Với tiểu đoàn PPK làm nhiệm vụ chốt vòng trong đánh địch trực tiếp bảo vệ mục tiêu, do trong quá trình chiến đấu, lực lượng này thường chỉ cơ động (dịch chuyển) quanh chốt để bảo toàn lực lượng; cho nên, ePPK cần tăng cường phương tiện chứa trữ cho tiểu đoàn, chủ yếu sử dụng các loại phuy  $100 \div 200$  lít, hoặc ePPK có thể lót trước xăng dầu cho tiểu đoàn ở các trận địa. Đối với tiểu đoàn PPK làm nhiệm vụ cơ động vòng ngoài, thường triển khai ở các trận địa lâm thời, song cũng có trường hợp phải cơ động xa để đón đánh hướng tiến công của địch, khi chúng thay đổi đường bay. Vì vậy, khi tiểu đoàn cơ động, ePPK cần tăng cường xe xitéc đi cùng để bảo đảm.

Về bảo đảm an toàn kho trạm hậu cần của ePPK, do sự phát triển của binh khí kỹ thuật, địch có thể đánh phá các trận địa, cơ sở hậu cần của ta từ ngoài tầm hỏa lực; hơn nữa, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao có thể lựa chọn và thay đổi hướng, đường bay, khu vực tác chiến nhanh. Vì vậy, các kho dự trữ vật chất của ePPK không thể cố định hoặc tập trung ở một hướng, khu vực nào đó mà phải bố trí phân tán để bảo đảm an toàn. Nghiên cứu bán kính sát thương của các loại bom có trọng lượng từ vài trăm đến khoảng hai nghìn Pound cho thấy, với địa hình tương đối bằng phẳng, chất đất trung bình của địa hình rừng núi, trung du, khoảng cách tối thiểu bảo đảm an toàn giữa hai kho (hầm) hậu cần là 106 m. Riêng đối với kho dự trữ xăng dầu, có thể bố trí phân tán trên các khu vực (2 hoặc 3) và không nhất thiết phải nằm trong bộ phận hậu cần.

Tạo nguồn VCHC ePPK trong chiến đấu bảo vệ MTYĐ chịu tác động của nhiều yếu tố; song, đó là cơ sở tiến hành dự trữ, tiếp nhận, bổ sung VCHC bảo đảm cho ePPK chiến đấu thắng lợi. Vì vậy, vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển cả nội dung và phương pháp tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng ngày càng phù hợp với điều kiện chiến đấu của các ePPK trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2003), *Trung đoàn pháo phòng không bảo vệ MTYĐ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2005), *Bảo đảm hậu cần ePPK chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BIỆN PHÁP VẬN CHUYỂN, BỔ SUNG VẬT CHẤT HẬU CẦN LŨ ĐOÀN PHÁO BINH ĐÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Đại tá, TS. NGUYỄN HỮU TOÁN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *Transportation and resupply of logistics materials are crucial aspects of logistics support, ensuring the sufficient and timely provision of necessary resources for combat forces to win victory. In this article are proposed several measures to the transportation and resupply of logistics materials for the military region artillery brigades attacking the ground offensive enemy in military region defensive operations.*

## I. TÓM TẮT

Vận chuyển, bổ sung vật chất là một nội dung quan trọng của bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC), nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho các lực lượng chiến đấu thắng lợi. Bài viết đề xuất một số biện pháp vận chuyển, bổ sung VCHC lữ đoàn pháo binh quân khu đánh địch tiến công đường bộ (TCĐB) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tác chiến PTQK, pháo binh là hỏa lực mặt đất chủ yếu của quân khu, có nhiệm vụ chi viện hỏa lực đánh bại địch TCĐB, giữ vững khu vực phòng thủ (KVPT). Là một đơn vị binh chủng chiến đấu, lữ đoàn pháo binh quân khu, được biên chế nhiều xe, pháo, khí tài; lực lượng hậu cần của lữ đoàn có hạn. Trong khi đó, khối lượng tiêu thụ VCHC của lữ đoàn pháo binh rất lớn và nhiều chủng loại (riêng xăng dầu chiếm tới hơn 80% tổng khối lượng VCHC bảo đảm cho lữ đoàn). Gần đây, trong các phương án diễn tập đánh địch TCĐB trong tác chiến PTQK của một số lữ đoàn pháo binh quân khu, công tác vận chuyển, bổ sung VCHC đã có sự kế thừa những kinh nghiệm được rút ra trong kháng chiến chống Mỹ, đạt

được kết quả bước đầu. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, như: Chưa xác định sử dụng vận tải cơ giới của lữ đoàn và của quân khu chi viện để vận chuyển, bổ sung VCHC cho cụm pháo binh và tiểu đoàn pháo binh độc lập; việc tổ chức lót trước VCHC ở các khu vực dự kiến địch TCĐB và xác định lượng VCHC dự bị để xử lý các tình huống chưa tốt. Vì vậy, cần nghiên cứu biện pháp vận chuyển, bổ sung VCHC cho hoàn thiện.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Địch TCĐB trong tác chiến PTQK là sư đoàn bộ binh (BBCG) Mỹ đột phá tiến công vào trọng điểm phòng ngự, đột nhập vào KVPT chủ yếu trên địa bàn quân khu, được trang bị vũ khí có tầm bắn xa, độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn; khả năng cơ động cao; có khả năng quan sát, trinh sát bằng nhiều phương tiện hiện đại.

Để đánh địch, trong tác chiến PTQK, lữ đoàn pháo binh quân khu thường do tư lệnh quân khu trực tiếp nắm để chỉ huy hỏa lực chung, tổ chức thành cụm pháo binh (CmPB) chiến dịch hoặc CmPB và các dPB độc lập trực thuộc quân khu. Tổ chức lực lượng, bố trí đội hình chiến đấu của lữ đoàn

pháo binh vừa tập trung vừa phân tán trên phạm vi rộng, thường xuyên phải cơ động trận địa. Do đó, khối lượng tiêu thụ VCHC lớn, nhất là xăng dầu; yêu cầu bảo đảm cao, nhiệm vụ nặng nề, phức tạp, nhiều khó khăn. Do vậy, việc vận chuyển, bổ sung VCHC lữ đoàn pháo binh đánh địch TCĐB trong tác chiến PTQK gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, trên địa bàn tác chiến, mạng đường giao thông phát triển mạnh, tiềm năng kinh tế lớn, hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) vững mạnh; cho nên, hậu cần lữ đoàn có điều kiện huy động, kết hợp bảo đảm cho trận đánh. Vì vậy, trong vận chuyển, bổ sung VCHC lữ đoàn pháo binh đánh địch TCĐB trong tác chiến PTQK, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là*, sử dụng vận tải cơ giới của lữ đoàn và của quân khu chi viện là chủ yếu để vận chuyển, bổ sung VCHC cho cụm pháo binh và tiểu đoàn pháo binh độc lập. Trong tác chiến, sử dụng vận tải cơ giới để vận chuyển vật chất có ý nghĩa rất quan trọng, bảo đảm kịp thời cho đơn vị nắm thời cơ, giành quyền chủ động trong đánh địch TCĐB của lữ đoàn pháo binh.

Để có cơ sở sử dụng lực lượng vận tải cơ giới, theo tính toán, trong giai đoạn chuẩn bị, khối lượng bổ sung VCHC lữ đoàn pháo binh khoảng 845 tấn; trong giai đoạn chiến đấu khoảng 307 tấn. Trong khối lượng VCHC phải bổ sung, xăng dầu chiếm tỷ lệ tương đối cao, lượng cần bổ sung là 1038 tấn. Với khối lượng bổ sung lớn như vậy nên phải sử dụng vận tải cơ giới, nhất là đối với CrmPB và dPB độc lập.

Để thực hiện biện pháp trên, hậu cần lữ đoàn cần coi trọng cải tiến phương tiện vận tải cơ giới theo hướng tăng khả năng cơ động, tính Việt dã, tăng khả năng bảo vệ. Để bảo đảm tính bí mật cao, cơ động nhanh, bảo

đảm an toàn, hạn chế tổn thất do địch đánh phá, cần sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện, phương thức để vận chuyển, tận dụng khả năng bảo đảm của các cơ sở hậu cần chiến lược trên địa bàn quân khu khi địch tiến công; huy động phương tiện vận tải cơ giới bảo đảm cho chiến đấu. Bên cạnh đó, cần quy định rõ trách nhiệm vận chuyển của từng cấp. Đối với cấp đại đội: Sử dụng xe kéo pháo để vận chuyển VCHC. Cùng chở xăng dầu (khoảng 1 cơ số), các xe có thể chở thêm quân trang chiến đấu, lương khô, thuốc chiến thương và nhà bạt (nếu có). Trọng lượng các loại vật chất kết hợp vận chuyển trên thùng các xe kéo pháo không vượt quá 2 tấn và không xếp hàng cao quá thành thùng xe để bảo đảm an toàn cho pháo thủ khi cơ động. Cấp tiểu đoàn, có nhiệm vụ vận chuyển VCHC bảo đảm đủ lượng phải có trước giờ nổ súng (TGNS); đồng thời, sẵn sàng tham gia vận chuyển cùng lữ đoàn để bổ sung VCHC trong tác chiến hoặc trong các tình huống đột xuất. Cấp lữ đoàn, có nhiệm vụ vận chuyển VCHC bổ sung cho các dPB, cụm pháo binh đủ lượng phải có TGNS và phải dự trữ sau chiến đấu. Cung đường vận tải chủ yếu là từ kho lữ đoàn xuống các tiểu đoàn. Trong trường hợp cấp thiết, vận tải lữ đoàn có thể lên kho quân khu nhận hàng và chuyển thẳng xuống các đơn vị. Cấp quân khu đảm nhiệm vận chuyển VCHC bổ sung cho lữ đoàn đủ nhu cầu vật chất theo kế hoạch. Trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu, lực lượng vận tải quân khu thường vận chuyển VCHC bổ sung tại kho hậu cần lữ đoàn và chuyển vượt cấp xuống các cụm, trận địa pháo. Trong thực hành chiến đấu, vận tải quân khu vận chuyển VCHC đến kho lữ đoàn và thường bổ sung sau mỗi đợt tác chiến. Trong những trường hợp đột xuất, vận tải quân khu chuyển thẳng VCHC xuống các trận địa pháo.

*Hai là*, tổ chức lót trước VCHC ở các khu vực dự kiến triển khai lực lượng của lữ đoàn. Theo đó, tại vị trí triển khai, hậu cần lữ đoàn bổ sung đầy đủ các loại vật chất theo quy định phải có TGNS cho các đơn vị, chủ yếu là bổ sung đạn hỏa lực. Với cự ly từ vị trí tập kết vào vị trí triển khai khoảng 15 ÷ 20 km, khối lượng vật chất, xăng dầu và đạn hỏa lực phải vận chuyển, bổ sung tương đối lớn, thời gian làm công tác chuẩn bị ngắn, trong điều kiện bí mật. Do vậy, để bảo đảm kịp thời, đầy đủ vật chất cho các lực lượng đánh địch chiến đấu thắng lợi, hậu cần lữ đoàn phải tiến hành lót trước vật chất tại những khu vực dự kiến đánh địch TCĐB, nơi thuận tiện và có các cơ sở hậu cần đang bảo đảm cho tác chiến; tổ chức lót trước các vật chất có khối lượng lớn như xăng dầu, lương thực, thực phẩm để bổ sung trong chiến đấu.

Để thực hiện biện pháp này, hậu cần lữ đoàn phải nắm chắc ý định tổ chức trận đánh; sớm dự kiến phương án bảo đảm; nghiên cứu nắm vững địa bàn khu vực tác chiến; liên hệ, hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần quân khu, hậu cần KVPT địa phương về phương án tận dụng, sử dụng các cơ sở hậu cần phục vụ cho việc lót trước vật chất; chuẩn bị tốt vật chất (khối lượng, chủng loại vật chất) và các trang bị, dụng cụ chứa đựng, cất giấu, chủ động đưa trước vật chất vào vị trí dự kiến. Hiệp đồng chặt chẽ giữa đơn vị được bổ sung và lực lượng vận tải; tránh lót vật chất ở vị trí xa trận địa hoặc ở khu vực quá xa nơi địch TCĐB. Lót trước vật chất phải bảo đảm bí mật, không lộ ý định chiến đấu và được người chỉ huy đồng ý.

*Ba là*, tăng cường lượng vật chất dự bị cơ động để xử lý các tình huống phải bổ sung trong tác chiến. Đây là nguyên tắc của tổ chức BĐHC chiến đấu, nhằm kịp thời xử lý các tình huống trong tác chiến. Trong tác

chiến đánh địch TCĐB của lữ pháo binh quân khu, với đặc điểm rất khẩn trương, ác liệt, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống ngoài dự kiến; trong khi trọng tâm của bổ sung vật chất giai đoạn tác chiến là xử lý tình huống. Hơn nữa, trong tác chiến, cả ta và địch đều đã bộc lộ lực lượng. Việc bổ sung vật chất lúc này hoàn toàn có thể sử dụng vận tải cơ giới, trong khi đó, lương VCHC dự bị cơ động thường được bố trí sẵn trên các phương tiện cơ giới; do vậy, cần tăng cường lượng VCHC dự bị cơ động để xử lý các tình huống trong tác chiến.

Để thực hiện biện pháp này, hậu cần lữ đoàn cần có phương án sử dụng phương tiện cơ giới phù hợp cho cơ động săn sàng bổ sung vật chất trong các tình huống tác chiến. Bên cạnh đó, phải chủ động dự kiến tình huống, tính toán lượng vật chất cụ thể cho từng tình huống; chuẩn bị, bố trí, sắp xếp lượng vật chất dự bị trên phương tiện hợp lý, bảo đảm tính cơ động nhất, an toàn nhất và bổ sung kịp thời nhất.

### IV. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ đánh địch TCĐB trong tác chiến PTQK của lữ đoàn pháo binh quân khu rất nặng nề, diễn biến chiến đấu ác liệt, nhiều tình huống xảy ra, có nhiều khó khăn trong tổ chức vận chuyển, bổ sung VCHC. Đòi hỏi chủ nhiệm, cơ quan, đơn vị hậu cần lữ đoàn pháo binh cần thực hiện đồng thời các giải pháp trên để vận chuyển, bổ sung vật chất kịp thời, góp phần bảo đảm cho trận đánh thắng lợi♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Sử dụng pháo binh trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TỔ CHỨC XÂY DỰNG TRẬN ĐỊA PHÒNG NGỤ CỦA TIỂU ĐOÀN BỘ BINH

Trung tá, ThS. LÊ MINH THẮNG  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

*Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tiểu đoàn bộ binh (dBΒ) phòng ngự là hình thức chiến thuật cơ bản, nhằm ngăn chặn, tiêu hao, tiêu diệt, đánh bại các đợt tiến công của địch, giữ vững khu vực mục tiêu được giao, tạo điều kiện cho cấp trên và lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương hoạt động chiến đấu. Xây dựng trận địa của dBΒ là vấn đề quyết định đến kết quả phòng ngự của tiểu đoàn.*

**T**ổ chức xây dựng trận địa phòng ngự (TĐPN) của dBΒ là tổng thể các hoạt động sắp xếp, bố trí, triển khai việc xây dựng trận địa theo một trình tự nhất định, để liên kết chặt chẽ giữa các thành phần, tạo nên điểm tựa, cụm điểm tựa hoàn chỉnh, vững chắc, hiểm hóc; do lực lượng của tiểu đoàn, lực lượng phái thuộc và phối hợp với LLVT địa phương, tiến hành xây dựng theo kế hoạch thống nhất; nhằm phát huy sức mạnh của các lực lượng phòng ngự, vũ khí, trang bị, kĩ thuật, để ngăn chặn, đánh bại tiến công của địch, giữ vững TĐPN được giao.

Tổ chức xây dựng TĐPN của dBΒ chịu sự chỉ phái trực tiếp nhiều mặt, đặc biệt là địch thường xuyên sử dụng các phương tiện trinh sát hiện đại phát hiện, đánh phá, phá hoại, gây tổn thất cho ta về người và vũ khí, trang bị. Vì vậy, để tổ chức xây dựng TĐPN của dBΒ, cần nắm chắc và thực hiện tốt các yêu cầu sau:

**Một** là, tổ chức xây dựng TĐPN phù hợp với ý định chiến đấu của tiểu đoàn. Đây là biện pháp có tính nguyên tắc cơ bản, chỉ đạo toàn bộ hoạt động tổ chức xây dựng TĐPN của dBΒ. Ý định chiến đấu của dBΒ xác định rõ hình thức TĐPN và nội dung xây dựng TĐPN (hệ thống công sự, vật cản,

đường cơ động); tổ chức xây dựng TĐPN là hoạt động tiếp theo, nhằm cụ thể hóa ý định chiến đấu của dBΒ. Do đó, TĐPN cần được xây dựng phù hợp với khả năng, cách đánh của dBΒ, đáp ứng với ý định tổ chức sử dụng và bố trí lực lượng, hoàn thành đúng thời gian quy định, bảo đảm an toàn, thuận tiện cho tiểu đoàn chỉ huy chiến đấu phòng ngự giành thắng lợi.

**Để** thực hiện tốt yêu cầu này, tiểu đoàn trưởng phải phổ biến ý định chiến đấu chính xác cho các đơn vị, bộ phận, làm cơ sở cho lực lượng dBΒ và lực lượng công binh phái thuộc tổ chức thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện cần bám sát ý định chiến đấu, thường xuyên, kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp ý định chiến đấu của dBΒ. Phát huy tính tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo của đơn vị, bộ phận.

**Hai** là, xây dựng TĐPN liên hoàn, vững chắc, bí mật, bất ngờ, có thể đánh và thế giữ. Đây là yêu cầu quan trọng, chỉ phái các yêu cầu khác và hoạt động tổ chức xây dựng TĐPN của dBΒ. Trước hết, liên hoàn là sự kết nối các thành phần trận địa, bảo đảm chi viện, hỗ trợ kịp thời cho nhau trong quá trình chiến đấu. Do vậy, tiểu đoàn trưởng cần chỉ huy xây dựng các cụm điểm tựa phòng ngự được hình thành trên cơ sở

các điểm tựa cấp đại đội, trung đội, trận địa hỏa lực, trận địa cảnh giới, trận địa giả, làm sẵn..., tiện chi viện nhau trong chiến đấu. Các điểm tựa, trận địa có thể kiểm soát, chi viện cho nhau cả về binh lực, hỏa lực, liên kết chặt chẽ giữa các hướng, mũi, các lực lượng trong và ngoài trận địa. Đồng thời, liên kết giữa xung lực với hỏa lực, bố trí lực lượng xen kẽ, kết hợp chặt chẽ giữa công sự, hỏa lực, vật cản và cơ động. Ngoài ra, cần có sự liên hoàn giữa các đơn vị chiến đấu với lực lượng bảo đảm.

Ngoài ra, TĐPN của dBB phải bảo đảm vững chắc cả về chiến thuật và kỹ thuật. Nghĩa là, phải tạo lập được thế đánh địch cả phía trước, hai bên sườn, phía sau; hệ thống công sự phải hiểm hóc, kiên cố, vững chắc, đủ số lượng, đúng kích thước, có chất lượng. Quá trình tổ chức xây dựng TĐPN phải theo một kế hoạch cụ thể, giữ được bí mật, bất ngờ về khu vực phòng ngự, bí mật hoạt động tổ chức. Để đáp ứng yêu cầu đó, tiểu đoàn thường cần tổ chức xây dựng đến đâu, ngụy trang đến đó; kết hợp chặt chẽ các yếu tố công sự, hỏa lực, vật cản và cơ động, tạo nên TĐPN hoàn chỉnh. Trận địa phòng ngự cần xây dựng ở địa hình có giá trị chiến thuật cao hơn các điểm cao xung quanh, không chê được các trực đường, phát huy hiệu quả tính năng của các loại vũ khí, trang bị, cơ động chiến đấu thuận tiện, tiện chỉ huy, hiệp đồng chiến đấu. Xây dựng trận địa làm sẵn để xử trí tình huống đánh địch đột nhập, địch vu hồi, địch đổ bộ đường không và khi chúng chuyển hướng tiến công.

Thực tiễn trong trận phòng ngự phía Bắc Điểm cao 25 thuộc xã An Điền (Bến Cát, Bình Dương) của dBB3/eBB1/fBB9, diễn ra ngày 27 ÷ 28/6/1974; dBB 3 đã tổ chức thay phiên xây dựng TĐPN. Ngoài việc bố trí đội hình thế chân kiềng, tiểu đoàn còn chú trọng làm hầm

chữ A, xây dựng công sự vững chắc, nên khi địch sử dụng không quân, pháo binh đánh phá ác liệt, thời gian kéo dài (mỗi đợt 1 ÷ 2 giờ, mỗi ngày 15 ÷ 16 giờ), dBB3 đã đánh bại tiến công của địch, giữ vững trận địa.

Để thực hiện tốt yêu cầu trên, tiểu đoàn cần phát huy tính chủ động, sáng tạo cá trước và trong quá trình tổ chức xây dựng TĐPN. Tiến hành trinh sát trận địa cụ thể, tỉ mỉ, nắm chắc địa hình, thời tiết trong khu vực; kế hoạch xây dựng phải phân công rõ ràng, ở từng bộ phận có người phụ trách; kết hợp chặt chẽ giữa sử dụng vật liệu tại chỗ và chế sẵn, với tận dụng, cải tạo địa hình để xây dựng TĐPN bảo đảm tính liên hoàn, vững chắc.

Ba là, tổ chức TĐPN có chính diện, chiều sâu hợp lí, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung trên hướng chủ yếu, điểm tựa phòng ngự then chốt, bảo đảm đánh địch trên các hướng. Đây là yêu cầu chỉ đạo công tác tổ chức xây dựng TĐPN, bảo đảm đúng ý định người chỉ huy, phát huy sức mạnh chiến đấu, đánh bại quân địch, bảo vệ an toàn cho TĐPN. Tổ chức xây dựng TĐPN có chính diện hợp lí là bố trí các điểm tựa đại đội, kết hợp các trận địa khác, tạo ra chính diện rộng, phù hợp bảo đảm ngăn chặn, đánh bại địch tiến công trên nhiều hướng. Trận địa phòng ngự có chiều sâu là bố trí các trận địa thành nhiều tầng, nhiều lớp, buộc địch khi tiến công, phải liên tục đột phá, chúng không có thời gian để củng cố lực lượng, phương tiện. Quá trình đột phá, có thể bộc lộ sơ hở, tạo điều kiện cho tiểu đoàn vận dụng các thủ đoạn chiến đấu để tiêu diệt địch.

Khi xây dựng TĐPN, phải có chính diện, chiều sâu khoảng 2 ÷ 3km. Tiềm duyên phòng ngự ở địa hình rừng núi, trung du, cần xác định ở những nơi thuận tiện, phát huy được hiệu quả các loại hỏa lực, khống chế tới chân các điểm cao, các trực đường,

quan sát được xung quanh. Bố trí như vậy, làm cho địch không bám được vào chân điểm cao để triển khai lực lượng tiến công và ta có thể kiểm soát được khoảng cách của 2 điểm tựa nằm liền kề nhau. Ở địa hình đồng bằng, đô thị, thường xác định ở ven đê, rìa làng, đoạn sông cắt qua, lập lên hệ thống vật cản tự nhiên, địch khó vượt qua.

Xuất phát từ tổ chức biên chế trang bị của tiểu đoàn, không cho phép ta dàn trải lực lượng phòng ngự. Mặt khác, khi địch thực hành tiến công, thường tập trung lực lượng, phương tiện chiếm ưu thế hơn hẳn ta để thực hành đột phá, đánh chiếm và phát triển sâu vào TĐPN của ta trên một hướng tiến công mà địch đã xác định. Vì vậy, khi xây dựng TĐPN, phải có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên trên hướng phòng ngự chủ yếu, điểm tựa phòng ngự then chốt, tập trung nhân lực, vật lực xây dựng trên hướng chủ yếu phải đủ số lượng, bảo đảm chất lượng công sự trận địa, vật cản, bố trí hỏa lực nhiều tầng, nhiều tuyến để đánh địch trên hướng đó.

Thực tiễn trong trận chiến đấu phòng ngự Tích Tường - Điểm cao 25, ngày 20/11/1972, của dBB1/eBB36/fBB308. Do nền đất khu vực chiến đấu phòng ngự yếu, trời mưa liên tiếp 2 tuần; cho nên, các lực lượng chiến đấu và hậu cần, kỹ thuật (HCKT) đã sử dụng gỗ, đá và một số vật liệu khác để gia cố cho trận địa phòng ngự của dBB1 được vững chắc. Nhờ vậy, dBB1 đã chiến đấu trong 81 ngày đêm, đánh 79 trận, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Để thực hiện tốt yêu cầu này, tiểu đoàn cần nghiên cứu, nắm chắc địa hình, tình hình địch để tổ chức xây dựng TĐPN phù hợp. Trên cơ sở kế hoạch đã xác định, tổ chức giao nhiệm vụ, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị, bộ phận, tập trung trên hướng chủ yếu, chỉ huy kiên quyết, kiểm tra sâu sát, cụ thể.

Tổ chức xây dựng TĐPN là nhiệm vụ của các lực lượng thuộc dBB, có ảnh hưởng trực tiếp và mang tính quyết định giành thắng lợi trong chiến đấu phòng ngự của dBB. Đối với lực lượng HCKT, người chỉ huy phân đội HCKT, cần nghiên cứu, giải quyết tốt một số vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, nắm chắc ý định của cấp trên, nhiệm vụ của tiểu đoàn trong tổ chức xây dựng TĐPN. Trên cơ sở phương án phòng ngự của tiểu đoàn xây dựng kế hoạch bảo đảm HCKT phù hợp, có tính khả thi cao.

*Thứ hai*, quán triệt, nắm chắc nhiệm vụ HCKT cấp trên và cấp mình để tổ chức phân công, giao nhiệm vụ khoa học, hợp lý khi tiểu đoàn tổ chức xây dựng TĐPN.

*Thứ ba*, liên hệ chặt chẽ với HCKT cấp trên, địa phương để tổ chức bảo đảm đầy đủ, kịp thời vật chất theo đúng ý định người chỉ huy.

*Thứ tư*, tham mưu cho người chỉ huy về công tác HCKT, bảo đảm cho tiểu đoàn xây dựng TĐPN liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu, có thể đánh địch dài ngày.

Tổ chức xây dựng TĐPN là nội dung quan trọng của dBB phòng ngự, song có nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển việc tổ chức xây dựng TĐPN của dBB để hoàn thiện, phù hợp với điều kiện chiến đấu mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh chiến đấu dBB*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2015), *Tiểu đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình rừng núi*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng tham mưu (2003), *Tiểu đoàn bộ binh phòng ngự đô thị*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BẢO ĐẢM XĂNG DẦU SƯ ĐOÀN BỘ BINH BIÊN CHẾ HOÀ LỰC MẠNH TIẾN CÔNG VÀO KHU VỰC ĐỊCH PHÒNG NGỤ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tá, TS. LÊ NGỌC ANH  
Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** In offensive combat, the fuel requirements of infantry divisions equipped with heavy firepower are substantial, and fuel supply is a complex and challenging task. This article addresses several issues that need studying to accomplish the fuel supply mission for infantry divisions with heavy firepower during an offensive into enemy defense zones in the Fatherland protection war (if any).

## I. TÓM TẮT

Trong chiến đấu tiến công, nhu cầu xăng dầu (XD) của sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh (BCHLM) rất lớn; hoạt động đảm xăng dầu (BĐXD) có nhiều khó khăn, phức tạp. Bài viết đề cập một số vấn đề cần nghiên cứu thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ BĐXD sư đoàn bộ binh BCHLM tiến công vào khu vực địch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn tiến công vào khu vực địch phòng ngự là một hình thức chiến thuật đã hình thành và phát triển trong chiến tranh giải phóng và sẽ tiếp tục được áp dụng rộng rãi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, thực hiện chủ trương xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại; các sư đoàn bộ binh đã được tổ chức BCHLM. Do đó, nội dung, yêu cầu BĐXD sẽ có nhiều điểm khác so với các sư đoàn bộ binh trước đây. Mặt khác, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, các yếu tố về địch, ta và môi trường chiến đấu có sự thay đổi, phát triển; đặc biệt là địch có khả năng trinh sát ở mọi cấp độ, sử dụng phô biến vũ khí công nghệ cao, tác

chiến không gian mạng, tác chiến điện tử mạnh. Điều đó đang đặt ra cho BĐXD sư đoàn bộ binh BCHLM những vấn đề mới, cần được nghiên cứu, giải quyết.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn bộ binh BCHLM là các lực lượng thuộc lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, hải quân đánh bộ, kỵ binh đường không) địch, có thể chủ động hoặc lâm thời chuyển vào phòng ngự trong đội hình cấp trên hoặc độc lập trên các dạng địa hình khác nhau. Quá trình chiến đấu, địch dựa vào ưu thế về vũ khí trang bị, tổ chức tác chiến điện tử rộng khắp, sử dụng các phương tiện trinh sát hiện đại và UAV số lượng lớn để xác định mục tiêu nhanh, chính xác và tổ chức hỏa lực tiến công phá vỡ thế bố trí hậu cần, kỹ thuật (HCKT) của sư đoàn; gây khó khăn rất lớn đối với BĐXD của sư đoàn trong quá trình chiến đấu.

Tiến công địch phòng ngự, sư đoàn bộ binh BCHLM thường tổ chức thành nhiều lực lượng; sử dụng nhiều chủng loại phương tiện, vũ khí; hoạt động trên địa bàn

tương đối rộng trong phạm vi từ 5 ÷ 7 xã. Quá trình thực hành chiến đấu thường diễn ra nhiều tình huống phức tạp, kế tiếp nhau, nhất là các mục tiêu ngoài công sự có tính biến động cao. Do đó, khối lượng XD tiêu thụ lớn, nhất là các lực lượng tiến công trong (ngoài) công sự, khu vực chủ yếu; lực lượng quân, binh chủng. Trong khi đó, thời gian chuẩn bị trực tiếp của sư đoàn không dài; lực lượng, phương tiện kỹ thuật – vật tư XD, nhất là các phương tiện chứa trữ, vận chuyển bổ sung của sư đoàn có hạn. Vì vậy, để BĐXD sư đoàn bộ binh BCHLM chiến đấu thắng lợi, cần thực hiện tốt một số vấn đề chủ yếu sau:

**Một là, xăng dầu sư đoàn bộ binh BCHLM phải triệt để tận dụng kết quả chuẩn bị của trận chiến đấu trước, tích cực, khẩn trương tạo lập đủ lượng dự trữ XD theo nhu cầu chiến đấu.** Do thời gian chuẩn bị trực tiếp không dài, lực lượng XD của sư đoàn có hạn, đòi tượng bảo đảm đa dạng, trên phạm vi tương đối rộng, trong điều kiện địch thường xuyên đánh phá. Trong khi các trận đánh địch trong và ngoài công sự diễn ra kế tiếp, đan xen hoặc đồng thời; số lượng xe máy phải bảo đảm lớn, nhất là lực lượng binh chủng. Cho nên, ngành XD sư đoàn bộ binh BCHLM cần tận dụng kết quả chuẩn bị của trận chiến đấu trước đó để lập lượng dự trữ XD đáp ứng nhu cầu chiến đấu. Khi tổ chức dự trữ phải bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các vật chất XD; nâng cao khả năng cơ động và sẵn sàng chuyển hóa. Do mỗi chủng loại phương tiện xe, máy tiêu thụ XD lại sử dụng một chủng loại nhiên liệu, các vật liệu bôi trơn khác nhau; cho nên, trong tổ chức dự trữ phải đầy đủ, đồng bộ các chủng loại XD với cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc điểm chiến đấu của từng lực lượng.

Để thực hiện biện pháp này, ngành XD sư đoàn bộ binh BCHLM phải tính toán nắm chắc số lượng, chủng loại XD sử dụng;

nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị, lực lượng khác nhau để xác định phương án tổ chức dự trữ, phân cấp dự trữ phù hợp. Bên cạnh đó, ngành XD sư đoàn phải nắm chắc phân cấp bảo đảm và các biện pháp bảo đảm của ngành XD cấp trên; nắm chắc khả năng chi viện BĐXD của KVPT, để chủ động hiệp đồng khai thác, huy động trong tổ chức dự trữ XD đáp ứng kịp thời nhu cầu chiến đấu. Việc kết hợp, phát huy có hiệu quả các nguồn bảo đảm khác nhau trong tổ chức dự trữ XD sẽ tạo nên hệ thống bảo đảm rộng khắp, liên hoàn, vững chắc trong BĐXD cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

**Hai là, nắm chắc tình hình XD trong các giai đoạn chiến đấu, tổ chức vận chuyển bổ sung, tra nạp XD cho các lực lượng của sư đoàn kịp thời, ưu tiên cho các lực lượng chủ yếu, hướng, khu vực chủ yếu, lực lượng binh chủng.** Sư đoàn bộ binh BCHLM tiến công vào khu vực địch phòng ngự thường được tổ chức thành nhiều lực lượng: Lực lượng tiến công địch trong công sự, lực lượng đánh địch ngoài công sự, lực lượng pháo binh, xe tăng,... Mỗi lực lượng được triển khai đội hình chiến đấu ở những khu vực và thời điểm không giống nhau, tính chất mức độ ác liệt của từng lực lượng trên từng khu vực khác nhau nên mức độ tiêu thụ XD giữa các đơn vị, lực lượng không giống nhau. Do vậy, ngành XD sư đoàn phải bám sát nhu cầu tiêu thụ XD của từng lực lượng, đơn vị tham gia chiến đấu, nắm chắc diễn biến chiến đấu trong các giai đoạn để có kế hoạch vận chuyển bổ sung, tra nạp XD cho phù hợp.

Khi thực hành vận chuyển bổ sung, tra nạp XD, ngành XD sư đoàn cần nắm chắc khối lượng cần vận chuyển, tình hình giao thông trong khu vực; phối hợp chặt chẽ với lực lượng vận tải, ngành XD cấp trên, xăng dầu KVPT để tổ chức khai thác, vận chuyển bổ sung, tra nạp cho các

lực lượng bảo đảm kịp thời, chính xác, an toàn. Mặt khác, đối tượng chiến đấu của sư đoàn với ưu thế về khả năng trinh sát phát hiện, sử dụng vũ khí thông minh tiến công rộng khắp vào hệ thống giao thông, các khu vực, nơi nghỉ ngơi có lực lượng của ta; do đó, quá trình chiến đấu có nhiều tình huống phức tạp, tính cơ động nhanh, nhiều tình huống ngoài dự kiến, điều này gây khó khăn, hạn chế khả năng bảo đảm cho các lực lượng tham gia chiến đấu của sư đoàn. Trong khi đó, theo biên chế hiện nay, số lượng, chủng loại phương tiện trang bị của sư đoàn bộ binh BCHLM tăng lên nhưng số lượng, trang bị phương tiện bảo đảm vẫn giữ nguyên như trước khi các đơn vị hỏa lực được biên chế về trực thuộc sư đoàn; điều này dẫn đến khả năng về HCKT nói chung, XD nói riêng của sư đoàn có hạn, không thể dàn trải để thực hiện nhiệm vụ BĐXD đồng thời cho tất cả các đơn vị tham gia chiến đấu. Đòi hỏi trong tổ chức vận chuyển bổ sung, tra nạp XD cần tập trung sức mạnh và khả năng XD cho các đơn vị, lực lượng chiến đấu chủ yếu, trên hướng, khu vực chủ yếu, đơn vị binh chủng.

Để làm tốt vấn đề này, đòi hỏi ngành XD sư đoàn cần nắm chắc quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng, phương án tổ chức, sử dụng lực lượng chiến đấu của người chỉ huy, phương án bảo đảm của chủ nhiệm HCKT, tình hình địch, địa bàn chiến đấu và khả năng của cấp trên, của mình, của KVPT... Căn cứ vào nhu cầu vận chuyển bổ sung, tra nạp XD, hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng vận tải, lực lượng, đơn vị được bảo đảm; lựa chọn vận dụng linh hoạt các hình thức vận chuyển, phương pháp tra nạp để tổ chức vận chuyển, tra nạp XD cho các lực lượng, đơn vị tham gia chiến đấu của sư đoàn nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm an toàn trong các giai đoạn chiến đấu; chú trọng các đơn vị, lực lượng thực hiện

nhiệm vụ trên hướng, khu vực chủ yếu, các đơn vị binh chủng.

Bà là, bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện, vật chất XD, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, đáp ứng nhu cầu cho các lực lượng tham gia chiến đấu của sư đoàn. Sư đoàn bộ binh BCHLM thực hành tiến công vào khu vực địch phòng ngự với đối tượng tác chiến có ưu thế về khả năng trinh sát hiện đại ở mọi cấp độ; kết quả trinh sát sẽ được chuyển về trung tâm điều hành, phân tích, xử lý thông tin nhanh, nhạy; khi phát hiện đúng mục tiêu sẽ tổ chức hỏa lực, nhất là việc sử dụng các phương tiện bay không người lái (UAV) tiến công theo kiểu bầy đàn. Trong đó hệ thống kho trạm bảo đảm nói chung, XD nói riêng luôn là các mục tiêu địch ưu tiên tìm kiếm và tổ chức hỏa lực đánh phá; nhằm gây khó khăn, gián đoạn công tác BĐXD cho các lực lượng tham gia chiến đấu của ta. Do vậy, việc bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện, vật chất XD, hạn chế thấp tổn thất là một yêu cầu quan trọng trong việc duy trì khả năng bảo đảm liên tục, đáp ứng kịp thời, đầy đủ, chính xác nhu cầu XD cho các lực lượng tham gia chiến đấu của sư đoàn.

Khi tổ chức triển khai lực lượng, phương tiện, vật chất; kho, trạm XD trong các bộ phận HCKT cần phải triệt để lợi dụng địa hình, địa vật để bố trí phân tán, hợp lý lực lượng, phương tiện, kho trạm XD. Đây là vấn đề quan trọng trong tác chiến hiện đại, bởi việc bố trí phân tán, hợp lý, phù hợp với địa hình khu vực sẽ phát huy được thế và lực trong triển khai bảo đảm; đồng thời nâng cao khả năng phòng vệ, hạn chế các phương tiện trinh sát của địch, bảo đảm an toàn kho trạm, lực lượng, phương tiện tham gia BĐXD của sư đoàn. Ngoài ra, phải áp dụng đồng bộ các biện pháp ngụy trang, nghi trang, “bày giả, giấu thật” nhằm che giấu, đánh lừa địch về sự

có mặt và hành động của các lực lượng, phương tiện trong thực hành BĐXD. Thực tiễn trong cuộc chiến tranh Nam Tư (năm 1999), Quân đội Nam Tư đã áp dụng nhiều biện pháp nguy trang trong đó chú trọng kết hợp hài hoà giữa các yếu tố thiên nhiên với sử dụng sơn phủ, lưới nguy trang, màn khói... cùng các biện pháp nghi binh lừa địch bằng các khí tài mô phỏng, được bố trí di chuyển như tác chiến thật; nhờ đó, đã hạn chế tổn thất, cơ bản bảo toàn được lực lượng, phương tiện quân sự của họ; trong đó có hệ thống kho trạm, lực lượng, phương tiện kỹ thuật – vật chất XD. Hiện nay, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, cùng hiệu quả, tiện ích sử dụng nên việc ứng dụng các loại UAV vào hoạt động tiến công mục tiêu theo kiểu bầy đàn hoặc đơn lẻ ngày càng phổ biến. Theo tính toán của các chuyên gia, khi tiến công kho tàng, trạm, xưởng, chỉ cần sử dụng từ 4 ÷ 5 UAV cỡ nhỏ mang bom thì đã gây thiệt hại rất lớn. Điều đó càng đòi hỏi, cùng với phát huy lợi thế của địa hình, địa vật, phải bố trí phân tán, hợp lý lực lượng, phương tiện, kho trạm XD; ngành XD cần áp dụng đồng bộ các biện pháp nguy trang, nguy trang trong thực hành BĐXD, bảo đảm an toàn cho lực lượng XD, kịp thời đáp ứng nhu cầu XD cho các lực lượng tham gia chiến đấu của sư đoàn. Mặt khác, ngành XD cần phối hợp chặt chẽ với các lực lượng có liên quan và XD các cấp trên địa bàn chiến đấu trong việc tổ chức bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện, vật chất XD trong các giai đoạn chiến đấu.

Để thực hiện biện pháp này, ngành XD sư đoàn bộ binh BCHLM phải nắm chắc nhiệm vụ, khu vực bố trí của các lực lượng; âm mưu thủ đoạn của địch, tình hình khu vực chiến đấu; phương án tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng của chủ nhiệm HCKT sư đoàn; thực lực của ngành XD sư đoàn,

hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng có liên quan, hậu cần - kỹ thuật KVPT, chủ động lập kế hoạch, dự kiến nhiều phương án, biện pháp bảo đảm, cũng như biện pháp bảo vệ XD; tiến hành phân công, giao trách nhiệm vụ thể đến từng bộ phận, cá nhân trong tổ chức thực hiện; nhằm bảo đảm an toàn, hạn chế tổn thất, duy trì khả năng BĐXD liên tục, kịp thời đáp ứng nhu cầu XD cho các lực lượng của sư đoàn thực hành tiến công vào khu vực địch phòng ngự giành thắng lợi.

### IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), sư đoàn bộ binh BCHLM thực hành tiến công vào khu vực địch phòng ngự với đối tượng chiến đấu có ưu thế vượt trội về khả năng trinh sát, sử dụng pháo binh vũ khí công nghệ cao, phương thức tác chiến linh hoạt; đây là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, công tác bảo đảm nói chung, BĐXD nói riêng gặp nhiều khó khăn. Để hoàn thành nhiệm vụ, ngành XD sư đoàn cần nắm chắc các vấn đề cơ bản, từ đó có các biện pháp bảo đảm hợp lý, nhằm duy trì khả năng BĐXD liên tục, kịp thời, đồng bộ, chính xác cho các lực lượng của sư đoàn chiến đấu thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Tổ chức biên chế sư đoàn bộ binh được BCHLM*, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2023), *Sư đoàn bộ binh được BCHLM tiến công địch phòng ngự*, NXb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2010), *Giáo trình bảo đảm XD chiến đấu*, Hà Nội.
4. Tổng Cục II (2005), *Nghiên cứu cơ bản các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành từ năm 1991 ÷ 2003, dự báo về chiến tranh tương lai*, Hà Nội.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHO HOẠT ĐỘNG CHIẾN ĐẤU CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG PHỐI HỢP VỚI SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH CƠ ĐỘNG

Thượng tá, TS. NGUYỄN VĂN CƯỜNG  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Logistic and technical support for combat operations of local armed forces in coordination with infantry divisions to launch an offensive against mobile enemy forces is a critical aspect of combat support. This task is led by local military logistic and technical forces, working closely with logistic and technical units within the defense area to provide timely and sufficient logistic and technical support for the local armed forces working alongside infantry divisions for their successful offensive. In this paper are proposed several solutions to the logistic and technical support for combat operations conducted by local armed forces in coordination with infantry divisions attacking mobile enemy forces in the Northern midland terrain.

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương phối hợp với sư đoàn bộ binh (fBB) tiến công địch cơ động là mặt bảo đảm hoạt động chiến đấu, do HC-KT quân sự địa phương làm nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng HC-KT trong khu vực phòng thủ (KVPT) tiến hành, nhằm bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt về HCKT cho LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động giành thắng lợi. Bài viết đề xuất một số giải pháp bảo đảm HCKT cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động ở địa hình trung du phía Bắc

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), địa bàn trung du là nơi diễn ra nhiều trận đánh với tính chất, quy mô và loại hình chiến thuật khác nhau; trong đó, tiến công địch cơ động có thể diễn ra ngay từ đầu và

trong suốt quá trình chiến tranh. Trong chiến tranh giải phóng, hoạt động chiến đấu này đã diễn ra nhiều, để lại những kinh nghiệm quý cả về tác chiến và bảo đảm HCKT. Tuy nhiên, trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), những kinh nghiệm về bảo đảm HCKT cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động (mà ta có được) cần phải nghiên cứu cách vận dụng cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Lực lượng địch cơ động là lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, kỵ binh đường không). Trong tiến công, chúng cơ động khi phát hiện có mục tiêu cần tiêu diệt; tiến công mở rộng khu vực đã chiếm; vu hồi, thọc sâu hoặc tạo ra hướng tiến công mới vào chiều sâu khu vực phòng ngự, KVPT của ta. Trong phòng ngự, địch cơ động tăng viện, ứng cứu giải tỏa cho khu vực, mục tiêu bị ta tiến công,

vây ép, có nguy cơ bị tiêu diệt.

Về ta, LLVT địa phương phối hợp chiến đấu với fBB gồm: Các tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh (eBB) của tỉnh; các phân đội binh chủng chiến đấu và bảo đảm của tỉnh và một số trung đội, đại đội dân quân tự vệ (DQTV) của địa phương. Lực lượng phối hợp chiến đấu với fBB hoạt động theo kế hoạch đã thống nhất; vận dụng nhiều phương pháp tác chiến. Trong chiến đấu phối hợp với sư đoàn, LLVT địa phương được tổ chức thành các lực lượng: Chiến đấu tạo thế, nghi binh; tiến công; lực lượng hỏa lực; lực lượng chiến đấu sau lưng địch; lực lượng phục vụ, bảo đảm chiến đấu.

Bảo đảm HCKT cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động diễn ra trong quá trình thực hành tác chiến KVPT tỉnh; đã trải qua một thời gian tác chiến; lực lượng, phương tiện, vật chất đã bị tiêu hao, tổn thất, thế trận HC-KT bị suy giảm một phần; thời gian làm công tác chuẩn bị trực tiếp ngắn, lực lượng HC-KT vừa bảo đảm phải cho tác chiến phòng thủ, vừa bảo đảm cho lực lượng chiến đấu phối hợp với fBB, sẵn sàng chi viện bảo đảm cho fBB nên khôi phục công việc nhiều, yêu cầu bảo đảm khẩn trương, phức tạp. Phạm vi không gian chiến đấu phối hợp rộng nên việc tìm kiếm, vận chuyển, cứu chữa, điều trị thương binh, bệnh binh (TBBB) gặp nhiều khó khăn...

Để bảo đảm tốt HCKT cho LLVT địa phương chiến đấu phối hợp với fBB tiến công địch cơ động giành thắng lợi, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, trên cơ sở phương án bảo đảm cho tác chiến KVPT, khẩn trương chuẩn bị trực tiếp bảo đảm kịp thời cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, HCKT quân sự địa

phương tỉnh có điều kiện chuẩn bị trước từ thời bình cả về lực lượng, phương tiện, vật chất và thế trận HC-KT. Tuy nhiên, hoạt động chiến đấu phối hợp diễn ra trong quá trình thực hành tác chiến phòng thủ, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn ( $2 \div 3$  ngày), khối lượng phải bảo đảm lớn. Vì vậy, HCKT quân sự địa phương tỉnh phải khẩn trương chuẩn bị để sẵn sàng bảo đảm cho LLVT địa phương chiến đấu phối hợp với sư đoàn.

Hậu cần-kỹ thuật quân sự địa phương tỉnh cần khẩn trương bổ sung, kiện toàn lực lượng HC-KT. Đồng thời, tham mưu với Hội đồng cung cấp KVPT huy động lực lượng, vật chất HC-KT từ các ngành KT-XH của tỉnh cùng tham gia bảo đảm. Do nhu cầu bảo đảm cho hoạt động tác chiến của LLVT địa phương có thể tăng; cho nên, trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp của trận đánh phối hợp, HC-KT quân sự địa phương phải khẩn trương tiếp nhận vật chất, phương tiện HC-KT để dự trữ, bổ sung kịp thời cho các đơn vị tham gia chiến đấu; nhanh chóng cung cấp lực lượng HC-KT, khôi phục mạng đường vận tải bảo đảm cho chiến đấu phối hợp.

Để thực hiện giải pháp trên, HC-KT quân sự địa phương tỉnh cần nắm chắc nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến của chỉ huy trưởng, tình hình mọi mặt của đơn vị và địa phương; khẩn trương xây dựng kế hoạch bảo đảm khi LLVT địa phương nhận nhiệm vụ chiến đấu phối hợp với sư đoàn. Hiệp đồng chặt chẽ với HC-KT cấp trên và các đơn vị, với các sở, ban, ngành KT-XH của địa phương để phối hợp trong bảo đảm. Củng cố hệ thống kho, trạm HC-KT. Đồng thời, tham mưu với Hội đồng cung cấp KVPT có kế hoạch tu sửa, củng cố mạng đường hiện có; đề xuất sử dụng đường vận chuyển mới, đáp ứng nhu cầu vận chuyển.

*Hai là*, phân cấp dự trữ vật chất phù hợp với nhiệm vụ và khả năng mang theo của từng đơn vị; triệt để tận dụng các lực

lượng, phương tiện vận chuyển, vận dụng linh hoạt các phương pháp bổ sung vật chất; tập trung bảo đảm cho lực lượng chiến đấu nghi binh, tạo thế, lực lượng tiến công. Trong bảo đảm HCKT, việc phân cấp dự trữ vật chất cho các đơn vị tham gia trận đánh phải phù hợp với nhiệm vụ và khả năng theo của từng đơn vị. Đối với đơn vị làm nhiệm vụ chiến đấu nghi binh, tạo thế thường không tổ chức dự trữ vật chất mà chủ yếu dự trữ trên vai bộ đội. Lực lượng tiến công thường phải cơ động nhanh chóng triển khai thành nhiều hướng, mũi tiến công địch cơ động đúng thời cơ. Sau chiến đấu phải khẩn trương cơ động rời khỏi trận đánh, để tránh đòn tập kích của địch. Vì vậy, tổ chức dự trữ bảo đảm vật chất cho lực lượng tiến công phải vừa gọn, nhẹ, tiện cơ động. Đối với các lực lượng còn lại, hoạt động nhỏ lẻ, phân tán; việc bổ sung vật chất trong quá trình chiến đấu gấp nhiều khó khăn; cho nên, dự trữ vật chất cho lực lượng này phải toàn diện, đồng bộ, có chiều sâu đủ bảo đảm cho hoạt động chiến đấu dài ngày. Trong quá trình bảo đảm cho chiến đấu phối hợp phải vận dụng linh hoạt các hình thức vận chuyển, bổ sung vật chất; tập trung bảo đảm cho lực lượng chiến đấu nghi binh, tạo thế, tiến công. Triệt để sử dụng vận tải cơ giới. Ngoài ra, phải kết hợp các loại phương tiện khác trong thực hành vận chuyển bổ sung vật chất để bảo đảm yếu tố bí mật.

Thực hiện giải pháp trên, HC-KT quân sự địa phương tỉnh cần nắm chắc nhiệm vụ, vị trí bố trí của từng đơn vị. Đồng thời, tính toán khối lượng vật chất dự trữ cụ thể, phân cấp hợp lý cho các đơn vị tham gia trận đánh. Lựa chọn thời cơ vận chuyển bổ sung vật chất cho các đơn vị phù hợp với tình hình, diễn biến tác chiến. Phát huy vai trò nòng cốt của HC-KT quân sự địa phương chủ động cùng các sở, ban, ngành KT-XH địa phương tham mưu cho cấp uỷ đảng,

chính quyền địa phương chỉ đạo, điều hành bảo đảm vật chất HCKT đạt hiệu quả cao.

Ba là, phân cấp cứu chữa TBBB cho các cơ sở y tế tuyến dưới; tổ chức vận chuyển vượt tuyến khi cần thiết; huy động lực lượng, phương tiện vận tải của địa phương tham gia vận chuyển TBBB. Đặc điểm của tiến công địch cơ động là tính biến động cao, bộ đội phải cơ động liên tục, trạm quân y của các đơn vị tham gia chiến đấu phối hợp cũng phải cơ động theo đội hình chiến đấu của đơn vị. Cho nên, việc triển khai cứu chữa, vận chuyển TBBB ở các đơn vị tiến công địch cơ động có thể không kịp thời. Hơn nữa, tại thời điểm diễn ra hoạt động chiến đấu phối hợp, các hướng (khu vực) tác chiến khác trong KVPT tỉnh cũng diễn ra hết sức ác liệt; thương vong nhiều, vượt khả năng cứu chữa, vận chuyển của HC-KT quân sự địa phương tỉnh. Vì vậy, giải pháp trên là hoàn toàn phù hợp.

Đối với lực lượng chiến đấu nghi binh, tạo thế; lực lượng chiến đấu sau lưng địch, hoạt động chiến đấu phân tán; số lượng TBBB không nhiều; có thể phân cấp cho cơ sở y tế tuyến dưới cứu chữa. Trong tình huống thương vong lớn ngoài dự kiến, HC-KT quân sự địa phương tỉnh tổ chức vận chuyển vượt tuyến. Hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương tỉnh có thể tổ chức đội tải thương để vận chuyển TBBB vượt tuyến. Sử dụng lực lượng vận tải bộ, dân công (đi theo xe chở vật chất) xuống trạm quân y tiêu đoàn vận chuyển về các cơ sở y tế gần đó trong KVPT, hoặc bàn giao cho lực lượng vận tải cơ giới của quân sự địa phương tỉnh tiếp chuyển về trạm quân y trong căn cứ hoặc phân căn cứ HC-KT tỉnh. Ngoài lực lượng, phương tiện vận tải của địa phương đã được huy động và bố trí trong các căn cứ, phân căn cứ HC-KT của KVPT, hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương tỉnh cần tính toán, đề xuất với Hội đồng cung cấp huy

động thêm các lực lượng, phương tiện vận tải từ các ngành KT-XH địa phương để bảo đảm cho hoạt động chiến đấu phối hợp.

Để thực hiện giải pháp, HC-KT quân sự địa phương tỉnh cần nắm chắc tình hình thương vong trên các hướng, mũi; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện sẵn sàng tăng cường cho đơn vị khi có tình huống. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng, chỉ đạo HCKT các đơn vị chủ động liên hệ, hiệp đồng chặt chẽ với địa phương về số lượng DQTV, phương tiện vận tải huy động; thời gian, phương pháp, nội dung sử dụng DQTV, phương tiện vận tải địa phương tham gia vận chuyển TBBB. Chủ động chuẩn bị phương án kết hợp quân dân y trong bảo đảm cứu chữa TBBB.

Bốn là, phát huy khả năng của các cơ sở kỹ thuật tại chỗ, bảo đảm kịp thời cho hoạt động chiến đấu phối hợp. Nhu cầu bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp là rất lớn, chủng loại đa dạng, phức tạp. Quá trình tác chiến, địch có thể đánh phá, chia cắt, khó khăn trong tiếp nhận của trên cũng như vận chuyển, bổ sung cho các đơn vị; vũ khí trang bị kỹ thuật có thể bị hư hỏng, tổn thất lớn. Việc bổ sung, cứu kéo, sửa chữa các loại vũ khí trang bị kỹ thuật bị hư hỏng cho các lực lượng có thể gấp nhiều khó khăn. Hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương cần phải triệt để tận dụng các cơ sở kỹ thuật tại chỗ để bảo đảm kịp thời cho LLVT địa phương tham gia chiến đấu phối hợp với sư đoàn.

Đẩy mạnh hoạt động sản xuất vũ khí tự tạo trong KVPT tỉnh và các tổ chức HC-KT nhân dân cơ sở xã, phường, trên địa bàn. Phát huy năng lực sửa chữa, chế tạo dụng cụ, phụ tùng, bộ phận thay thế của vũ khí trang bị kỹ thuật; góp phần khắc phục tại chỗ những hư hỏng của vũ khí trang bị kỹ thuật; hạn chế số lượng phải chuyển lên

tuyên trên sửa chữa; đồng thời có thể bổ sung ngay cho LLVT địa phương tham gia chiến đấu phối hợp với fBB.

Muốn vậy, HC-KT quân sự địa phương cần tham mưu cho Chỉ huy trưởng quân sự phân cấp sản xuất vũ khí tự tạo phù hợp với khả năng của từng đơn vị và địa phương; trong đó cấp tỉnh tập trung sản xuất các loại vũ khí nổ; các cấp còn lại sản xuất các loại vũ khí không nổ là chủ yếu. Cùng với cơ quan nghiệp vụ cấp trên chủ động làm tốt huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng thợ sửa chữa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt đáp ứng yêu cầu sửa chữa vũ khí trang bị bảo đảm cho tác chiến; đề xuất với Hội đồng cung cấp huy động các xưởng cơ khí gia công, lắp ráp tham gia chế tạo một các loại phụ tùng thay thế, cung cấp một số loại vật tư kỹ thuật phù hợp với khả năng dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

### IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm HCKT cho hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động là một nội dung quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả trận đánh. Vì vậy, HC-KT quân sự địa phương tỉnh phải căn cứ tình hình thực tế để vận dụng linh hoạt các giải pháp nêu trên♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương phối hợp với fBB tiến công địch cơ động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Kỹ thuật (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TRUNG ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỤ ĐÔ THỊ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM HẬU CẦN - KĨ THUẬT

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TƯỜNG  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

**D**ô thị là nơi có mật độ dân số sinh sống và làm việc cao; cơ sở hạ tầng phát triển, với cấu trúc đa dạng, phức tạp. Ở từng khu vực, các công trình dãy phố được xây dựng khác nhau, nhưng thường là nhà cao tầng, kiên cố; xen kẽ có công sở, trường học, bệnh viện, công viên, sân vận động... Các đô thị, phần lớn nằm ở vùng đồng bằng, trung du, nơi tập trung dân cư, có nhiều đầu mối giao thông.

Trung đoàn bộ binh phòng ngụ đô thị (PNĐT) nhằm ngăn chặn, sát thương, tiêu hao đánh bại tiến công của địch, giữ vững mục tiêu kinh tế, chính trị được giao, tạo điều kiện cho hoạt động của cấp trên và thúc đẩy chiến tranh nhân dân địa phương phát triển, có ý nghĩa rất quan trọng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đối tượng chiến đấu của eBB là lữ đoàn, tiểu đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới, kị binh đường không, hải quân đánh bộ trong đội hình cấp trên, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi, có thể sử dụng vũ hóa học, vũ khí sinh học.

Để eBB bộ binh PNĐT hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu, cần thực hiện tốt các nội dung, biện pháp sau:

*Một là*, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng ý chí quyết tâm chiến đấu cao cho bộ đội. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) là cuộc chiến tranh kiểu mới; chúng ta phải đổi phò với kẻ địch xâm lược có sức mạnh từ bên ngoài. Khi đó, tác chiến PNĐT sẽ được thực hiện ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Địch có thể sử dụng vũ khí công nghệ cao,

tiến công hỏa lực, đánh phá hậu phương, trung tâm chính trị, xã hội, các khu kinh tế trọng điểm với mật độ dày đặc và ác liệt. Với chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, địch sẽ tập trung lực lượng, phương tiện để đột kích mạnh trên từng hướng hòng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu, đặc biệt là các mục tiêu quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội. Do đó, áp lực đối với chiến đấu PNĐT rất lớn. Vì vậy, cán bộ, chiến sĩ eBB phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không ngại hi sinh, gian khổ, có ý chí chiến đấu sắt đá, được tôi rèn qua từng trận đánh, từng đợt chiến đấu. Có như vậy, eBB mới hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu PNĐT trong điều kiện ác liệt, gian khổ và dài ngày.

*Hai là*, phải triệt để tận dụng thế trận của sư đoàn, thế bố trí các lực lượng vũ trang địa phương trong khu vực phòng thủ (KVPT), xây dựng thế trận phòng ngự của eBB liên hoàn, vững chắc. Trung đoàn bộ binh PNĐT trên hướng chủ yếu của sư đoàn hoặc phòng ngự độc lập, chiến đấu trong thế trận cấp trên và KVPT. Trường hợp phòng ngự trên hướng chủ yếu của cấp trên, eBB cần triệt để tận dụng thế trận của sư đoàn tạo ra. Đó là thế bố trí lực lượng của sư đoàn, cụ thể là các trận địa hỏa lực, có thể chi viện trực tiếp cho eBB trong quá trình chiến đấu; là hoạt động chiến đấu của lực lượng đánh địch vòng ngoài của sư đoàn, kết hợp với bộ phận đánh địch ven đô của eBB và lực lượng vũ trang địa phương. Với vai trò là lực lượng phòng ngự trận địa, eBB phải kết hợp chặt chẽ với các lực lượng cơ

động tiên công của sư đoàn để đánh bại địch tiến công trên các hướng và xử trí tốt các tình huống trong chiến đấu. Trong khu vực phòng ngự của eBB còn có các lực lượng vũ trang địa phương trong KVPT, như dân quân các phố, phường; tự vệ các nhà máy, xí nghiệp. Việc kết hợp chặt chẽ giữa eBB với các lực lượng này sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp và tính cơ động, vững chắc trong quá trình phòng ngự.

Ba là, nghiên cứu, nắm chắc địa hình đô thị, sử dụng, bố trí lực lượng phù hợp, vận dụng linh hoạt cách đánh hiệu quả. Đô thị gồm có khu vực nội đô và vùng ven đô. Khu vực nội đô có cơ sở hạ tầng phát triển, là nơi tập trung nhiều mục tiêu quan trọng. Các công trình trong nội đô có kiến trúc phong phú, đa dạng. Cầu trúc, quy mô và mức độ kiên cố của các công trình trong nội đô vững chắc và phức tạp hơn vùng ven đô. Vùng ven đô mang kiến trúc nửa thành thị, nửa nông thôn, gồm làng xóm, đồng ruộng, ao hồ, sông ngòi và các dãy phố chạy dọc theo trực đường đi vào nội đô với mật độ dân cư đông đúc. Trung đoàn chiến đấu PNĐT phải xác định cách đánh phù hợp, tổ chức sử dụng lực lượng hợp lí và vận dụng tốt vào từng điều kiện cụ thể. Cần có bộ phận chốt giữ những vị trí ở trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, giành giật với địch từng căn nhà, từng góc phố. Bên cạnh đó, phải có bộ phận tòả ra ngăn chặn, đánh địch, giữ các cửa ô, trọng điểm giao thông, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào. Kết hợp chặt chẽ các lực lượng, triệt để dùng du kích, vận động chiến, vận dụng quấy rối, bắn tỉa, tập kích, phục kích quy mô nhỏ. Sử dụng hiệu quả các lực lượng nhỏ triệt để lợi dụng địa hình, địa vật ở từng khu vực, dựa vào những ngôi nhà có kiến trúc kiên cố, xây dựng nhiều

chướng ngại vật trên các đường phố, đánh địch bằng mọi hình thức, mọi biện pháp, gây khó khăn cho địch.

Trong cuộc chiến đấu 60 ngày đêm của quân và dân Hà Nội (mở đầu cho toàn quốc kháng chiến năm 1946), chúng ta đã tổ chức hai loại trận địa: (1). Huy động nhiều đồ vật, đặt dọc theo từng trục đường phố, tạo thành các chiến lũy kế tiếp nhau để ngăn chặn xe tăng, xe thiết giáp, cơ giới, bộ binh của địch; đồng thời, bí mật bố trí ở hai bên dãy phố các hố bắn, tuyến bắn liền kề nhau, để diệt xe cơ giới, tiêu diệt bộ binh địch. (2). Ta tổ chức một trung đội, có nơi một đại đội phòng thủ trên nhà cao tầng để phát huy hỏa lực tiêu diệt nhiều sinh lực địch; đồng thời, vận dụng sáng tạo, linh hoạt các hình thức chiến đấu trong đô thị (chủ yếu là tập kích, phục kích) và chủ động phòng ngự, tích cực tiến công; cho nên, quân và dân ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giam địch trong nội thành.

Bảo đảm HCKT trung đoàn bộ binh PNĐT là một mặt quan trọng, một trong những yếu tố tạo thành sức mạnh tổng hợp, góp phần bảo đảm cho eBB hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Với địa hình đô thị hiện nay, eBB phòng ngự đô thị sẽ phải chiến đấu dài ngày, trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao; cho nên, bảo đảm HCKT cho eBB sẽ gặp nhiều khó khăn. Để hoàn thành nhiệm vụ cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Thứ nhất, triệt để tận dụng đặc điểm địa hình đô thị, bố trí kho, trạm HCKT phù hợp, tổ chức mạng đường vận tải hợp lí, an toàn. Với đặc thù địa hình đô thị gồm nhiều dãy nhà, phố, chủ yếu là nhà cao tầng xen kẽ hệ thống công sở, văn phòng, các nhà máy, xí nghiệp..., nên eBB có điều kiện tận dụng các tầng hầm, tầng trệt và các

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

công trình ngầm của các tòa nhà để bố trí hệ thống kho, trạm. Bên cạnh đó, các đô thị có mạng đường giao thông phát triển, ngoài các tuyến phố chính nối các trung tâm với nhau, các thành phố, thị xã, thị trấn còn có hệ thống đường ngang dày đặc. Do vậy, HCKT của eBB có điều kiện tổ chức hệ thống đường vận tải liên hoàn, tiện cho việc tiếp nhận vật chất của cấp trên và bổ sung cho các đơn vị. Ngoài ra, có thể phá thông tường nhà các dãy phố, tạo thành mạng đường vận tải bí mật, thuận lợi trong cơ động bảo đảm và vận chuyển vật chất, thương binh, bệnh binh (TBBB).

*Thứ hai*, phát huy nguồn lực tại chỗ của KVPT trong bảo đảm HCKT cho eBB. Sự phát triển của kinh tế, xã hội đất nước đã tạo ra sự đan xen bố trí giữa các khu vực, cơ sở kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo nguồn, bảo đảm tại chỗ của HCKT quân sự địa phương. Ngay từ thời bình, với việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, các đô thị đã xây dựng được nhiều công trình mang tính lưỡng dụng. Bằng việc kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, khi chiến tranh xảy ra, HCKT của eBB có điều kiện thuận lợi tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực của địa phương để bảo đảm cho chiến đấu. Cùng chiến đấu với eBB, còn có các lực lượng vũ trang địa phương trong KVPT, kiên cường trụ bám địa bàn. Ngoài việc phối hợp chiến đấu với eBB, ngăn chặn, đánh bại địch tiến công vào trận địa phòng ngự trên các hướng, các lực lượng này còn góp phần hỗ trợ, hiệp đồng về mặt HCKT với eBB. Bên cạnh đó, với hệ thống y tế phát triển, eBB có nhiều thuận lợi trong việc tận dụng cơ sở vật chất của ngành y tế địa phương trong cứu chữa TBBB.

*Thứ ba*, có kế hoạch bảo đảm HCKT sát đúng, phù hợp với quyết tâm chiến đấu của trung đoàn trưởng. Căn cứ quyết tâm chiến đấu của trung đoàn trưởng, chủ nhiệm HCKT lập kế hoạch HCKT bảo đảm cho eBB trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, do HCKT luôn là mục tiêu đánh phá của địch; cho nên, chủ nhiệm HCKT phải có kế hoạch bảo vệ trong mọi tình huống. Đặc điểm chiến đấu phòng ngự là gian khổ, ác liệt; hơn nữa, chiến đấu phòng ngự thường diễn với thời gian dài, địch có thể tiến công nhiều lần trong ngày, cả ban ngày và ban đêm. Vì vậy, lượng vật chất tiêu hao của trận đánh rất lớn. Do đó, chủ nhiệm HCKT phải có kế hoạch cấp phát, bổ sung vật chất kịp thời, nhất là vũ khí, đạn, sửa chữa, cứu kéo để bảo đảm kịp thời cho eBB chiến đấu thắng lợi.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các đô thị sẽ là mục tiêu quan trọng của địch. Tuy nhiên, eBB chiến đấu PNĐT là vấn đề mới, ta chưa có nhiều kinh nghiệm cả về chiến đấu và bảo đảm HCKT. Vì vậy, vấn đề này cần tiếp tục được nghiên cứu, trao đổi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2013), *Trung đoàn bộ binh PNĐT*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2013), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh PNĐT*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Lê Công Vũ, (2024), *Sự thay đổi về nhận thức chiến tranh đường phố*, *Báo Công an nhân dân* (số ra ngày 13/01/2024), Hà Nội.
4. Trần Tuấn Sơn, Lê Thị Huyền, (2022), *Cuộc chiến đấu bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 - Khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam*, *Tạp chí Cộng sản* (số ra ngày 19/7/2022), Hà Nội.

# BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHO XĂNG DẦU CHIẾN LƯỢC

Thí sinh, ThS. TRẦN HỮU MẠNH  
Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

*Đề cao trách nhiệm, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an toàn (BĐAT) luôn là mục tiêu cao nhất, xuyên suốt trong hoạt động của các kho xăng dầu (XD) chiến lược. Đó còn là giải pháp quan trọng để các kho XD chiến lược hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong mọi tình huống.*

KHO XD chiến lược có nhiệm vụ tiếp nhận, cấp phát, bảo quản, dự trữ lượng lớn XD cho quốc gia, quốc phòng và phục vụ hoạt động của các đơn vị toàn quân. Do tính chất dễ bắt cháy, dễ bay hơi nên nguy cơ mất an toàn rất cao. Hơn nữa, XD là hàng hóa có giá trị cao; vật chất giữ vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của đơn vị. Cho nên, quản lý, giữ gìn và BĐAT kho XD chiến lược phải luôn đặt lên hàng đầu.

Qua khảo sát tại các kho XD chiến lược trong toàn quân cho thấy, công tác BĐAT đã được các đơn vị rất chú trọng: Thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống bể chứa, đường ống, nhà kho, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy (PCCC), bảo đảm tốt công tác tiếp nhận, cấp phát nhiên liệu trong mọi điều kiện. Các loại trang thiết bị, dụng cụ, bể nước, hố cát... phục vụ PCCC được hầu hết các kho duy trì đủ về số lượng, tốt về chất lượng. Quanh các cụm bể trụ đứng và bể chìm đều bố trí trang thiết bị, dụng cụ và các họng nước cứu hỏa. Trên nóc mỗi bể trụ đứng đều lắp đặt hệ thống vòi phun nước tự động làm mát các bể chứa khi nhiệt độ ngoài trời quá cao hoặc sử dụng

nếu xảy ra tình huống cháy, nổ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác BĐAT của các kho XD chiến lược cũng còn nhiều tồn tại, đó là: Việc tuyên truyền giáo dục, vận động mọi cán bộ, chiến sỹ thực hiện tốt nội dung công tác an toàn ở đơn vị chưa sâu kỹ; hình thức tuyên truyền chưa hấp dẫn; chất lượng huấn luyện an toàn còn thấp; trình độ nghiệp vụ của cán bộ, chiến sỹ trong kho còn hạn chế; các phương án BĐAT chưa kịp thời điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tiễn.

Trước thực trạng đó, để công tác BĐAT tại các kho XD chiến lược đạt kết quả cao, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, duy trì thực hiện nghiêm các chế độ quy định về BĐAT trong mọi tình huống. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu, quan trọng của các kho XD chiến lược là tổ chức dự trữ, cấp phát XD cho quốc gia, quốc phòng, dự trữ thường xuyên và một phần XD nội bộ; gồm nhiều chủng loại khác nhau, như: Xăng ô tô, diesel, xăng máy bay, dầu mỏ nhờn và chất lỏng chuyên dùng... Do đó, các kho XD chiến lược phải luôn duy trì hoạt động liên tục. Muốn hoạt động liên tục, phải thực hiện tốt công tác BĐAT kho

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trong mọi tình huống, ở tất cả các khâu tiếp nhận, cấp phát, bảo quản, sử dụng. Vấn đề này đặt ra cho lãnh đạo, chỉ huy kho phải thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các đối tượng có liên quan tới công tác BĐAT. Đối với lực lượng làm nhiệm vụ ở kho XD, cần phải nắm chắc các nội dung như: Các đặc tính nhiên liệu, nguyên nhân gây mất an toàn, những kiến thức về PCCC, bảo vệ an ninh – an toàn kho... Tập trung nâng cao ý thức tuân thủ tuyệt đối các quy định khi ra vào kho xăng, biện pháp triệt tiêu mọi nguồn nhiệt và sự cố cháy nổ có thể xảy ra. Việc thực hiện tốt các nội dung BĐAT kho XD cũng góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ kho sử dụng tốt các trang thiết bị hiện có và kỹ năng xử lý khi có tình huống cháy nổ, mất an toàn xảy ra. Lãnh đạo, chỉ huy kho XD cần lấy nội dung BĐAT làm cơ sở để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị và toàn bộ kho XD; đồng thời, cũng là điều kiện tiên quyết giúp cho kho XD duy trì tốt nhiệm vụ BĐAT kho; có thực hiện tốt các nội dung BĐAT thì kho mới duy trì được khả năng hoạt động của mình.

*Hai là*, tăng cường, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác BĐAN kho XD. Trên cơ sở sơ đồ bố trí chung của các kho XD đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt; trong các kho XD cần xây dựng, bố trí 2 ÷ 3 nhà bơm cứu hỏa công suất lớn, với nhiều họng nước và một số máy bơm nước cơ động, các lăng xoay với các tia phun xoáy dập tắt 3 chiều đám cháy, bảo đảm dập tắt đám cháy nhanh nhất. Toàn bộ khu vực kho XD cần được xây dựng tường bao xung quanh; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng bảo vệ và có đủ hệ thống chống sét. Các hệ thống van vòi, đường ống xăng dầu phải được kiểm tra theo định kỳ và trước khi xuất, nhập nhiên liệu. Mỗi tháng, cán

bộ, nhân viên tổ chức huấn luyện, luyện tập các phương án PCCC, chiến đấu tại chỗ để bảo vệ kho. Cùng với đó, lãnh đạo, chỉ huy các kho XD cần tích cực đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường ống, van tra nạp để tránh hiện tượng rò rỉ nhiên liệu; động viên cán bộ, nhân viên tích cực nghiên cứu, ứng dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ thông tin trong công tác quản lý, BVAT kho XD.

*Ba là*, phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm an toàn kho XD, hạn chế tối đa thiệt hại do mất an toàn, nhanh chóng khắc phục kịp thời hậu quả, duy trì có hiệu quả mọi mặt công tác kho. Bảo đảm an toàn kho XD chiến lược có nhiều nội dung công việc, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cá nhân và được tiến hành trong mọi hoạt động của kho. Do vậy, để thực hiện tốt nội dung BĐAT tại kho XD chiến lược, lãnh đạo, chỉ huy kho cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong tổ chức, triển khai thực hiện.

Sức mạnh tổng hợp trong BĐAT kho XD là dựa vào sức mạnh của khu vực phòng thủ, của nhân dân, của địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và sức mạnh nội tại của đơn vị, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp, nòng cốt là lực lượng kho XD chiến lược. Phát huy sức mạnh tổng hợp trong BĐAT kho XD là phải tạo ra khả năng bảo đảm, bảo vệ, phòng tránh từ sớm, từ xa trước các yếu tố nguy hại, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Khi xảy ra mất an toàn, phải nhanh chóng huy động mọi lực lượng, phương tiện kịp thời khắc phục hậu quả, hạn chế tối đa thiệt hại và nhanh chóng trở lại trạng thái hoạt động bình thường.

Do lượng XD dự trữ lớn, khối lượng bảo đảm cho các đơn vị liên tục nên để đảm bảo an toàn cho kho, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, cần phát huy sức

mạnh tổng hợp của các tập thể, cá nhân, các tổ chức trong và ngoài Quân đội; trong đó, phải duy trì tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương và Nhân dân xung quanh làm tiền đề cho việc BĐAT, phòng chống sự phá hoại của kẻ xâm lược. Đồng thời, chỉ huy kho phải xây dựng các phương án BĐAT, tiến hành luyện tập và kịp thời khắc phục những hậu quả có thể xảy ra, bảo đảm thiệt hại ít nhất cả về người và của.

Phát huy sức mạnh tổng hợp là cơ sở đặc biệt quan trọng để xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp trong xây dựng lực lượng và tổ chức BĐAT kho XD, đáp ứng yêu cầu BĐAT trong mọi tình huống.

Bốn là, thường xuyên điều chỉnh, hoàn thiện các phương án BĐAT kho XD chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn đơn vị. Phương án BĐAT kho XD là việc phân công các lực lượng thực hiện các nhiệm vụ trong một hoặc một số tình huống nhất định, là cơ sở để xử lý sự cố mất an toàn kho XD một cách nhanh và hiệu quả nhất. Phương án BĐAT giúp chỉ huy kho và nhân viên, chiến sĩ của kho nhanh chóng triển khai các biện pháp xử lý sự cố, các yếu tố gây mất an toàn có thể xảy ra. Do vậy, hàng năm, cùng sự phát triển của tình hình thực tiễn và môi trường khu vực kho XD, ngoài việc xây dựng mới các phương án BĐAT kho XD, cần kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện các phương án sẵn có nhằm BĐAT kho XD một cách hiệu quả nhất.

Hàng năm, do khối lượng XD tiếp nhận, cấp phát, dự trữ, bảo quản XD, phương tiện kỹ thuật XD của kho XD chiến lược đều tăng; do có sự thay đổi của tổ chức biên chế; đồng thời, phải thực hiện nhiều nhiệm vụ đan xen, cùng với sự thay đổi của tình hình an ninh, chính trị, kinh tế nên có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện nhiệm

vụ (trong đó có nhiệm vụ BĐAT) của kho XD. Những hoạt động hàng ngày, thường xuyên luôn tiềm ẩn những yếu tố mất an toàn, nhất là hành động phá hoại của kẻ xâm lược, sự chống phá của kẻ thù. Vì vậy, trên cơ sở các phương án BĐAT, lãnh đạo, chỉ huy các kho XD phải tích cực kiểm tra, đánh giá tình hình thực tiễn để tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện phương án BĐAT cho phù hợp.

Việc cập nhật phương án BĐAT kho XD cần cụ thể, tỉ mỉ, chính xác và phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển của đơn vị. Sau khi cập nhật nội dung phương án, cần phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ kho và tiến hành luyện tập nội dung mới, giúp cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ nắm chắc vị trí, ý nghĩa, nhiệm vụ của mình.

Bảo đảm an toàn kho XD chiến lược là một nội dung của công tác quản lý XD, gồm tổng hợp các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn kho, bể, tuyển ống, trang thiết bị XD; an toàn bảo hộ lao động; an toàn bảo vệ môi trường và bảo vệ công trình XD, do cán bộ, nhân viên kho thực hiện, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, sự chỉ huy của chủ nhiệm kho và sự chỉ đạo của cơ quan XD cấp trên, nhằm bảo đảm cho kho hoạt động hiệu quả và an toàn tuyệt đối. Để hoàn thành nhiệm vụ, từ lãnh đạo chỉ huy kho đến từng cá nhân cần phải nắm chắc các vấn đề cơ bản, từ đó đưa ra các biện pháp BĐAT phù hợp♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2021), *Tài liệu tập huấn công tác an toàn - vệ sinh lao động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2020), *Tài liệu hướng dẫn thực hiện công tác PCCC trong Bộ Quốc phòng*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2019), *Kho XD quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

## HUẤN LUYỆN ĐÊM TẠI LŨY ĐOÀN 971

Trung tá, CN. TRẦN VĂN BẮC  
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

*Huấn luyện đêm là nội dung huấn luyện bắt buộc, quan trọng và phức tạp của huấn luyện chiến đấu; nhằm rèn luyện, nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy cho cán bộ, khả năng hiệp đồng và kỹ năng chiến đấu cho bộ đội trong điều kiện đêm tối. Bài viết trên cơ sở phân tích lý luận, thực tiễn đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng huấn luyện đêm tại Lữ đoàn 971/Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật.*

Lữ đoàn 971 là đơn vị vận tải chiến lược, có nhiệm vụ vận chuyển, cơ động lực lượng, vũ khí đạn, trang bị vật chất hậu cần, kỹ thuật bảo đảm cho các đơn vị; tổ chức huấn luyện sẵn sàng chiến đấu (SSCD), xây dựng đơn vị chính quy và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác; trong đó trong đó huấn luyện đêm là nhiệm vụ cấp thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Thời gian qua, Đảng uỷ, chỉ huy Lữ đoàn 971 đã quan tâm và có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, kịp thời, hiệu quả; chất lượng huấn luyện đêm có chuyển biến tích cực; năng lực chỉ huy, điều hành huấn luyện của cán bộ trong Lữ đoàn thực hiện nhiệm vụ từng bước được nâng cao. Kết quả kiểm tra, đánh giá các nội dung huấn luyện đêm tại Lữ đoàn đạt khá vững chắc với 100% quân số kiểm tra đạt yêu cầu trở lên; trong đó có 78,5% cán bộ, chiến sĩ đạt khá, giỏi. Đơn vị bảo đảm an toàn tuyệt đối trong huấn luyện, luyện tập ban đêm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình huấn luyện đêm tại Lữ đoàn vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm đó là: Nhận thức của một số cấp uỷ, chỉ huy đơn vị và lực lượng tham gia huấn luyện đêm chưa thật đầy đủ; trình độ chuyên môn, phương pháp huấn luyện đêm của một số cán bộ chưa phù hợp; nội dung, chương trình

còn những bất cập, chưa hoàn thiện; chuẩn bị vật chất, trang bị kỹ thuật, thao trường còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa nhịp nhàng, còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong huấn luyện. Để nâng cao chất lượng huấn luyện đêm và khắc phục các hạn chế, tồn tại, trong thời gian tới Lữ đoàn cần tập trung vào một số biện pháp sau:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chỉ huy các cấp; phát huy tinh thần trách nhiệm của cán bộ huấn luyện đêm. Đây là biện pháp quan trọng, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, chiến sĩ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ huấn luyện đêm tại Lữ đoàn. Trước hết, cấp uỷ, chỉ huy các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng; nghị quyết, chỉ thị của Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác huấn luyện, trực tiếp Chỉ lệnh Công tác quân sự của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật, Kế hoạch huấn luyện chiến đấu của Cục Xe máy - Vận tải... Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành; duy trì nghiêm nền nếp chính quy trong huấn luyện; thường xuyên kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả huấn luyện, kịp thời rút kinh nghiệm, có biện pháp khắc phục những hạn chế, phấn đấu hoàn thành nội*

dung, chương trình huấn luyện với chất lượng, hiệu quả cao nhất. Đồng thời, chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ, tạo chuyển biến mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ đối với nhiệm vụ huấn luyện đêm. Bên cạnh đó, cán bộ khi được giao nhiệm vụ huấn luyện cần phát huy tinh thần trách nhiệm; chủ động nghiên cứu chỉ thị, công văn, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên, giáo trình, tài liệu, sơ đồ, chiến lẻ, kinh nghiệm chiến đấu và truyền thống tốt đẹp của quân đội nói chung, ngành vận tải quân sự nói riêng; chuẩn bị nội dung huấn luyện chu đáo, cụ thể, tỉ mỉ; thực hiện thông qua giảng bài đúng quy định. Đồng thời, cần tích cực đổi mới phương pháp huấn luyện.

*Hai là*, xây dựng nội dung, chương trình huấn luyện đêm hợp lý, khoa học, sát yêu cầu thực tiễn. Đây là biện pháp tiên quyết, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng huấn luyện đêm tại Lữ đoàn. Đối tượng huấn luyện đêm của Lữ đoàn rất đa dạng bao gồm cả sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị với nhiều chức danh khác nhau, có trình độ không đồng đều nên việc lựa chọn nội dung huấn luyện cho sát từng đối tượng là vấn đề phức tạp. Lữ đoàn cần xây dựng nội dung, chương trình huấn luyện đêm hợp lý cho từng đối tượng. Đối với phân đội vận tải ô tô cần: bổ sung nội dung huấn luyện về chiến thuật vận tải ô tô, các nội dung huấn luyện đêm như: thứ tự nội dung công tác trong một chuyến vận chuyển của lái xe ô tô; công tác giao nhận, xếp dỡ, thanh toán hàng hóa của lái xe ô tô; tổ chức vận chuyển vật chất, bộ đội và thương binh bằng xe ô tô; công tác ngũ trang, cất giấu phương tiện; cách xử trí các tình huống lái xe khi địch tập kích đội hình vận chuyển bằng vũ khí công nghệ cao trong điều kiện đêm tối. Đối với phân đội sửa chữa cần huấn luyện về bảo đảm kỹ thuật xe

máy trong chiến đấu để phù hợp chức năng, nhiệm vụ của phân đội sửa chữa thực hiện bảo đảm kỹ thuật xe máy trong chiến đấu; bổ sung thêm các nội dung huấn luyện đêm, như: Sửa chữa phương tiện vận tải; điều chỉnh nội dung thực hành lái xe ô tô và xe đặc chủng, cách sửa chữa hỏng hóc thông thường thành thực hành sửa chữa ô tô vận tải trong điều kiện đêm tối. Đối với nhân viên quân vận áp tải cần xây dựng nội dung huấn luyện để bổ sung kiến thức về nghiệp vụ quân vận, áp tải, như: Chức trách, nhiệm vụ và nội dung công việc của người chỉ huy hành quân ban đêm; nghiệp vụ chỉ huy hành quân; nghiệp vụ gia cố, chằng buộc hàng hóa trên phương tiện đường sắt trong điều kiện đêm tối.

*Ba là*, lựa chọn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt tập trung vào các nội dung, phương pháp huấn luyện, quản lý và xử lý các tình huống trong huấn luyện đêm. Đây là biện pháp có vai trò quyết định đến chất lượng huấn luyện đêm tại đơn vị. Thực tiễn ở lữ đoàn, đội ngũ cán bộ khung huấn luyện, giáo viên huấn luyện đêm là lực lượng kiêm nhiệm; do đó, khi lựa chọn cán bộ, giáo viên phải chú trọng về năng lực, tinh thần trách nhiệm, kinh nghiệm chuyên môn và kỹ năng, phương pháp sư phạm, đặc biệt phải căn cứ vào khả năng sở trường của từng cán bộ để lựa chọn, bố trí đảm nhiệm huấn luyện các nội dung trong chương trình huấn luyện đêm cho phù hợp. Đồng thời, phải chủ động trong việc sắp xếp, phân công cán bộ thực hiện các kế hoạch công tác của đơn vị, ưu tiên cho kế hoạch huấn luyện đêm để tránh tình trạng phân tán cán bộ làm mất ổn định khung huấn luyện. Trong lựa chọn đội ngũ cán bộ, giáo viên: Chủ trọng lựa chọn các đồng chí cán bộ có năng lực chỉ huy, năng khiếu sư phạm, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, đạt thành tích cao trong

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

các cuộc hội thi, hội thao; có phương pháp, kỹ năng chuẩn bị giáo án và năng lực thực hành huấn luyện phân đội theo phân cấp; thực sự thuần thục các nội dung huấn luyện ban ngày trước khi bước vào huấn luyện ban đêm. Tổ chức tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên: Theo đó, Lữ đoàn cần vận dụng linh hoạt các hình thức như: mở lớp bồi dưỡng tập trung, kèm cặp, dự giảng... để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tổ chức và phương pháp huấn luyện cho cán bộ khung huấn luyện, giáo viên. Cấp tiểu đoàn bồi dưỡng giáo viên được tiến hành thông qua giảng tập, giảng thông qua để rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp huấn luyện. Duy trì việc dự giảng thông qua, bình giảng để cán bộ, giáo viên có điều kiện học hỏi lẫn nhau trong quá trình huấn luyện; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi về kinh nghiệm huấn luyện giữa các đại đội, các tiểu đoàn, giữa cán bộ, giáo viên có nhiều kinh nghiệm huấn luyện đêm với cán bộ trẻ mới ra trường, cán bộ chưa có kinh nghiệm trong huấn luyện.

Bốn là, thực hiện tốt các mặt bảo đảm, hiệp đồng hiệp đồng trong huấn luyện đêm. Tổ chức huấn luyện đêm có sự tham gia của nhiều lực lượng, các mặt bảo đảm nhiều nội dung, công việc và cơ sở, vật chất. Do đó, thực hiện tốt biện pháp này có vai trò quan trọng và là yếu tố quyết định bảo đảm an toàn, góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện đêm của Lữ đoàn. Muốn vậy, Lữ đoàn cần có hệ thống tài liệu đồng bộ, thống nhất; hệ thống thao trường, bài tập phù hợp với từng nội dung, hình thức huấn luyện, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu chiến thuật của phân đội vận tải ô tô; mô hình, học cụ, trang thiết bị huấn luyện phải đa dạng, tăng tính trực quan, sinh động; số lượng đủ để đáp ứng yêu cầu huấn luyện từng đề mục, hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện. Công tác bảo đảm hậu

cần, kỹ thuật cho huấn luyện đêm phải toàn diện và chu đáo; bảo đảm đầy đủ, đồng bộ về số lượng và chất lượng trang bị kỹ thuật, phương tiện cho nhiệm vụ huấn luyện đêm.

Thực hiện tốt công tác hiệp đồng, các cơ quan, đơn vị cần nắm chắc nhiệm vụ, chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện đêm. Phòng Tham mưu là cơ quan trung tâm, phối hợp, điều hành, triển khai các nhiệm vụ huấn luyện. Nghiên cứu bố trí lịch huấn luyện hợp lý, thời lượng huấn luyện phù hợp với điều kiện thực tế. Phối hợp, hiệp đồng với cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình chuẩn bị, thực hành huấn luyện đêm. Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, chỉ đạo đơn vị cung cấp tình trạng kỹ thuật phương tiện các xe tham gia huấn luyện, bảo đảm đầy đủ vật tư dự phòng, cứu kéo, xăng dầu cho phương tiện huấn luyện, luyện tập thực hành cơ động; hướng dẫn đơn vị thực hiện kỹ thuật lái xe an toàn trong điều kiện ban đêm. Đối với các đơn vị, cần nắm chắc nội dung, chương trình, bảo đảm huấn luyện đúng thời gian và địa điểm quy định.

Huấn luyện đêm là hình thức huấn luyện đặc biệt, yêu cầu bảo đảm an toàn, tổ chức huấn luyện phức tạp, công tác bảo đảm, hiệp đồng khó khăn. Vì vậy, Lữ đoàn cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp trên nhằm nâng cao chất lượng huấn luyện đêm, góp phần xây dựng đơn vị vận tải “Chính quy, an toàn, hiệu quả”, xây dựng quân đội “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”♦

### Tài liệu tham khảo

- Đảng uỷ Lữ đoàn 971 (2024), *Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ*, Hà Nội.
- Học viện Hậu cần (2022), *Tổ chức và phương pháp huấn luyện chiến thuật*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

## BỘ MÔN QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Trung tá, ThS. ĐINH HOÀNG OANH  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

*Đội ngũ giảng viên (ĐNGV) là người trực tiếp tiến hành công tác huấn luyện, có vai trò quyết định đến chất lượng huấn luyện cũng như trong xây dựng nhân cách, đạo đức cách mạng của học viên. Vì vậy, nâng cao chất lượng giảng dạy cho ĐNGV là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết. Bài viết đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy cho ĐNGV bộ môn Quân sự địa phương (QSĐP) ở Học viện Hậu cần (HVHC).*

**B**ộ môn QSĐP thuộc Khoa Quân sự (HVHC) có nhiệm vụ huấn luyện chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và Quân đội về công tác quân sự địa phương cho các đối tượng trong Học viện.

Những năm qua, quán triệt sâu sắc Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác giáo dục và đào tạo, nhất là Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về “Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”, Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về “Nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo”, Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030”,... Đảng ủy, Ban Giám đốc HVHC và Khoa Quân sự đã lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiều biện pháp thiết thực. Vì vậy, chất lượng huấn luyện ở bộ môn QSĐP đã được nâng lên (kết quả thi kết thúc môn QSĐP khóa 28 đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội: Giỏi: 6%; khá: 80%; trung bình khá: 14%; 01 lớp xếp loại giỏi; 05 lớp xếp loại khá). Chất lượng giảng dạy của ĐNGV có nhiều chuyển biến tích cực, tất cả các giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có kiến

thức chuyên môn, nghiệp vụ: 100% giảng viên đã qua cương vị chỉ huy, thực tế ở trong và ngoài Học viện; 83% giảng viên có trình độ sau đại học và qua đào tạo chỉ huy tham mưu cấp trung, sư đoàn; 01 nhà giáo giỏi cấp Học viện, 01 nhà giáo giỏi cấp Khoa,... Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy của ĐNGV còn có một số hạn chế, như: Chất lượng một số hồ sơ bài giảng chưa cao, có một số bài giảng cập nhật thông tin còn chậm; việc thực hiện chính quy trong huấn luyện chưa triệt để; vận dụng các phương pháp giảng bài chưa linh hoạt, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực còn hạn chế, chưa phát huy hết khả năng tư duy sáng tạo của người học; chưa kết hợp tốt lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn, phổ biến kinh nghiệm chiến đấu, kinh nghiệm thực tiễn cho người học còn ít; khả năng diễn giải của một số giảng viên chưa tốt. Để khắc phục những hạn chế trên, cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

*Một là, tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp và đội ngũ giảng viên. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu đến nâng cao chất lượng giảng dạy đội ngũ giảng viên bộ môn QSĐP. Bởi vì, nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc thì hành động càng tự giác và đạt hiệu quả cao. Có nhận thức đúng và trách nhiệm*

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chính trị cao, giúp cho mỗi tổ chức, cá nhân chủ động khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện đúng và đạt hiệu quả cao nhất kế hoạch giảng dạy đã xác định. Để thực hiện tốt biện pháp trên, cấp ủy, chỉ huy Khoa Quân sự, bộ môn QSĐP cần tăng cường giáo dục xây dựng động cơ, trách nhiệm nghề nghiệp đúng đắn, ổn định, bền vững cho ĐNGV trong Bộ môn; tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy; thường xuyên theo dõi, nắm bắt, giúp đỡ ĐNGV trong quá trình chuẩn bị, thực hành các nội dung huấn luyện; duy trì thường xuyên, nền nếp phong trào thi đua “dạy tốt”, kịp thời nhân rộng các điển hình tiên tiến. Từ đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về trách nhiệm của mỗi giảng viên trong nâng cao chất lượng giảng dạy, thường xuyên tự đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm của bản thân để có kế hoạch tu dưỡng, phấn đấu, đáp ứng chức trách, nhiệm vụ được giao; ra sức học tập, nghiên cứu nắm vững nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy của từng bài giảng, từng đối tượng, mạnh dạn đề xuất đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy đối với các nội dung được đảm nhiệm.

*Hai là*, tăng cường hoạt động phương pháp, tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho giảng viên. Đây là biện pháp xuyên suốt, quan trọng, quyết định đến nâng cao chất lượng giảng dạy của ĐNGV. Hoạt động phương pháp nhằm phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt hạn chế, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, phương pháp sư phạm. Vì vậy, Bộ môn cần tăng cường hoạt động phương pháp và tổ chức hoạt động có chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, tập trung vào các đồng chí giảng viên còn có mặt hạn chế, đặc biệt các đồng chí giảng viên mới. Thông qua hoạt động phương pháp sẽ thống nhất các nội dung còn mâu thuẫn, khúc mắc trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Để

hoạt động phương pháp đi vào nền nếp, Bộ môn cần thực hiện nghiêm quy định ngày hoạt động phương pháp của Học viện. Bộ môn chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, chặt chẽ và thông báo cho giảng viên được thông qua bài giảng, giảng thử, giảng mẫu để giảng viên có kế hoạch chuẩn bị xây dựng và thực luyện bài giảng. Đối với các bài giảng mẫu, Bộ môn cần phân công các đồng chí giảng viên có nhiều kinh nghiệm, phương pháp sư phạm tốt để thực hiện, quá trình chuẩn bị bài giảng mẫu cần được kiểm tra chặt chẽ, nghiêm túc, xin ý kiến của cán bộ Khoa, các chủ nhiệm bộ môn và giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tham gia đóng góp để bài giảng mẫu đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho giảng viên trong Bộ môn. Tập trung bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng thực hành giảng, khẩu khí, tác phong, khả năng duy trì, điều hành lớp học; vận dụng linh hoạt ba quan điểm, tám nguyên tắc, sáu mối kết hợp trong huấn luyện vào bài giảng nhằm từng bước nâng cao trình độ, khả năng của người học sát với thực tế. Bên cạnh đó, Bộ môn chủ động bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn cơ sở, cơ bản; nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng... nhằm tạo sự đa dạng phong phú trong thể hiện các nội dung bài giảng, đặc biệt là các bài giảng lý luận, tạo sự hứng thú cho người học. Đồng thời, ngay từ đầu năm học, Bộ môn cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng sát với yêu cầu thực tiễn của mỗi giảng viên, tập trung vào những mặt còn yếu, còn thiếu; phân công các đồng chí giảng viên có kinh nghiệm, chuyên môn kèm cặp, rèn luyện các đồng chí giảng viên mới.

*Ba là*, phát huy tinh thần tự học, tự rèn, tự bồi dưỡng của giảng viên theo yêu cầu nhiệm vụ được phân công. Giảng viên là chủ thể của hoạt động giảng dạy, giữ vai trò chủ đạo trong suốt quá trình dạy học,

nội dung giảng dạy của giảng viên là một công trình sáng tạo mang dấu ấn cá nhân không chỉ trong phong cách mà cả trong cấu trúc về nội dung và sử dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học. Đây là biện pháp căn bản nhằm hoàn thiện trình độ và những kỹ năng, phương pháp sư phạm cần thiết cho ĐNGV. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, trang bị cho người học kiến thức và kinh nghiệm,... đòi hỏi người dạy phải có khối lượng lớn kiến thức tổng hợp về chuyên môn QSĐP, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào bài giảng để từng bước hoàn thiện phẩm chất, năng lực. Muốn vậy, giảng viên phải không ngừng tự học tập, tự rèn luyện cả về phẩm chất, đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm để không ngừng hoàn thiện kỹ năng giảng dạy. Bên cạnh đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần khuyến khích giảng viên tự học tập, tự nghiên cứu nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau như: thành lập các nhóm (theo đối tượng giảng dạy) cùng nghiên cứu khoa học. Tổ chức tốt việc sinh hoạt, học tập, công tác hàng ngày, kịp thời biểu dương thông qua các hoạt động thi đua của Khoa, Học viện nhằm từng bước xây dựng tinh thần, ý thức tự học tập, tự nghiên cứu, tạo thành phong trào thi đua sâu, rộng.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, sai sót trong huấn luyện. Để bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo, công tác kiểm tra của các cấp có vai trò đặc biệt quan trọng. Đối với Bộ môn, tăng cường kiểm tra giảng viên trên tất cả các mặt từ công tác chuẩn bị huấn luyện cho đến thực hành huấn luyện. Thông qua kiểm tra, kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm của giảng viên để chấn chỉnh, rút kinh nghiệm. Đối với công tác chuẩn bị huấn luyện, công tác kiểm tra tập trung

vào các nội dung như: Chuẩn bị giáo án, bài giảng phục vụ cho huấn luyện. Trong thực hành huấn luyện, công tác kiểm tra tập trung vào tư thế tác phong, khẩu khí, trình độ sư phạm cũng như sự kết hợp các quan điểm, nguyên tắc và các mối kết hợp vào quá trình huấn luyện. Để công tác kiểm tra huấn luyện đi vào nền nếp, đạt được mục đích yêu cầu đề ra, hằng tháng trong sinh hoạt Bộ môn cần đánh giá kết quả kiểm tra giảng dạy của từng giảng viên. Bên cạnh đó, hàng tuần Bộ môn có kế hoạch kiểm tra huấn luyện và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra, tăng cường kiểm tra huấn luyện đột xuất, tập trung vào những đồng chí giảng viên giảng dạy còn hạn chế, nhằm từng bước nâng cao chất lượng huấn luyện của Bộ môn Quân sự địa phương, Khoa Quân sự.

Trong thời gian tới, trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; HVHC tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, trong đó có nâng cao chất lượng ĐNGV trong Học viện nói chung, chất lượng giảng dạy cho ĐNGV bộ môn QSĐP là nhiệm vụ cấp thiết. Thực hiện tốt những biện pháp trên sẽ nâng cao chất lượng giảng dạy cho ĐNGV bộ môn QSĐP, góp phần vào hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo tại HVHC♦

### Tài liệu tham khảo

- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới, Hà Nội.
- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo, Hà Nội.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BẢO ĐẢM ĂN UỐNG TRONG DIỄN TẬP CUỐI KHÓA ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thiếu tá, ThS. ĐÀO MẠNH HÙNG  
Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

*Diễn tập cuối khóa của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần là hình thức huấn luyện tổng hợp, đơn vị như bước vào chuẩn bị chiến đấu thật với rất nhiều công việc phải làm, học viên phải hoạt động với cường độ cao nên tiêu hao nhiều năng lượng. Vì vậy, bảo đảm ăn uống (BĐĂU) trong diễn tập, nhất là giai đoạn chuẩn bị và thực hành chiến đấu phải được chú trọng để giữ vững sức khỏe cho học viên.*

**B**ẢO đảm ăn uống cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học trong diễn tập cuối khóa tại Học viện Hậu cần là một nội dung của diễn tập, đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo diễn tập; sự hướng dẫn về chuyên môn của Tổ chỉ đạo bảo đảm sinh hoạt; do lãnh đạo, chỉ huy ở các khung tập trung đoàn (tiểu đoàn) trực tiếp tổ chức, chỉ huy. Lực lượng nòng cốt tiến hành là nuôi quân tại các bếp ăn do học viên chuyên ngành Quân nhu hoặc Chỉ huy tham mưu Hậu cần (năm thứ 3) đảm nhiệm (sau đây gọi tắt là nuôi quân – NQ). Bảo đảm ăn uống diễn ra trong điều kiện phân tán, dã ngoại; tổ chức bếp ăn cấp trung đội, sử dụng bếp Hoàng Cầm cấp 1; chịu sự tác động trực tiếp của điều kiện địa hình, thời tiết, khí hậu; trang bị, dụng cụ nấu ăn, phục vụ ăn uống hạn chế; trình độ chuyên môn, kĩ thuật, kĩ năng, kinh nghiệm của NQ còn hạn chế; tinh thần trách nhiệm, ý thức, thái độ của một số NQ chưa cao. Do đó, kết quả BĐĂU trong diễn tập còn có hạn chế, như: Vẫn có bữa ăn, cơm chưa chín hết hoặc cháy, nhão; kĩ thuật chế biến, nấu

ăn các món xào, nấu chưa đảm bảo; vệ sinh trong chế biến, nấu ăn, phục vụ ăn uống chưa thực sự được quan tâm, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn vệ sinh do côn trùng, ruồi, muỗi; thời gian ăn có bữa chậm so với quy định... Những hạn chế đó, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng BĐĂU, sức khỏe và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các lực lượng diễn tập. Để nâng cao chất lượng BĐĂU trong diễn tập, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, làm tốt công tác chuẩn bị trong BĐĂU. Công tác chuẩn bị có vai trò rất quan trọng, cần có sự phối hợp, hiệp đồng, thống nhất giữa đơn vị có học viên BĐĂU trong diễn tập với Phòng Hậu cần - Kĩ thuật (HCKT), Khoa Quân nhu. Theo đó, Phòng HCKT cần xây dựng kế hoạch, thông báo kịp thời về thời gian, địa điểm bảo đảm các loại vật chất cho tiểu đoàn. Cấp phát đầy đủ, đồng bộ số lượng, chủng loại các loại vật chất; kịp thời sửa chữa, thay thế các loại vật chất đã hư hỏng, không đồng bộ, những dụng cụ, vật chất phục vụ cho bảo đảm vệ sinh phải đầy đủ. Trong thực đơn, cần xây dựng các món ăn phù hợp với thực tế diễn

tập và tay nghề của nuôi quân, hạn chế các món ăn cao cấp, thời gian nấu ăn kéo dài. Đối với Khoa Quân nhu, tiến hành thống nhất quy định BĐĂU trong diễn tập; thống nhất số lượng, chủng loại các loại vật chất, dụng cụ nấu ăn, phục vụ ăn uống, các quy định về hình dáng, kích thước công trình quân nhu phù hợp với địa hình, đảm bảo vận hành, sử dụng tốt nhất trong BĐĂU. Đối với tiểu đoàn có NQ tham gia BĐĂU, cần nắm chắc quy định BĐĂU trong diễn tập; nắm chắc kế hoạch bảo đảm các loại vật chất cho tiểu đoàn; tổ chức sử dụng lực lượng cụ thể đến từng khung tập; tổ chức kiểm tra chặt chẽ các loại vật chất, chú trọng kiểm tra các loại dụng cụ nấu, đảm bảo đúng chủng loại, đồng bộ không bị hỏng; tổ chức phân chia dụng cụ theo từng bếp ăn; phân công rõ trách nhiệm bảo quản, quản lý.

*Hai là*, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức, thái độ và trình độ, kinh nghiệm BĐĂU trong diễn tập cho NQ. Trách nhiệm và trình độ tay nghề của NQ là những yếu tố chính, quyết định đến chất lượng BĐĂU trong diễn tập. Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy đơn vị quản lí NQ và khoa giáo viên cần quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, xây dựng động cơ, tinh thần trách nhiệm cho NQ; làm cho NQ hiểu rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của BĐĂU trong diễn tập đối với việc duy trì sức khỏe dẻo dai cho cán bộ, giảng viên; qua đó, khơi dậy niềm vinh dự, tự hào, tinh thần trách nhiệm của NQ đối với nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cần định hướng những công việc NQ sẽ phải thực hiện trong quá trình bảo đảm, những thuận lợi, khó khăn, nhằm giúp cho NQ chuẩn bị tốt tâm lí, tư tưởng.

Cùng với nâng cao nhận thức, trách nhiệm, cần nâng cao trình độ, kỹ năng BĐĂU của NQ trong điều kiện dã ngoại, nấu ăn bằng bếp Hoàng Cầm cấp 1. Nội dung huấn luyện tập trung vào kỹ thuật sử dụng bếp;

trình tự từ công tác chuẩn bị, quá trình sử dụng đến kết thúc nấu ăn và xử trí các tình huống thường xảy ra trong quá trình vận hành. Huấn luyện cho NQ cách chế biến, nấu những món ăn thường sử dụng trong diễn tập; kỹ năng phục vụ ăn uống trong dã ngoại, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Chỉ huy đơn vị cần tổ chức luyện tập cho NQ trong giờ nghỉ, ngày nghỉ tại theo bài huấn luyện ở rừng cây Khu vực 2 của Học viện, có sự giúp đỡ của Khoa Quân nhu (nếu cần) để thống nhất các nội dung.

Đối với học viên là NQ thuộc chuyên ngành Quân nhu và Chỉ huy tham mưu Hậu cần, cần tích cực học tập rèn luyện cả về kiến thức lí luận và kỹ năng thực hành tại các buổi huấn luyện tăng cường, học trên lớp; phát huy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong rèn luyện, trang bị kiến thức, hình thành kỹ xảo, kỹ năng. Quá trình học tập, phải tập trung, quan sát, lắng nghe, tích cực ghi chép. Từng NQ cần nắm chắc lí thuyết, vận dụng vào trong thực tiễn một cách linh hoạt, sáng tạo. Với các môn học về kỹ thuật chế biến, nấu ăn, bảo đảm quân nhu thường xuyên, chiến đấu..., cần nghiên cứu cụ thể, tỉ mỉ, làm rõ từng nội dung. Song song với học tập lí thuyết, NQ phải tích cực, chịu khó thực hành, để từng bước hình thành kỹ năng, thuần thục động tác, xử lí các tình huống phát sinh trong tổ chức BĐĂU. Trong các buổi thực hành dã ngoại, từng NQ phải tích cực, chủ động tham gia, tuyệt đối không dựa dẫm, ỷ lại, không ngại khó, không sợ làm sai, vận dụng sáng tạo các điều kiện thực tế để tổ chức, phân công nấu ăn, BĐĂU, đáp ứng được yêu cầu đề ra. Đồng thời, từng NQ phải phát huy tốt tinh thần đoàn kết, trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau, người biết hướng dẫn người chưa biết, người thành thạo hướng dẫn người chưa thành thạo, ít kinh nghiệm.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bên cạnh đó, cần phát huy tốt vai trò của các lực lượng trong khung tập, sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của các đồng chí giáo viên trong tổ Chỉ đạo BĐĂU. Đổi mới với các đồng chí giảng viên trong khung tập, cần thường xuyên quan tâm đến hoạt động BĐĂU. Kịp thời đề nghị bổ sung, thay thế vật chất, trang bị còn thiếu, hư hỏng; kiểm tra, đôn đốc thực hiện các công việc để đảm bảo kịp thời gian đề ra, như: Sắp xếp tổ chức các công việc, thứ tự phương pháp chế biến các món ăn, cách khắc phục các sự cố trong nấu ăn, cách bày món ăn đảm bảo khoa học, đẹp mắt...; phân công, cắt cử lực lượng học viên diễn trong khung tham gia giúp đỡ, hỗ trợ các công việc khi có điều kiện; Kịp thời rút kinh nghiệm những hạn chế, tồn tại sau từng bữa ăn.

Các đồng chí giảng viên trong Tổ chỉ đạo BĐĂU của Khoa Quân nhu cần sâu sát, theo dõi từng khâu, từng bước trong quá trình bảo đảm của NQ, hỗ trợ, xử lý các tính huống về kỹ thuật chế biến, nấu ăn, phục vụ ăn uống, các sự cố trong quá trình vận hành bếp. Qua đó, giúp NQ hình thành kỹ năng, biết cách xử trí các tình huống tương tự diễn ra trong quá trình bảo đảm.

Bà là, kết hợp sử dụng bếp dầu hỏa hơi cấp trung đội với bếp Hoàng Cầm cấp 1. Bếp Hoàng Cầm cấp 1 có ưu điểm là dễ sử dụng, bảo đảm bí mật, an toàn. Nhược điểm là tốn nhiều thời gian và công sức để triển khai bếp, khả năng cấp nhiệt không lớn, khó khăn khi đun nấu trong điều kiện trời mưa. Bếp dầu hỏa hơi cấp trung đội có khả năng phục vụ được trên 30 người, triển khai, thu dọn nhanh, nhiệt lượng tỏa ra lớn, khối lượng tương đối nhẹ. Việc sử dụng kết hợp bếp dầu hỏa hơi cấp trung đội và bếp Hoàng Cầm cấp 1 sẽ mang lại hiệu quả cao trong BĐĂU khi diễn tập: Giảm bớt công sức triển khai bếp, hạn chế sự tác động của thời tiết; nhiệt lượng tỏa ra lớn, điều chỉnh nhiệt

linh hoạt. Để triển khai hiệu quả, phục vụ thiết thực vào BĐĂU trong diễn tập, cần có sự phối hợp của các cơ quan, Khoa Quân nhu, chỉ huy đơn vị tham mưu, đề xuất với Thủ trưởng Học viện, Ban Chỉ đạo diễn tập về phương án sử dụng kết hợp hai loại bếp trên. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chỉ huy đơn vị quản lí học viên và Khoa Quân nhu trong huấn luyện kỹ thuật sử dụng, vận hành bếp dầu cho NQ thành thục kỹ năng, khai thác hiệu quả sử dụng bếp trong BĐĂU.

Bảo đảm ăn uống có ý nghĩa quan trọng, trực tiếp góp phần duy trì sức khỏe của bộ đội, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ đặt ra. Trong diễn tập cuối khóa cho đổi tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học tại Học viện Hậu cần, BĐĂU còn nhiều hạn chế bắt cập. Do đó, để nâng cao chất lượng BĐĂU, chỉ huy đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, Khoa Quân nhu, thực hiện đồng bộ các biện pháp trên. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng ăn uống trong diễn tập, giúp các lực lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ◆

### Tài liệu tham khảo

- Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 884-NQ/ĐU về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
- Học viện Hậu cần (2008), *Kỹ thuật chế biến, nấu ăn*, Nxb QĐND, Hà Nội.
- Học viện Hậu cần (2009), *Giáo trình vệ sinh ăn uống và an toàn lao động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
- Học viện Hậu cần (2013), *Công tác quân nhu thường xuyên ở trung đoàn bộ binh*, Nxb QĐND, Hà Nội.
- Học viện Hậu cần, *Báo cáo kết quả diễn tập H-22A; H-24A*, Hà Nội.

# NÂNG CAO TÍNH TỰ CHỦ TRONG HỌC TẬP TIẾNG ANH CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG  
Khoa Ngoại ngữ, Học viện Hậu cần

*Trong học tiếng Anh, khả năng sử dụng ngôn ngữ phụ thuộc rất lớn vào cường độ tiếp xúc của học viên với ngôn ngữ; kết quả học tập phần lớn chịu chi phối bởi sự tự chủ của học viên. Do đó, việc phát huy tính tự chủ (TTC) của học viên trong học tiếng Anh là vấn đề hết sức quan trọng và là con đường cơ bản để hướng tới mục tiêu dài hạn trong phát triển năng lực ngoại ngữ của mỗi học viên.*

TÍNH tự chủ của học viên trong học tiếng Anh là sự vận động tự thân, khả năng tự lập, tự đưa ra các quyết định liên quan đến học tập và thực hiện các kế hoạch học tập của bản thân mỗi học viên.

Thời gian qua, Học viện Hậu cần (HVHC) đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao TTC trong học tiếng Anh của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa như mong muốn, còn tồn tại hạn chế cần khắc phục, như: Một bộ phận học viên chưa thực sự chủ động về tư duy trong học tập. Đa số học viên chưa có cái nhìn tổng thể về phương pháp học tiếng Anh nên thường bị động trong học tập, không làm chủ được quá trình học tập của mình... Thực trạng này là do: Thứ nhất, nhiều học viên chưa nhận thức đầy đủ vai trò và tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công tác và cuộc sống; thường coi tiếng Anh là môn học trong chương trình nên cốt học để hoàn thành bài thi và đáp ứng chuẩn đầu ra để tốt nghiệp. Thứ hai, môi trường học tập còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến động lực và TTC của học viên. Chẳng hạn

này, điều kiện học tập sau giờ học của học viên chưa tốt, còn thiếu máy tính, phương tiện nghe nhìn và internet. Các hoạt động phong trào xây dựng môi trường học tiếng Anh hấp dẫn cũng chưa được triển khai sâu rộng và hiệu quả, dẫn đến việc học viên không có đủ điều kiện và động lực để rèn luyện TTC. Thứ ba, học viên còn nặng thói quen học tập thụ động. Phần lớn học viên thường tiếp nhận thông tin một chiều từ giáo viên qua việc nghe, ghi chép, và trả lời câu hỏi, mà chưa hình thành được khả năng phản biện và tư duy đa chiều.

Từ thực trạng trên, để nâng cao TTC trong học tiếng Anh của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở HVHC, thời gian tới, cần thực hiện tốt một số biện pháp cơ bản sau đây:

*Một là*, nâng cao nhận thức cho học viên về vai trò của tiếng Anh đối với quân đội, quân nhân trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Xu thế phát triển của đất nước càng cho thấy tiếng Anh là công cụ hết sức quan trọng để mở rộng hiểu biết mọi mặt của đời sống, xã hội và tiếp cận thông tin trong thời kỳ hội nhập toàn cầu; là phương tiện để tiếp

cận nhanh nguồn tài liệu và thông tin quốc tế, nhất là trong đối ngoại quốc phòng. Để học viên hiểu rõ tầm quan trọng của tiếng Anh, trước hết, cần có những trải nghiệm thực tế để minh chứng vai trò của tiếng Anh trong cuộc sống, hoạt động hậu cần, kỹ thuật. Theo đó, giáo viên có thể lồng ghép các tình huống trải nghiệm giả lập ở trên lớp. Các hoạt động giả lập này phải sát với các tình huống thực tế hàng ngày, đặc biệt phải gắn liền với công việc cũng như sinh hoạt của một cán bộ sĩ quan. Chẳng hạn như, giảng viên có thể đưa ra sự kiện xảy ra ngày 17/02/2024, tàu cảnh sát biển của ta bắt 1 tàu đánh cá của nước ngoài vi phạm chủ quyền biển Việt Nam. Trên tàu, một sĩ quan ngành Xăng dầu đã sử dụng tiếng Anh để thuyết phục thành công toàn bộ thuyền viên tàu nước ngoài hiểu về Luật biển Việt Nam. Ngoài ra, giảng viên tạo ra nhiều tình huống giả lập trong hoạt động đối ngoại quốc phòng về lĩnh vực hậu cần, kỹ thuật để tạo sự thiết thực, gần gũi, hấp dẫn học viên đóng vai và xử lý. Thông qua các tình huống này, học viên sẽ dần nâng cao nhận thức về vai trò của tiếng Anh đối với quân đội ta trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

*Hai là*, chú trọng phát triển phương pháp và kỹ năng tự chủ cho học viên trong học tiếng Anh. Đây là vấn đề khá nan giải vì phần lớn học viên tại HVHC thường có thói quen học thụ động ở các bậc học phổ thông. Đối với môn tiếng Anh, nếu học thụ động thì rất khó để học viên phát triển vốn ngôn ngữ của mình, hoặc chỉ có thể học và nhớ trong thời gian ngắn. Để nâng cao TTC của học viên, về mặt phương pháp, cần trang bị cho họ các kỹ năng siêu tri nhận (metacognitive strategies). Đây là các kỹ năng nằm ngoài quá trình nhận thức nhưng lại có vai trò hỗ trợ cho quá trình nhận thức. Đối với kỹ năng này, học viên cần thực hiện với 3 bước

chính: Lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, kiểm tra đánh giá kết quả so với kế hoạch. Khi lập kế hoạch, học viên cần xác định rõ mục tiêu tổng quát và ngắn hạn. Từ mục tiêu tổng quát, học viên lập nên mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn ngắn hơn, rồi lại tiếp tục chia nhỏ mục tiêu cho những giai đoạn ngắn hơn nữa. Đây là bước rất quan trọng nhưng hầu hết học viên không thực hiện, hoặc chỉ chú trọng mục tiêu tổng quát mà không chú ý đến mục tiêu ngắn hạn. Đối với môn tiếng Anh, mục tiêu tổng quát đối với học viên cư nhân phân đội là có thể giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1 và để đạt được mục tiêu này cần chia nhỏ ra trong một tháng cần học được những vấn đề gì, tháng thứ nhất cần học nội dung gì, tháng tiếp theo cần học nội dung gì. Sau đó là từng tuần học viên cần học những nội dung gì, sau đó đến từng ngày. Sau khi lên được một bản kế hoạch chi tiết về học tập tiếng Anh qua từng giai đoạn, học viên phải biết vượt qua các yếu tố ngoại cảnh, như vấn đề sức khỏe, tâm lý, các nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao... để quyết tâm thực hiện. Bước thứ ba là đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch đã đặt ra. Việc này cần được học viên chủ động thực hiện đều đặn và liên tục. Mỗi ngày, học viên nên xem xét tiến độ học tập của mình dựa trên mục tiêu ban đầu; từ đó, rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp học hoặc thay đổi mục tiêu để phù hợp hơn với thực tế. Nếu học viên thực hiện việc quản lý học tập theo phương pháp này thì việc học của họ sẽ trở nên chủ động, tạo tâm lý tự tin, thoải mái, từ đó, kết quả học tập sẽ ngày càng tiến bộ.

*Ba là*, xây dựng môi trường thực hành tiếng Anh năng động và hiệu quả nhằm tạo động lực tích cực cho học viên. Vì môi trường trong quân đội không có điều kiện thực hành ngôn ngữ tự nhiên (môi trường bản ngữ) nên cần thiết lập một môi trường

thực hành nhân tạo. Càng mô phỏng sát thực tế của môi trường giao tiếp tự nhiên, môi trường nhân tạo, sẽ càng giúp học viên phát triển kỹ năng ngôn ngữ hiệu quả. Các hoạt động để xây dựng môi trường nói tiếng Anh nhân tạo có thể là “Giờ nói tiếng Anh”, “Ngày nói tiếng Anh”. Hoạt động này buộc học viên phải thực hành tiếng Anh, thông qua đó, phát triển khả năng phát âm của mình. Ngoài ra, có thể áp dụng các hoạt động có tính chất gần với môi trường tự nhiên hơn, như xây dựng hệ thống thông tin, truyền tin bằng tiếng Anh hoặc song ngữ để học viên học tiếng Anh một cách tự nhiên, thầm dồn hằng ngày. Học viên sẽ được đọc, được nghe các nội dung liên quan đến các hoạt động hằng ngày của họ và do họ đã nắm được nội dung tiếng Việt nên khi nghe và đọc tiếng Anh sẽ dễ hiểu hơn. Để hoạt động này mang lại hiệu quả thiết thực, nội dung tiếng Anh trong các bản tin cần được kiểm tra kĩ lưỡng, có sự tư vấn về chuyên môn của Khoa Ngoại ngữ, tránh tình trạng nội dung đưa lên sai về chuyên môn, gây hiệu ứng ngược. Đồng thời, cần phát bản tin tiếng Việt trước, bản tin tiếng Anh sau, giọng đọc tiếng Anh phải tốt để học viên dễ hiểu hơn. Một điểm cần hết sức lưu ý là nội dung bản tin tiếng Anh không được là bản dịch y nguyên của bản tin tiếng Việt. Bởi học viên khi nghe bản tin tiếng Việt sẽ hiểu các nội dung khó, còn khi chuyển sang bản tin tiếng Anh thì học viên - người nghe lúc này không phải là người nói tiếng Anh bản ngữ, nếu chúng ta vẫn dùng đúng những từ, cấu trúc như bản tin tiếng Việt thì những học viên ở trình độ sơ cấp (elementary) và trung cấp (pre-intermediate) như học viên ở HVHC sẽ không thể hiểu được. Do đó, việc phát bản tin tiếng Anh có thể mang lại hiệu quả tích cực song cần có bước đơn giản hóa nội dung các bản tin tiếng Anh so với bản tin

gốc trong tiếng Việt. Chẳng hạn, trong bản tin tiếng Việt có nội dung “Phát huy truyền thống tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, cống hiến tài năng, Tiểu đoàn X trong thời gian qua đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần thúc đẩy phong trào thi đua của Học viện ngày càng phát triển”. Nếu giữ nguyên nội dung này chuyển sang tiếng Anh thì học viên sẽ khó tiếp nhận thông tin. Do đó, chỉ nên thông tin đơn giản là “The Battalion No X has tried their best to overcome many difficulties to complete their tasks”.

Để thực hiện Đề án số 3725/ĐA-HV, ngày 08/09/2015 của Học viện Hậu cần về “Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên giai đoạn 2015-2020 và những năm tiếp theo” và thực hiện Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về “Một số nhiệm vụ cấp bách nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường Quân đội”, đòi hỏi phải chú trọng nâng cao TTC của học viên. Muốn vậy, cần nâng cao nhận thức cho học viên về tầm quan trọng của tiếng Anh đối với quân nhân trong thời đại mới; xây dựng cho học viên các kĩ năng tự quản lý việc học tiếng Anh hiệu quả và tổ chức tốt các hoạt động tự học tiếng Anh ngoại khóa♦

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Lợi (2014), *Nâng cao khả năng tự chủ trong học tập cho sinh viên tiếng Anh - Nhận thức của giảng viên tiếng Anh tại một số trường đại học*, Cần Thơ.
2. Nguyễn Thị Thúy (2019), *Đổi mới phương thức giảng dạy ngoại ngữ tại các trường đại học: Cơ hội và thách thức*, Hà Nội.
3. Little, D. (1991), *Learner autonomy: Definitions, issues and problems*. Dublin: Authentik.

# TĂNG CƯỜNG SỰ KẾT HỢP GIỮA MÔN HỌC CHIẾN THUẬT VỚI MÔN HỌC HẬU CẦN CHIẾN ĐẤU CHO ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO THEO CHỨC VỤ Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Đại tá, TS. NGÔ KHÁNH THIỆN  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

*Trong chương trình đào tạo theo chức vụ ở Học viện Hậu cần, các môn học Chiến thuật và Hậu cần chiến đấu có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tăng cường sự kết hợp giữa hai môn học này có tác dụng rất lớn để đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của cán bộ chỉ huy cơ quan hậu cần - kỹ thuật (HCKT) cấp chiến thuật của Quân đội ta hiện nay.*

**H**UẤN luyện chiến thuật nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chung về lý luận, nguyên tắc chiến thuật; thứ tự công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu và thực hành chiến đấu của một hình thức chiến thuật; từ đó, biết vận dụng vào quá trình tập bài chiến thuật binh chủng hợp thành, diễn tập cuối khoá, để giải quyết các vấn đề trong tổ chức chuẩn bị chiến đấu và thực hành chiến đấu của một trận chiến đấu giả định. Sau khi được trang bị về nguyên tắc, trình độ, kỹ năng và tiến hành các bài tập chiến thuật, học viên sẽ học các nội dung của môn học bảo đảm HCKT cho đơn vị chiến đấu. Do vậy, để học viên hiểu sâu, nắm vững kiến thức, tập bài đạt chất lượng cao, cần nâng cao hiệu quả phối hợp giữ hai môn học.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của việc kết hợp chặt chẽ, hiệu quả huấn luyện chiến thuật với môn học Hậu cần chiến đấu cho đối tượng đào tạo theo chức vụ ở Học viện Hậu cần; những năm qua, Đảng uỷ, chỉ huy các Khoa: Quân sự và Chỉ huy Hậu cần đã có nhiều chủ trương, biện pháp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hai bộ môn Chiến thuật và

Hậu cần Chiến đấu đột phá “nâng cao chất lượng dạy - học”; tích cực đổi mới phương pháp, tăng cường kết hợp để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, chuẩn đầu ra cho các đối tượng đào tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc kết hợp huấn luyện môn học Chiến thuật với môn học Hậu cần chiến đấu vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định; thể hiện trong việc phối hợp, hiệp đồng giữa hai bộ môn có thời điểm chưa chặt chẽ, nhịp nhàng; một số nội dung trong các bài tập còn bị sai sót, không trùng khớp; hình thức tập bài của các giảng viên chưa theo một kế hoạch thống nhất về nội dung và phương pháp; việc bố trí lịch huấn luyện có thời điểm bị chồng chéo, tính logic chưa cao; đội ngũ cán bộ quản lý duy trì giờ tự học có thời điểm còn lỏng lẻo. Về phía học viên, cũng bộc lộ một số điểm tồn tại, như: Việc nắm nội dung, nguyên tắc lý luận chưa chắc, hiểu chưa sâu, nhất là các vấn đề mang tính đặc trưng chiến thuật của hình thức chiến đấu tiến công địch ngoài công sự; việc vận dụng vào xử trí các tình huống chiến thuật, các phương án bảo đảm HCKT chiến đấu

trong các bài tập chưa thật sự phù hợp.

Từ thực trạng trên, để nâng cao hiệu quả kết hợp huấn luyện giữa môn học Chiến thuật với môn học Hậu cần chiến đấu cho đối tượng đào tạo theo chức vụ ở Học viện Hậu cần, cần thực hiện tốt một số biện pháp như sau:

**Một là**, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng uỷ Khoa Quân sự và Khoa Chỉ huy Hậu cần, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ chi bộ bộ môn Chiến thuật và bộ môn Hậu cần chiến đấu về phối hợp, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả trong huấn luyện. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng là yếu tố quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Vì vậy, ngay từ đầu năm học, căn cứ vào các yếu tố, cấp uỷ chi bộ hai bộ môn lãnh đạo việc xây dựng kế hoạch huấn luyện, phân công giảng viên phụ trách các lớp, đảm nhiệm các bài giảng. Trên cơ sở đó, giao cho các giảng viên của hai bộ môn chủ động xác định các nội dung để trực tiếp trao đổi, hiệp đồng với nhau theo các hình thức, bài tập được phân công. Trong quá trình thực hành huấn luyện, cấp uỷ, chỉ huy khoa, bộ môn cần kiểm tra, dự giờ để nắm bắt những vấn đề chưa phù hợp, mâu thuẫn trong các bài tập của hai bộ môn; từ đó, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, rút kinh nghiệm để bảo đảm thống nhất trong huấn luyện.

**Hai là**, xây dựng nội dung, chương trình hai môn học phù hợp với đối tượng đào tạo theo chức vụ. Huấn luyện chiến thuật binh chủng hợp thành và hậu cần chiến đấu đều có những nét tương đồng về các điều kiện, như: Khối lượng kiến thức lớn, học tập cả trên giảng đường và ngoài thao trường, bài tập; trong điều kiện đa dạng về hình thức; hoạt động huấn luyện mang tính đặc thù, gồm cả trang bị về lý luận và huấn luyện thực hành; việc bố trí thời gian huấn luyện

một hình thức chiến thuật đi đôi với kế tiếp huấn luyện các hình thức của môn hậu cần chiến đấu tương ứng và có thể có hình thức tập bài. Bên cạnh đó, mỗi nội dung trang bị cho người học cả về nguyên tắc lý luận và thực hành tập bài đều có những yêu cầu cao, đòi hỏi học viên phải tư duy độc lập, vận dụng sáng tạo khi tiến hành các bài tập, thể hiện được năng lực của người chỉ huy đơn vị và cơ quan HCKT. Vì vậy, hai bộ môn cần phải nắm rõ mục đích, yêu cầu, chuẩn đầu ra của các đối tượng để xây dựng nội dung chương trình phù hợp, sao cho các bậc học không bị chồng chéo về nội dung, chương trình đào tạo; bảo đảm học viên sau khi tốt nghiệp sẽ đảm nhiệm và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ với các cương vị được giao.

**Ba là**, phối hợp chặt chẽ giữa hai khoa, hai bộ môn trong xây dựng các bộ đầu bài của môn học Chiến thuật và đầu bài của môn Hậu cần Chiến đấu và phải được Thủ trưởng Học viện phê chuẩn. Để xây dựng đầu bài tập của hai bộ môn, phải căn cứ vào nội dung, chương trình của đối tượng đào tạo; chỉ huy hai khoa: Quân sự và Chỉ huy Hậu cần cần phối hợp nhịp nhàng trong chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho hai bộ môn xác định phương án đầu bài theo đúng ý định của cấp trên. Chỉ huy hai bộ môn và các giảng viên được phân công biên soạn phải kết hợp chặt chẽ, trao đổi, thống nhất các nội dung cơ bản nhất của từng bài tập với nhau. Sau khi thống nhất, tiến hành thông qua hội đồng Khoa học chuyên môn các cấp theo qui định. Đầu bài chiến thuật binh chủng hợp thành là để học viên nghiên cứu vận dụng nguyên tắc vào tập bài phần quân sự; song, quan trọng hơn làm cơ sở cho học viên nghiên cứu tiến hành tập bài bảo đảm HCKT cho đơn vị chiến đấu giành thắng lợi; do vậy, khi xây dựng đầu bài chiến thuật, giảng viên quân sự

phải đáp ứng cung cấp các yếu tố phù hợp nhất theo đặt hàng của bộ phận giảng viên biên soạn đầu bài hậu cần chiến đấu. Sau khi đã thống nhất cao về phương án đầu bài giữa hai khoa giáo viên và hai bộ môn, tiếp tục báo cáo cơ quan chuyên môn cấp trên và chỉ khi nào được Giám đốc Học viện phê duyệt mới đưa vào sử dụng.

Bốn là, giảng viên phải hướng dẫn cho học viên đầy đủ các bước tiến hành nội dung của từng vấn đề huấn luyện nói chung và cụ thể nội dung bài tập của hình thức đó nói riêng; học viên phải phân biệt được khi nào ở cương vị chỉ huy đơn vị (trung đoàn trưởng, sư đoàn trưởng), khi nào ở cương vị chỉ huy cơ quan HCKT (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm HCKT trung, sư đoàn). Giai đoạn thực hành tập bài, căn cứ vào thời gian cho phép (thường thời gian chuẩn bị ở trên lớp rất ngắn), giảng viên hai bộ môn phải tranh thủ định hướng cho học viên về nội dung các vấn đề huấn luyện khi phát đầu bài; cùng với cung cấp hình thái địch, ta, đầu bài cho học viên nghiên cứu trước, giảng viên sẽ khai quát trên bản đồ hình thái để học viên nắm chắc về trạng thái địch, ta giúp học viên có cách nhìn tổng thể nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị tập bài; từ đó tiến hành các bài tập chiến thuật hoặc hậu cần chiến đấu một cách thuận lợi, đúng hướng (nhất là khi tiến hành bài tập đầu tiên của môn học).

Kết hợp huấn luyện chiến thuật binh chủng hợp thành và hậu cần chiến đấu là vấn đề phù hợp với quan điểm của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, chủ trương của Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện Hậu cần về đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đây là yêu cầu cơ bản quan trọng, chỉ đạo xuyên suốt cả quá trình đào tạo nói chung và nâng cao chất lượng cho đối tượng đào tạo chức vụ ở Học viện Hậu cần nói riêng. Hệ thống quan điểm, chủ

trương của Đảng uỷ các cấp là cơ sở pháp lý, lý luận khoa học để chỉ đạo mọi hoạt động huấn luyện cũng như kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa huấn luyện chiến thuật binh chủng hợp thành và hậu cần chiến đấu; là công việc khó khăn nhưng mang lại hiệu quả thiết thực nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các khoa giáo viên, các cơ quan chức năng trong Học viện; cần có sự đồng hành tham gia tích cực của các thành phần, lực lượng và thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ yếu về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp; xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn giỏi và khả năng phát hiện, đề xuất vấn đề mới trong công tác huấn luyện nhằm đào tạo ra đội ngũ cán bộ chỉ huy cơ quan HCKT (cấp trung, sư đoàn và tương đương) có phẩm chất chính trị tốt, đủ năng lực, trình độ, khả năng tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy cơ quan HCKT hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, cả trong thời bình cũng như thời chiến♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2022), *Tổ chức, phương pháp huấn luyện chiến thuật*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tổ chức, phương pháp huấn luyện Hậu cần chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.

# **GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN THỰC HÀNH CÁC MÔN HỌC**

## **CHUYÊN NGÀNH DOANH TRẠI - XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO**

### **SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN**

Trung tá, TS. PHẠM VĂN HOÀN  
Khoa Doanh trại, Học viện Hậu cần

*Thực hành là cầu nối giữa lý thuyết và thực tế, giúp học viên phát triển tư duy, hình thành thế giới quan duy vật biện chứng. Đây là vấn đề có tính quyết định tới chất lượng giảng dạy (CLGD) các môn học có nội dung huấn luyện thực hành (HLTH) trong đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành Doanh trại – Xây dựng dân dụng và công nghệ (DT-XDDD&CN) ở Học viện Hậu cần.*

T RONG HLTH, học viên sẽ được trực tiếp quan sát và thao tác, tổ chức thực hiện công việc thực hành chuyên môn dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của giảng viên phụ trách môn học. Vì thế, HLTH sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng, kỹ sảo, hiểu sâu, nắm vững kiến thức môn học. Nhận thức rõ tầm quan trọng của HLTH, những năm qua, cấp ủy, chỉ huy Khoa Doanh trại luôn vận dụng nhiều giải pháp nâng cao HLTH, như: Điều chỉnh, hoàn thiện nội dung, chương trình, phương pháp huấn luyện các môn học thực hành; nâng cao nhận thức đúng đắn về HLTH các môn học trong quy trình đào tạo chuyên ngành DT-XDDD&CN cho đội ngũ giảng viên, học viên. Vì vậy, chất lượng HLTH các môn học chuyên ngành ngày một nâng lên. Kết quả đánh giá kết thúc các môn học có nội dung HLTH trong năm học 2022 - 2023 và 2023 - 2024 cho thấy, 100% học viên đạt yêu cầu (tỷ lệ khá, giỏi đạt trên 80%). Cụ thể, môn học “Thực tập công nhân”, có 90% đạt khá và giỏi trở lên; các môn học “Thí nghiệm,

kiểm định công trình”, “Địa chất công trình và thực tập môn học”, “Trắc địa và thực tập môn học”, “Kiến trúc 2 và đồ án môn học”, “Kết cấu bê tông cốt thép và đồ án môn học”, “Kết cấu nhà bê tông cốt thép và đồ án môn học”, “Nền móng và đồ án môn học”, “Kết cấu nhà thép và đồ án môn học”, “Kỹ thuật thi công 1 và đồ án môn học”, “Kỹ thuật thi công 2 và đồ án môn học”, “Tổ chức thi công và đồ án môn học”, có trên 80% đạt Khá, giỏi. Khảo sát thực hiện nhiệm vụ của học viên Khóa 25, chuyên ngành DT-XDDD&CN tốt nghiệp ra trường năm 2023 cho thấy, cơ bản học viên đảm nhiệm được chức trách ban đầu, biết vận dụng sáng tạo kiến thức được học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập cần khắc phục, như: Một số giảng viên, học viên chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của HLTH; vận dụng phương pháp HLTH chưa phong phú, phù hợp; kinh nghiệm, năng lực hướng dẫn, chỉ đạo thực hành của một số cán bộ, giảng viên trẻ có mặt còn hạn chế, chưa khai thác

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

triệt để các trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật chuyên dùng vào HLTH. Trình độ, kỹ năng thực hành, bản lĩnh, tác phong công việc của học viên có mặt còn hạn chế... Do vậy, để nâng cao chất lượng HLTH các môn học chuyên ngành DT-XDDD&CN, thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên đối với giảng dạy thực hành. Đây là giải pháp quan trọng, thực hiện tốt sẽ giúp công tác giáo dục, đào tạo (GDĐT) chuyên ngành DT-XDDD&CN luôn đúng hướng; quy tụ trí tuệ, niềm tin, tạo sức mạnh tổng hợp trong HLTH. Theo đó, từng cán bộ, giảng viên cần quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác GDĐT, nhất là Nghị quyết 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/ 2022 của Quân ủy Trung ương về GDĐT trong Quân đội; Nghị quyết số 883-NQ/ĐU, ngày 22/3/2023 của Đảng uỷ Học viện về đổi mới công tác GDĐT đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện trong tình hình mới. Đồng thời, cấp ủy, chỉ huy Khoa Doanh trại cần có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo việc nâng cao chất lượng HLTH các môn học, bảo đảm sát yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với đối tượng và nội dung, chương trình đào tạo; coi trọng hoạt động ngày phương pháp; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, rút kinh nghiệm về chất lượng HLTH các môn học.

Đối với các bộ môn, cần cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình hành động, sát thực tế giảng dạy, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho từng cán bộ, giảng viên; kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng ngại đổi mới, không dám đổi mới, dập khuôn máy móc hoặc thỏa mãn dừng lại. Đối với đội ngũ giảng viên phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò của năng lực thực hành các môn học đối với sự hình thành, phát triển tư duy,

phẩm chất, nhân cách và phương pháp tác phong công tác của người học, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong tổ chức HLTH. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần đầy mạnh nghiên cứu sáng kiến, cải tiến; xây dựng, khai khai thác hiệu quả các mô hình học cụ, thiết bị dạy học, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin mô phỏng 2D, 3D để dẫn dắt người học vào những tình huống thực tiễn, từ đơn giản đến phức tạp.

*Hai là*, Khoa Doanh trại cùng các bộ môn và giảng viên cần chủ động phát hiện, đề xuất điều chỉnh nội dung, chương trình, thời gian huấn luyện cho phù hợp, kịp thời cập nhật kiến thức mới vào huấn luyện, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn chức trách, nhiệm vụ công tác sau khi ra trường của học viên. Đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy theo hướng giảm thời gian huấn luyện lý thuyết, tăng thời gian HLTH, tham quan trải nghiệm thực tế, tăng thời lượng và nâng cao khả năng tự học, tự rèn của học viên. Tổ chuyên môn và từng giảng viên phụ trách môn học phải tiếp tục rà soát nội dung giảng dạy, mạnh dạn đề xuất loại bỏ các kiến thức không hoặc chưa thực sự cần thiết để tập trung ưu tiên các nội dung, các vấn đề bức thiết phù hợp với chức trách nhiệm vụ của TLDT, bảo đảm sau đào tạo người học có thể thực hiện được chức trách, nhiệm vụ ban đầu và có hướng phát triển.

Đối với hình thức và phương pháp dạy học, cần thực hiện theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo cũng như khả năng tự học của học viên. Chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thực hành cho người học. Quá trình tổ chức HLTH, giảng viên cần có kỹ năng thực hành tốt, hình thức và phương pháp truyền đạt đa dạng, phù hợp với từng nội dung huấn luyện; thực hiện thuần thực và chuẩn

xác; tổ chức, sắp xếp khoa học, logic bảo đảm cho học viên học đến đâu thực hành đến đó; chủ động đưa ra các vấn đề, tình huống thường xảy ra trong thực tiễn và định hướng phương án xử lý, từ đó bồi dưỡng tốt kiến thức chuyên môn, hình thành khả năng phản biện cho người học.

Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động, nâng cao năng lực thực hành của học viên. Để thực hiện tốt giải pháp này, đội ngũ cán bộ quản lý (tiểu đoàn, đại đội) cùng với giảng viên cần quan tâm xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho học viên; làm cho từng học viên nhận thức rõ, đầy đủ về mục đích, tầm quan trọng của nội dung huấn luyện. Từ đó, khơi dậy sự hào hứng và mong muốn học tập, tạo tính chủ động tích cực trong học tập cho học viên. Quá trình HLTH, giảng viên cần có phương pháp để tất cả các học viên đều được tham gia thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian huấn luyện; đề ra các quy định bắt buộc mọi học viên phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo các yêu cầu, nội dung theo kế hoạch, kịch bản đã được xây dựng. Giảng viên cũng cần biết cách biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự đào tạo của người học, gắn học đi đôi với hành; trang bị cho học viên biết phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế trong tự học, tự rèn và học hỏi lẫn nhau; có tinh thần đấu tranh phê phán các biểu hiện chủ quan, ngại học, ngại rèn tự thỏa mãn dừng lại...

Cùng với những vấn đề trên, Học viện cần tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng học chuyên dùng, nhà xưởng, mô hình học cụ, giáo trình tài liệu... nhằm đáp ứng kịp thời theo sự phát triển, tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngành Xây dựng. Cấp ủy, chỉ huy khoa Doanh trại và các bộ môn phối kết hợp với các cơ quan và đơn vị quản lý học viên

tạo môi trường thuận lợi cho học viên phát huy tính chủ động tích cực, tự giác trong học tập. Bên cạnh việc làm tốt từng nội dung HLTH theo chương trình, cần thường xuyên tổ chức các hoạt động thực tiễn, đặc biệt là học hỏi qua nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn từ các đơn vị có các nội dung liên quan... Mỗi giảng viên cần phát huy tính chủ động tham gia các hoạt động giúp đỡ học viên và phải xác định đây chính là trách nhiệm chính trị; chú trọng trao đổi, bám lớp để kịp thời phát hiện, hướng dẫn, giúp đỡ học viên giải quyết vướng mắc; nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập, thực hiện tốt “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”; các tiêu chí đánh giá cần rõ ràng, làm cơ sở và động lực cho từng học viên phấn đấu.

Để nâng cao chất lượng HLTH các môn học chuyên ngành DT-XDDD&CN ở Học viện Hậu cần hiện nay cần thực hiện tốt các giải pháp nêu trên. Quá trình thực hiện phải đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo với phương châm lấy người học làm trung tâm, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT của Học viện và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của ngành Doanh trại Quân đội trong tình hình mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng uỷ Học viện Hậu cần (2023), Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác GDĐT đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện trong tình hình mới, Hà Nội.
2. Đảng uỷ Học viện Hậu cần (2023), Nghị quyết số 884-NQ/ĐU về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 – 2030 và những năm tiếp theo, Hà Nội.
3. Đảng ủy Khoa Doanh trại (2024), Nghị quyết Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, Hà Nội.

# THỰC HÀNH MỞ CỬA, ĐÁNH CHIẾM ĐẦU CẦU CỦA SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH PHÒNG NGƯ

Đại tá, TS. PHẠM VĂN HẢI  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Based on theoretical and practical research as well as influencing factors, this article discusses the practice of breaching and seizing bridgeheads by infantry divisions during offensive operations against the defensive enemy in the Fatherland protection war.

## I. TÓM TẮT

Từ nghiên cứu lí luận, thực tiễn và các yếu tố tác động, bài viết bàn về thực hành mở cửa, đánh chiếm đầu cầu (ĐCĐC) của sư đoàn bộ binh (fBB) tiến công địch phòng ngự (PN) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mở cửa, đánh chiếm đầu cầu, là hành động chiến đấu khắc phục vật cản mở thông một số cửa mở, thực hành đánh chiếm một số khu vực, địa hình có giá trị chiến thuật (gọi chung là ĐCĐC), làm bàn đạp, tạo điều kiện thuận lợi cho các phân đội đột kích trên các hướng, mũi phát triển tiến công, tiêu diệt các mục tiêu bên trong trận địa PN của địch. Khi fBB được giao nhiệm vụ tiến công địch PN có công sự vững chắc, việc mở cửa, đánh chiếm đầu cầu nhanh để đưa lực lượng đột kích vào phát triển tiến công, tránh được thương vong, tổn thất do hỏa lực định đánh phá là vấn đề cần bàn.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của fBB là lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch, có thể chủ động hoặc bị động chuyển vào PN, trong đội hình cấp trên hoặc độc lập, trên các dạng địa hình khác nhau, với hình thức PN khu vực là chủ yếu. Địch PN nhằm giữ vững khu vực, mục tiêu đã chiếm, địa hình có giá trị chiến thuật, chiến dịch; tiêu hao lực lượng, ngăn chặn, đẩy lùi tiến công của ta, củng

cố, bổ sung lực lượng, phương tiện, tạo bàn đạp cho các hoạt động tác chiến tiếp theo. Trong trận địa PN của địch, ở phía trước, khu vực tiền duyên thường bố trí nhiều tầng, nhiều lớp hàng rào dây thép gai, kết hợp với các bãy mìn, vật cản tự nhiên và được các loại hỏa lực chi viện, bảo vệ chặt chẽ.

Để ĐCĐC, sư đoàn bộ binh sử dụng các loại pháo bắn ngắm trực tiếp, cùng với các loại hỏa lực khác, tiêu diệt các mục tiêu ở phía trước và hai bên cửa mở. Chỉ huy các phân đội mở cửa nhanh, sạch, đúng hướng. Theo đó, các phân đội mở cửa sử dụng hỏa lực của mình, kết hợp với hỏa lực của fBB và lực lượng vũ trang địa phương, thực hành hỏa lực chuẩn bị theo kế hoạch; sau đó, chuyển sang giai đoạn bắn phá hoại. Kết thúc bắn phá hoại, chuyển bắn vào toàn bộ các mục tiêu ban đầu và các hỏa điểm mới phục hồi. Hỏa lực của bộ phận mở cửa, khi có lệnh, sử dụng SPG-9, ĐKZ 82mm, B40, B41, trung liên, đại liên, tiêu diệt các mục tiêu ở chính diện và hai bên cửa mở, trên hướng đảm nhiệm; sử dụng cối 60mm, cối 82mm chế áp địch ở khu vực đầu cầu. Các phân đội mở cửa vào chiếm lĩnh, dò gõ mìn đè, vướng nổ, nhanh chóng đặt các lượng nổ, giá mìn ĐH10 và liên kết các phương tiện phá rào. Khi dò gõ đến đâu phải đánh dấu hai bên đường mở. Khi cửa mở thông, phải làm sạch cửa mở, báo cáo cấp trên. Đồng thời, tiến hành

các biện pháp bảo vệ, phòng chống địch ra phản kích. Hành động của phân đội mở cửa ở thời điểm này phải hết sức khẩn trương, mau lẹ, vận dụng chiến thuật cá nhân, chiến thuật phân đội nhỏ một cách linh hoạt. Sử dụng các phương tiện phá vật cản hiệu quả, nhanh chóng phá sạch các lớp hàng rào, bã mìn, hào bao quanh cứ điểm, cụm cứ điểm hoặc các phân khu trong sở chỉ huy của tiểu đoàn, lữ đoàn địch PN.

Thực tiễn, trận tiến công căn cứ Đông Hà của fBB 308 (ngày 27 ÷ 28/4/1972), quá trình hỏa lực chuẩn bị là quá trình eBB 102 trên hướng chủ yếu, eBB 88 trên hướng thứ yếu chỉ huy các phân đội của mình thực hành mở cửa và khắc phục các chốt dã ngoại bên ngoài căn cứ như các Điểm cao (28, 29, 37, 26) và Điểm cao 20; sau đó, tiếp tục mở cửa qua 5 ÷ 6 lớp hàng rào bao quanh căn cứ, bão đảm mở đường cho bộ binh và xe tăng thực hành xung phong đánh thẳng vào trung tâm, tiêu diệt địch ở căn cứ Đông Hà và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Khi phát hiện hệ thống vật cản bị phá vỡ, các khu vực tiền duyên trên các hướng bị ta tiến công đánh chiếm, địch sử dụng máy bay trực thăng, pháo binh, xe chuyên dụng, rải vật cản bịt lấp cửa mở, ngăn chặn đội hình tiến công của phân đội ĐCDC trên các hướng tiến công.

Trên cơ sở theo dõi, nắm chắc kết quả mở cửa trên các hướng, sư đoàn trưởng ra lệnh cho các phân đội ĐCDC, nhanh chóng vượt qua cửa mở thực hành đánh chiếm những khu vực địa hình, công sự trận địa ở phía trước và mở rộng sang hai bên sườn, tiêu diệt các mục tiêu sinh lực và hỏa khí lô của địch. Hỏa lực pháo binh chuyển bắn vào các mục tiêu nằm sâu trong khu vực PN, chế

áp, không chế có hiệu quả các trận địa pháo binh, súng cối, nơi tập trung xe tăng, thiết giáp và đội hình địch cơ động phản kích, chi viện có hiệu quả cho các phân đội đánh chiếm đầu cầu, đánh nhanh, giữ chắc những khu vực đã chiếm. Chỉ huy các đội đột kích và lực lượng tiền công trên các hướng, mũi, từng bước nhích dần đội hình lên sát cửa mở, sẵn sàng xung phong đánh chiếm mục tiêu trong các cứ điểm, cụm cứ điểm, hoặc các phân khu trong sở chỉ huy của địch. Hỏa lực phòng không kiên quyết, tích cực đánh trả, tiêu diệt máy bay bay thấp, trực thăng vũ trang trong tầm bắn hiệu quả. Kết hợp với phòng không cấp trên, phòng không của lực lượng vũ trang địa phương, không chế các hoạt động đánh phá của không quân địch, bảo vệ trận địa pháo binh, sở chỉ huy và đội hình tiến công của sư đoàn. Cơ quan tham mưu, đôn đốc các đơn vị thực hiện mệnh lệnh của sư đoàn trưởng, thông báo tình hình cho các đơn vị, nắm chắc và chủ động xung phong, tiến công tiêu diệt các mục tiêu địch PN, tổng hợp tình hình báo cáo cấp trên. Khi được lệnh, hỏa lực pháo binh chuyển làn, bắn vào các mục tiêu bên trong theo kế hoạch hỏa lực, tập trung chế áp vào các trận địa pháo binh, súng cối, sở chỉ huy tiểu đoàn, lữ đoàn địch hoặc đánh vào đội hình bộ binh, xe tăng cơ động phản kích ngăn chặn lực lượng tiến công của ta, chi viện cho các phân đội ĐCDC thực hành đánh nhanh, giữ chắc, tạo điều kiện cho các lực lượng triển khai đội hình tiến công, phát triển chiến đấu, tiêu diệt địch bên trong trận địa PN, giữ chắc mục tiêu đã chiếm.

Hỏa lực bắn thẳng, nắm chắc kết quả mở cửa, chủ động bám sát đội hình, nhanh chóng phát huy hiệu quả các loại hỏa lực, tiêu diệt các mục tiêu ở chính diện và hai

bên cửa mở, chi viện trực tiếp cho các phân đội DCDC phát triển chiến đấu thuận lợi. Kết hợp chặt chẽ với hỏa lực của cấp trên, hỏa lực của lực lượng vũ trang địa phương, tiêu diệt các hỏa điểm mới xuất hiện, xe tăng, thiết giáp, hiệp đồng với lực lượng tiến công ngăn chặn, tiêu diệt địch cơ động phản kích bằng đường bộ, đổ bộ đường không. Hỏa lực phòng không đánh trả, tiêu diệt máy bay bay thấp, trực thăng vũ trang, UAV, chi viện trực tiếp cho phân đội DCDC và đội hình tiến công của sư đoàn. Phối hợp chặt chẽ với phòng không cấp trên, của lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt máy bay, trực thăng vũ trang, tên lửa hành trình trong tầm bắn hiệu quả, bảo vệ trận địa pháo binh, sở chỉ huy và đội hình tiến công của sư đoàn, sẵn sàng bảo vệ lực lượng đánh địch phản kích.

Các phân đội DCDC, bám sát đội hình mở cửa, khi cửa mở thông, nhanh chóng vượt qua, thực hành đánh chiếm các mục tiêu ở phía trước, hai bên cửa mở. Vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu, chiến thuật cá nhân, chiến thuật phân đội nhỏ, kết hợp hỏa khí bộ binh, bắn găm, bắn gần, lựu đạn, thủ pháo để tiêu diệt địch. Khi các phân đội DCDC đã thực hiện đánh chiếm xong và giữ chắc khu vực bàn đạp, các hướng, mũi nhanh chóng xung phong vượt qua cửa mở vào triển khai và thực hành tiến công tiêu diệt các mục tiêu được phân công. Các lực lượng còn lại chủ động thực hiện nhiệm vụ theo đúng kế hoạch và quyết tâm chiến đấu, sẵn sàng nhận nhiệm vụ tiếp theo.

Thực tiễn, trận tiến công thị xã Buôn Ma Thuột của fBB 316, (ngày 10 ÷ 11/3/1975), do cấu trúc đô thị tương đối phức tạp, địch tổ chức, bố trí thành nhiều phân khu, địa

hình cũng như vật cản không đồng nhất, nên khi thực hành mở cửa, DCDC, chủ yếu sử dụng lực lượng đặc công bí mật khắc phục, sau đó các hướng từ xa cơ động vào triển khai và thực hành tiến công tiêu diệt các mục tiêu.

Để thực hành mở cửa, DCDC của fBB tiến công địch PN trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc giành thắng lợi, đòi hỏi chủ nhiệm hậu cần - kĩ thuật fBB cần nắm chắc quyết tâm chiến đấu, ý định tổ chức, sử dụng lực lượng của sư đoàn trưởng; chỉ lệnh hậu cần - kĩ thuật của cấp trên, khả năng lực lượng hậu cần - kĩ thuật của sư đoàn để tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần - kĩ thuật khoa học, hợp lí, phát huy sức mạnh tổng hợp. Kết hợp chặt chẽ với hậu cần - kĩ thuật cấp trên và hậu cần - kĩ thuật khu vực phòng thủ, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

### IV. KẾT LUẬN

Mở cửa, DCDC là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong thời điểm của quá trình đột phá và có ý nghĩa quyết định giành thắng lợi khi fBB tiến công địch PN trong công sự vững chắc. Mở cửa, DCDC là nội dung mang tính nguyên tắc, trong chiến thuật tiến công địch PN, đòi hỏi chỉ huy, cơ quan và các phân đội phải có trình độ, tư duy nghệ thuật tốt. Do vậy, cần tiếp tục được trao đổi để hoàn thiện♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Sư đoàn bộ binh tiến công địch PN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Lục quân (2004), *Trận tiến công căn cứ Đông Hà của fBB 308, ngày 27 ÷ 28/4/1972*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Lục quân (2004), *Trận tiến công thị xã Buôn Ma Thuột của fBB 316, ngày 10 ÷ 11/3/1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

## ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ - BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

Trung tá, ThS. PHÙNG VĂN HAY

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

Thiếu tá, CN. NGUYỄN MINH HOÀNG

Trưởng quân sự, Quân khu 5

*Chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu khách quan, là khâu đột phá quan trọng nhất trong đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của tất cả các ngành, các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Bài viết trên cơ sở các đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Quân đội và phân tích, đánh giá thực trạng; đề xuất một số nội dung, biện pháp chuyển đổi số trong hoạt động của Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự (NCKH-HCQS).*

**C**HUYỀN đổi số trong hoạt động tạp chí khoa học là quá trình ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các khâu, khía cạnh, nhằm thay đổi toàn diện phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả mô hình hoạt động từ tạo nguồn, biên tập, phản biện, xuất bản đến các tác nghiệp và quản lý tạp chí. Bao gồm một số nội dung chủ yếu: Số hóa quy trình biên tập, xuất bản; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), các phần mềm chuyên nghiệp; số hóa tài liệu, bài viết; đưa bài viết lên các nền tảng số sẵn có, hướng tới xuất bản tạp chí điện tử; đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động thành tòa soạn số; phát triển hạ tầng số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin. Chuyển đổi số không những là xu hướng mà còn là yêu cầu bắt buộc cho sự phát triển, giữ vững và nâng cao vị thế của các tạp chí khoa học.

Trong những năm qua, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng “Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo”; Quyết định số 348/

QĐ-TTg, ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về “Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án “Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025” trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Đề án chuyển đổi số trong Bộ Quốc phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch chuyển đổi số của Học viện. Đồng thời, luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, Hội đồng Chỉ đạo về công tác tạo nguồn, biên tập, xuất bản, trong đó chuyển đổi số vào hoạt động quản lý. Tạp chí NCKH-HCQS đã nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết, tầm quan trọng, đã hành động quyết liệt, triển khai thực hiện bằng những biện pháp, kế hoạch cụ thể, từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động tạp chí. Bước đầu thu được những kết quả tích cực: Dữ liệu của Tạp chí đã được lưu trữ, chia sẻ và khai thác trong thư viện số của Học viện; đã sử dụng phần mềm chuyên nghiệp trong chỉnh sửa, thiết kế; đăng tải một phần nội dung của tạp chí trên nền tảng mạng internet (cổng thông

tin điện tử của Học viện Hậu cần); sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý văn bản, hệ thống chỉ đạo điều hành, thư điện tử và các ứng dụng như gmail, zalo,... để nhận, trao đổi trong quá trình biên tập; hạ tầng công nghệ thông tin được trang bị đủ về số lượng. Với những kết quả đó, góp phần quan trọng trong việc giữ vững vị thế, uy tín của Tạp chí và được đánh giá là một trong những cơ quan có mức độ trưởng thành về chuyển đổi số trong Học viện. Đồng thời, chính là nền tảng, là cơ sở quan trọng để đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của Tạp chí trong thời gian tới.

Tuy nhiên, thực trạng chuyển đổi số trong hoạt động của Tạp chí chưa toàn diện, sâu rộng trong toàn bộ quá trình hoạt động: tài liệu chưa được số hóa một cách có hệ thống; chưa số hóa quy trình tạo nguồn, biên tập, xuất bản (nhận, phân công biên tập, phản biện chuyên sâu, thống kê, báo cáo, phân phối tạp chí trên nền tảng số,...); chưa sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), các phần mềm chuyên sâu (chống sao chép, kiểm tra kết cấu, chính tả,...); Tạp chí vẫn hoạt động theo mô hình truyền thống; kiến thức về chuyển đổi số của đội ngũ biên tập viên còn chưa đồng đều, toàn diện; hệ thống cơ sở vật chất đủ nhưng còn nhiều thiết bị lạc hậu, nguồn tài chính còn hạn chế. Đây chính là những rào cản mà Tạp chí cần vượt qua trong việc đẩy mạnh chuyển đổi số.

Trong bối cảnh bùng nổ của khoa học công nghệ, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư; đất nước bước vào giai đoạn “kỷ nguyên vươn mình”, xây dựng “Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại”, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong các đột phá quan trọng hàng đầu, là mũi nhọn tiên phong. Vì vậy, chuyển đổi số không những là xu thế khách quan, mà còn là yêu cầu bắt buộc trong đổi mới hoạt động của các tạp chí khoa học, trong đó có Tạp chí NCKH-

HCQS. Đây không đơn giản chỉ là chuyển đổi từ phương thức hoạt động truyền thống sang hình thức số hóa, mà còn là động lực tạo ra sự phát triển mới. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động Tạp chí, cần phải tập trung vào một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, tăng cường bồi dưỡng, giáo dục nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, biên tập viên tạp chí. Đây là biện pháp cơ bản, là nền tảng đầu tiên, cũng là yếu tố quan trọng nhất để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyển đổi số. Đội ngũ lãnh đạo, biên tập viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, mới xây dựng được quyết tâm, hành động quyết liệt; đồng thời, có kiến thức mới xây dựng, tổ chức và làm chủ được công nghệ, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số thắng lợi. Trước hết, cần quán triệt sâu sắc quan điểm đường lối của Đảng, Chính phủ, Quân đội về đẩy mạnh chuyển đổi số, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương và Kế hoạch số 536/KH-BQP, ngày 31/01/2025 của Bộ Quốc phòng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội và các nghị quyết, kế hoạch chuyển đổi số của Học viện. Giáo dục để làm cho đội ngũ cán bộ, biên tập viên nhận thức rõ vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng và xu thế tất yếu; những thuận lợi, khó khăn để chuẩn bị sẵn sàng tư tưởng, quyết tâm chuyển đổi số trong hoạt động tạp chí. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau: Tham gia đầy đủ các đợt học tập, quán triệt của Học viện, thông qua nghị quyết lãnh đạo của chi bộ, lòng ghép vào trong học tập chính trị, quá trình thực hiện vụ...; kiên quyết đấu tranh với những nhận

thức lệch lạc coi thường, xem nhẹ và tâm lý ngại đổi mới trong chuyển đổi số. Mặt khác, chuyển đổi số là nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, hiểu biết về khoa học công nghệ; trong khi đó thực trạng chất lượng nguồn nhân lực của Tạp chí còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, biên tập viên; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng và thời gian thực hiện. Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số do Cục Báo chí/Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị và của Học viện tổ chức về chuyển đổi số. Cử cán bộ có năng lực, triển vọng để đi học tập, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, làm hạt nhân thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tạp chí. Phát huy vai trò tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, biên tập viên trong tạp chí.

*Hai là*, tập trung xây dựng chiến lược và kế hoạch chuyển đổi số của tạp chí. Đây là biện pháp quan trọng, thể hiện tầm nhìn; nhằm định hướng, cụ thể hóa các đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Học viện gắn với điều kiện cụ thể của Tạp chí NCKH-HCQS. Chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số được xây dựng khoa học, phù hợp, cụ thể chính là kim chỉ nam, dẫn dắt cho mọi hoạt động chuyển đổi số của tạp chí đi đúng hướng, hiệu quả. Muốn vậy, tiếp tục quán triệt và nắm chắc Quyết định số 348/QĐ-TTg, ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về “Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1827/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về “Bộ Chỉ số đánh giá, đo lường mức độ trưởng thành chuyển đổi số báo chí” và Kế hoạch chuyển đổi số của Học viện Hậu cần. Căn cứ vào tôn chỉ mục đích; định hướng phát triển Tạp chí của Đảng ủy, Ban Giám đốc

và Hội đồng Chỉ đạo và đặc điểm, tình hình thực tiễn; tham khảo chiến lược, kế hoạch của các tạp chí khoa học trong quân đội; đồng thời, phát huy trí tuệ tập thể, trong đó có các ý kiến của các nguyên lãnh đạo tạp chí, cơ quan, đơn vị trong Học viện về đẩy mạnh chuyển đổi số. Từ đó, xây dựng chiến lược phát triển chuyển đổi số của Tạp chí đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện cho từng năm; nội dung cần đáp ứng những yêu cầu sau: Mục tiêu rõ ràng, tập trung vào (đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước; sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động; hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn số); xác định nội dung chuyển đổi số phù hợp; thời gian, đối tượng và biện pháp thực hiện.

*Ba là*, tiến hành số hóa quy trình biên tập, xuất bản. Đây là một trong những nội dung trọng tâm của chuyển đổi số trong hoạt động tạp chí, thể hiện sự đổi mới từ phương thức hoạt động truyền thống sang phương thức hoạt động mới. Tiến hành số hóa quy trình biên tập, xuất bản bằng phần mềm chuyên dụng; với các phần mềm này có thể tiếp nhận, biên tập, phản biện và xuất bản một cách tự động. Với quy trình cơ bản như sau: (1). Bài viết được gửi về tạp chí; (2). Bài viết được phân công cho biên tập viên phụ trách (kiểm tra tôn chỉ, mục đích; kết cấu; đạo văn...); (2.1). Gửi cho phản biện chuyên sâu; (3). Tổng biên tập nhận phản hồi từ phản biện chuyên sâu (đồng ý chuyển bước (4), không đồng ý (gửi lại tác giả); (4). Biên tập viên nhận lại bài và biên tập; (5). Gửi lại cho tổng biên tập; (6). Trình Hội đồng Chỉ đạo Tạp chí; (8) Xuất bản tạp chí. Toàn bộ quá trình diễn ra dưới sự giám sát và điều hành của tổng biên tập.

Số hóa quy trình biên tập, xuất bản có thể sử dụng một số phần mềm như sau: (1). Hệ thống quản lý tạp chí mở - Open

## **QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Journal System (miễn phí): Giúp quản lý việc tổ chức tạp chí, gồm theo dõi công việc của biên tập viên, người phản biện, tác giả, thông báo cho bạn đọc và hỗ trợ trong trao đổi. (2). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một số nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động: phần mềm kiểm tra tôn chỉ mục đích, kiểm tra đạo văn, trùng lặp; kết cấu; phần mềm xác định và sửa lỗi chính tả tự động. (3). Sử dụng các phần mềm hỗ trợ thiết kế chuyên dụng như Adobe Indesign trong thiết kế bố cục, định dạng chữ, dàn trang bài viết, thiết kế box; phần mềm Photoshop trong thiết kế và trình bày bìa, chỉnh sửa hình ảnh. Đồng thời, sử dụng các kênh truyền thông mạng xã hội như Facebook, Zalo,... và Cổng thông tin điện tử của Học viện để mở rộng kênh tuyên truyền với những bài viết hay liên quan đến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; những bài viết lịch sử truyền thống và chỉ đạo điều hành.

Bốn là, ứng dụng các phần mềm trong quản lý tạp chí, hướng tới xây dựng tòa soạn số. Đây là mục tiêu quan trọng của chiến lược phát triển chuyển đổi số; nhằm quản lý quy trình tạo nguồn, biên tập, xuất bản được hiệu quả. Muốn vậy, cần đẩy mạnh kết hợp ứng dụng phần mềm quản lý điều hành trong Học viện với các phần mềm quản lý tòa soạn. Hiện tại, trong Học viện đang triển khai thực hiện 2 phần mềm (quản lý văn bản và hệ thống chỉ đạo điều hành) rất hữu hiệu. Vì vậy, trong quá trình hoạt động của tạp chí cần phát huy tối đa hiệu quả. Đồng thời, xây dựng và ứng dụng một số phần mềm quản lý tạp chí như: Quản lý tài liệu tạp chí (bài viết) bằng việc số hóa (tên bài, tác giả, đơn vị, chuyên mục, tóm tắt, nội dung, thời gian); quản lý biên tập viên, nhà khoa học, phản biện chuyên sâu (họ và tên, đơn vị, chức danh khoa học, tóm tắt khoa học,...); số hóa tài liệu khoa học như đề tài, luận văn, luận án, bài báo, tài liệu, giáo trình,.. (đồng bộ trong

Học viện, cần phối hợp với cơ quan quản lý Khoa học và đào tạo sau đại học). Để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, cần hoàn thiện hạ tầng số và nguồn tài chính. Trước hết, cần bổ sung hệ thống máy tính cho đội ngũ biên tập viên của tạp chí. Sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính được cấp để số hóa quy trình biên tập xuất bản; nâng cấp, xây dựng, khai thác các phần mềm miễn phí; tìm kiếm sự hỗ trợ, đánh giá hiệu quả, đầu tư mua các phần mềm chuyên sâu.

Trong giai đoạn hiện nay, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu khách quan, là cơ hội nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức đối với các tạp chí khoa học nói chung, của Tạp chí NCKH-HCQS nói riêng. Thực hiện đồng bộ những nội dung, biện pháp trên sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, tạo ra bước đột phá trong đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng tạp chí, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục-dào tạo của Học viện Hậu cần♦

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW, về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), Quyết định số 1827/QĐ-BTTTT, về Bộ Chỉ số đánh giá, đo lường mức độ trưởng thành chuyển đổi số báo chí, Hà Nội.
3. Chính phủ (2023), Quyết định số 348/QĐ-TTg, về “Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2025), Kế hoạch chuyển đổi của Học viện Hậu cần năm 2025, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2025), Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội, Hà Nội.

# NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG DỊCH CHIẾT CÓ HOẠT TÍNH SINH HỌC TỪ GỪNG, RIỀNG ĐỂ BẢO QUẢN CÁ RÔ PHI NHẰM PHỤC VỤ BỘ ĐỘI

Trung tá, PGS. TS. NGUYỄN THỊ BÍCH HƯỜNG

Khoa Khoa học Cơ bản, Học viện Hậu cần

Trung sĩ NGUYỄN QUANG HÀ

Tiểu đoàn 3, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** This study investigated the preservation of post-harvest tilapia fillets using organic preservatives derived from ginger and galangal extracts. The research results show that the solvent used to prepare the ginger/galangal powder solution is rice wine and water at 50 degrees Celcius, with an alcohol concentration of 10 degrees. The ginger/galangal ratio is 1:1 by volume, the immersion time of the fish in the solution was 30 minutes, and the maximum preservation time is 96 hours at 25 degrees Celcius.

## I. TÓM TẮT

Trong nghiên cứu này sẽ tiến hành bảo quản philê cá rô phi sau thu hoạch bằng các phụ gia an toàn từ dịch chiết gừng, riềng. Chất lượng cá sau bảo quản được đánh giá qua chỉ tiêu hóa lý (pH, độ ẩm,  $\text{NH}_3$ , protein, lipit), chỉ tiêu vi sinh vật và cảm quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dung môi sử dụng pha bột gừng/riềng là rượu trắng và nước ở  $50^\circ\text{C}$ , độ của rượu trong dung môi là 10, tỷ lệ gừng/riềng là 1:1 về thể tích, thời gian nhúng cá trong dung dịch là 30 phút, thời gian bảo quản 96 giờ ở  $25^\circ\text{C}$ .

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

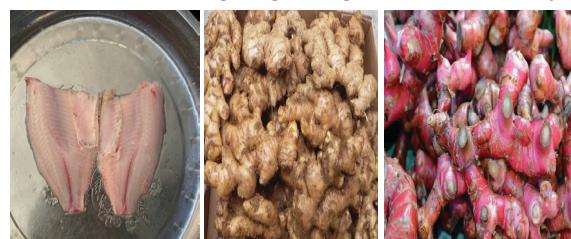
Cá rô phi là một trong những loại thực phẩm thường được lựa chọn đưa vào khẩu phần ăn của bộ đội. Tuy nhiên, trong những điều kiện đặc thù như huấn luyện dã ngoại, diễn tập, chiến đấu... đơn vị thường ở đồi, núi; chốt dân quân thường trực, chốt đường biên, cứu hộ cứu nạn, các tổ chốt ở xa đồn thì việc đảm bảo nguồn cá tươi cho bữa ăn của bộ đội là vấn đề khó khăn, cần phải nghiên cứu giải quyết. Vì vậy, nghiên cứu dịch chiết từ gừng, riềng để bảo quản cá rô

phi trong ở nhiệt độ bình thường ( $25^\circ\text{C}$ ) là cần thiết.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Nguyên liệu và hóa chất

Cá rô phi có khối lượng tương đương nhau, đảm bảo tươi sống; gừng, riềng được trồng khoảng 10 tháng tuổi, đảm bảo tươi mới. Còn sử dụng để chiết trong đề tài là còn thực phẩm và rượu trắng sử dụng làm dung môi hòa tan bột gừng/riềng sau khi cô quay.



Hình 1. Hình ảnh philê cá rô phi;  
gừng tươi và riềng tươi

### 2. Thiết bị và dụng cụ

Máy móc và dụng cụ phục vụ thí nghiệm bao gồm: Lò sấy, máy cô quay chân không, máy nghiền bột khô, máy quay ly tâm, cân phân tích và một số dụng cụ khác.

## QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Kỹ thuật thực nghiệm: Các thí nghiệm được tiến hành tại phòng thí nghiệm Hóa, Khoa Khoa học Cơ bản, Học viện Hậu cần. Mẫu cá tươi sau bảo quản được xác định chỉ tiêu vi sinh, chỉ tiêu hóa lý tại Viện Dinh Dưỡng quốc gia.

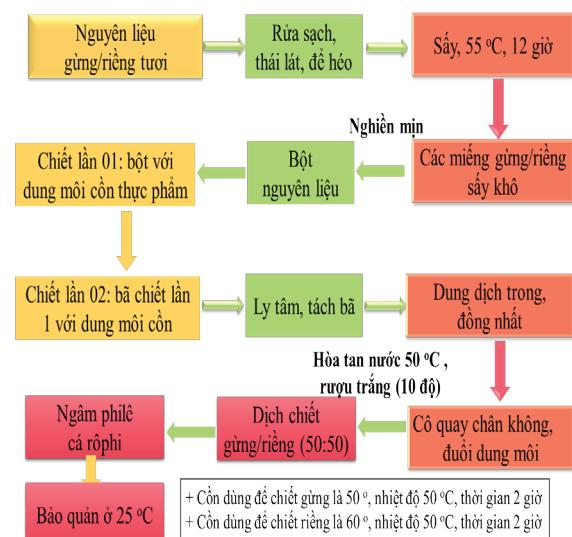
### 3. Phương pháp nghiên cứu

a) Phương pháp thực nghiệm: Quy trình thí nghiệm được mô tả tóm tắt trong sơ đồ 1.

b) Các phương pháp đánh giá mẫu cá sau bảo quản

- Các phương pháp xác định chỉ tiêu vi sinh: Chỉ tiêu vi sinh được xác định theo TCVN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Phương pháp xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí theo TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013). Tổng số vi khuẩn Enterobacteriaceae được định lượng bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc, theo TCVN 5518 - 2: 2007. Phương pháp định lượng Staphylococcus aureus và các loài khác: xác định thông qua kỹ thuật đếm số khuẩn lạc theo TCVN 4830-1:2005 ( (ISO 6888-1 : 1999, AMD 1 : 2003).

- Các phương pháp xác định chỉ tiêu hóa lý của cá sau bảo quản: Hàm lượng protein trong các mẫu cá được xác định thông qua hàm lượng Nitơ bằng phương pháp Kjeldahl theo TCVN 10034:2013. Hàm lượng lipit của các mẫu cá được xác định theo kỹ thuật chiết Soxhlet, được Viện Dinh dưỡng ban hành (NIN.G.01.M 003 (2023)). Hàm lượng amoniac của các mẫu cá được xác định theo kỹ thuật chưng cất và chuẩn độ, được Viện Dinh dưỡng ban hành (NIN.G.01.M 122). Độ ẩm của các mẫu cá được xác định bằng phương pháp khối lượng do Viện Dinh dưỡng ban hành hướng dẫn (NIN.G.01.M 001(2022)).



### Sơ đồ 1. Sơ đồ tóm tắt quy trình chế tạo dịch chiết và bảo quản philê cá rô phi

### 4. Kết quả sản xuất dịch chiết gừng/riềng

Các mẫu gừng/riềng trước khi sử dụng để sản xuất dịch chiết đều được nghiên cứu để tìm ra điều kiện sấy phù hợp (Bảng 1).

**Bảng 1: Theo dõi thời gian nhiệt độ sấy gừng/riềng**

Nhiệt độ sấy (°C)	Thời gian	Độ ẩm (%)
40	30	7,5 - 8,0
45	22	
50	15	
55	12	
60	11	
65	10	
70	9	

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cho thấy, về cơ bản, độ ẩm của nguyên liệu đều đạt so với yêu cầu đề ra (nhỏ hơn 8%). Qua nghiên cứu nhiệt độ sấy và thời gian sấy, cho phép lựa chọn nhiệt độ sấy 55°C trong 12 giờ là phù hợp nhất. Độ ẩm của bột gừng 7,91 %, màu vàng sáng; của bột riềng 7,42%, màu nâu xám. Gừng/riềng

sau khi sấy được nghiền mịn bằng máy xay nhỏ gia đình.

Dịch chiết thu được có màu vàng sáng với gừng và màu nâu nhạt với riềng và giá trị pH của hỗn hợp dịch chiết là 5,8; pH này gần tương đương với pH tự nhiên của thịt cá, điều này tạo thuận lợi cho quá trình sử dụng dịch chiết khi nhúng vì sẽ hạn chế những biến đổi bất lợi nếu pH của cá và dịch nhúng khác biệt quá nhiều.

#### **5. Kết quả nghiên cứu bảo quản philê cá rô phi bằng dịch chiết gừng/riềng**

Để nghiên cứu điều kiện bảo quản philê cá rô phi cần nghiên cứu một số nội dung sau: Khảo sát thời gian nhúng dịch gừng/riềng; sự thay đổi pH của philê cá rô phi trong quá trình bảo quản và các chỉ tiêu vi sinh, hóa lý của mẫu cá sau bảo quản.

Thời gian nhúng philê cá rô phi trong hỗn hợp dịch chiết với tỷ lệ về thể tích của gừng/riềng lần lượt là 1:3; 1:1; 3:1 là 15, 30, 45 và 60 phút. Các mẫu nhúng trong dung

dịch 15, 30 phút đều giữ được màu trắng và mùi vị đặc trưng của cá. Ở mẫu 45, 60 phút, xuất hiện mùi của gừng/riềng trên miếng philê cá rô phi. Đánh giá cảm quan cho thấy, mẫu dịch tỷ lệ 1 : 1 trong thời gian 30 phút có khả năng bảo quản cá tốt nhất. Vì vậy, nhóm nghiên cứu lựa chọn để tiến hành nghiên cứu thời gian bảo quản philê cá. Các nghiên cứu nhận định pH là một chỉ tiêu hóa lý quan trọng phản ánh sự biến đổi của cá trong quá trình bảo quản. Qua theo dõi nhận thấy, giá trị pH thay đổi không đáng kể trong thời gian 96 giờ nhưng đến sau 106 giờ, quan sát thấy cá bắt đầu có sự biến đổi, có hiện tượng ôi, pH của các miếng cá tăng lên trên 7,0 và mẫu cá bắt đầu có mùi thối, thịt cá ngả màu, không sử dụng được.

#### **6. Chất lượng cá rô phi được bảo quản bằng dịch chiết gừng/ riềng**

Chất lượng cá rô phi sau bảo quản được đánh giá thông qua các giá trị như chỉ tiêu vi sinh, độ ẩm, protein, lipit, amoniac và độ ẩm (Bảng 2).

**Bảng 2: Chất lượng cá rô phi được bảo quản bằng dịch chiết gừng/ riềng**

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Kết quả		Giới hạn cho phép
			CTG/CTR30	CT	
1	Protein	g/100g	16.75	16.72	-
2	Lipit	g/100g	3.04	2.84	-
3	NH <sub>3</sub>	g/100g	0.03	0.02	0,035
4	Độ ẩm	g/100g	76.45	77.27	75 - 80
5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	1.2.104	4.2.104	5.10 <sup>5</sup> - 5.10 <sup>6</sup>
6	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	CFU/g	KPH	KPH	≤ 100
7	Enterobacteriaceae	CFU/g	1.10	1.7.103	10 <sup>3</sup> - 10 <sup>4</sup>

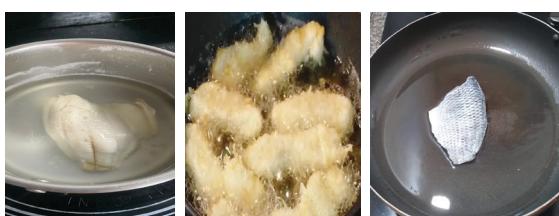
Một số vi khuẩn hiếu khí, vi khuẩn thuộc họ Enterobacteriaceae, vi khuẩn Staphylococci dương tính coagulase đều có thể làm tăng nguy cơ nhiễm các vi khuẩn gây bệnh cho người sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hàm lượng vi khuẩn có trong mẫu philê cá rô phi sau bảo quản đều nằm trong giới hạn cho phép.

Kết quả nghiên cứu các chỉ tiêu hóa lý trong mẫu cá sau bảo quản đều không có sự khác biệt nhiều so với mẫu cá tươi. Đối với hàm lượng amoniac là đại lượng cho phép đánh giá độ tươi của cá, kiểm soát an toàn thực phẩm. Mẫu cá sau bảo quản có hàm lượng amoniac thấp hơn so với tiêu chuẩn Việt Nam được công bố (≤

QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

0,035 g/100 g) cho thấy sau 96 giờ bảo quản cá đảm bảo độ tươi, chưa xảy ra quá trình phân hủy protein. Kết quả thử nghiệm cho thấy cá có độ ẩm tương đương với mẫu cá tươi mới đánh bắt, chưa bị mất nước, thịt vẫn còn tươi. Như vậy, có thể khẳng định các mẫu cá tươi được ướp trong dịch chiết gừng, riềng hay hỗn hợp gừng riềng là một biện pháp bảo quản tương đối khả thi, đảm bảo độ tươi ngon của cá.

Để kiểm nghiệm, đánh giá ban đầu về chất lượng của cá sau bảo quản, nhóm nghiên cứu đã tiến hành luộc, rán mẫu cá sau bảo quản (Hình 2). Qua quan sát cho thấy, thịt cá săn chắc, dai, vị thơm và ngọt, mẫu cá luộc không có mùi vị của rượu. Thông qua quá trình nghiên cứu và kết quả đánh giá cảm quan cũng như đánh giá các chỉ tiêu hóa lý bước đầu khẳng định, có thể bảo quản cá bằng dịch chiết gừng/riềng với tỷ lệ về thể tích là 1:1, ngâm trong dịch chiết 30 phút, thời gian bảo quản là 96 giờ.



Hình 2. Hình ảnh chế biến cá sau bảo quản

## VI. KẾT LUẬN

Như vậy, trong nghiên cứu này, nhóm

tác giả đã chiết xuất được dịch chiết gừng/riềng trong dung môi cồn. Cồn dùng để chiết gừng là 50 độ, nhiệt độ 50°C, thời gian 2 giờ. Cồn dùng để chiết riềng là 60 độ, nhiệt độ 50°C, thời gian 2 giờ. Dung dịch dùng để nhúng philê cá rô phi được pha từ bột gừng/riềng sau cô quay từ dịch chiết là hỗn hợp rượu trắng và nước có nồng độ cồn là 10. Điều kiện bảo quản cá tốt nhất là trong dịch chiết tỷ lệ về thể tích gừng/riềng là 1:1, thời gian nhúng 30 phút, ở 25°C, trong 96 giờ. Mẫu cá thu được đều đảm bảo về chỉ tiêu vi sinh, chỉ tiêu hóa lý và độ tươi, săn chắc. Kết quả này cho phép mở ra hướng nghiên cứu sâu hơn trước khi ứng dụng vào bảo quản cá cho bộ đội trong một số điều kiện đặc biệt♦

## Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn An (2016), “*Nghiên cứu ứng dụng dịch chiết từ gừng và riềng trong bảo quản philê cá Diêu Hồng*”, Luận văn Thạc sĩ kỹ thuật, Đại học Bách khoa, Hà Nội.
  2. Kiều Hữu Ánh (2015), “*Giáo trình Vi sinh vật học thực phẩm*”, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
  3. Ghosh K., Banerjee S., Mullick H. I. và Banerjee J. (2011), “*Zingiber Officinale: A natural gold*”, *International Journal of Pharma and Bio Sciences*, pp. 283-294.
  5. Shipra B. , Kshipra D., Amla B., Asha S., Bharti M. (2012), “*Zingiber officinale: Chemical and phytochemical screening and evaluation of its antimicrobial activities*”, *Journal of Chemical and Pharmaceutical Research*, 4(1), pp.360 - 364.

# NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN SUẤT ĂN DÃ NGOẠI ÚNG DỤNG THỰC TIỄN

Trung tá, ThS. TẠ THỊ MINH HUYỀN  
Thiếu tá, ThS. LÊ NGỌC BIÊN  
Viện Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự, HVHC

**ABSTRACT:** Troop feeding plays a vital role in maintaining soldiers' health. In high-tech warfare, troop feeding should meet strict requirements in both nutrition and tactical adaptability. This article studies the development and improvement of field rations for soldiers to meet nutritional and energy demands during training and combat.

## I. TÓM TẮT

Công tác nuôi dưỡng bộ đội giữ vai trò quan trọng trong giữ gìn sức khỏe của bộ đội. Trong chiến tranh công nghệ cao, công tác nuôi dưỡng bộ đội phải đáp nhiều yêu cầu về dinh dưỡng và chiến thuật. Bài báo nghiên cứu phát triển, hoàn thiện suất ăn dã ngoại cho bộ đội, đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng và năng lượng trong huấn luyện và chiến đấu.

## II. ĐẶT VĂN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh là binh đoàn chiến thuật cao nhất; trong thời bình, có nhiệm vụ chủ yếu là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, thực hiện các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn và các nhiệm vụ đột xuất khác. Khi chiến tranh xảy ra, sư đoàn bộ binh là lực lượng chủ lực, nòng cốt thực hiện các trận đánh và các chiến dịch. Để thực hiện nhiệm vụ đó, trước hết, bộ đội phải có sức khỏe dẻo dai. Vì vậy, công tác nuôi dưỡng bộ đội phải được tiếp tục nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu đó. Trong điều kiện chiến đấu ác liệt, địch đánh phá liên tục, diễn biến chiến đấu khó lường, công tác nuôi dưỡng bộ đội sẽ gặp rất nhiều khó khăn; bảo đảm ăn uống có thể không kịp thời, nhu cầu dinh dưỡng khó đáp ứng. Do đó, phát triển, hoàn thiện suất ăn

dã ngoại cho bộ đội sử dụng là vấn đề cần thiết, có thể khắc phục những khó khăn của bảo đảm ăn uống trong chiến đấu.

## III. GIẢI QUYẾT VĂN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Suất ăn dã ngoại là suất ăn được định lượng theo bữa ăn bảo đảm về năng lượng và thành phần dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể, được chế biến sẵn, sử dụng thuận tiện trong huấn luyện, diễn tập dã ngoại, hành quân, tác chiến và một số nhiệm vụ khác ở điều kiện khó khăn hoặc không thể tổ chức nấu ăn được.

Các giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu nghiên cứu sản xuất suất ăn với chi phí phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn tiền ăn của bộ đội trong diễn tập (quy định tại Thông tư số 168/2021/TT-BQP) trên cơ sở nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất các món ăn của đề tài “Úng dụng công nghệ sinh học sản xuất suất ăn dã ngoại phục vụ sư đoàn bộ binh huấn luyện diễn tập, hành quân và chiến đấu” như sau:

Sử dụng bao bì chứa có dung tích lớn hơn để chứa đủ lượng thức ăn cho 03 người/món ăn/bữa đối với các món thức ăn và canh (không áp dụng cho cơm tươi và cháo dinh dưỡng). Khi đó, với mỗi món ăn/

## QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

canh chỉ sử dụng 01 túi cho 03 người thay vì 03 túi cho 03 người nên giảm thiểu chi phí bao bì, vừa góp phần hạ giá thành sản phẩm vừa hướng đến giảm lượng rác thải ra môi trường tự nhiên.

Để sản xuất thử nghiệm món ăn riêng lẻ, sử dụng túi Retort 4 lớp có khả năng chứa đựng khác nhau: túi đáy đứng 14 x 18cm, sức chứa tối đa 390g đóng các sản phẩm có khối lượng từ 270 ÷ 390g. Riêng sản phẩm Cơm tươi sử dụng hộp PE 500ml tiệt trùng trong túi retort 3 lớp kích thước 19 x 25cm. Các món canh sử dụng túi 3 lớp kích thước 19 x 25cm. Cải tiến này dự tính làm giảm giá thành sản xuất sản phẩm, cụ thể là giảm chi phí bao bì sử dụng.

Nghiên cứu xác định điều kiện tiệt trùng với các món ăn định lượng cho 03 người/món/bữa ăn; tính toán năng lượng bảo đảm và chi phí sản xuất nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ăn 130.000 đồng/người/ngày.

Bên cạnh việc thay đổi bao bì, để đa dạng món ăn và giữ nguyên giá thành, cần chú trọng chế biến nguyên liệu: Đa dạng cách chế biến sau ướp enzyme đối với cùng một loại nguyên liệu (như thịt lợn, cá nục) nhằm tạo ra nhiều món mà vẫn bảo đảm năng lượng, dinh dưỡng cho suất ăn.

Kết quả đạt được như sau:

\* Kết quả xác định thời gian tiệt trùng sản phẩm: Quá trình thử nghiệm đóng gói theo định lượng 03 người/món/bữa ăn, kết quả nghiên cứu quá trình tiệt trùng sản phẩm đã xác định thời gian tiệt trùng sản phẩm ở 121°C từ 40 ÷ 60 phút (tùy loại sản phẩm), bảo đảm được hiệu quả tiệt trùng, chất lượng và thời hạn bảo quản sản phẩm đạt từ 06 tháng (với sản phẩm cơm tươi) đến 12 tháng (các sản phẩm khác).

\* Kết quả tính năng lượng bảo đảm của suất ăn: Khi hành quân, diễn tập, nhu cầu năng lượng của bộ đội cao hơn so với hoạt động thường xuyên. Nhu cầu năng lượng được chia theo cơ cấu bữa ăn trong diễn tập là 2/4/4. Thực đơn ăn và năng lượng suất ăn S.A.D theo Bảng 3.1.

Năng lượng suất ăn thực tế sản xuất bảo đảm 3.998,04 Kcal/người/ngày đã đáp ứng tiêu chuẩn năng lượng suất ăn dùng trong diễn tập của Nhiệm vụ đề ra ( $4000 \pm 50$  Kcal/người/ngày). Thực đơn với cơ cấu bữa phụ, bữa chính 1, bữa chính 2 lần lượt cung cấp 20,85; 37,58 và 36,95% năng lượng cả ngày, cơ bản sát với cơ cấu 2-4-4 (cùng với bữa ăn thêm 4,61%).

Bữa ăn	Món ăn	Khối lượng (g)	Năng lượng món ăn (Kcal/món)	Năng lượng suất 3 (Kcal/bữa)	Tỉ lệ %
Bữa phụ S.A.D- P01	Cơm tươi	3hộp x300	1565,37	2.500,65	20,85
	Thịt lợn hầm	390	675,48		
	Canh khoai tây	600	259,80		
Bữa chính S.A.D- C01	Cơm tươi	6hộp x300	3130,74	4.507,94	37,58
	Thịt lợn xay	390	792,17		
	Cá kho tiêu	270	487,32		
	Canh chua	540	97,42		
Bữa chính S.A.D- C02	Cơm tươi	6hộp x300	3130,74	4.431,76	36,95
	Cá sốt cà chua	390	580,13		
	Thịt lợn kho tàu	390	726,73		
	Canh củ cải	600	113,94		
Ăn thêm	Cháo dinh dưỡng	3gói x300	553,77	553,77	4,61
Tổng cộng năng lượng/3 người/ngày				11.994,12	100
Năng lượng/người/ngày:				3.998,04Kcal	

### Bảng 3.1. Thực đơn, định lượng món ăn và năng lượng bảo đảm của suất ăn

Như vậy, suất ăn sản xuất thực tế đảm bảo món ăn theo thực đơn, đủ tiêu chuẩn định lượng và đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng, năng lượng cho bộ đội trong diễn tập chiến thuật.

\* Kết quả tính giá thành suất ăn và hiệu quả sử dụng:

Thông tư số 168/2021/TT-BQP, ngày 18/12/2021 quy định định lượng, mức tiền ăn làm cơ sở tính toán cho suất ăn trong diễn tập là 130.000đồng/người/ngày.

Chi phí nguyên vật liệu sử dụng sản xuất 1 suất ăn cho 1 người ăn trong 1 ngày được tính theo Công văn 7717/HCKT-QN, ngày 31/10/2024 của Học viện Hậu cần về xác định giá hàng hóa LTTP và chất đốt tháng 11/2024, là 130.101 đồng. Khi định lượng theo suất ăn ba người, chi phí sản xuất giảm so với suất ăn cá nhân.

Thông tin so sánh	Suất ăn dã ngoại cá nhân (2020)	Suất ăn diễn tập cá nhân (2020)	Suất ăn diễn tập 3 người (2024)
Giá thành suất ăn (đồng/người/ngày)	86.740	124.108	130.101
Chênh lệch giá với tiêu chuẩn tiền ăn (%)	Cao hơn 44,56	Cao hơn 4,00	Cao hơn 0,08
Chi phí bao bì (đồng)	28.300	48.540	79.740
% chi phí bao bì	32,63	40,40	20,40
Năng lượng bảo đảm (Kcal/người/ngày)	3556,00	4068,50	3998,04

**Bảng 3.2: So sánh suất ăn cá nhân và suất ăn ba người**

Việc sản xuất suất ăn diễn tập 3 người đã góp phần giảm chi phí bao bì từ 32,63% (suất ăn dã ngoại dùng cho cá nhân năm 2020) và 40,4% (suất ăn diễn tập dùng cho cá nhân năm 2020) xuống còn 20,4% mà năng lượng cung cấp vẫn là 3.998,04 Kcal/người/ngày (khi diễn tập). Việc sản xuất suất 3 người không chỉ giúp giảm giá thành mà còn làm giảm lượng bao bì sử dụng. Cụ thể, lượng túi sử dụng của suất 3 người (trong diễn tập) đã giảm được 16 túi so với sử dụng suất cá nhân.

Từ xác định chi phí sản xuất suất ăn 3 người (trong diễn tập) có thể hướng đến sản xuất suất ăn 3 người theo định mức tiền ăn bộ binh thường xuyên, bằng cách giảm định lượng và sử dụng thực phẩm rẻ hơn thịt lợn hoặc sảm phẩm tăng gia của đơn vị sao cho năng lượng cung cấp vẫn là 3.200 ÷ 3.500 Kcal/người/ngày. Nếu sản xuất khối lượng lớn thì chi phí về nguyên liệu, bao bì sẽ giảm; từ đó, chi phí suất ăn cũng giảm.

Ngoài ra, nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu hoàn chỉnh 06 quy trình công nghệ sản xuất món ăn (thịt lợn xay, thịt lợn hầm, thịt kho tàu, canh chua, cơm tươi, cháo dinh dưỡng) theo hướng cụ thể, dễ áp dụng với lực lượng phục vụ ở các đơn vị (các trạm chế biến của sư đoàn bộ binh dù quân). Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất 04 món ăn mới (cá kho tiêu, cá sốt cà chua, canh củ cải, canh khoai tây) góp phần đa dạng thực đơn. Hoàn thiện quy trình sản xuất cơm tươi với thời gian bảo quản 06 tháng. Nhóm tác giả cũng đã nghiên cứu sử dụng nhiều loại enzym đối với các loại thực phẩm chủ yếu (thịt lợn, cá nục) và khẳng định: enzym protease dạng bột từ vi sinh vật phù hợp nhất (điều này, trong đề tài “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất suất ăn dã ngoại phục vụ sư đoàn bộ binh huấn luyện diễn tập, hành quân chiến đấu” năm 2021 chưa có điều kiện nghiên cứu).

#### **IV. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu đã thành công trong sản xuất suất ăn dã ngoại dành cho 03 người/bữa, bảo đảm năng lượng là 3.998,04Kcal/người/ngày và phù hợp với tiêu chuẩn tiền ăn của bộ đội trong diễn tập. Thực đơn xây dựng cho 01 ngày ăn, gồm 02 bữa chính, 01 bữa phụ, 01 bữa ăn thêm.

Suất ăn 3 người còn có thể nghiên cứu vận dụng với tiêu chuẩn tiền ăn thường xuyên, khi đơn vị sử dụng sản phẩm tăng gia sản xuất hoặc số lượng sản xuất lớn♦

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình dinh dưỡng (tập 1, 2, 3)*, Hà Nội.
2. Phạm Đức Dũng (2021), *Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất suất ăn dã ngoại phục vụ sư đoàn bộ binh huấn luyện diễn tập, hành quân chiến đấu*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ BẢN ĐỒ SỐ MÃ NGUỒN MỞ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, QUY HOẠCH KHO XĂNG DẦU QUÂN SỰ

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN SÁCH THÀNH

Học viện Kỹ thuật quân sự

Thượng tá, ThS. VŨ VĂN MINH

Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** In the Fourth Industrial Revolution, technological platforms such as information technology and digital mapping technologies can be applied to the management and planning of military fuel depots. This paper presents the results of applying open-source digital mapping platforms, including QGIS, PostGIS, and MapWinGIS, to the management and planning of military fuel depots.

## I. TÓM TẮT

Trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0, có thể ứng dụng các nền tảng công nghệ như công nghệ thông tin, công nghệ bản đồ số để QLQH kho xăng dầu. Bài báo này trình bày kết quả ứng dụng các nền tảng công nghệ bản đồ số mã nguồn mở, như: QGIS, PostGIS, MapWinGIS nhằm hỗ trợ quản lý, quy hoạch (QLQH) kho xăng dầu quân sự (XDQS).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động QLQH kho XDQS nhằm bảo đảm tốt cho mọi hoạt động thường xuyên cũng như đột xuất của đơn vị. Có nhiều giải pháp để vận dụng trong QLQH kho XDQS. Song, trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng các nền tảng công nghệ bản đồ số mã nguồn mở trong QLQH kho XDQS là giải pháp có nhiều ưu điểm, phù hợp với xu thế hiện nay.

Công nghệ bản đồ số đề cập đến việc sử dụng các thiết bị điện tử và phần mềm để xây dựng, biểu diễn, phân tích, quản lý dữ

liệu bản đồ và thông tin địa lý. Một số khía cạnh chính của công nghệ bản đồ số bao gồm: Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System - GIS); hệ thống định vị toàn cầu; dịch vụ lập bản đồ trực tuyến, viễn thám, bản đồ 3D...

Hiện nay, ở Việt Nam công nghệ bản đồ số đã được ứng dụng trong một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu. Chẳng hạn như, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè đã triển khai hệ thống phần mềm vận hành và cảnh báo sự cố mạng lưới ống truyền tải xăng dầu dựa trên nền tảng ArcGIS Engine thương mại. Qua đó, các tổ chức có thể nâng cao hiệu quả hoạt động tổng thể, cải thiện các biện pháp an toàn và đưa ra quyết định phù hợp dựa trên dữ liệu không gian thời gian thực.

Thực tiễn đó và với những ưu điểm của công nghệ bản đồ số cho thấy, việc ứng dụng công nghệ này trong hoạt động QLQH kho XDQS (kho cố định và Kho dã chiến) là cần thiết.

### **III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Công nghệ bản đồ số mã nguồn mở**

Các nền tảng công nghệ bản đồ số mã nguồn mở là công cụ nhằm xử lý các loại dữ liệu không gian địa lý. Các nền tảng này sẽ cung cấp cho người dùng có chuyên môn khả năng nghiên cứu, chỉnh sửa mã nguồn và phân phối các sản phẩm phần mềm với khả năng linh hoạt cao, cũng như chi phí thấp hơn so với các giải pháp thương mại. Ngày nay, với sự ra đời của các hiệp hội địa không gian mở - có sự tham gia liên kết của các trường đại học, các tổ chức phi lợi nhuận, các nền tảng công nghệ bản đồ số mở (QGIS, MapWinGIS, PostGIS...) đã và đang được phát triển ra các sản phẩm phù hợp với nhiều cấp độ, quy mô phát triển khác nhau.

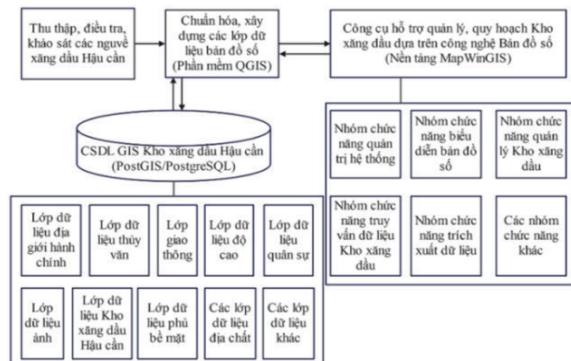
QGIS là phần mềm biên tập và xử lý dữ liệu GIS mã nguồn mở, được phát triển bởi Gary Sherman vào năm 2002. QGIS bao gồm nhiều chức năng, như: Biểu diễn và chồng xếp các dữ liệu vector và raster theo nhiều định dạng khác nhau; biên tập, in ấn các loại bản đồ ở nhiều tỷ lệ; truy xuất cơ sở dữ liệu để xây dựng các mẫu biểu báo cáo; bộ công cụ số hóa và hỗ trợ giải đoán ảnh vệ tinh GRASS...

PostGIS là phần mềm được tích hợp trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu (CSDL) PostgreSQL nhằm xây dựng CSDL không gian địa lý, được phát triển bởi Research Inc vào năm 2001. PostGIS hỗ trợ các kiểu dữ liệu địa lý, như: vector, raster, các hàm, toán tử và các chỉ số không gian. PostGIS cung cấp các tính năng như: xử lý các đối tượng không gian dạng điểm, đường, đa giác, đa điểm, đa đường, đa vùng, dạng tập hợp hình học; thiết lập các phép chiếu không gian và chuyển đổi hệ tọa độ....

MapWinGIS là một nền tảng phát triển ứng dụng GIS, cung cấp môi trường lập trình với khả năng biểu diễn bản đồ bản đồ, phân tích dữ liệu không gian và thao tác nhiều loại định dạng dữ liệu raster và vector. MapWinGIS cung cấp một hiệu suất cao và dễ sử dụng trong các ngôn ngữ lập trình khác nhau. MapWinGIS chạy trên nền tảng hệ điều hành Windows và có thể được tích hợp trong môi trường phát triển ứng dụng .NET

#### **2. Mô hình giải pháp đề xuất**

Dưới đây là mô hình giải pháp ứng dụng các nền tảng công nghệ bản đồ số mã nguồn mở nhằm hỗ trợ hoạt động QLHQ kho XDQS do nhóm tác giả đề xuất.



**Hình 1. Mô hình giải pháp đề xuất**

Mô hình này được xây dựng dựa trên các giải pháp mã nguồn mở như QGIS, PostGIS/PostgreSQL và MapWinGIS; bao gồm các thành phần như sau:

- Cơ sở dữ liệu GIS XDQS: Bao gồm lớp dữ liệu địa giới hành chính, lớp dữ liệu thủy văn, lớp dữ liệu giao thông, lớp dữ liệu độ cao, lớp dữ liệu ảnh, lớp dữ liệu phủ bề mặt, lớp dữ liệu địa chất, lớp dữ liệu kho XDQS và nhiều lớp dữ liệu GIS khác. Cơ sở dữ liệu này được thiết lập ở hệ tọa độ VN-2000, mui chiếu 48; được lưu trữ và quản lý bởi PostGIS và có thể liên kết phần mềm QGIS hỗ trợ quá trình biên tập, chỉnh sửa và cập nhật dữ liệu.

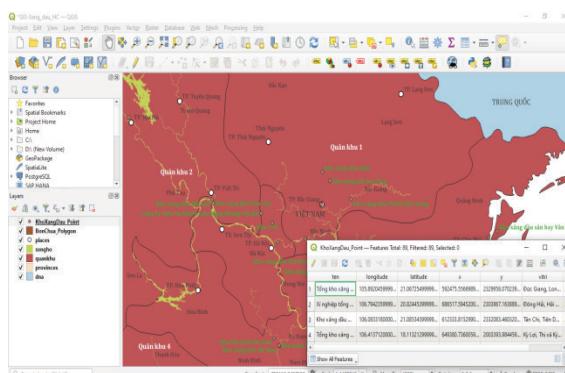
## QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

- Công cụ GIS hỗ trợ QLQH Kho xăng dầu được phát triển dựa trên nền tảng MapWinGIS: Bao gồm các nhóm chức năng quản trị hệ thống, nhóm chức năng biểu diễn bản đồ số, nhóm chức năng quản lý Kho xăng dầu, nhóm chức năng truy vấn dữ liệu, nhóm chức năng trích xuất dữ liệu và các nhóm chức năng khác.

### 3. Kết quả đạt được

Kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đạt được một số nội dung như sau:

- Chuẩn hóa, xây dựng CSDL GIS về Kho XDQS dựa trên các nền tảng QGIS, PostGIS.

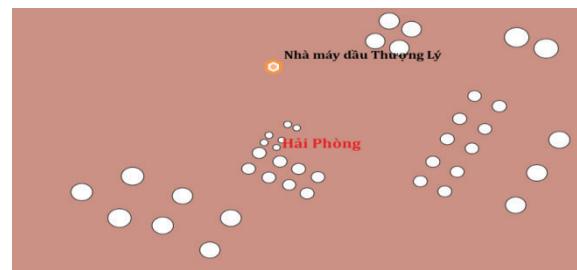


Hình 2. Minh họa biểu diễn CSDL GIS – Kho Xăng dầu dựa trên QGIS

Các lớp dữ liệu trong CSDL GIS xăng dầu được biên tập và chuẩn hóa lại theo định dạng shapefile (\*.shp).

- Đối với lớp dữ liệu kho XDQS, ngoài thông tin tọa độ, dạng hình học không gian (điểm, vùng) còn được lưu trữ các thông tin thuộc tính như loại kho (cố định, dã chiến); vị trí địa lý (xã, tỉnh); đơn vị; quân khu; cấp quản lý (cấp chiến thuật, chiến dịch, chiến lược); dung tích chứa xăng dầu; cấp độ kho (kho cấp I, II, III); nhiệm vụ (dự trữ, trung chuyển, tiếp nhận, cấp phát thường xuyên); chủng loại (kho chứa nhiên liệu; kho chứa phương tiện kỹ thuật, vật tư xăng dầu); hình thức đặt bể (kho đặt nổi; đặt chìm; đặt

nửa nổi nửa chìm; kho hang). Chẳng hạn, Nhà máy dầu Thượng Lý (Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng) biểu diễn thông tin dạng GIS dựa trên phần mềm QGIS (hình 3). Trên hình này, các vòng tròn trắng hiện bể chứa dầu.



Hình 3. Minh họa cách biểu diễn dạng GIS của Nhà máy dầu Thượng Lý trên nền QGIS

- Công cụ GIS hỗ trợ QLQH kho xăng dầu được thiết kế và xây dựng dựa trên nền tảng MapWinGIS, sử dụng ngôn ngữ lập trình C# trong bộ Visual Studio 2022. Đây là một loại ứng dụng dạng GIS máy tính để bàn, giao diện tiếng Việt và chạy trên hệ điều hành từ Windows 10 trở lên với đầy đủ các chức năng đã được liệt kê như trong (hình 1). Dưới đây là một số hình ảnh minh họa về các chức năng của công cụ GIS hỗ trợ QLQH Kho XDQS.



- + Giao diện chức năng đăng nhập
- + Giao diện chính



+ Giao diện hiển thị thông tin, hình ảnh kho XDQS



+ Giao diện xuất thông tin dữ liệu thuộc tính, thông tin dữ liệu dạng GIS (tọa độ, dạng hình học)

gid	Tên	Kinh độ (Haversine)	Vĩ độ (Haversine)	Tọa độ X (VN 2000)	Tọa độ Y (VN 2000)	Vị trí
1	Tổng kho xâ... 105,892046	21,067255	592475,556...	2329958,07...	Đức Giang, ...	
2	Xí nghiệp tô... 106,794236	20,824454	688517,594...	2303987,16...	Đồng Hải, H...	
3	Kho xăng d... 106,083318	21,085344	612333,815...	2332083,46...	Tân Chi, Tiê...	
4	Tổng kho xâ... 106,413712	18,113213	649380,736...	2003393,98...	Kỳ Lợi, Thị ...	
5	Kho xăng d... 107,189948	16,906454	733072,723...	1870613,07...	Cửa Việt, Gi...	
6	Kho Xăng D... 108,204551	16,056889	842719,720...	1777990,36...	Hòa Thuận ...	
7	Công ty Xân... 108,247092	16,031704	847319,81116	1775273,96...	Khue Mỹ, N...	
8	Kho xăng d... 109,303459	12,493912	967806,674...	1385089,13...	Ninh Phurom...	
9	Xí Nghiệp T... 107,099231	10,390208	729640,094...	1149426,70...	Thống Nhất, ...	
10	Kho xăng d... 107,095897	10,396202	729270,538...	1150087,44...	Thống Nhất, ...	
11	Nhà máy sả... 106,750282	10,690199	691237,551...	1182378,71...	TT.Nhà Bè, ...	
12	Tổng kho xâ... 106,745885	10,700013	690750,361...	1183481,57...	TT.Nhà Bè, ...	
13	Tổng kho xâ... 106,7479	10,694065	690974,529...	1182804,87...	TT.Nhà Bè, ...	
14	Tienda khn vă... 106,752149	10,687439	801442,541...	1182074,58...	TT.Nhà Bè	

+ Giao diện thêm mới dữ liệu lên bản đồ số

Thêm dữ liệu: Kho xăng dầu (dạng Điểm)

Chọn kiểu thêm dữ liệu:  Thêm từ File  Nhập tọa độ

Chọn tệp dữ liệu:

Nhập tọa độ X:

Nhập tọa độ Y:

Nhập long (không bắt buộc):

Nhập lat (không bắt buộc):

Hủy bỏ      Thêm dữ liệu

## 4. Đề xuất, kiến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra đề xuất, kiến nghị như sau:

*Thứ nhất*, trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển, việc ứng dụng các nền tảng công nghệ, đặc biệt là công nghệ bản đồ số có vai trò quan trọng trong hỗ trợ công tác QLQH kho XDQS.

*Thứ hai*, giải pháp công nghệ bản đồ số mã nguồn mở hỗ trợ hoạt động QLQH kho XDQS hoàn toàn phù hợp cả trong điều kiện nghiên cứu khoa học và triển khai thực tiễn.

## IV. KẾT LUẬN

Bài báo đã thực hiện nghiên cứu kết hợp giữa lý thuyết công tác QLQH kho XDQS với việc ứng dụng các nền tảng công nghệ bản đồ số hiện đại như QGIS, PostGIS, MapWinGIS. Đây là một cách tiếp cận hợp lý, phù hợp hiện nay. Dựa trên các kết quả nghiên cứu đã đạt được, nhóm tác giả cũng đang tích cực nghiên cứu để có thể phát triển và mở rộng, cập nhật các nguồn dữ liệu GIS, cũng như mô hình quản lý của hệ thống nhằm đáp ứng tốt hơn công tác QLQH kho XDQS♦

### Tài liệu tham khảo

1. Cục Xăng dầu (2019), *Kho XDQS*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình Kho XDQS*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Nguyễn Sách Thành (2024), *Ứng dụng công nghệ bản đồ số hỗ trợ hoạt động quản lý, quy hoạch kho xăng dầu Hậu cần trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0*, Đề tài cấp Tổng cục Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự, Hà Nội.

# PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP QUÂN - DÂN Y ĐỂ BẢO ĐẢM CHO TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, PGS. TS. NGUYỄN VĂN PHONG

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

**K**ẾT hợp QDY là sự kết hợp giữa các lực lượng quân y (LLQY) và dân y nhằm sử dụng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng y tế (LLYT) bảo đảm sức khỏe, cứu chữa cho nhân dân và bộ đội trong thời bình và thời chiến.

Kết hợp QDY có từ lâu đời, nhưng bắt đầu phát triển mạnh từ năm 1945. Lúc đó, lực lượng y tế nước ta rất nhỏ bé, tổ chức quân y chưa hình thành. Vì vậy, ngành y tế đảm nhiệm việc chăm sóc sức khỏe cho các lực lượng vũ trang (LLVT). Tháng 12/1945, Bộ Y tế thành lập Ban y tế Vệ quốc đoàn để chăm sóc sức khỏe cho các đơn vị quân đội ở Hà Nội, các đơn vị tự vệ du kích, bộ đội Nam tiến... Cách mạng phát triển, kết hợp QDY được tổ chức chặt chẽ ở Trung ương và các địa phương, tập trung phục vụ chiến đấu, trước hết là cứu chữa TBBB. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ (năm 1954), nhiều cán bộ y tế giỏi được tăng cường cho Mặt trận; ở từng tuyến chiến dịch đều tổ chức các bệnh viện dã chiến, đội điều trị, đội phẫu thuật kết hợp với quân y chiến dịch, chiến thuật để tổ chức cứu chữa, điều trị TBBB...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kết hợp QDY có bước phát triển vượt bậc. Đầu năm 1960, ở các chiến trường miền Nam đều tổ chức các Ban QDY, điều hành chung việc chăm sóc sức khỏe cho các LLVT và nhân dân vùng giải phóng. Tại khu V, các bệnh xá tuyến tỉnh, huyện, quân y và dân y đều làm nhiệm vụ thu dung điều trị thương binh, bệnh binh (TBBB). Ở miền Bắc, kết hợp QDY để cứu chữa nhân dân

và LLVT bị thương, phòng chống dịch bệnh. Diễn hình là Đặc khu Vĩnh Linh (Quảng Trị), mạng lưới y tế được hình thành từ Đặc khu, với bệnh viện 130 giường, tới các trạm y tế xã, hợp tác xã và đội sản xuất; các đội QDY thường gồm 4 tổ là: Tổ đào bới, tổ cứu chữa, tổ vận chuyển và tổ khắc phục hậu quả địch đánh phá. Trong Chiến dịch Đường 9 – Khe Sanh, QDY Vĩnh Linh đã phối hợp tổ chức hai hệ thống cứu chữa, chuyển thương Đông và Tây Quốc lộ số 1, làm nhiệm vụ tiếp chuyển và chăm sóc TBBB từ chiến trường miền Nam qua Vĩnh Linh ra miền Bắc...

Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc; trên chiến trường Campuchia, kết hợp QDY đã phát huy hiệu quả. Ở biên giới phía Bắc, trong tháng 02/1979, có tới gần 2/3 số TBBB đã được cứu chữa qua các bệnh viện dân y. Nhiều tổ phẫu thuật chuyên khoa của Trường đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai và Việt Đức được tăng cường cho các bệnh viện tỉnh Lạng Sơn, Yên Bái, Lào Cai để thu dung cứu chữa TBBB của quân và dân. Ở chiến trường biên giới Tây Nam, Sở Y tế thành phố (TP) Hồ Chí Minh và các tỉnh biên giới đều kết hợp QDY chăm sóc người bị thương, phòng chống dịch, nhất là phòng chống sốt rét...

Trong giai đoạn cách mạng mới, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, kết hợp QDY từng bước được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 30/7/1987, Bộ Chính trị (Khoá VI) ra

Nghị quyết 02/NQ-TW về xây dựng KVPT, quy định giám đốc sở y tế tỉnh (TP) là người điều hành công tác y tế bảo đảm cho tác chiến của khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh (TP). Tháng 9/1990, liên Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng triển khai Chương trình y tế 12, với mục tiêu phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn ngành y tế vào việc phục vụ sức khỏe nhân dân và các LLVT trong thời bình, chuẩn bị sẵn sàng và đối phó hiệu quả khi có chiến tranh hoặc các tình huống bất ngờ xảy ra; xây dựng công tác y tế quân sự địa phương (QSĐP) của KVPT tỉnh (TP) góp phần củng cố y tế cơ sở và xây dựng đơn vị quân y 5 tốt... Thực tế cho thấy, Chương trình y tế 12 đã phát huy rất hiệu quả, cơ bản đạt được mục đích đã đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, đã phát sinh những vấn đề mới cần giải quyết. Chẳng hạn như: Văn bản chỉ đạo công tác kết hợp QDY tuyến quân khu nói chung trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) nói riêng chưa được thể chế hóa, cụ thể về kết hợp QDY trong tác chiến; chưa xác định rõ cơ chế điều hành, chỉ huy, chỉ đạo, mối quan hệ của ban QDY cấp quân khu (QDY/qk) với các ban QDY tỉnh trong thời bình và khi có tình huống tác chiến; vai trò, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của ban QDY/qk chưa rõ nét trong tác chiến PTQK; hệ thống các Ban QDY đã được kiện toàn, song hoạt động chưa nền nếp, thường xuyên, sự phối hợp hiệp đồng chưa vững, vận chuyển TBBB cho các tình huống còn ở mức độ hạn chế...

Trong tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, để tiến công đánh chiếm địa bàn quân khu của ta, địch sẽ sử dụng khoảng một cụm tác chiến liên hợp quân, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tiến công trên nhiều hướng, nhiều khu vực, nhiều môi trường khác nhau. Địch có kinh nghiệm tác chiến liên hợp, phi đối xứng; có khả năng phản ứng linh hoạt, tập trung lực lượng và phương tiện nhanh, sức cơ động cao, đột biến lớn làm cho tǐ lệ

TBBB của quân khu trong tác chiến phòng thủ rất cao, nhu cầu vận chuyển, cứu chữa TBBB cũng rất lớn; trong khi đó, LLQY của quân khu có hạn... Vì vậy, để bảo đảm kịp thời mọi mặt về quân y cho các lực lượng tác chiến thắng lợi, cần thực hiện nhiều vấn đề; trong đó, kết hợp QDY có ý nghĩa hết sức quan trọng. Kế thừa truyền thống đã có, kết hợp QDY trong tác chiến PTQK cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

*Thứ nhất*, tích cực, chủ động chuẩn bị chu đáo phương án kết hợp QDY phù hợp với ý định tác chiến của người chỉ huy. Đây là giải pháp nhằm chuẩn bị sẵn về lực lượng, thế trận QDY, sẵn sàng chuyển thế để bảo đảm cho tác chiến PTQK giành thắng lợi trong mọi tình huống. Thực tế trong thời bình, quân khu đã chuẩn bị LLYT để sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến. Vì vậy, để chuẩn bị phương án kết hợp QDY cần cụ thể hóa việc xây dựng lực lượng, thế trận phòng thủ dân sự, nòng cốt là các bệnh viện dã chiến, đội điều trị, các đội tìm kiếm cứu nạn, sơ tán người... từ nguồn dự bị động viên (DBDV) của QY/qk; Ban QDY của quân khu và các địa phương cần giao nguồn DBV về những vấn đề cụ thể trong huấn luyện, diễn tập, kiểm tra và sơ tổng kết. Trong đó, cần chú ý đề xuất với địa phương, các cơ sở y tế để lựa chọn, sắp xếp biên chế; ưu tiên cho các phân đội, cơ sở quân y đủ số lượng, đúng chuyên ngành, chất lượng chính trị và trình độ chuyên môn cao. Các phân đội, cơ sở y tế cần được vận dụng nguyên tắc sắp xếp như các đơn vị bảo đảm chiến đấu, gồm các nam quân nhân dự bị nhóm A và nhóm B (chủ yếu là nhóm A), có thể có một số nữ quân nhân dự bị nhóm A. Tăng cường thiết bị, phương tiện, ngân sách đảm bảo cho huấn luyện, diễn tập các phân đội, cơ sở QDY theo các tình huống. Khi tập trung huấn luyện lực lượng y tế DBV tại đơn vị theo chỉ tiêu kế hoạch, cần chú trọng huấn luyện về quân

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

sự, hậu cần và hiệp đồng theo phương án bảo đảm quân y tác chiến...

*Thứ hai*, kiện toàn, củng cố, hoàn thiện Ban QDY các cấp, xây dựng tiềm lực y tế quốc phòng theo phương án kết hợp quân dân y bảo đảm cho tác chiến PTQK. Cần xây dựng các tổ chức kết hợp QDY, bao gồm các cơ quan chỉ đạo điều hành kết hợp QDY và các đơn vị cơ sở kết hợp QDY. Đối với Ban QDY/qk, có nhiệm vụ xây dựng chương trình công tác kết hợp QDY, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát công tác kết hợp QDY trong phạm vi quân khu; chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các Ban QDY tỉnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng tiềm lực y tế QSĐP, nâng cao khả năng bảo đảm y tế cho các tình huống tác chiến trong KVPT tỉnh... Thành phần Ban QDY/qk gồm: Trưởng ban là một phó tư lệnh quân khu; các phó trưởng ban là chủ nhiệm quân y quân khu (phó trưởng ban thường trực) và Giám đốc Sở y tế của tỉnh nơi cơ quan quân khu đứng chân; các ủy viên là Giám đốc các Sở y tế, chủ nhiệm quân y các quân đoàn, quân chủng đóng trên địa bàn và Giám đốc bệnh viện trung tâm quân khu, Giám đốc Viện và bệnh viện khu vực (nếu có). Đối với Ban QDY các tỉnh (TP), có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch công tác kết hợp QDY trong từng giai đoạn, từng năm, đề xuất kế hoạch ngân sách bảo đảm cho công tác kết hợp QDY trình chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt; chỉ đạo và tổ chức phối hợp thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của công tác y tế QSĐP; tổ chức hiệp đồng, thống nhất chỉ đạo, điều hành các lực lượng QDY có trên địa bàn tham gia chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, sẵn sàng đối phó các tình huống khẩn cấp xảy ra; tổ chức thực hiện động viên y tế thời chiến theo lệnh của tư lệnh quân khu và chủ tịch UBND tỉnh; xây dựng mạng lưới cứu chữa vận chuyển TBBB trong thời chiến

của KVPT... Đối với Ban QDY xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) được tổ chức ở những xã thuộc địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, nơi có quân y của các đơn vị quân đội đứng chân, có nhiệm vụ: Phối hợp LLYT xã, quân y các đơn vị đóng quân trên địa bàn tổ chức kết hợp QDY chăm sóc bảo vệ sức khỏe bộ đội và nhân dân, thực hiện các nội dung của chương trình y tế quốc gia... Ở những xã mạng lưới y tế thiếu và yếu, dưới sự chỉ đạo của Trưởng phòng y tế huyện và UBND xã, Ban QDY xã tổ chức lồng ghép trạm y tế xã với quân y đơn vị bộ đội thành trạm y tế QDY để cùng thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong địa bàn xã. Ban QDY thường gồm: Trưởng ban là phó chủ tịch UBND xã phụ trách; 2 phó trưởng ban là trưởng trạm y tế xã và phó chỉ huy trưởng hoặc chủ nhiệm hậu cần đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn xã, cùng một số ủy viên khác...

Trong xây dựng tiềm lực y tế quốc phòng, cần triển khai thực hiện pháp lệnh về xây dựng các lực lượng y tế DBDV trên toàn quân khu; tổ chức thực hiện thống nhất quy trình xây dựng các lực lượng y tế DBDV. Theo Nghị định Chính phủ, các tỉnh (TP) trên địa bàn quân khu được giao chỉ tiêu huy động gồm các bệnh viện khu vực, bệnh viện dã chiến, đội điều trị, đội phòng chống dịch cơ động, tổ chuyên thương, tổ chuyên khoa, tổ pha chế dịch... Cần hoàn thiện quy trình xây dựng, gồm: Tạo nguồn, quản lý, huấn luyện, diễn tập và giao nhận các đơn vị y tế DBDV, tổ chức huấn luyện, diễn tập định kỳ. Thống nhất kế hoạch, nội dung, chương trình, tài liệu, thời gian huấn luyện, diễn tập cho các đơn vị DBDV trong toàn quân khu. Có kế hoạch tài chính, đảm bảo nguồn kinh phí hàng năm trong công tác xây dựng lực lượng y tế DBDV của các địa phương. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá khả năng của đơn vị y tế DBDV. Phân

cấp cho Ban QDY/qk, tỉnh, huyện về các nội dung kiểm tra, đánh giá thực khả năng huy động của ngành y tế địa phương cho tác chiến PTQK.

*Thứ ba*, kết hợp chặt chẽ các lực lượng QDY hình thành mạng lưới bảo đảm y tế vững chắc, rộng khắp, liên hoàn có chiều sâu trên địa bàn tác chiến để triển khai hệ thống cứu chữa, vận chuyển theo tuyến, theo khu vực hoàn chỉnh, hiệp đồng và phân công, phân cấp cụ thể. Trong tác chiến PTQK, lượng TBBB lớn, dồn dập trong một thời điểm; tập trung ở hướng, khu vực chủ yếu, các trận đánh then chốt, then chốt quyết định, trên nhiều khu vực chiến đấu ở không gian rộng. Do vậy, để vận chuyển, cứu chữa TBBB kịp thời, cần tổ chức mạng lưới kết hợp QDY, lực lượng vận tải của hậu cần các cấp trên địa bàn tác chiến một cách rộng khắp, vững chắc, liên hoàn có chiều sâu. Thực hiện giải pháp này càng có ý nghĩa trong điều kiện địa bàn rộng, bị chia cắt, địch đánh phá ác liệt. Nội dung kết hợp tập trung vào các nội dung, như: Tổ chức triển khai các thành phần lực lượng QDY, lực lượng vận tải trong vận chuyển cứu chữa TBBB theo tuyến trên từng hướng, khu vực; tăng cường lực lượng, phương tiện vật chất trang bị để cứu chữa, điều trị, nuôi dưỡng TBBB; huy động các phương tiện vận tải cơ giới, thô sơ, dân công, tổ chức lực lượng cấp cứu, chuyển thương cơ động nhanh... Để thực hiện giải pháp này, QY/qk cần nắm vững khả năng lực lượng QDY/qk, của cấp trên, khả năng y tế của KVPT, các đơn vị bạn trên địa bàn; chủ động đề xuất các phương án và làm tốt công tác hiệp đồng giữa các lực lượng QDY trên địa bàn tác chiến, sẵn sàng kết hợp, huy động sử dụng cho nhiệm vụ cứu chữa TBBB...

*Thứ tư*, hoàn thiện cơ chế điều hành và hoạt động của ban QDY các cấp trong tác chiến PTQK. Nhiệm vụ BĐQY nặng nề, các tình huống phức tạp có thể phá vỡ hoặc

làm gián đoạn chỉ huy, hiệp đồng các lực lượng QDY; làm cho công tác chuẩn bị và thực hành vận chuyển, cứu chữa TBBB thiếu thống nhất, chồng chéo, hiệu quả hoạt động thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban QDY các cấp. Vì thế, cần coi trọng hoàn thiện cơ chế điều hành và hoạt động của Ban QDY các cấp trong tác chiến PTQK. Trong tác chiến PTQK, cơ chế điều hành công tác kết hợp QDY là đảng ủy quân khu lãnh đạo, bộ tư lệnh quân khu chỉ huy, chủ nhiệm QY/qk làm tham mưu công tác kết hợp QDY bảo đảm cho tác chiến. Ban QDY/qk thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng chương trình kết hợp QDY, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát công tác kết hợp QDY trong phạm vi quân khu; chỉ đạo hướng dẫn, giúp đỡ các Ban QDY tỉnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng tiềm lực y tế QSĐP, nâng cao khả năng BĐYT cho các tình huống tác chiến trong KVPT tỉnh...

Công tác kết hợp QDY trong tác chiến nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng QDY để vận chuyển, cứu chữa TBBB; thể hiện quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng ta về chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân, nhằm phát huy khả năng của mọi lực lượng QDY trên địa bàn bảo đảm cho tác chiến thắng lợi. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên để hiệu quả công tác kết hợp QDY luôn đạt cao♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Chính phủ (2018), *Nghị định 21/2019 NĐ-CP về KVPT*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2018), *Bảo đảm hậu cần tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Hà Nội.

# TẠO NGUỒN, KHAI THÁC VẬT CHẤT QUÂN NHU CỦA CÁC ĐOÀN HẬU CẦN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG B2 TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thượng tá, TS. ĐỖ DUY THẮNG  
Phòng Thông tin KHQS, Học viện Hậu cần

**D**OÀN hậu cần (ĐHC) là tổ chức hậu cần không cố định và quy mô phù hợp với chức năng bảo đảm. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (B2), công tác tạo nguồn, khai thác vật chất quân nhu (VCQN) của các ĐHC đã đạt kết quả cao, để lại nhiều kinh nghiệm quý, thể hiện trên các nội dung sau:

**Một** là, tích cực, chủ động tạo thế, tạo lực; phát huy mọi khả năng của các tổ chức, lực lượng tạo nên sức mạnh tổng hợp. Để bảo đảm quân nhu cho các lực lượng vũ trang (LLVT) trên chiến trường B2 bám trụ tại địa bàn chiến lược, các ĐHC đã vận dụng nhiều hình thức, biện pháp tích cực, táo bạo và kiên quyết để tạo nguồn, khai thác VCQN ngay tại địa bàn trong nước và trên đất bạn Campuchia.

Quán triệt quan điểm hậu cần toàn dân của Đảng, các ĐHC luôn dựa vào nhân dân, động viên và tổ chức nhân dân tham gia; nhờ đó, đã sáng tạo nhiều hình thức hoạt động tạo nguồn, khai thác vật chất phong phú, đa dạng trên cả 3 vùng chiến lược, tích cực vận động nhân dân sản xuất kinh doanh nhằm tạo nguồn VCQN tại chỗ. Ngoài ra, các ĐHC còn động viên nhân dân, thương gia ở nội đô, các gia đình quân Ngụy để vừa cung ứng vật chất, vừa vận chuyển, tiếp tế cho bộ đội ở các căn cứ địa; xây dựng cơ sở hậu cần, kho bí mật ngay trong lòng địch.

Thời kì từ năm 1969 ÷ 1971, các đơn vị trụ bám ở vùng sâu gập nhiều khó khăn

về tiếp tế vật chất, như các đơn vị thuộc Quân khu 6, thành đội Sài Gòn - Gia Định, Trung đoàn 16, đặc công biệt động thành..., nhưng các ĐHC 235, 814 đã phối hợp với Hội đồng cung cấp tiền phương, phát động đồng bào quần chúng nhân dân và bộ đội đẩy mạnh sản xuất tại chỗ, tổ chức thu mua vật chất bảo đảm cho LLVT vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Theo thống kê, từ năm 1964 ÷ 1975, các ĐHC đã khai thác tại chỗ được 370.526 tấn lương thực, thực phẩm (LTTP); tiếp nhận từ Trung ương chỉ viện là 187.593 tấn vật chất.

**Hai** là, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tạo nguồn, khai thác vật chất quân nhu phù hợp với điều kiện thực tiễn của chiến trường. Thời điểm mới thành lập, các ĐHC thường tổ chức khai thác VCQN tại chỗ trên chiến trường. Khi chiến đấu chuyển từ đánh du kích sang chính quy, ngoài việc tạo nguồn, khai thác tại chỗ, các ĐHC còn khai thác từ nguồn chi viện hậu phương miền Bắc, hậu phương kế cận, nguồn thu của địch và nguồn viện trợ nước ngoài.

Thực tiễn, dựa vào nhân dân vùng căn cứ, vùng nông thôn giải phóng và một số vùng tranh chấp, các ĐHC khai thác mỗi năm được từ 10.000 ÷ 15.000 tấn LTTP. Lợi dụng sơ hở trong nội bộ của địch, các ĐHC còn khôn khéo “khơi luồng”, mở “khẩu”, đấu tranh với địch để khai thác LTTP, quân trang, quân dụng. Năm 1972, ta mua của tên quận trưởng Đồng Xoài được 450 tấn

gạo; sử dụng ngoại tệ để mua VCQN từ các thương nhân và sĩ quan, binh lính Ngụy. Nguồn tăng gia sản xuất, chế biến, kiểm, hái rau rừng cũng giúp nhiều đơn vị tự túc LTTP từ 2 ÷ 3 tháng.

Các ĐHC còn tích cực khai thác VCHC từ nguồn chi viện của hậu phương miền Bắc và đất bạn Campuchia để bảo đảm cho các chiến dịch. Từ năm 1966 ÷ 1975, các ĐHC đã khai thác được trên 210.000 tấn lương thực, chiếm 63% tổng số vật chất tạo ra trên chiến trường. Khi chiến trường B2 gặp khó khăn, dự trữ LTTP không đủ cho 1 tháng (quý 3 năm 1969), các ĐHC đã đẩy mạnh khai thác ở Campuchia được 170.000 tấn, chiếm 92,6% tổng số LTTP thu mua trong thời kì này. Để chuẩn bị cho chiến lược tiến công mùa khô năm 1974, ở hướng phía Đông, ta đã mở cửa khẩu thu mua gạo ở tuyến lộ 20, lô 1, đưa vào dự trữ đạt hơn 1.500 tấn.

Ba là, tạo nguồn, khai thác đi đôi với tiếp nhận, vận chuyển, quản lý, bảo quản và bảo vệ an toàn VCQN. Thực tế, các ĐHC vừa khai thác, thu mua trên đất Campuchia, vừa kết hợp với lực lượng công binh mở đường trên đất bạn và huy động lực lượng vận tải nhân dân phối hợp với lực lượng vận tải quân sự để chuyển VCQN về các căn cứ. Các ĐHC còn tổ chức mua VCQN ở nội địa miền Nam (vùng Tân Châu, Hồng Ngự), sau mở đường vòng qua đất Campuchia (vùng Kông Pông Trạch), hoặc sử dụng các tuyến Đường 13, 14, 20... (ban ngày địch làm chủ, ban đêm ta sử dụng) để đưa hàng từ miền Tây đến miền Đông. ... Trong vận chuyển, đã khéo léo quy trang lừa địch, khắc phục khó khăn về địa hình, thời tiết và thời vụ để thu mua, vận chuyển VCQN. Đồng thời, các ĐHC đã tổ chức hệ thống kho, trạm xưởng tiếp nhận, bảo quản vật chất, như hệ thống kho dã chiến, dự trữ trong rừng, ở đồng

bằng thì cất giấu dưới hầm hoặc gửi trong nhà dân...

Trong tương lai, địch có ưu thế vượt trội về vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi; không gian mở rộng, thời gian tác chiến sẽ rút ngắn; ranh giới giữa hậu phương và tiền tuyến trở nên mờ nhạt... Vì vậy, cần kế thừa, phát triển những kinh nghiệm trên vào thực tiễn chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trên những vấn đề sau:

Thứ nhất, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh tạo nguồn, khai thác VCQN tại chỗ, bảo đảm kịp thời, vững chắc cho LLVT. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, để phát huy sức mạnh của hậu cần tại chỗ, ngay từ thời bình, cần kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, xây dựng tiềm lực kinh tế trên từng địa bàn. Trong quy hoạch phân vùng kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế của từng địa phương, phải luôn coi trọng việc tạo thế bố trí, kết hợp kinh tế với quốc phòng, đáp ứng yêu cầu về huy động VCQN tại chỗ khi chiến tranh xảy ra. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải thường xuyên quan tâm đến dự trữ VCQN bảo đảm cho quốc phòng. Dự trữ VCQN phải được tiến hành đồng bộ từ chi cục dự trữ quốc gia trên địa bàn, dự trữ của LLVT địa phương, của các ngành kinh tế và dự trữ trong nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về xây dựng và động viên phù hợp với quá trình đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với tinh thần “để cho dân hăng hái và sẵn sàng tham gia đóng góp cho kháng chiến, phải bồi dưỡng lực lượng của dân”. Trong đó, quân nhu quân sự địa phương phải là lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong tổ chức điều hành mọi hoạt động xây dựng tiềm lực và tạo nguồn, khai thác VCQN.

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

*Thứ hai*, vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí quân nhu phù hợp với điều kiện chiến trường và nhiệm vụ bảo đảm. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tổ chức quân nhu cần có sự phát triển mới, đó là kết hợp “điểm, tuyến, diện”, để khu vực, vùng, trên các chiến trường trong cả nước đều có khả năng tạo nguồn, khai thác VCQN. Tổ chức quân nhu theo khu vực, cần thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp chiến lược, chiến dịch một cách linh hoạt. Căn cứ vào phương án tác chiến, hướng bố trí, sử dụng lực lượng, thể địa hình..., để phân chia khu vực, địa bàn và bố trí cụ thể lực lượng quân nhu, hình thành các lực lượng trong căn cứ, phân căn cứ hậu cần, kĩ thuật phù hợp, liên kết các khu vực bố trí quân nhu của các cấp, thành thế trận liên hoàn, vững chắc. Việc bố trí quân nhu phải có khả năng chuyển hóa theo diễn biến và điều kiện thực tế chiến trường. Ngoài ra, tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí quân nhu, cần có khả năng liên kết với các khu vực kế cận để sẵn sàng bảo đảm cho LLVT trong các tình huống tác chiến. Quán triệt quan điểm của Đảng: Các nước trong khu vực Đông Dương là một chiến trường, không thể tách rời nhau, chi viện hỗ trợ lẫn nhau; do đó, cần thực hiện tốt chính sách hợp tác toàn diện về mọi mặt, nhất là trong hợp tác xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hậu phương gắn với củng cố tiềm lực quốc phòng, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đánh thắng mọi kiểu chiến tranh xâm lược của địch. Mặt khác, cần quan tâm đến các biện pháp bảo vệ quân nhu; việc bố trí quân nhu phù hợp, giữ gìn bí mật, bảo đảm an toàn kho, trạm, xưởng, cơ sở quân nhu cần được đặt lên hàng đầu. Do đó, phải xây dựng, cải tạo các công trình quân nhu, tổ chức ngụy trang, nghi trang, gắn với đầy mạnh các biện pháp giáo dục, huấn luyện cho bộ đội chấp

hành chế độ phòng gian, bảo mật; phối hợp chặt chẽ với địa phương để có các biện pháp làm trong sạch địa bàn.

*Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, điều hành trong tạo nguồn, khai thác VCQN. Với vai trò là lực lượng nòng cốt của hậu cần toàn dân, hậu cần quân đội cần phát huy vai trò trách nhiệm trong tổ chức xây dựng hậu phương, hậu cần tại chỗ vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ với hậu cần khu vực phòng thủ để tham mưu, đề xuất với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, những vấn đề về xây dựng hậu cần nhân dân vững mạnh trong tình hình mới. Tham mưu cho Đảng, Chính phủ trong việc rà soát, hoàn chỉnh các kế hoạch, phương án xây dựng và huy động tiềm lực VCQN trong các ngành kinh tế - xã hội địa phương và trong nhân dân. Hoàn thiện phương thức bảo đảm quân nhu theo hướng tăng cường phân cấp cho các đơn vị. Phối hợp với hậu cần - kĩ thuật khu vực phòng thủ nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, chú trọng vào công tác lãnh đạo, chỉ huy điều hành, vận hành cơ chế, động viên lực lượng, phương tiện, VCQN.

Tạo nguồn, khai thác VCQN của các ĐHC trên chiến trường B2 đã để lại những bài học kinh nghiệm quý, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, cần kế thừa, vận dụng và phát triển cho phù hợp trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2011), *Tổng kết kinh nghiệm tạo nguồn, khai thác vật chất hậu cần của các ĐHC trên chiến trường B2 trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb QĐND, Hà Nội.

2. Học viện Hậu cần (2012), *Tổng kết một số kinh nghiệm xây dựng hậu cần tại chỗ bảo đảm cho LLVT hoạt động tác chiến trên chiến trường Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ (1960÷1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BẢO ĐẢM MẠNG ĐƯỜNG VẬN TẢI CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thượng tá, TS. LÊ QUANG VỊNH

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

**C**HIẾN thắng Điện Biên Phủ năm 1954, mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một bản anh hùng ca bất diệt; một chiến công chói lọi, mang tầm vóc thời đại, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa trên thế giới. Chiến thắng đó được kết tinh bởi rất nhiều nhân tố, trong đó bảo đảm mạng đường vận tải là một nhân tố góp phần quan trọng làm nên chiến thắng “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Bài viết đề cập một số vấn đề về bảo đảm mạng đường vận tải chiến dịch Điện Biên Phủ, kinh nghiệm, hướng kế thừa, phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

Diễn ra từ ngày 13/3 ÷ 07/5/1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn nhất của Quân đội ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngành Vận tải quân sự đã phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần lực lượng, phương tiện, đặc biệt đã tổ chức ra mạng đường vận tải liên hoàn, vững chắc nối liền hậu phương với tiền tuyến, đến các khu vực, hướng chiến trường, góp phần quan trọng bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi. Trong toàn chiến dịch, lực lượng vận tải đã vận chuyển được 20.000 tấn hàng hoá các loại, bảo đảm cho hơn 87.000 người tham gia chiến dịch (trong đó 53.830 người trực tiếp chiến đấu); vận chuyển 8.458 thương binh, bệnh binh; mở và sửa hàng trăm nghìn km đường bộ, đường sông và khai thông các tuyến đường từ hậu phương lên chiến trường Tây Bắc. Từ kết quả bảo đảm mạng đường chiến dịch Điện Biên Phủ, có thể rút ra một số bài

học kinh nghiệm sau:

**Thứ nhất**, tích cực, chủ động chuẩn bị mạng đường vận tải. Mặt trận Điện Biên Phủ là thung lũng lòng chảo, được bao bọc bởi những dãy núi cao và rừng rậm. Hậu phương của ta cách xa khu vực tiền tuyến, từ Yên Bái lên dài 350km, từ Thanh Hoá - Nghệ Tĩnh khoảng từ 400 ÷ 500 km và cách chiến khu Việt Bắc tới 700 km. Đường cơ giới lên Tây Bắc độc nhất có Đường 41, chạy từ Hoà Bình qua Mộc Châu, Sơn La, đến Tuần Giáo rất khó đi. Con đường này đi giữa núi rừng hiểm trở, vượt qua nhiều núi cao, suối sâu, lòng đường hẹp, cầu yếu, nhiều đoạn bị sụt nở. Từ Tuần Giáo lên Điện Biên hơn 80 km, không có đường ô tô, chỉ có đường cho người đi bộ và ngựa thồ. Đường 13 từ Yên Bái qua bến phà Tạ Khoang sang Sơn La gặp Đường 41 ở Cò Nòi cũng chỉ có ngựa thồ và người đi bộ đi được. Với khối lượng vận chuyển lớn, yêu cầu phải bảo đảm yếu tố bí mật. Do vậy, việc mở đường và sửa đường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, công việc nặng nhọc, nguy hiểm. Để chuẩn bị cho Chiến dịch, ngay từ đầu năm 1953, Tổng Quân uỷ đã đề nghị Trung ương Đảng và Chính phủ cho sửa và mở đường tiến lên Tây Bắc để xe ô tô chạy được. Với tinh thần “Tất cả cho mặt trận, tất cả để chiến thắng” Trung ương Đảng và Chính phủ đã phát động “Chiến dịch cầu đường”, mở mới và sửa chữa các con đường từ Việt Bắc xuống đồng bằng Khu 3, Khu 4 và lên Tây Bắc. Với những dụng cụ thô sơ như chiếc cuốc, xèng, chòng, búa, quân và dân ta đã tích cực,

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

chủ động trong nhiều ngày, nhiều tháng sửa và mở đường. Kết quả, ta đã tập trung mở mới 89 km, sửa chữa nâng cấp được hơn 500 km đường (trong đó có 200 km đường 41 - đoạn từ Hoà Bình qua Suối Rút lên Sơn La và 300 km Đường 13 - đoạn từ Yên Báy đến Sơn La); tu sửa hơn 100 cầu hư hỏng từ Tuần Giáo lên Điện Biên Phủ; mở các đường kéo pháo vào sở chỉ huy, kho tàng, trận địa. Đây là những tuyến đường huyết mạch nối liền hậu phương Việt Bắc với tiền tuyến Tây Bắc, góp phần quan trọng bảo đảm cho thắng lợi của chiến dịch.

Mặt khác, để bảo đảm cơ động cho xe cơ giới, đối phó với sự đánh phá ác liệt của địch, ở một số quãng đường xung yếu, một số trọng điểm, ta đã mở thêm đường vòng, đường tránh để bảo đảm cho việc vận chuyển thông suốt, tránh được thế độc đạo khi bị địch tập trung bắn phá ác liệt. Ngoài ra, ta còn mở được nhiều tuyến đường cho xe trâu, xe đạp thồ, ngựa thồ và khai thông đường thuỷ, để vận chuyển bằng thuyền, mảng... cho chiến dịch.

*Thứ hai*, tích cực động viên sức người, sức của, kết hợp chặt chẽ mọi lực lượng trong xây dựng mạng đường vận tải. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta đã huy động được hàng chục vạn dân công cùng bộ đội, công binh, thanh niên xung phong hăng hái tham gia sửa đường, mở đường phục vụ cho chiến dịch. Trên khắp các nẻo đường, đâu đâu cũng có các công trường thủ công để mở đường, sửa đường, làm cầu. Với khẩu hiệu “Nhanh, nhiều, rẻ tốt, tận dụng nguyên liệu địa phương tại chỗ và phô cập”, “Gãy cầu như gãy xương, đứt đường như đứt ruột”, quân và dân ta đã không quản hi sinh, gian khổ quyết tâm mở đường cho chiến dịch thắng lợi. Đường 13 từ Yên Báy đi Cò Nòi thường xuyên có trên 200.000 dân công, khối lượng đất đá đào đập lên tới

870.000 m<sup>3</sup>. Đường xuyên Liên khu 3, Liên khu 4 lên Điện Biên Phủ với trên 26.000 dân công. Để sửa chữa đường từ Tuần Giáo lên Điện Biên Phủ, bộ đội và dân công đã vận chuyển từ các lòng suối lên các mặt đường 18.000 m<sup>3</sup> đá; chặt, vận chuyển từ rừng xa về 92.000 m<sup>3</sup> gỗ để chống lầy; bắc hơn 90 cầu lớn, nhỏ qua suối, qua sông.

Trên những tuyến đường nối từ hậu phương đến chiến dịch và đường cơ động kéo pháo vào trận địa thì lực lượng tham gia chủ yếu là công binh giữ vai trò nòng cốt kỹ thuật và lực lượng còn lại đa phần là chiến sĩ bộ binh, pháo binh (chiếm 9/10 lực lượng tham gia làm đường kéo pháo). Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng chỉ trong một thời gian ngắn ta đã hoàn thành sửa chữa và mở rộng các con Đường số 41, Đường số 13, đường Tuần Giáo – Điện Biên Phủ tạo nên những trục chính của tuyến đường vận tải phục vụ chiến dịch; bí mật mở mới 6 con đường cơ động dùng để kéo pháo đến sát trận địa, đúng thời gian quy định bảo đảm cho xe tải và xe kéo pháo vào tới vùng phụ cận Điện Biên Phủ.

*Thứ ba*, phát huy tinh thần cao nhất các lực lượng để giữ vững mạng đường. Đây là yếu tố quan trọng góp phần thông đường, thông xe trong mọi tình huống để nhanh chóng, kịp thời cơ động binh khí kỹ thuật, vận chuyển lương thực, thực phẩm, đạn dược ra tiền tuyến và vận chuyển thương binh, bệnh binh về phía sau. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, để ngăn chặn việc cơ động binh khí kỹ thuật, vận chuyển lương thực, thực phẩm, đạn dược ra tiền tuyến của ta, địch sử dụng máy bay ném bom, pháo binh bắn phá ác liệt vào các tuyến đường vận tải, đặc biệt các vị trí xung yếu như cầu, phà, đầu mối giao thông; ngoài việc ném bom, địch còn sử dụng bom nổ chậm, bom buomer buomer, bom lù để ngăn chặn bộ đội

ta hành quân và vận chuyển lương thực, thực phẩm vào mặt trận. Tại các bến phà Âu Lâu, đèo Lũng Lô, địch đã ném xuống 2.070 quả bom, mỗi ngày sử dụng 16 đến 18 máy bay oach tạc từ 5 ÷ 6 lần. Đặc biệt, ở ngã 3 Cò Nòi (huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) là nút giao thông quan trọng nối liền Đường số 13 từ Việt Bắc sang Đường 41, đã trở thành túi bom của quân Pháp. Chúng cho đánh phá ác liệt suốt ngày đêm, có ngày ném trên 300 quả bom các loại... Với tinh thần "Nhất định bảo đảm đường cho xe ra chiến trường tiếp viện", ta đã tổ chức ra lực lượng phòng không bảo vệ các đoạn đường xung yếu, hạn chế tác dụng phá hoại của máy bay địch. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng 2 tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm và một số đại đội 12,7mm rải ra trên tuyến đường vận chuyển mấy trăm km, tuy lực lượng còn ít, phân tán nhưng đã hạn chế một phần quan trọng tác dụng của máy bay địch. Bên cạnh bảo vệ đường, việc sửa chữa các đoạn đường, bến phà, cầu cống bị đánh phá cũng được tiến hành rất khẩn trương với hàng vạn dân công ngày đêm bám đường, bảo đảm thông suốt mạch máu giao thông. Ta đã tổ chức ra lực lượng sửa chữa đường gồm thanh niên xung phong, dân công khoẻ mạnh, có chọn lọc, trong đó công binh là nòng cốt vì là lực lượng quân đội có tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, đồng thời có tinh thần dũng cảm; bố trí gần những nơi xung yếu, sẵn sàng vận động nhanh đến nơi địch đánh phá để khắc phục.

Những kinh nghiệm bảo đảm mạng đường vận tải trong chiến dịch Điện Biên Phủ được rút ra cho thấy sự sáng tạo, mưu trí cùng với ý chí quyết tâm của quân và dân ta trong bảo đảm mạng đường vận tải. Những kinh nghiệm đó cần được nghiên cứu, vận dụng trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ, như sau:

*Một* là, chuẩn bị mạng đường gắn liền với xây dựng thế trận vận tải liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu. Mạng đường vận tải là mạch máu trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, đồng thời là yếu tố quyết định đến tính vững chắc của thế trận vận tải chiến dịch. Bảo đảm đủ đường và thông đường vận tải là yếu tố tiên quyết hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển. Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, độ sát thương lớn, đặc biệt là các loại máy bay không người lái (UAV); hệ thống cầu cống, các trọng điểm giao thông và các tuyến đường vẫn là mục tiêu địch chú trọng đánh phá. Vì vậy, ngay từ trong thời bình, căn cứ vào phương án tác chiến phòng thủ cơ bản và kế hoạch xây dựng tiềm lực quốc phòng của từng địa phương, Ngành Xe máy-Vận tải tiến hành khảo sát, đánh giá trên cả bản đồ và thực địa, kịp thời bổ sung, điều chỉnh mạng đường vận tải cho phù hợp; tổ chức nắm chắc tiềm năng giao thông vận tải; chuẩn bị nhiều trực đường, có đường chính thức, đường dự bị, đường bí mật gắn với thế bố trí vận tải cấp chiến lược, chiến dịch; kết hợp cả đường có sẵn và soi mở mới, bởi lẽ tận dụng được đường có sẵn sẽ tạo thuận lợi cho công tác vận tải, tiết kiệm được thời gian và nhân lực. Mặt khác, không phải đường nào có sẵn cũng phù hợp với yêu cầu của chiến dịch, nên muôn tận dụng được phải cải tạo, sửa chữa để biến đường có sẵn thành đường có khả năng phục vụ cho chiến dịch; kết hợp chuẩn bị đường cơ giới với chuẩn bị đường thô sơ sức người, đường vận tải thuỷ, đường sắt, đường hàng không. Chuẩn bị đường phải đi đôi với nâng cao chất lượng đường, bố trí cung trạm hợp lý; tổ chức bảo vệ đường và bảo đảm giao thông.

*Hai* là, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần lực lượng cả trong và ngoài quân đội; kết hợp chặt chẽ giữa

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh trong xây dựng mạng đường vận tải. Mạng đường giao thông vận tải là khâu then chốt, chi phối mọi hoạt động kinh tế, xã hội nói chung và các hoạt động quân sự nói riêng. Do đó, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần tập trung mọi nguồn lực xây dựng mạng đường vận tải bộ vươn tới mọi vùng miền của đất nước và hệ thống đường thuỷ, đường sắt, đường không, đường ống để phối hỗ trợ lẫn nhau. Khi xây dựng mạng đường phát triển giao thông, bảo đảm nhu cầu kinh tế dân sinh phải kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng, an ninh trên từng hướng tác chiến, từng địa bàn trong khu vực phòng thủ.

Để chuẩn bị cho chiến tranh BVTQ và bảo đảm giữ yếu tố bí mật, một số trực đường, các bến vượt bằng các phương tiện cầu, phà, ngầm trong thời bình phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế địa phương cần tính toán chi tiết, phù hợp với dự kiến sử dụng mạng đường phục vụ cho tác chiến, gắn liền với khu vực bố trí kho trạm hậu cần, kỹ thuật trong thế trận hậu cần. Chiến tranh xảy ra, huy động mọi mặt, tập trung cải tạo mạng đường đã có, mở thêm đường theo dự kiến trước vào các kho trạm hậu cần, kỹ thuật, các đoạn đường vòng tránh, đường nghỉ binh, lừa địch, đường dùng cho các phương tiện thô sơ, bán cơ giới bí mật tiếp cận các hướng chiến đấu và tổ chức lực lượng bảo đảm, bảo vệ giao thông.

Ba là, tổ chức tốt các mặt bảo đảm, bảo vệ mạng đường vận tải, yếu tố quan trọng bảo đảm vận chuyển an toàn, thông suốt. Trong chiến tranh BVTQ, nhiều đơn vị có nhu cầu sử dụng đường (đặc biệt là đường cơ giới) để cơ động binh khí kỹ thuật, vận chuyển vật chất, thương bệnh binh... Do vậy, Ngành Xe máy - Vận tải phải chủ động xây dựng phương án bảo đảm, bảo vệ

mạng đường vận tải phù hợp với phương án tác chiến, kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật của người chỉ huy trên từng hướng chiến dịch, từng khu vực phòng thủ. Chủ động phối hợp với lực lượng công binh tổ chức ra các lực lượng: Lực lượng cơ động sửa chữa, lực lượng cảnh giới tuần tra, lực lượng điều chỉnh giao thông; hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng phòng không bảo vệ các trọng điểm, đầu mối giao thông, cầu, phà...; các lực lượng bảo đảm thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các tình hình có liên quan, các tình huống vận tải xảy ra trong quá trình vận chuyển; phối hợp, hiệp đồng với lực lượng tác chiến trên các tuyến đường, đánh trả biệt kích, thám báo; liên hệ chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương, quần chúng nhân dân tham gia làm, sửa chữa đường; tổ chức ra các trạm, chốt giao thông. Ngoài ra, phải dự kiến được các tình huống địch đánh phá mạng đường bằng vũ khí công nghệ cao, đề xuất các biện pháp với các lực lượng có liên quan bảo đảm, bảo vệ mạng đường.

Bảo đảm mạng đường vận tải chiến dịch Điện Biên Phủ ở địa bàn rộng, địa hình chủ yếu là núi cao, rừng sâu, lại bị chia cắt bởi các dòng sông nên gấp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, ngành Vận tải quân sự đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Những bài học quý báu về bảo đảm mạng đường chiến dịch Điện Biên Phủ cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (1987), *Lịch sử Hậu cần Quân đội Nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1975), *Trận tuyển Hậu cần Điện Biên Phủ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1979), *Công tác Hậu cần Chiến dịch Điện Biên Phủ*, Hà Nội.

# VĂN PHÒNG, HỌC VIỆN HẬU CẦN 70 NĂM XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thượng tá NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Phó Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

**N**GÀY 24/5/1955, Tổng cục Hậu cần ban hành Quyết định thành lập Phòng Hành chính Quân vụ, Trường Hậu cần (tiền thân của cơ quan Văn phòng, Học viện Hậu cần hiện nay). Để lưu giữ dấu ấn ngày đầu thành lập, ngày 23/8/2016, Chính ủy Học viện Hậu cần ban hành Quyết định số 2936/QĐ-HV công nhận ngày 24/5 là Ngày truyền thống Văn phòng. Trải qua 70 năm trưởng thành và phát triển, Văn phòng đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo của Học viện Hậu cần, xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch vững mạnh, tiêu biểu, Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Quá trình hình thành và phát triển của Văn phòng luôn song hành cùng với Học viện Hậu cần; tổ chức biên chế, chức năng, nhiệm vụ thay đổi phù hợp trong từng giai đoạn, hoàn cảnh lịch sử của Quân đội, Học viện Hậu cần.

Trong giai đoạn từ năm 1955 đến năm 1974, cùng với thời gian 20 năm cả nước đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Văn phòng trải qua các mốc xây dựng và phát triển. Năm 1955 từ những ngày đầu thành lập, với tên gọi Phòng Hành chính Quân vụ; tổ chức, biên chế gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các ban: Ban Tham mưu, Ban Hành chính, Trợ lý Quân lực, nhân viên thông tin, văn thư, đánh máy. Phòng Hành chính Quân vụ có chức năng tham mưu giúp Hiệu ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường về công tác tổng hợp, hành chính và tham mưu quân sự; phục vụ sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Hiệu ủy, Ban Giám

hiệu trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện và các mặt công tác khác của Nhà trường. Nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Hành chính Quân vụ là tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, quy chế làm việc của Nhà trường; giúp Ban Giám hiệu duy trì, thực hiện mối quan hệ với cấp trên, đơn vị trong và ngoài Nhà trường. Tổ chức thực hiện công tác văn thư, bảo mật lưu trữ, bảo đảm công văn, tài liệu phục vụ các nhiệm vụ của Nhà trường. Ngày 12/2/1957, Bộ Quốc phòng thành lập Trường Cán bộ Hậu cần trên cơ sở Trường Hậu cần, theo đó Trường Hành chính Quân vụ được kiện toàn. Đến năm 1958 đổi tên thành Phòng Quản lý hành chính - Kinh tế; tổ chức, biên chế có thêm Ban Cung cấp, Ban Hành chính - Quân lực, Ban Tài vụ, Ban Quân y, Ban Quản lý doanh trại, Ban xe máy, Buồng Bảo mật và bộ phận kho, Trạm Hậu cần - Kỹ thuật. Năm 1962, giải thể Phòng Quản lý Hành chính - Kinh tế, thành lập Ban Hành chính, trực thuộc Hiệu ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường. Về cơ cấu tổ chức, Ban Hành chính gồm: Trưởng ban, các trợ lý (Hành chính, Quân lực, Tác chiến) và nhân viên Văn thư, bảo mật. Năm 1966, Ban Hành chính được kiện toàn, phát triển thành Phòng Hành chính. Mặc dù những năm đầu mới thành lập, số lượng cán bộ, nhân viên rất hạn chế, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị lạc hậu, điều kiện làm việc còn gập rát nhiều khăn, đất nước đang bị chia cắt, chiến tranh diễn ra rất ác liệt, nhưng toàn thể cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đã nêu cao tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách săn

## LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG

sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1974 đến năm 2000, qua 27 năm hoạt động, với tên gọi mới là Phòng Hành chính; tổ chức, biên chế từng bước hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ được xác định cụ thể hơn. Số lượng cán bộ, nhân viên, chiến sĩ được bổ sung, Phòng Hành chính đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, nội bộ đoàn kết, thống nhất, hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, chỉ huy Trường Sĩ quan Hậu cần, sau này là Học viện Hậu cần trong xem xét, quyết định nhiều nội dung, giải pháp quan trọng về xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật; xây dựng tổ chức lực lượng, quản lý, bồi dưỡng, điều động, sắp xếp đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, luôn là cơ quan trung tâm hiệp đồng và tổ chức các hoạt động của Học viện, soạn thảo nhiều văn bản, tài liệu, xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác giúp lãnh đạo, chỉ huy Học viện điều hành các hoạt động nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả. Công tác thanh tra, thông tin - liên lạc, văn thư, lưu trữ, hành chính hoạt động ngày càng đi vào nề nếp, góp phần quan trọng vào xây dựng Học viện Hậu cần ngày càng chính quy, mẫu mực.

Từ năm 2001 đến năm 2025, để phù hợp với sự phát triển của quân đội, Học viện Hậu cần, ngày 24/5/2001 Tổng Tham mưu trưởng ký Quyết định số: 307/QĐ-TM về việc thành lập Văn phòng Học viện Hậu cần; theo đó, tổ chức, biên chế được hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ một lần nữa được bổ sung đầy đủ hơn, cụ thể hơn, trong đó có nhiều nhiệm vụ mới. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện làm việc được cải thiện, nơi ở, làm việc và sinh hoạt khang trang hơn, đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ ở cả hai khu

vực. Ngày 16/10/2020, Tổng Tham mưu trưởng ký Quyết định số 797/QĐ-TM về việc ban hành Biểu tổ chức, biên chế Học viện Hậu cần, theo đó Văn phòng có thay đổi lớn về cơ cấu, tổ chức, biên chế, được bổ sung nhiều nhiệm vụ mới, Văn phòng trở thành một tập thể lớn mạnh, với 11 ban, bộ phận, với quân số thường xuyên dao động khoảng gần 200 đồng chí, trong đó cán bộ, nhân viên thường xuyên trên 80 đồng chí, bao gồm: Chỉ huy Văn phòng; Thanh tra Học viện; Ban Tác huấn; Ban Quân lực; Ban Tổng hợp, kế hoạch; Ban Công nghệ thông tin; Ban Thông tin; Ban Văn thư, lưu trữ; Ban Hành chính; Đại đội Vệ binh; Tổ Quân y cơ quan; Bếp ăn cơ quan khu vực 2. Đại đa số cán bộ, nhân viên Văn phòng được đào tạo cơ bản, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ, năng lực chuyên môn, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đến nay, đội ngũ cán bộ, nhân viên có trên 45% trình độ từ đại học trở lên, riêng cán bộ hiện nay 100% trình độ ĐH, gần 50% sau đại học. Đảng bộ Văn phòng nhiều năm đạt trong sạch, vững mạnh, các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ hoạt động tích cực, hiệu quả, góp phần động viên cán bộ, nhân viên, chiến sĩ Văn phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong những năm qua, Văn phòng đã tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện nhiều chủ trương, biện pháp sáng tạo, kiên quyết, có tính đột phá góp phần làm chuyển biến tiến bộ cả trong nhận thức và hành động của cán bộ, học viên, nhân viên, chiến sĩ về xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật. Luôn nắm chắc Biểu tổ chức, biên chế; chủ động tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện trong đào tạo, bồi dưỡng, điều động và thực hiện các chế độ, chính sách cho các đối tượng thuộc diện quân lực quản lý. Đã quản lý vận hành bảo đảm an toàn, an

ninh hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ cho chỉ huy quản lý, huấn luyện, cải cách hành chính và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Học viện. Đặc biệt, Văn phòng đã có nhiều chủ trương trong việc nâng cao chất lượng tổng hợp và phục vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của lãnh đạo, chỉ huy Học viện.

Công tác đối ngoại quân sự đã chủ động tham mưu cho Học viện duy trì tốt mối quan hệ với các cơ quan trong, ngoài quân đội và bạn bè quốc tế, góp phần quảng bá, nâng cao uy tín, vị thế Học viện Hậu cần. Thực hiện công tác cải cách hành chính đúng chương trình, kế hoạch của Bộ Quốc phòng. Công tác phục vụ ngày càng đi vào chuyên nghiệp, chu đáo trên các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng. Tổ chức tốt các hoạt động ngày lễ, hội nghị và sự kiện lớn của Học viện, tạo được tình cảm tốt đẹp của cơ quan cấp trên, đặc biệt là các đoàn khách đến thăm, làm việc và giao lưu tại Học viện. Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, duy trì cảnh quan môi trường Học viện thường xuyên sáng, xanh, sạch, đẹp. Bên cạnh đó, Văn phòng luôn coi trọng việc bồi dưỡng, xây dựng cho cán bộ, nhân viên có phương pháp, tác phong làm việc chững chạc, khoa học, hiệu quả; tinh thần, thái độ làm việc tận tụy, nghiêm túc; từng bước khắc phục triệt để khâu yếu, mặt yếu, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Với sự đoàn kết, cố gắng, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt và xuất sắc nhiều nhiệm vụ, Văn phòng đã được thủ trưởng Học viện, thủ trưởng Bộ Quốc phòng ghi nhận và tặng nhiều phần thưởng xứng đáng. Những thành tích đó tuy còn khiêm tốn nhưng đã ghi nhận sự cố gắng, trưởng thành của Văn phòng trong suốt 70 năm qua. Nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, Học viện tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh,

Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”; hướng tới xây dựng nhà trường thông minh; tiếp tục đột phá tạo sự chuyển biến về nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; nghiên cứu khoa học và xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật, cải cách hành chính. Những mục tiêu đó đặt ra cho Học viện nói chung và Văn phòng nói riêng khối lượng công việc rất lớn, đòi hỏi Văn phòng phải tiếp tục đổi mới; đột phá tạo chuyển biến mạnh mẽ, theo hướng thực chất, hiệu quả hơn nữa; nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp; công tác phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả.

Để hoàn thành tốt chức năng tham mưu về công tác tổng hợp, hành chính và tham mưu quân sự trong Học viện, thời gian tới Văn phòng cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

*Một là*, nâng cao năng lực tham mưu cho chỉ huy Học viện trong xây dựng, bổ sung, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các thông tư, chỉ thị, chỉ lệnh, kế hoạch công tác quốc phòng hàng năm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu và Giám đốc Học viện. Đột phá thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện về xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật, xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện «Mẫu mực, tiêu biểu». Kiên quyết hơn nữa trong duy trì, nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật theo Điều lệnh, Điều lệ quản lý bộ đội; tăng cường kiểm tra, tuần tra duy trì nền nếp chế độ chính quy, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, Văn phòng là lực lượng chủ lực, tiên phong trong xây dựng Học viện chính quy, xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”.

*Hai là*, thường xuyên nắm chắc tình hình đơn vị, ý định của thủ trưởng Học viện, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị

## LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG

có liên quan, tổng hợp, tham mưu xây dựng các kế hoạch, chuẩn bị văn bản, tài liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ huy Học viện trong chỉ đạo, quản lý điều hành các chương trình, kế hoạch đã xác định. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng thực chất hơn, hiệu quả hơn. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ nhận thức đầy đủ hơn về cải cách hành chính, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quân sự và quan hệ quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín, vị thế Học viện Hậu cần.

Ba là, nắm chắc tổ chức biên chế; số lượng, chất lượng đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Học viện; chủ động tham mưu cho lãnh đạo chỉ huy Học viện sử dụng, điều động, sắp xếp lực lượng phù hợp với hoạt động thực tiễn của Học viện. Tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, nhà trường thông minh, xây dựng và quản lý vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho chỉ huy, quản lý và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Học viện.

Bốn là, chủ động tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy Học viện giải quyết hiệu quả các vụ việc, đơn thư, khiếu nại... kịp thời, chặt chẽ, đúng pháp luật; duy trì tốt công tác văn thư, lưu trữ, thông tin liên lạc. Tiếp tục duy trì thực hiện việc phân loại, xử lý rác thải; củng cố khuân viên, vườn hoa, cây cảnh, tạo môi trường Học viện chính qui, sáng, xanh, sạch, đẹp.

Năm là, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; xây dựng Văn phòng đoàn kết, thống nhất; cán bộ, nhân viên, HSQ, BS có ý thức tự giác cao trong thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường bồi dưỡng, xây dựng phương pháp, tác phong làm việc khoa học, hiệu quả; tinh thần, thái độ làm việc tận tụy, nghiêm túc của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ Văn phòng; từng bước khắc phục triệt để khâu yếu, mặt yếu, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Để có sự trưởng thành, phát triển vững mạnh như ngày hôm nay, Văn phòng qua các thời kỳ luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ trong toàn Học viện và tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, hăng hái thi đua, không ngừng sáng tạo, vượt qua khó khăn. Tin tưởng rằng trong thời gian tới Văn phòng sẽ tiếp tục phát huy được bề dày truyền thống, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” xứng đáng là trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học hậu cần, tài chính quân sự có uy tín của Quân đội và cả nước♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2005), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị Học viện Hậu cần (1951 - 2004)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG VĂN PHÒNG, HỌC VIỆN HẬU CẦN (24/05/1955 - 24/05/2025)



Đồng chí Thiếu tướng Vũ Văn Nghiệp - Đảng uỷ viên, Phó Giám đốc Học viện Hậu cần chụp ảnh lưu niệm cùng các đại biểu tại Đại hội Đảng bộ Văn phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025.



Văn phòng xuất sắc giành giải Nhì trong Hội thao Quyết thắng Học viện Hậu cần năm 2012.



Văn phòng tổ chức luyện tập theo phương án A2 của Học viện Hậu cần.



Kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện tham gia giao thông là hoạt động thường xuyên của Văn phòng.



Thừa ủy quyền của Thủ trưởng Học viện, đồng chí Thượng tá, TS. Nguyễn Thành Trung - Phó Chánh Văn phòng (nay là Chánh Văn phòng) dự Lễ khánh thành "ngôi nhà 100 đồng" tặng gia đình quân nhân Trịnh Viết Sơn (tại xã Ninh Khang, Hoa Lư, Ninh Bình). (10/2024).



Đồng chí Thiếu tướng PGS, TS. Lê Thành Long - Uỷ viên Ban Thường vụ, Phó Chính ủy Học viện chúc mừng đồng chí Thượng tá Nguyễn Xuân Trường - Bí thư Đảng uỷ, Phó Chánh Văn phòng và đồng chí Thượng tá, TS. Nguyễn Thành Trung - Phó Bí thư Đảng uỷ, Chánh Văn phòng (11/4/2025).

Ảnh: Thanh Tuyền



Trụ sở chính: Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội - Cơ sở 2: Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội  
www.hocvienhauucan.edu.vn - 069.577.681 - facehauk.aom/heh.hvhc

Học viện Hậu cần là cơ sở đào tạo cán bộ, sĩ quan hậu cần - kỹ thuật, tài chính có trình độ đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực cho Quân đội, thực hiện đối ngoại quốc phòng. Trải qua hơn 70 năm xây dựng, phát triển, Học viện đã trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hậu cần-kỹ thuật, tài chính quân sự có uy tín hàng đầu của Quân đội. Với đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm, trình độ cao, tâm huyết, trách nhiệm, Học viện Hậu cần đã và đang đào tạo đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật, tài chính chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm 2025, Học viện Hậu cần được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ đào tạo các bậc học cả quân sự, dân sự. Cụ thể một số bậc học:

HỆ ĐÀO TẠO QUÂN SỰ						HỆ ĐÀO TẠO DÂN SỰ			
Đào tạo 06 chuyên ngành, với 02 nhóm bằng tốt nghiệp	Phân bổ theo giới tính và hộ khẩu thường trú	Điểm chuẩn			Chi tiêu năm 2025	Trình độ	Chuyên ngành	Chi tiêu năm 2025	
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024					
• Bằng cử nhân phân đội: - Chỉ huy tham mưu Hậu cần - Quản nhu - Chỉ huy vận tải - Xăng dầu - Tài chính • Bằng kỹ sư: Doanh trại-Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Thí sinh nam	Tiến sĩ					Tài chính-Ngân hàng	10	
		Phía Bắc	26.10	24.68	26.22	54	Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng	50
		Phía Nam	25.40	21.70	25.29	36	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	100
		Thí sinh nữ					Kế toán	200	
		Phía Bắc	Không tuyển	26.01	27.28	02	Kỹ thuật xây dựng	100	
	Phía Nam		25.60	26.62	02	Military Logistics Academy			

### ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC, TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỆ QUÂN SỰ

**Đối tượng:** Tuyển sinh trên phạm vi cả nước đối với thanh niên ngoài quân đội từ 17 đến 21 tuổi và quân nhân (kể cả quân nhân đã xuất ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân) từ 18 đến 23 tuổi (tính đến năm 2025).

**Điều kiện:** Thanh niên ngoài quân đội (kể cả quân nhân đã xuất ngũ) phải qua sơ tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện; quân nhân tại ngũ phải đăng ký sơ tuyển tại cơ quan Tuyển sinh cấp trung đoàn và tương đương.

**Phương thức, tổ hợp xét tuyển:** Học viện Hậu cần đăng tải trên Website khi có hướng dẫn của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

### ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỆ DÂN SỰ

**Đối tượng:** Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

**Phương thức, tổ hợp xét tuyển:** Học viện Hậu cần đăng tải trên Website khi có hướng dẫn của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Mã QR thông tin tuyển sinh của Học viện Hậu cần:

